



Một Ngày Lẽ Lớn Của Mai Sau

Nguyễn Gia Kiểng

Một Ngày Lễ Lớn Của Mai Sau

(Tuyển tập Nguyễn Gia Kiểng)

1. [Vượt lên trên ngày 30 tháng 4 \(Thông Luận số 5, tháng 5-1988\)](#)
2. [Đóng góp vào một chiến lược cho đối lập \(Thông Luận số 27, tháng 5-1990\)](#)
3. [Để đóng góp cho thắng lợi của dân chủ \(Thông Luận số 38, tháng 5 - 1991\)](#)
4. [Một cách nhìn cuộc chiến \(Thông Luận số 82, tháng 5-1995\)](#)
5. [Vài suy nghĩ về cộng đồng người Việt hải ngoại \(Thông Luận 104, tháng 5-1997\)](#)
6. [Một suy nghĩ về ngày 30 tháng 4 \(Thông Luận 115, tháng 5-1998\)](#)
7. [Vết thương ngày 30 tháng 4 \(Thông Luận số 126, tháng 5-1999\)](#)
8. [Hai mươi lăm năm sau ngày 30-4-1975: Đừng để lịch sử lặp lại \(Thông Luận 137, tháng 5-2000\)](#)
9. [Một cuộc chuyển hoá không thể được \(Thông Luận số 148, tháng 5-2001\)](#)
10. [Nhân kỷ niệm ngày 30-4-1975: Vẫn một bài học \(Thông Luận 159 tháng 5-2002\)](#)
11. [Nhìn lại chiến thắng cộng sản ngày 30-4-1975 \(Thông Luận số 180, tháng 4-2004\)](#)
12. [Cuộc chiến đấu thực sự \(17/05/2005\)](#)
13. [Hãy xứng đáng với một tương lai khác! \(Thông Luận 203\)](#)
14. [Nhìn lại một thử nghiệm thất bại \(Thông Luận số 181, tháng 5-2004\)](#)
15. [Một bài học từ biến cố 30-4-1975 \(ngày 14/05/2008\)](#)
16. [Vài điều cần được nói rõ \(30/4/2014\)](#)
17. [Biến cố 30/4/1975 : nhớ lại và suy ngẫm \(tháng 4/2016\)](#)
18. [30/4/1975, ngày quốc hận ? Ai thắng, ai bại, vì sao ? \(tháng 4/2017\)](#)
19. [Mậu Thân 1968, giải mã một nghịch lý lịch sử \(15/02/2018, Giao thừa Mậu Tuất\)](#)

Lời nói đầu

Gần nửa thế kỉ đã trôi qua kể từ ngày 30-4-1975, những ký ức của cuộc chiến đã dần lùi sâu vào quá khứ. Phần lớn người Việt Nam hiện nay đều được sinh ra sau ngày này, với họ cuộc chiến tranh này cũng mất đi những liên hệ, dần trở thành một biến cố lịch sử như bao biến cố lịch sử khác của dân tộc. Chúng ta là sản phẩm của lịch sử chính vì thế mà sẽ thật sai lầm nếu cho rằng chúng ta cho rằng mình không còn bị ảnh hưởng gì bởi cuộc nội chiến tàn khốc này. Đây là thời điểm thích hợp để chúng ta có thể bỏ qua những xúc động để nhường chỗ cho lý trí khi nhìn nhận lại một biến cố lịch sử của dân tộc.

Vậy sau 43 năm, di sản của cuộc chiến còn lại những gì?

Sự kiện 30-4-1975, đã là một dấu mốc khép lại và mở ra vô số những thảm kịch khác nhau, gây ra những đổ vỡ, hận thù và chia rẽ... Dấu sao nó cũng đã kết thúc chuỗi dài những ngày tháng huynh đệ tương tàn trong một cuộc nội chiến. Không có một cuộc nội chiến nào là tốt cả. Việt Nam đã có sự thống nhất về mặt hành chính. Và ngày nay chúng ta chỉ còn một cuộc chiến duy nhất nhưng cũng là cuộc chiến xứng đáng nhất: Cuộc chiến giành lại tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Cuộc chiến để chúng ta vĩnh viễn khước từ văn hóa nô lệ tiến tới xã hội của những con người tự do.

Đảng Cộng Sản đã cai trị đất nước như một lực lượng chiếm đóng. Nó đã thất bại trên tất cả mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt. Trước những thời cơ và vận hội của đất nước, nó đã chỉ chứng tỏ ưu tư giữ độc quyền cai trị cho mình dù với bất cứ giá nào phải trả cho đất nước, cho nhân dân Việt Nam. Nó duy trì quyền lực bằng bạo lực và đàn áp, liên tục bỏ tù những người yêu nước vô tội, và cũng là vật cản lớn nhất của đất nước trên hành trình chinh phục tương lai. Cũng vì nó chần ngang con đường tiến tới của dân tộc nên nó sẽ bị lịch sử đào thải. Và càng bị đào thải nhanh hơn trong thời đại toàn cầu hoá như ngày nay khi người dân không còn lệ thuộc và cũng không còn sợ chính quyền nữa. Thời điểm cáo chung của chế độ đang tới ngày một gần.

Một di sản nặng nề không kém của cuộc chiến này để lại là sự đổ vỡ của tinh thần dân tộc. Người dân 2 bên chiến tuyến đã được rèn luyện để thù ghét nhau, giết hại lẫn nhau... Tinh thần dân tộc chúng ta bị suy sụp toàn diện sau cuộc chiến tàn khốc này. Chính vì thế mà chế độ cộng sản vẫn tồn tại tới nay dù đã phạm phải vô số sai lầm và tội ác, làm đất nước bị tụt hậu về mọi mặt. Thế nên hoà giải và hoà hợp dân tộc là một nhu cầu cấp bách của dân tộc ta. Hoà giải và hoà hợp để có sức mạnh đánh bại chế độ gian trá này, hoà giải và hoà hợp để có thể đồng hành cùng nhau trên hành trình chinh phục tương lai. Mọi người Việt Nam đang dần đạt được đồng thuận về vấn đề này, chúng ta lạc quan về một ý thức dân tộc mới sẽ mạnh lên và gắn kết mọi người Việt Nam lại với nhau sau khi đất nước vượt qua thử thách cam go trước mặt.

Ngày hôm nay chúng ta đang dần có thể mừng tượng ra một ngày 30-4 khi đất nước đã có dân chủ...

“... Đó sẽ là ngày nghỉ, với mọi tiếng động đột nhiên lắng xuống, rồi một buổi lễ được cử hành tại Côn Đảo, nơi một tượng đài được dựng lên tưởng niệm những người đã bỏ mình trên đường vượt biển. Chúng ta sẽ thắp hương và đặt hoa trên mộ các tử sĩ và nạn nhân của mọi bên. Đó sẽ là ngày Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc...”

Đó là ngày người Việt Nam sẽ nhìn nhau như là anh em, là đồng bào bất chấp sự khác biệt về tôn giáo, sắc tộc, vùng miền, giai cấp hay quan điểm chính trị. Chúng ta nắm tay nhau để cùng xây dựng nên một tương lai mới cho đại gia đình của chúng ta - đại gia đình Việt Nam.

Vượt lên trên ngày 30 tháng 4 (Thông Luận số 5, tháng 5-1988)

Sài Gòn 31-3-1975, trên chiếc xe đưa tôi về bộ. Tôi im lặng và ông tài xế cũng im lặng. Một lúc sau ông nói một cách như xa vắng: "Đà Nẵng mất rồi". Tôi cũng vẫn im lặng. Ông tài xế nói tiếp: "Các ông phải làm gì chứ nếu không thì hỏng hết rồi!". Câu nói của ông như một nhát dao cắt vào ruột tôi. Tôi biết làm gì bây giờ. Tôi cũng đang còn chờ sự sụp đổ của miền Nam như ông.

Câu nói cuối cùng của ông tài xế ngày hôm nay tôi cũng còn nghe rất rõ. Nó vẫn đọng trong tai tôi, bởi vì nó tóm gọn cả một giai đoạn lịch sử và một thảm kịch của dân tộc này. Ông tài xế có một người con trai tử trận trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông là một công chức thâm niên. Ông là một người đại diện rất tiêu biểu cho những người dân thuộc phe quốc gia. Ông chưa bao giờ được hưởng một vinh quang nào, một đặc lợi nào. Nhưng ông đã chấp nhận tất cả. Đã nhịn nhục, đã chịu đựng và đã đặt tin tưởng vào các ông lớn để ngăn chặn không cho cộng sản thôn tính miền Nam. Tôi không biết lý do gì khiến ông chống cộng. Có lẽ ông thuộc nề nếp nho giáo, hay vì ông có cảm tình với một người chống cộng nào đó, hay vì ông ghét một người cộng sản nào đó, hay trong gia đình ông có người đã là nạn nhân cộng sản. Hay chỉ vì lý do giản dị là ông sinh sống ở vùng quốc gia. Nhưng ông chống cộng thực sự và ông đã chấp nhận trả cái giá rất đắt cho sự chọn lựa chính trị đó: một đời sống tăm tối nghèo khổ và một đứa con tử trận.

Nhưng bây giờ đất nước sắp rơi vào tay cộng sản. Những chịu đựng và hy sinh của ông đã trở thành vô ích. Các ông lớn đã phản bội ông. Đối với ông tài xế tôi cũng là một ông lớn, dù là trên thực tế tôi chẳng lớn chút nào. Tôi hổ thẹn như một tên lưu manh bị lật tẩy, như một kẻ quịt nợ. Tôi thương hại cho thể hệ của tôi và cho chính bản thân tôi. Trong số những người ở lứa tuổi 30 chúng tôi có một vài phần tử may mắn đã lên được tới những địa vị tạm gọi là cao nhưng sự thực chưa ai đạt tới một địa vị quyết định để có thể thay đổi được tình thế. Ngay cái địa vị hiện nay, chúng tôi cũng chỉ đã đến vừa đúng lúc để nhận phần hổ nhục, bởi vì dầu sao chúng tôi cũng đã thuộc vào vai cấp lãnh đạo và sự sụp đổ của miền Nam trước hết là do sự phản bội của những người lãnh đạo. Một sự phản bội liên tục từ lâu chứ không phải chỉ bắt đầu với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Thực ra, phe chống cộng không có lãnh đạo mà cũng không có cả một nhân sự chính trị.

Nhân sự chính trị là yếu tố trọng tâm của mọi dân tộc. Nó là hiện thân của chủ quyền quốc gia. Nó là di sản của lịch sử. Nó không thể tự nhiên mà có. Sự hình thành của một giai cấp chính trị chỉ có thể là kết quả của nhiều cố gắng liên tục qua nhiều thế hệ. Nhưng từ một thế kỷ nay chúng ta không có nhân sự chính trị.

Trước đây ta có giai cấp sĩ. Đó dĩ nhiên không phải là giai cấp chính trị đáp ứng mọi tiêu chuẩn cần có của một giai cấp chính trị của thời đại này, nhưng cũng đã đủ cho tới hết nửa đầu thế kỷ 19. Từ nửa sau thế kỷ 19, một thách đố mới xuất hiện. Thách đố này là sự va động với nền văn minh tây phương. Nó đặt lại tất cả mọi vấn đề. Nó đòi hỏi phải thay đổi tất cả, nó đảo lộn tất cả. Nó quan trọng và khó khăn hơn tất cả mọi cuộc thách đố khác mà dân tộc ta đã từng gặp trong quá trình dựng nước và giữ nước. Lúc đó lại chính là lúc chúng ta chưa phục hồi sau hơn 200 năm nội chiến khốc liệt, kế tiếp là những cuộc trả thù báo oán của Gia Long, rồi cuộc ly khai của Lê Văn Duyệt, rồi những vụ giết hại công thần, những thanh toán trong gia tộc nhà Nguyễn, những vụ cấm đạo và giết giáo dân. Chúng ta đã không đủ sức khỏe tinh thần và thân xác để đương đầu với thách đố đó. Chúng ta đã thất bại và mất nước.

Giai cấp sĩ đã thất bại và tệ hơn nữa đã từ nhiệm. Nguyễn Khuyến, người đại diện tiêu biểu nhất của giai cấp sĩ, người đã đậu thủ khoa cả ba kỳ thi lớn và đã có một nhân cách được cả nước kính phục, bỏ về quê làm ruộng. Cùng lúc ấy cô Tư Hồng, một cô gái giang hồ lấy viên thiếu tá quân trấn người Pháp tại Hà Nội và trở thành một mệnh phụ phu nhân kiểu mới. Một giai cấp đã rút lui nhường chỗ cho một giai cấp khác.

Cuộc đô hộ của người Pháp đã kéo dài quá lâu. Con cháu Nguyễn Khuyến mai một đi và tiêu hóa vào quần chúng. Giai cấp sĩ tan rã. Trong khi đó đám con cháu của cô tư Hồng đã tiến lên, đã trở thành giàu có và bề thế, đã đi học, đã đậu cử nhân, tiến sĩ, luật sư, kỹ sư.v.v. Họ đã trở thành một giai cấp thượng lưu mới. Nhưng lớp thượng lưu mới này không phải là một nhân sự chính trị mà chỉ là một công cụ của guồng máy thuộc địa. Họ chỉ là trung gian tiếp tay cho sự thống trị của người Pháp. Họ đứng trong hàng ngũ chống đối với cuộc đấu tranh giành lại chủ quyền dân tộc. Trong đại bộ phận họ là những người đã từ bỏ hoặc phản bội dân tộc.

Nói tóm lại chúng ta không còn giai cấp sĩ và không có một nhân sự chính trị kể từ khi ta mất chủ quyền.

Dĩ nhiên là chúng ta vẫn còn những kẻ sĩ, vẫn còn những con người bất khuất dám liều chết cho nền độc lập dân tộc. Nhưng đó chỉ là những cá nhân chứ không phải là một giai cấp chính trị. Đó là một bất hạnh rất lớn cho chúng ta bởi vì một quốc gia không thể không có một nhân sự chính trị.

Một bất hạnh khác cũng to lớn không kém là chúng ta thiếu hẳn một tư tưởng riêng của dân tộc. Chúng ta không có những triết gia và những nhà tư tưởng. Trong suốt dòng lịch sử trừ một vài trường hợp ngoại lệ như Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, chúng ta đã không chịu đầu tư vào một việc mà bất cứ một dân tộc lớn nào cũng phải làm là tạo cho mình một hệ thống tư tưởng riêng. Về mặt tư tưởng chúng ta đã chỉ luôn luôn rập khuôn theo Trung Hoa và đi sau Trung Hoa một bước. Sang đến thế kỷ 20, một danh sĩ uy tín như Huỳnh Thúc Kháng vẫn còn cho rằng: "*Đạo lý là đạo lý Khổng Mạnh*"!

Cuộc đấu tranh chống Pháp giành độc lập của ta đã diễn ra trong cái bối cảnh tồi tệ ấy. Thoạt đầu là đám sĩ phu Cần Vương, Văn Thân hoàn toàn lỗi thời, rồi đến lớp thanh niên vừa tới tuổi trưởng thành như Phạm Hồng Thái, Nguyễn Thái Học, v.v... Tất cả chỉ nói lên được tinh thần bất khuất của dân tộc ta chứ không đạt được một tầm vóc quy mô nào. Tất cả chỉ tố cáo sự yếu nhược của chúng ta: không có người lãnh đạo mà cũng không có tư tưởng chỉ đạo.

Chính trong hoàn cảnh đó mà chủ nghĩa cộng sản đã được du nhập vào nước ta. Nó đã gặp một hoàn cảnh vô cùng thuận lợi. Ít ra nó đem đến một tư tưởng mới. Dù tư tưởng đó hay hay dở nhưng đã có một tư tưởng chỉ đạo.

Một điều cần phải nhận định ngay là những người lãnh đạo phong trào cộng sản cũng không phải là một giai cấp chính trị mới của dân tộc. Họ cũng ở trong một hoàn cảnh, trên lý thuyết, tương tự như đám quan lại trong chính quyền thuộc địa Pháp. Họ cũng chỉ là trung gian của phong trào cộng sản quốc tế như những người kia là trung gian cho chế độ thuộc địa pháp.

Hồ Chí Minh đã về Việt Nam không phải với tư cách một nhà cách mạng Việt Nam mà với tư cách một người được sự uỷ quyền của đệ tam quốc tế.

Chỉ có điều khác biệt là phong trào cộng sản quốc tế lúc đó đứng về phía các dân tộc bị áp bức và do đó trên thực tế người cộng sản gần với dân tộc Việt Nam hơn là những người làm quan cho Pháp. Sự khác biệt này đã khiến đảng cộng sản ở trong một địa vị hơn hẳn so với những người chống đối họ trong các chính quyền quốc gia sau này.

Mặt khác, vì là thành phần của phong trào cộng sản quốc tế nên không những họ được sự hỗ trợ của cả một liên minh quốc tế mà còn thừa hưởng được những kinh nghiệm đấu tranh rất quý báu. Do đó đảng cộng sản Việt Nam so với các đảng cách mạng thuộc phe quốc gia đã tranh đấu có kỹ thuật hơn, có phương pháp hơn, có đường lối hơn, nói chung là có hiệu năng cao hơn.

Một thí dụ là họ đã biết sử dụng tối đa giai đoạn dễ dãi khi Mặt Trận Nhân Dân [Front Populaire] lên cầm quyền tại Pháp để phối hợp hoạt động tuyên truyền quần chúng công khai với hoạt động xây dựng tổ chức bí mật và đã bành trướng được ảnh hưởng một cách mạnh mẽ. Trong khi đó phe quốc gia từ sau thất bại 1929 đã hoàn toàn rút vào vòng bí mật và chỉ còn vài hoạt động khủng bố lẻ tẻ. Các lãnh tụ phần lớn đã trốn ra nước ngoài, số còn lại thì chỉ lo làm sao thoát được màng lưới mật thám của Pháp. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu cán cân lực lượng đã lệch hẳn về phía người cộng sản.

Một biến cố khác đã có tác dụng làm cho sự thắng thế của đảng cộng sản trở thành tuyệt đối là nạn đói năm 1945. Đảng cộng sản đã lợi dụng được thảm kịch này bởi vì quần chúng sau khi hơn một triệu người chết đói vào tháng ba năm Ất Dậu đã trở thành vô cùng nhạy cảm trước những tiếng gọi vô sản chuyên chính, đấu tranh giai cấp, xóa bỏ giàu nghèo, v.v.

Nói tóm lại, vừa có hỗ trợ quốc tế vừa có đường lối rõ rệt, vừa làm việc có phương pháp có kỹ thuật, lại gặp thời cơ thuận lợi nên đảng cộng sản đã nắm được thời cơ năm 1945 sau khi Nhật đầu hàng. Năm 1946, khi các lãnh tụ nòng cốt của phe quốc gia bỏ trốn sang Trung Hoa, lực lượng của phe quốc gia kể như đã bị xóa bỏ. Những phần tử quốc gia còn lại trong nước phần thì ngã theo đảng cộng sản, phần thì bị thủ tiêu, phần thì bỏ cuộc, hòa nhập vào dân chúng. Phe quốc gia không còn nữa.

Người ta đã nói nhiều về Chính Phủ Liên Hiệp Quốc-Cộng năm 1946.

Nhiều người đã kết luận rằng bài học đó cho ta thấy hễ liên hiệp với cộng sản là chết. Sự thực phức tạp hơn nhiều. Khi một người bị cảm sốt thì không phải lỗi tại cái hàn thử biểu. Tại khắp vùng Đông Nam Á, trong các cuộc cạnh tranh và đụng chạm giữa phe quốc gia và phe cộng sản, có những lúc họ hợp tác với nhau và cũng có những lúc họ chống đối nhau, nhưng ở đâu phe cộng sản cũng thất bại, trừ ở Việt Nam. Sự thất bại của phe quốc gia và sự thắng lợi của phe cộng sản ở Việt Nam là một ngoại lệ chứ không phải là một thông lệ. Sự kiện đó là do ở hai nguyên nhân mà ta vừa phân tích. Đó là sự thiếu vắng của một nhân sự chính trị và sự thiếu vắng của một đồng thuận quốc gia.

Các đảng quốc gia đã là nạn nhân của hai sự thiếu vắng đó. Còn đảng cộng sản thì khác. Họ chỉ là một thành phần của đảng cộng sản quốc tế nên sự thiếu vắng một nhân sự chính trị thuần túy dân tộc không những không có hại mà còn có lợi cho họ. Họ đã có chủ nghĩa vô sản quốc tế nên sự thiếu vắng của một tư tưởng dân tộc không những không có hại mà còn có lợi cho họ. Trái lại khi người ta tranh đấu trên lập trường thuần túy dân tộc thì hai yếu tố đó không có không được. Đó là tất cả vấn đề.

Một sự lẫn lộn danh từ đã đưa đến sự đồng hóa phe quốc gia với các chính quyền kế tiếp được Pháp và Mỹ đỡ đầu sau này. Sự thực thì các lực lượng quốc gia đã tan rã từ năm 1946 và không có liên hệ gì với các chính phủ Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, v.v... Khi Bảo Đại được người Pháp đem về đứng đầu chính quyền do họ thành lập để làm công cụ chống đối lại mặt trận Việt Minh, một guồng máy nhà nước được thành lập lấy tên là Quốc Gia Việt Nam. Chữ "*quốc gia*" ở đây, dịch từ chữ "*état*" của tiếng Pháp hay "*state*" của tiếng Anh, có nghĩa là một nước không có đầy đủ chủ quyền, khác với một nước cộng hòa chẳng hạn, chứ không có nghĩa là "*lấy đất nước và dân tộc làm trọng*" đối chọi với chủ nghĩa vô sản quốc tế. Những người lãnh đạo Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại này hoàn toàn không liên hệ gì với những lực lượng quốc gia trước đây. Có một vài nhân vật thuộc các lực lượng cách mạng của phe quốc gia đã tham gia với chính quyền Bảo Đại, nhưng đó chỉ là những chọn lựa cá nhân mà thôi. Trong đại bộ phận guồng máy nhà nước của Quốc Gia Việt Nam là những tri phủ, tri huyện, đốc phủ sứ, thông phán của guồng máy thực dân cũ. Họ là những người đã đứng về phía ngoại nhân, chống đối lại cuộc tranh đấu giành chủ quyền dân tộc, những người mà ta có thể xem như những đứa cháu nội, cháu ngoại của cô Tư Hồng.

Sự khác biệt này rất quan trọng nhưng cho tới nay ít người nhấn mạnh.

Cho nên cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954) không phải là một cuộc đấu tranh quốc - cộng mà chỉ là một cuộc tranh chấp giữa người cộng sản Việt Nam và những người Việt Nam theo Pháp. Trong cả hai hàng ngũ, đều có những người Việt Nam thực sự yêu nước nhưng nói chung ý nghĩa của cuộc tranh chấp là như vậy. Và nói chung chính nghĩa thuộc về phe cộng sản nhiều hơn.

Năm 1954, Ngô Đình Diệm về nước và Quốc Gia Việt Nam trở thành nước Việt Nam Cộng Hòa. Đó đã có thể là một tập hợp dân tộc mới mang một ý nghĩa mới. Nhưng sự thực đã không phải như vậy.

Ngô Đình Diệm cũng không phải là một người của đấu tranh giành độc lập dân tộc, trái lại không ít thì nhiều ông cũng đã tiếp tay đàn áp cuộc đấu tranh này. Ông Diệm cũng không phải là một mẫu người hào kiệt theo truyền thống Việt Nam. Ông học hành tầm thường và cũng không tỏ ra có một thành tích cá nhân nào đáng kể. Ông dựa vào bề thế của thân phụ, đi học trường dành cho con quan rồi ra làm quan ngay từ tuổi niên thiếu. Vì thế Ngô Đình Diệm không có tư cách để làm hình tượng của một đất nước Việt Nam vừa tái sinh. Ông Diệm trên thực tế cũng chỉ là trung gian, mặc dầu là một trung gian có bề thế hơn và có tư cách hơn những người trung gian trước ông, để thi hành chính sách của Mỹ tại Việt Nam. Khi ông Diệm không còn phù hợp với yêu cầu của người Mỹ, họ đã giết ông.

Ông Diệm chết, một đám tướng tá đã từng là công cụ của Pháp và giờ đây đang là công cụ của Mỹ lên thay thế để tiếp tục vai trò trung gian của những kẻ không bao giờ đặt vấn đề chủ quyền dân tộc.

Với Nguyễn Cao Kỳ, rồi Nguyễn Văn Thiệu miền Nam đã có thể có một hy vọng khác. Thời gian đã trôi qua và những con người cũng đã thay đổi. Thiệu cũng như Kỳ xuất phát từ quần chúng. Họ đã có thể là hạt nhân cho một sự đổi mới nhất là khi sự hiện diện của một lớp người mới, xuất phát từ quần chúng, trong guồng máy chính quyền miền Nam càng ngày càng đông đảo. Nhưng họ quá tầm thường và đã chọn con đường tiếp tục sự nghiệp của những đứa cháu nội, cháu ngoại của cô Tư Hồng thay vì tiếp tục sự nghiệp dựng nước và giữ nước từ ngàn năm trước của ông cha. Miền Nam đã có một hiến pháp dân chủ xứng đáng được sự tán đồng của các dân tộc tiến bộ, nhưng Nguyễn Văn Thiệu bằng trò hề độc diễn năm 1971 đã biến nó thành một mớ giấy lộn. Thiệu đã làm nản lòng những người có thiện chí và làm tê liệt mọi sinh lực quốc gia, gây sự khinh bỉ đối với chế độ trên khắp thế giới và nhất là tại Hoa Kỳ, quốc gia đỡ đầu cho Việt Nam Cộng Hòa.

Kể từ năm 1968 trở đi bất cứ một chính phủ Hoa Kỳ nào cũng chỉ có thể có một chính sách duy nhất là tìm cách rút khỏi Việt Nam bằng cách này hay cách khác. Có thể nếu không có vụ Watergate và Nixon không bị buộc phải từ chức thì sự thất bại của miền Nam sẽ khác. Nhưng sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa là điều không tránh khỏi.

Hình ảnh vẫn còn rõ rệt trong đầu óc tôi trong những ngày cuối cùng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa là một kỷ lục ghê gớm: một bé gái 12 tuổi cõng đứa em 3 tuổi trên lưng chạy bộ gần 200 cây số đường rừng từ Pleiku tới Nha Trang giữa bom đạn và cướp bóc. Em bé đó xứng đáng được dân tộc này tạc tượng để làm chứng cho can đảm và tình yêu. Em bé đó giờ đây ra sao? Có thể đã trở thành một người mẹ. Đứa em trai có thể đang làm nghĩa vụ quân sự tại Kampuchia. Tôi ao ước họ sẽ có hạnh phúc, nhưng tôi tin rằng họ đang khổ, và rất khổ.

Ngày 30-4-1975, đoàn quân chiến thắng của cộng sản tiến vào Sài Gòn trong một niềm hân hoan không tả nổi. Sự vinh quang của họ chỉ có thể so sánh được với sự hổ nhục của chúng tôi.

Sự thất bại của Việt Nam Cộng Hòa là một điều nằm trong cái lô gích của lịch sử. Cái gì xảy ra năm 1975 đã chỉ là hậu quả tất yếu của những gì đã xảy ra năm 1946, và cái gì xảy ra năm 1946 đã chỉ là hậu quả của những gì đã xảy ra trước đó. Tất cả qui vào hai nguyên nhân: đất nước chúng ta thiếu một nhân sự chính trị và một cơ sở tư tưởng. Phần còn lại chỉ là chi tiết.

Chính thể Việt Nam Cộng Hòa đã chết. Nhưng khi đất nước thống nhất người ta đã khám phá ra rằng chế độ Cộng sản tại miền Bắc còn tồi tàn hơn nhiều. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã là một chế độ cực kỳ thối nát và đã xứng đáng với cái chết ô nhục của nó. Nhưng ít ra nó đã chứng minh một điều: một chế độ tự do dù tồi tệ tới đâu vẫn còn hơn một chế độ cộng sản.

Vài năm sau, khi tôi ra khỏi vòng lao lý tôi đã khóc rất lâu bên nấm mồ đứa con duy nhất của tôi chết trong lúc tôi ở tù. Con tôi được bốn tháng lúc tôi và vợ tôi bị bắt. Chế độ biết chúng tôi có một con thơ nhưng vẫn giam giữ cả tôi lẫn vợ tôi. Đó chỉ là một chi tiết. Và chế độ cộng sản không quan tâm đến những chi tiết. Bỗng nhiên tôi tự hỏi tại sao tôi lại khóc lâu như vậy và tôi hiểu rằng tôi sẽ khóc cho đứa bé này ngay cả nếu nó không phải là con tôi. Tôi khóc cho một đứa con duy nhất xinh đẹp của một kỹ sư và một bác sĩ. Một đứa bé mà cuộc đời đã hứa cho tất cả, nhưng cuối cùng đã chết như một đứa con mồ côi cả cha lẫn mẹ và đã được chôn cất sơ sài trong cái nghĩa trang tồi tệ này.

Tôi tự hỏi cái gì đã xảy ra? Tại sao tôi lại phải vào tù, tại sao vợ tôi lại phải vào tù? Tại sao các bạn bè tôi lại có người được trả tự do, có người vẫn còn bị giam giữ và tại sao đất nước này bỗng dưng trở thành tiêu điều như ngày hôm nay? Tại sao những người cầm quyền lại dốt nát và đần độn trong khi những người tinh khôn và có kiến thức lại bị gạt ra ngoài lề xã hội? Cái gì đang diễn ra trong đầu óc người sĩ quan cộng sản trên chiếc xe đạp tồi tàn kia? Và tại sao ở nơi đâu trong thành phố này người ta cũng gặp những khẩu hiệu khổng lồ "*Đời Đời Nhớ Ông Chủ Tịch Hồ Chí Minh vĩ Đại*"? Tất cả như không có thực. Tất cả như một câu chuyện bịa đặt. Nhưng tất cả có thực. Bởi vì thân thể tôi còn mang những thương tích của tù đầy. Và bởi vì có ngôi mộ nhỏ bằng xi măng này trên đó tôi đang ngồi im lặng với hai dòng nước mắt tuôn tràn.

Tôi bỗng cảm thấy một sự khinh bỉ kim khí thủy tinh với những con người chỉ rút được những bài học tồi tệ từ cuộc sống của chính mình. Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Hùng, v.v. tất cả đều đã vào tù ra khám. Nhưng những con người tầm thường này đã không học được gì đáng học. Ở tù, họ đã chỉ học được cách tổ chức nhà tù. Bị hành hạ, họ đã chỉ học được kỹ thuật để hành hạ người khác.

Mười ba năm đã trôi qua kể từ ngày đất nước thống nhất dưới chế độ cộng sản. Đã có nhiều bài báo và tác phẩm rất giá trị về biến cố này. Nhưng phần đông vì nhìn quá sát biến cố nên có lẽ đã thiếu sự bao quát và không nói lên được cái lô gích của một giai đoạn lịch sử với những bài học cần rút ra.

Biến cố 30-4-1975 không phải chỉ có những khía cạnh tiêu cực.

Đất nước đã thống nhất. Dù sự thống nhất đó đã không diễn ra trong những điều kiện thoả mãn được mọi người nhưng Việt Nam cũng đã giải quyết được một vấn đề vẫn còn nhức nhối đối với Đức và Triều Tiên. Nước Việt Nam thống nhất là một quốc gia có tầm vóc và có tiềm năng phát triển quan trọng.

Chiến thắng cộng sản ít ra cũng đã giản dị hóa cục diện đất nước. Trước đây chúng ta vừa có tập đoàn chớp bu cộng sản vừa có tập đoàn tham nhũng của miền Nam, ngày nay chúng ta chỉ còn một đối thủ cần phải loại bỏ. Chúng ta không còn phải làm những chọn lựa miễn cưỡng, đau lòng.

Nó cũng đã cho chúng ta những bài học có thể rất hữu ích cho ngày mai.

Trước hết, là một kẻ đã đứng trong hàng ngũ Việt Nam Cộng Hòa và đã bại trận, tôi không thể nào quên được sự hân hoan của những kẻ chiến thắng ngày 30-04-1975 và sự hổ nhục của chính tôi lúc đó. Tôi đã hiểu bằng da bằng thịt là thà làm người lính trong một đạo quân chiến thắng còn hơn làm tướng trong một đạo quân chiến bại. Sau này nhìn cung cách của một số người tranh đấu tôi nghĩ rằng họ chưa sống hay chưa hiểu ngày 30-4-1975.

Nhưng bài học lịch sử lớn nhất mà ta phải rút ra cho cả một giai đoạn lịch sử dài và đầy đau khổ này là chúng ta không thể không có một nhân sự chính trị và một cơ sở tư tưởng lành mạnh. Chúng ta không làm được gì hết nếu thiếu hai điều kiện đó. Ngày nay nhân sự chính trị của ta rất ít ỏi, vậy thì những con người hiếm hoi đó, dù ở cương vị nào và ở đâu, phải ý thức rằng họ là một sắc tộc thiểu số cần phải nương tựa nhau để sống. Sống đối với họ có nghĩa là thực hiện sự nghiệp cứu nước và đổi dòng lịch sử đang rất bất lợi cho dân tộc. Giữa họ phải có tinh thần anh em, phải có sự kết nghĩa. Phải không gặp mà đã là bạn, phải chưa quen mà đã là chí hữu. Một cơ sở tư tưởng chung chỉ có thể là kết quả của một cuộc thảo luận bộc trực và rộng khắp, trong đó không thể có những ý kiến không được nêu ra mà cũng không thể có những đề tài cấm bàn đến.

Một bài học khác của ngày 30-4-1975 là một thắng lợi hoàn toàn cũng nguy hiểm và độc hại như một thất bại hoàn toàn. Nó làm cho kẻ chiến thắng say sưa tới độ mê sảng và mất trí. Nó che đậy những vấn đề cần phải giải quyết để rồi khi những vấn đề ấy cuối cùng xuất hiện vì không còn che dấu được nữa thì đã quá trầm trọng đến nỗi không còn giải đáp. Những người tranh đấu vì tương lai đất nước cũng phải chối từ cái mộng thắng lợi hoàn toàn như quyết tâm không chấp nhận thất bại.

Một bài học đầy ý nghĩa nữa và có lẽ đáng để cho chúng ta suy nghĩ nhất là thắng lợi chỉ có với những người xứng đáng với thắng lợi. Người cộng sản đã thắng lợi hoàn toàn năm 1975 nhưng rồi thắng lợi đã mau chóng vượt khỏi tầm tay họ. Bởi vì họ không xứng đáng với thắng lợi. Năm 1975, họ được sự ngưỡng mộ của đại đa số nhân dân Việt Nam và của cả thế giới. Chỉ vài năm sau họ trở thành đối tượng thù ghét của cả nhân dân Việt Nam và của hầu hết loài người. Trong số những người chống chính quyền cộng sản ngày hôm nay, rất nhiều người chỉ mơ ước thắng lợi mà không hề chuẩn bị để xứng đáng với thắng lợi. Phải chăng chúng ta vẫn chưa rút được bài học đang diễn ra ngay trước mắt chúng ta của những đối thủ mà chúng ta muốn đánh bại?

Biến cố 30-4-1975 và những ngày sau đó cũng đã giúp ta suy nghĩ và xác định lại lòng tin của ta ở một định luật chính trị bất di bất dịch và không chấp nhận một ngoại lệ nào. Đó là một chế độ không có chính nghĩa thì nhất định phải sụp đổ. Các vận động tâm lý chiến của các chính quyền quốc gia đã thành công phần nào trong việc làm cho dân chúng ghê sợ cộng sản nhưng nó đã có tác hại trong tâm não nhiều người. Nó làm nhiều người lý luận rằng cộng sản không phải vì có chính nghĩa mà thắng thì cũng không phải vì không có chính nghĩa mà sẽ thua. Sự thực thì trong quá khứ đảng cộng sản đã có vai trò lịch sử và do đó đã có chính nghĩa hơn hẳn những chính quyền đối diện với họ.

Ngày nay đất nước đang bị đặt trước những vấn đề mới trong đó đảng cộng sản không những không phải là giải đáp mà còn là chướng ngại. Đảng cộng sản đang chắn ngang con đường tiến tới của dân tộc, đang bơi ngược dòng thác tiến hóa. Cho nên đảng cộng sản sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát. Bởi vì bánh xe lịch sử không bao giờ thương hại những kẻ chắn đường nó.

Chế độ cộng sản sẽ sụp đổ không phải vì nó thiếu đảng viên, quân đội, công an mà vì nó thiếu người. Nó sẽ sụp đổ không phải vì nó thiếu vũ khí đạn dược mà vì nó thiếu những tấm lòng. Nó đã mất vai trò lịch sử. Nó đã mất hết chính nghĩa. Sự sụp đổ của chế độ cộng sản Việt Nam là điều không thể tránh được và không thể đảo ngược được bởi vì chế độ cộng sản đã mang cái thất bại ở ngay trong lòng.

Đến lượt những người khác, đến lượt một lực lượng dân tộc mới đứng lên cung hiến cho đất nước những giải đáp thay thế.

Chúng ta phải vươn lên trên ngày 30-4-1975 và phải đoạn tuyệt với cái lô gích của nó, phải giã từ cái tâm lý bại trận cũng như cái tâm lý đắc thắng. Chúng ta phải chấm dứt với một giai đoạn lịch sử và khởi hành vào một kỷ nguyên mới.

Làm người Việt Nam trong thế kỷ 20 đã là một điều bất hạnh thì làm người Việt Nam trong thế kỷ 21 phải là một sự may mắn, một niềm vui và một nguồn hãnh diện. Thế giới đã biết đến Việt Nam như là nạn nhân của cảnh huynh đệ tương tàn, của óc độc đoán và độc quyền lễ phải thì thế giới sẽ phải biết đến Việt Nam sau này như là vùng đất của sự bao dung, như là một mẫu mực thành công của tình anh em tìm lại, của sự xây dựng lại trên hoang tàn đổ nát.

Đó có thể là giấc mơ Việt Nam của chúng ta. Đó sẽ là di sản mà thời đại chúng ta để lại cho con cháu. Đó sẽ là dấu ấn của chúng ta trong lịch sử dân tộc cho mãi mãi sau này khi bụi thời gian đã phủ lên những đam mê và dằn vặt của những kiếp người ngắn ngủi.

Đóng góp vào một chiến lược cho đổi lập(Thông Luận số 27, tháng 5-1990)

Mười lăm năm đã trôi qua từ ngày đảng cộng sản toàn thắng và áp đặt trên cả nước nền thống trị chuyên chính vô sản.

Tình hình đã thay đổi hẳn, và hiện nay cả chính quyền cộng sản lẫn đổi lập đều đứng trước một khúc quanh chiến lược quan trọng.

Đảng cộng sản Việt Nam đang bối rối rõ rệt. Tình đoàn kết chiến đấu với Liên Xô, vẫn được xem là hòn đá tảng trong sách lược của họ, nay không còn nữa. Các chế độ cộng sản trên thế giới theo nhau sụp đổ. Tinh thần đảng viên dao động mạnh. Mâu thuẫn càng ngày càng lớn giữa một bên là sự khẳng định đổi mới và một bên là sự cương quyết không từ bỏ chuyên chính vô sản chứng tỏ rằng chính ban lãnh đạo đảng cộng sản cũng đang tự đặt cho mình nhiều câu hỏi trầm trọng. Ngôn ngữ sắt đá không giấu nổi sự hoang mang đang ngự trị bên trong.

Trong khi đó, đổi lập Việt Nam cũng chưa xác định được cho mình chiến lược cần có.

Năm 1989, báo chí phương Tây đã ngạc nhiên trước những thành quả không thể chối cãi của kinh tế Việt Nam. Lạm phát bị chặn đứng. Lương thực đã dồi dào hơn trước. Việt Nam từ chỗ bị đói trong năm 1988 đã xuất cảng gạo trong năm 1989. Điều này đặt đổi lập Việt Nam trước một tình thế khó xử. Cho tới ngày gần đây, lập luận của đổi lập vẫn là cộng sản dở về quản lý kinh tế và đổi lập là giải đáp kinh tế cho đất nước. Nhưng mười lăm năm đã qua, phe quốc gia đã bị gạt khỏi việc nước, những chuyên viên có khả năng trước đây hoặc đã già đi hoặc không còn nắm được những hồ sơ của đất nước nữa, trong khi tình hình càng ngày càng thay đổi mau chóng. Nếu không thận trọng, đổi lập Việt Nam có thể bị đánh bại ngay trên một mặt trận mà từ trước mình vẫn tự cho là đất dụng võ, tức mặt trận kinh tế.

Một chính sách kinh tế gian trá và tàn nhẫn

Nếu đổi lập Việt Nam bị thua trên mặt trận kinh tế thì quả là thua oan, nạn nhân của một sự thối nát.

Thật ra, nếu xét cho kỹ, những thành công về mặt kinh tế của năm 1989 không những chỉ là giả tạo mà còn là sự che đậy gian trá của một sự phá sản.

Chính sách kinh tế của đảng cộng sản Việt Nam có thể tóm gọn trong bốn điểm:

1. Thả lỏng các hoạt động kinh tế tư doanh tầm vóc nhỏ không đe dọa chính sách độc tài đảng trị để kích thích sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp.
2. Hạn chế lạm phát bằng cách cắt bỏ một cách tàn nhẫn những chi tiêu tối cần thiết cho đất nước như giáo dục, y tế, trật tự an ninh, đường sá.
3. Xuất cảng bù ra bãi một số mặt hàng (dầu lửa, thủy sản, cây rừng, gạo,...) giúp cho hối suất đồng bạc Việt Nam không hạ giá.
4. Mở cửa cho hàng ngoại quốc từ Thái Lan và Trung Quốc tràn vào Việt Nam để tăng khối lượng hàng hóa, tránh cho vật giá khỏi tăng vọt.

Điểm thứ nhất quả nhiên đã đem lại một số kết quả tích cực. Sự tháo gỡ những kềm kẹp kinh tế đã khiến cho nhiều ngành tiểu thủ công nghiệp tăng khối lượng và chất lượng. Mức độ tự do lớn hơn ở nông thôn đã làm sản xuất tăng vọt. Năm 1988 Việt Nam bị nạn đói lớn nhất kể từ 1945, với hàng triệu đồng bào bị đói. Năm 1989 Việt Nam xuất cảng hơn một triệu tấn gạo sau khi chính sách tập thể hóa nông nghiệp mà chính quyền cộng sản theo đuổi như kinh điển trong hơn 34 năm bị bãi bỏ. Điều này buộc ta phải rút ra hai nhận định. Một là chính sách kinh tế Mác-Lênin đã chứng tỏ sự kém cỏi của nó một cách quá rõ rệt. Hai là chính quyền cộng sản phải bị đào thải vì họ tầm tối một cách nguy hiểm: một nhận định hiển nhiên và dễ dàng như vậy mà họ cần 34 năm mới khám phá ra.

Điểm thứ hai đã đưa tới và còn đang tiếp tục đưa tới những hậu quả xã hội vô cùng trầm trọng. Một chính quyền hậu cộng sản sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Chúng ta lấy vài thí dụ:

- Về giáo dục: trong một năm qua, hơn 5.000 giáo viên thuộc khu vực Sài Gòn đã phải nghỉ dạy vì không thể sống được với đồng lương quá ít ỏi. Trong vòng hai năm qua, có ít nhất 10% trẻ em Việt Nam đã phải bỏ học vì cha mẹ không trả nổi học phí. Chính quyền cộng sản đã bãi bỏ hẳn chế độ giáo dục miễn phí.

- Về y tế: ngân sách bảo vệ sức khỏe vốn đã kém lại còn giảm đi, theo chính lời ông Phạm Văn Đồng. Cụ thể là hai phần ba sản phụ chết trong lúc sinh đẻ không phải chết vì đẻ khó mà vì thiếu thuốc sát trùng.

- Về an ninh xã hội: tệ băng đảng, cướp của giết người đã tăng một cách đáng sợ trong năm qua và đang gia tăng cấp tính. Trong khoảng thời gian một tháng từ tháng giêng tới tháng hai năm 1990, các vụ trọng án đã tăng 53,7%, các vụ cướp của giết người đã tăng 200%. Các tòa án đã hoàn toàn bị tràn ngập. Công an bảo vệ trật tự xã hội đã hoàn toàn bất lực vì nhà nước cộng sản dành phần lớn ngân sách an ninh cho công an bảo vệ chính trị và công an chống biểu tình.

Chính sách để cho hàng hoá từ Thái Lan và Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam nếu trong nhất thời đã giữ được đà gia tăng vật giá ở mức 50% hằng năm thì cũng có tác dụng vô cùng tai hại là làm phá sản gần hết các ngành công nghiệp của Việt Nam. Quá phân nửa các xí nghiệp công đã ngưng hoạt động, phần còn lại chỉ hoạt động cho có lệ.

Chính sách xuất khẩu bừa bãi của chính quyền cộng sản chỉ là một hành vi tẩu tán tài nguyên quốc gia mà mọi người có quan tâm với tương lai đất nước phải lên án. Hàng trăm công ty đang thi nhau phá rừng bán gỗ, một tài nguyên mà chúng ta chỉ còn lại rất ít. Chúng ta đang bán ra với giá rẻ số gỗ rừng mà ngay khi nền kinh tế tiến lên, chúng ta sẽ phải nhập cảng với giá rất đắt. Số lượng kim loại do chiến tranh để lại đáng lẽ đủ cho nhu cầu của đất nước trong nhiều năm đã bị đem bán tống bán tháo. Trong tương lai chúng ta sẽ phải mua lại kim loại với giá rất đắt, trong hiện tại các nhà máy cán sắt và kéo dây sắt đã phá sản vì hết nguyên liệu. Việc tàn phá cây rừng đã có hậu quả làm cạn các hồ nước Trị An, Đa Nhim làm cho điện lại bị cúp ba ngày một tuần tại các tỉnh phía Nam.

Một báo động khác là chính sách đánh bắt hải sản ăn xối ở thì làm cho tôm cá ở ven biển Việt Nam có nguy cơ diệt chủng: số lượng tôm biển đã giảm 90% trong năm qua tại vùng biển Cà Mau - Rạch Giá...

Rõ ràng cái mà chính quyền cộng sản và một số ký giả ngoại quốc không am tường chiều sâu của vấn đề gọi là chính sách đổi mới kinh tế, thực ra chẳng có gì đáng gọi là chính sách. Nó chỉ chứng tỏ rằng chính quyền cộng sản hoàn toàn không có tiên liệu và không có trách nhiệm. Nó chỉ là một hành động tuyệt vọng để cầu thời gian. Trong nhất thời Việt Nam có thể xuất hiện dưới con mắt của thế giới như đã phục hồi phần nào nhưng trong thực tế Việt Nam đang mỗi ngày một bệnh hoạn trầm trọng hơn và khó chữa hơn. Đảng cộng sản Việt Nam giống như một bà mẹ lấy tiền mua sữa của con để mua son phấn.

Mua thời gian để hy vọng tồn tại

Chính quyền cộng sản muốn gì?

Họ muốn xuất hiện dưới mắt thế giới như là một chế độ ít nhất đang cởi mở hơn về mặt kinh tế, và, tới một mức độ nào đó, đã thành công. Họ chủ mưu dựa vào sự lãnh đạo thờ ơ của thế giới, vào một lúc mà mọi sự chú ý đang hướng về Đông Âu, Liên Xô và Nam Mỹ, để từ từ lột xác từ một chế độ độc tài cộng sản thành một chế độ độc tài bình thường, không đe dọa an ninh của quốc gia nào, để ít nhất được quốc tế coi là một chế độ tạm thời chấp nhận được trong khi còn nhiều vấn đề cấp bách hơn phải giải quyết. Sau khi thời gian này qua đi (hai hoặc ba năm chẳng hạn) và bị bắt buộc phải đi thêm một bước quyết định nữa trong chiều hướng dân chủ hóa, họ sẽ đột ngột chấp nhận chế độ đa đảng và tổ chức bầu cử ngay sau đó để đánh bại các lực lượng đối lập chưa đủ chuẩn bị, chưa đủ tập trung và chưa sẵn sàng để đương đầu với một cuộc bầu cử. Dĩ nhiên, nếu cần và nếu có thể được, đảng cộng sản cũng sẽ không ngần ngại gian lận để chuyển bại thành thắng. Thắng lợi này như vậy lại cho phép đảng cộng sản ở lại chính quyền một nhiệm kỳ nữa.

Khoảng thời gian tổng cộng này quá đủ đối với các lãnh tụ đảng cộng sản mà tuổi tác đã trên 70, cái gì xảy ra sau đó dĩ nhiên không còn là công việc của họ nữa. Con tính chính trị này cũng phù hợp với ước muốn của một số cán bộ cộng sản trẻ hơn, họ hy vọng khoảng thời gian này sẽ giúp họ ổn định được tình thế để trở thành một đảng cầm quyền lâu dài trong một đất nước tiến chậm chạp về dân chủ.

Tóm lại chiến lược của đảng cộng sản là tranh thủ thời gian bằng một chính sách buông lỏng về kinh tế, bỏ cuộc về văn hóa xã hội và xiết chặt về chính trị an ninh, đồng thời sử dụng khoảng thời gian đó để hóa thân thành một chế độ độc tài bình thường.

Điều đáng lưu ý đặc biệt là mặc dầu đảng cộng sản vẫn lớn tiếng khẳng định sự trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa cộng sản, chất cộng sản của chế độ càng ngày càng giảm đi trên thực tế, bởi vì chính đảng cộng sản đang tổ chức sự hóa thân của nó thành một chế độ độc tài đảng trị kiểu Châu Phi. Trong tình huống này nếu đối lập Việt Nam chỉ lấy chống cộng làm lập trường thì chỗ dựa lý luận sẽ càng ngày càng yếu đi.

Điều cũng rất quan trọng là ta phải ý thức được sự khó khăn của cuộc đấu tranh chống độc tài đảng trị. Dân chủ đa nguyên cho tới hiện nay vẫn chưa phải là một giá trị được mọi người nhìn nhận là phù hợp với mọi dân tộc. Vẫn có nhiều người cho rằng dân chủ đa nguyên là một thứ xa xỉ phẩm mà chỉ có các dân tộc đã phát triển mới có thể tự cho phép.

Trong một vài năm nữa, nếu đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn cầm quyền và tự hóa thân thành một chế độ độc tài kiểu Bắc Phi hoặc Trung Đông thì nó có cơ được một phần dư luận thế giới cho là tạm chấp nhận được. Một thí dụ: cựu Thủ tướng Pháp

Jacques Chirac, một người rất chống cộng và có thể trở thành tổng thống Pháp sau này vừa tuyên bố như vậy tại một thủ đô Châu Phi.

Cuộc đấu tranh vì dân chủ đa nguyên không phải dễ dàng, những liên minh có thể thay đổi đột ngột!

Đất nước đang lâm nguy

Nếu đảng cộng sản thành công trong dự định của họ thì quả là một thảm kịch cho đất nước. Tiến trình dân chủ hóa trong trường hợp đó có thể đòi hỏi vài thập niên. Việt Nam đã chịu đựng một nửa thế kỷ chiến tranh huynh đệ tương tàn và chính quyền tồi dở, đã trở thành một trong những nước nghèo đói và tiều tụy bậc nhất thế giới. Chúng ta không còn thời giờ để mất nữa.

Làm sao có thể đặt tin tưởng nơi những người đã phải mất 34 năm mới khám phá ra một cách chưa đầy đủ rằng nông nghiệp tập thể không hữu hiệu?

Làm sao có thể chấp nhận một đảng lãnh đạo, một mặt tự thú nhận là có quá 70% cán bộ mất phẩm chất, dốt nát, tham nhũng, một mặt lại tự cho mình độc quyền chính trị?

Làm sao có thể chấp nhận được một tập đoàn cầm quyền, để mua thời gian tìm đường cứu mình, đang nhấn chìm thi hành một chính sách phá hoại quốc gia từ nền tảng, đang để mặc cho sản phụ và trẻ sơ sinh chết, đang để cho trẻ em phải bỏ học vì không đóng nổi học phí; đang tẩu tán tài nguyên quốc gia?

Việt Nam hiện nay đang sống trong một chế độ cực kỳ quái gở: khắc nghiệt và độc ác về mặt chính trị, nhưng lại vô chính phủ hoàn toàn về mặt kinh tế xã hội.

Chế độ này phải chấm dứt và phải chấm dứt ngay tức khắc bởi vì nó càng kéo dài càng làm trầm trọng thêm các vấn đề đang nào cũng sẽ phải giải quyết.

Nhưng ngay cả cái giấc mộng ích kỷ và hại nước này của đảng cộng sản, giấc mơ câu giờ để tự hóa thân thành một chế độ độc tài bình thường, cũng không thể nào thực hiện được và cái gì đang đe dọa đất nước ta còn khốc liệt hơn nhiều. Đảng cộng sản đang làm sai lầm cuối cùng là tưởng rằng mình vẫn còn hy vọng tồn tại.

Làn sóng dân chủ hóa đang trào dâng khắp nơi. Những gì mà chúng ta đang chứng kiến không chỉ là sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản mà còn là sự đào thải mau chóng của mọi chế độ độc tài dưới mọi hình thức. Haiti, Nepal, Panama, Chile, Côte d'Ivoire, Philippines, Paraguay,... các chế độ độc tài chống cộng cũng theo nhau mà đổ. Trào

lưu dân chủ hóa không từ một chiêu bài ý thức hệ nào. Sức bật lên của các dân tộc bị kèm kẹp đang và sẽ còn gây nhiều kinh ngạc.

Làm sao có thể tin rằng một chế độ độc tài đã kiệt sức còn lết nổi tới ngưỡng cửa thế kỷ 21? Đảng cộng sản đang chứng tỏ sự khờ khạo của chính họ. Và lại, sức khỏe kinh tế của Việt Nam đã quá kém để có thể chịu đựng một sự phá hoại như đảng cộng sản đang làm. Ngay từ bây giờ, những dấu hiệu rõ rệt đã xuất hiện cho phép người ta dự đoán rằng trong vòng từ sáu tháng tới một năm nữa, kinh tế Việt Nam sẽ sụp đổ hoàn toàn và đảng cộng sản Việt Nam sẽ trải qua một cuộc khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử của nó. Sự ngoan cố của đảng cộng sản chỉ có thể đưa tới hỗn loạn và đổ máu.

Đó là viễn ảnh của đất nước nếu một mặt trận đối lập quy mô không ra đời, và đảng cộng sản được tự do dò dẫm tìm lối thoát.

Chiến lược nào cho đối lập Việt Nam?

Nhưng ngược lại, nếu các lực lượng dân chủ kết hợp lại quyết tâm tranh đấu và dám tin tưởng ở thắng lợi thì thắng lợi sẽ có và sẽ có sớm hơn mọi dự đoán.

Tình hình xã hội Việt Nam đang vô cùng căng thẳng. Trong khi gia tăng kèm kẹp về chính trị mà lại buông lỏng về kinh tế và bỏ cuộc về mặt văn hóa xã hội, đảng cộng sản đang tạo điều kiện để những bất mãn kết tinh lại thành một phong trào đấu tranh quần chúng và một sức mạnh lớn hơn mọi tưởng tượng mà đối lập Việt Nam phải tận dụng triệt để.

Trật tự kinh tế quyết định khuôn mẫu chính trị. Khi nếp sống và các sinh hoạt kinh tế đã thay đổi thì chế độ chính trị bắt buộc phải thay đổi theo.

Bình thường các chế độ chuyên chính - cộng sản hay không cộng sản - bị áp lực trước hết của những khó khăn kinh tế, bị bắt buộc phải nhượng bộ về mặt kinh tế, rồi sau một thời gian bị chính tình hình kinh tế mới xô ngã, trừ khi tự ý rút lui.

Nói lòng về mặt kinh tế, chính quyền cộng sản Việt Nam trong vài năm qua đã bị bắt buộc phải làm những nhượng bộ chính trị quan trọng trên thực tế. Quy luật kinh tế tự do đã bắt buộc họ phải hủy bỏ chính sách trợ cấp lương thực và nhu yếu phẩm, sau đó đã buộc họ phải chấp nhận chế độ một giá. Một không gian tự do mới đã ra đời vì chính quyền đã mất đi khả năng trả đũa bằng cách cắt phiếu cung cấp. Các tổ hợp, xí nghiệp tư cũng đã xuất hiện như những đơn vị tập hợp ngoài vòng kiểm soát của chính quyền, và hơn thế luôn luôn mâu thuẫn với chính quyền. Trong một bối cảnh luật pháp không rõ ràng, những móc ngoặc giữa quan chức và các đơn vị kinh tế tư nhân còn

làm cho guồng máy chính quyền ung thối và tê liệt mau hơn. Sự phân hóa của bộ máy chính quyền cộng sản ngày nay đã đạt tới mức độ không thể nào cứu chữa được nữa. Mặt khác sự giảm sút về an ninh xã hội không ít thì nhiều cũng kéo theo sự gia tăng khả năng hoạt động chống đối.

Tình hình Việt Nam hiện nay trên thực tế đã bắt đầu cho phép hoạt động đối lập dựa vào những kẽ hở càng ngày càng lớn của một chính quyền càng ngày càng phân rã.

Các lực lượng đối lập Việt Nam phải có mặt qua những liên hệ kinh tế, qua làn sóng người về thăm nhà, qua liên hệ bình thường giữa trong và ngoài nước. Chúng ta đừng quên một chân lý sơ sài là kẻ vắng mặt bao giờ cũng thua thiệt. Sự hiện diện của đối lập phải thường trực, nhận thấy được trong quần chúng chứ không phải chỉ giới hạn qua một vài đơn vị kín đáo, bí mật. Trở ngại chính là công an của chế độ lúc nào cũng theo dõi và sẵn sàng đàn áp bằng đủ mọi biện pháp. Vấn đề là làm thế nào để sự có mặt của đối lập đủ mạnh để nhân dân trong nước thấy được mà công an cộng sản không làm gì được. Câu hỏi mới thoát nghe hình như không có giải đáp, nhưng thực ra có giải đáp.

Nếu phong trào trong nước chỉ là một phong trào tư tưởng thì công an sẽ chỉ bó tay. Sự trao đổi ý kiến giữa các cá nhân với nhau hiện nay đã vượt khỏi tầm kiểm soát của công an. Sự bất mãn và chối bỏ chế độ đã quá lan tràn đến độ những bàn bạc, chỉ trích và ngay cả mạ ly chế độ là điều mà mọi người đều làm. Chỉ khi nào một tổ chức được thành lập hẳn hoi mới có rủi ro bị sa bẫy.

Như vậy một phong trào đối lập cũng vẫn hiện diện được ở trong nước với điều kiện là cơ cấu thường trực đặt ở nước ngoài. Ở trong nước nếu có, chỉ là những trạm liên lạc rất nhẹ. Nhưng nếu cơ cấu ở nước ngoài thì phải làm cách nào để vẫn hiện diện được trong tình cảm và trí óc của nhân dân trong nước. Ta có thể làm được việc này trong hai trường hợp.

- Một là tổ chức ở ngoài khá mạnh và có phương tiện để tiếng dội vọng về trong nước, để lập trường được người trong nước biết đến và chấp nhận.

- Hai là phong trào có được những khuôn mặt trí thức lớn mà công chúng biết là biểu tượng cho khuynh hướng chính trị, mặc dầu không nhất thiết phải nằm trong cơ quan lãnh đạo, và cũng không nhất thiết phải thuộc tổ chức. Trước đây tại Liên Xô, tiến sĩ Sakharov mặc dầu ai cũng biết là không có chân trong tổ chức nào vẫn được coi là điển hình cho đối lập Liên Xô. Vaclav Havel mặc dầu bị bắt giam và không có tổ chức vẫn là hình tượng của đối lập Tiệp Khắc. Mandela ở trong tù và đã mất hết mọi liên hệ với tổ chức lưu vong ANC cũng vẫn là khuôn mặt của đối lập Nam Phi. Hiện nay ở

trong nước có một số khuôn mặt nổi tiếng như: Phan Đình Diệu, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Doãn Quốc Sỹ, Thích Trí Siêu, Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Ngọc Lan, v.v. mà đồng bào đã biết đến như những người muốn đổi mới, chấp nhận dân chủ đa nguyên. Nếu ở ngoài nước thành hình được phong trào đứng đả với một vài khuôn mặt chấp nhận được thì đối lập Việt Nam kể như đã chính thức có mặt, dù chính quyền cộng sản tiếp tục cấm đối lập.

Lập trường và đường lối đấu tranh của ta cũng phải có khả năng vô hiệu hóa sự đàn áp của chính quyền cộng sản. Đó phải là một lập trường ôn hòa, bất bạo động, và thực sự dân chủ, thực sự có khả năng kết hợp lớn. Chính quyền cộng sản sẽ rất bối rối trước một đối lập như vậy.

Lấy một thí dụ: cái gì sẽ xảy ra nếu nhà cầm quyền cộng sản bắt giam hay đem xét xử một số người chủ trương bất bạo động, hòa giải dân tộc và dân chủ đa nguyên? Cùng lắm họ chỉ có thể tuyên án một vài năm tù, nhưng họ sẽ cho đối lập Việt Nam một sự thừa nhận quốc tế và đồng thời họ sẽ bị cả thế giới lên án và tẩy chay. Có mù quáng tới đâu đi nữa họ cũng không bao giờ làm điều này và nếu họ làm thì quả là họ tiếp tay cho ta.

Đã nói bất bạo động thì cũng nên bàn tới kháng chiến võ trang để giải tỏa một số thắc mắc và hiểu lầm. Trong bối cảnh hiện nay việc sử dụng bạo lực là quyền chính đáng của người dân để chống lại một chế độ tự cho phép mình dùng các nhà tù và các đội hành quyết để đối xử với những người không đồng chính kiến. Nhưng ta không dùng bạo lực vì nó không có lợi. Ta không có phương tiện để phát động một cuộc đấu tranh võ trang. Và nếu ngay cả có phát động được thì cuộc nội chiến cũng sẽ rất dài, rất tai hại cho đất nước. Trong khi bối cảnh quốc tế hiện nay đang chứng tỏ rằng một chính quyền cộng sản có thể bị đánh bại, và có thể bị đánh bại mau chóng bằng một cuộc đấu tranh chính trị không dùng đến bạo lực.

Cũng nên có đôi lời để giải tỏa một vấn đề có thể gây tranh cãi. Cuộc đấu tranh dân chủ cần một yếu tố rất quan trọng là sự giao lưu thường trực và qui mô giữa trong và ngoài nước. Làn sóng người ra vào Việt Nam càng ngày càng gia tăng - do mục đích kinh doanh hay do liên hệ gia đình - cần được sử dụng như một vũ khí chiến lược. Ta cần nắm vững một sự kiện cơ bản là tất cả mọi người tới Việt Nam đều đối lập với chính quyền cộng sản. Kinh nghiệm cho thấy rằng một người dù ủng hộ chính quyền cộng sản thế nào đi nữa, khi đã có mặt tại Việt Nam cũng trở thành một người đối lập bởi vì thế nào cũng nhận thấy rõ rệt và cũng phải chịu đựng sự tồi dở, quan liêu của chế độ. Kinh nghiệm cũng cho thấy là người ta có thể lên đường đi Việt Nam với nhiều cảm tình cho chính quyền cộng sản nhưng bao giờ cũng rời Việt Nam với một sự khinh ghét tột độ. Luồng giao lưu giữa trong và ngoài là một đồng minh của đối lập Việt Nam.

Về mặt kinh tế, người ta có thể lo ngại rằng luồng giao lưu này đem lại một lợi thế kinh tế cho chính quyền cộng sản. Điều chắc chắn là sự trao đổi có lợi cho nền kinh tế Việt Nam. Nhưng có lợi cho đối lập dân chủ hay cho chính quyền cộng sản lại là một vấn đề khác. Sự tăng trưởng của các hoạt động kinh tế tư nhân, cá thể hoặc công ty, có tác dụng trực tiếp và tức khắc là tạo ra những sinh hoạt ngoài vòng kiểm soát của chính quyền cộng sản, làm giảm đi vai trò của đảng cộng sản trong sinh hoạt quốc gia. Như vậy nó là một bước tiến trong tiến trình đẩy lui dần dần đảng cộng sản. Mặt khác nếu đời sống dân chúng được cải thiện, quần chúng sẽ được độc lập hơn với chế độ và đồng thời cũng có sinh lực hơn để đòi hỏi tự do dân chủ. Có thực mới vực được đạo. Nhiều người nghĩ rằng dân chúng có khổ mới bất mãn, mới đấu tranh. Nhưng hiện nay sự phủ nhận và chống đối của người Việt Nam với chế độ cộng sản đã quá hoàn toàn. Sự bất mãn đã đạt được rồi, sự phẫn nộ cũng đã có rồi. Vấn đề là giúp sức cho người dân để họ có thể đấu tranh đòi thay đổi chế độ.

Hình thành một tổ chức đối lập

Vấn đề khó khăn nhất lại là một việc mà đáng lẽ ra ta có thể làm, nghĩa là hình thành một tổ chức đối lập có tầm vóc tại hải ngoại. Sự có mặt của một tổ chức như vậy sẽ là tụ điểm cho những nguyện vọng và yêu cầu đối mới, gây sự tin tưởng và nhận sự hưởng ứng. Sau một thời gian tổ chức sẽ được lắng nghe và có khả năng đưa ra những chỉ thị bãi công, biểu tình hay tẩy chay một chính sách. Tổ chức sẽ thành một lực lượng thực sự có mặt.

Những trở ngại cho sự ra đời của mặt trận này có thể nhận thấy được.

Trước hết là sự thiếu vắng một lập trường đấu tranh phù hợp với giai đoạn mới. Đã có vô số tổ chức, nhiều khi quy tụ chung quanh những nhân vật có uy tín, ra đời rồi căn cỗi và tàn lụi đi. Phần đông các tổ chức vẫn chỉ là sự tiếp nối của một cuộc chiến đã tàn. Đối lập Việt Nam cho tới nay vẫn được cảm nhận như là sự kết hợp của những người đã bại trận năm 1975 chứ không phải là một tập hợp dân tộc mới có niềm tin ở thắng lợi.

Gần đây một tiến bộ vượt bậc đã thực hiện được. Mọi tổ chức đấu tranh đã khẳng định lập trường dân chủ đa nguyên. Tuy nhiên một số người vẫn chỉ nói đa nguyên mà chưa thực sự hiểu ý nghĩa của nó, vẫn bất dung và hằn học đối với những người khác lập trường với mình. Con đường vẫn còn dài. Một tập hợp dân tộc mới phải thẳng thắn quay lưng lại với quá khứ, chấp nhận trên căn bản bình đẳng những con người thuộc những quá khứ khác nhau. Hòa giải dân tộc chính là điều kiện cho sự kết hợp đó. Đại bộ phận những người đối lập đã nhận ra điều đó, nhưng ít ai đủ can đảm để nói lên.

Chúng ta phải ý thức rằng không có gì thay thế cho sự can đảm cả và lịch sử sau này sẽ biết trả phần đúng cho những con người của đất nước hôm nay.

Lý do thứ hai là quá nhiều tham vọng cá nhân và phe nhóm đã làm tê liệt đối lập Việt Nam. Ai cũng muốn làm điểm tập trung. Ai cũng muốn nhường người khác cái công việc bạc bẽo là mở đường phá lối. Đối lập Việt Nam hải ngoại chỉ thực sự hình thành được nếu mỗi thành phần của nó chấp nhận mình chỉ là một thành phần.

Lý do thứ ba là một sự ngây thơ muốn đốt giai đoạn để tập trung tất cả cùng một lúc. Cuối cùng những cố gắng thật là mệt nhọc đã chỉ đem lại những tập hợp hữu danh vô thực quy tụ những thành phần nhiều khi thù ghét nhau nhưng chỉ chấp nhận ngồi với nhau để chứng tỏ mình không gây chia rẽ. Cuối cùng tập hợp đó khó khăn lắm mới thành hình và khi thành hình thì lại không làm được gì cả. Chúng ta phải ngừng chạy trốn một sự thật hiển nhiên là chỉ có thể đoàn kết những người theo đuổi cùng một mục đích và sử dụng những phương tiện giống nhau.

Trong bối cảnh hiện tại, những cá nhân và đoàn thể chấp nhận đường lối đấu tranh ôn hòa, chấp nhận hòa giải để xóa bỏ những hiềm thù của quá khứ, chấp nhận nguyên tắc và phương thức sinh hoạt dân chủ đa nguyên cần công khai khẳng định lập trường và kết hợp với nhau thành một lực lượng trước đã.

Chọn lựa chiến lược này không có nghĩa là chúng ta khai trừ các thành phần khác. Nó chỉ là một chọn lựa giai đoạn mà thôi. Và giai đoạn này có thể rất ngắn vì với bối cảnh quốc tế hiện nay, các vấn đề càng ngày càng trở nên sáng sủa hơn, sự đồng thuận càng ngày càng dễ đạt tới. Và tới một lúc nào đó, các khuynh hướng cực đoan, dù tả hay hữu, chẳng bao lâu sẽ nhận ra sự bế tắc của họ.

Chiến lược đầu tiên của đối lập Việt Nam là làm thế nào tự khai sinh ra mình. Chúng ta không thể tiết kiệm bàn cãi để đi tới lập trường chung. Chúng ta phải khiêm tốn để chấp nhận vai trò thành viên trong một tập thể lớn và nhất là chúng ta phải bắt đầu bằng sự kết hợp những cá nhân và đoàn thể cùng một nhạy cảm chính trị.

Chúng ta đừng chờ đợi chính quyền cộng sản cho phép ta hiện diện ở trong nước mà phải vận dụng một cách sáng tạo và táo bạo tình hình hiện nay để có mặt tại đất nước và để sự có mặt này càng ngày càng rõ rệt và mãnh liệt, cuối cùng thành một thực tế mà chính quyền cộng sản nào cũng phải chấp nhận.

Chúng ta đừng chờ đợi nhà cầm quyền cộng sản cho phép đối lập mà phải hình thành đối lập rồi tạo áp lực buộc nhà cầm quyền cộng sản nhượng bộ và hợp thức hóa. Chúng ta đừng đợi chính quyền cộng sản tự ý chấp nhận bầu cử tự do mà phải vận

động để buộc họ chấp nhận bầu cử tự do đồng thời với kiểm điểm phương tiện và chuẩn bị chiến lược để thắng các cuộc tuyển cử tự do này.

Chiến lược này hoàn toàn không có nghĩa là sự tìm kiếm một kết hợp nào đó với chính quyền cộng sản với dụng ý chia chác. Nó là một lập trường đối lập thực sự, bằng đường lối hòa bình nhưng rất quả quyết với chính quyền cộng sản. Có thể là sẽ có những thảo luận và ký kết trên những thỏa ước đánh dấu từng giai đoạn của tiến trình chấm dứt chế độ độc đảng để chuyển sang dân chủ đa nguyên. Những thỏa hiệp này hoàn toàn không có ý nghĩa của một sự đồng lõa. Chúng chỉ là những thắng lợi giai đoạn của các lực lượng tiến bộ.

Để đóng góp cho thắng lợi của dân chủ(Thông Luận số 38, tháng 5 - 1991)

Sự thay đổi căn bản nhất và quyết định nhất của đất nước kể từ ngày 30-4-1975 cho tới nay, mười sáu năm sau, vẫn chưa được nhận thức một cách rõ rệt. Thiếu sót này đã là nguyên nhân của phần lớn những tranh cãi về chiến thuật, chiến lược cả trong nội bộ chính quyền cộng sản lẫn giữa những người đối lập. Đó là chiến thắng đã đổi phía. Miền Nam đã thắng và miền Bắc đã thua. Hai từ ngữ "miền Nam" và "miền Bắc" trước đây là hai thực thể nhà nước chống đối nhau nhưng ngày nay, và trong bài này, chỉ có ý nghĩa tượng trưng cho hai miền của một đất nước có hai quá khứ chính trị, hai nếp sống và hai mức độ phát triển khác nhau, và một phần nào đó tiêu biểu cho hai chọn lựa chính trị khác nhau.

Ai thắng ai ?

Cùng với ngày 30-4-1975 một thử nghiệm chưa từng có trên thế giới đã bắt đầu. Một xã hội cộng sản được đem hợp nhất với một xã hội không cộng sản cùng tầm vóc. Trước đó, xã hội cộng sản, tức là miền Bắc Việt Nam, được cả thế giới khen là hay còn xã hội không cộng sản tức là miền Nam Việt Nam bị cả thế giới chê là thối nát. Sự kết hợp đã diễn ra một cách rất không công bình bởi vì một bên có toàn quyền định đoạt số phận của bên kia.

Cách đây 16 năm miền Bắc đã toàn thắng và đem áp đặt khuôn mẫu của nó lên miền Nam. Cái gì của miền Bắc cũng hay cả. Dù là đôi dép râu quê kệch. Dù là chiếc nón cối xấu xí. Dù là cái hố xí hai ngăn góm ghiếc. Tất cả được đem vào miền Nam như những mẫu mực phải bắt chước để xây dựng con người mới, xã hội mới.

Nhưng thực tế đã nhanh chóng chứng tỏ rằng nếp sống của miền Nam hợp lý hơn nếp sống của miền Bắc, chuyên viên của miền Nam thạo nghề hơn chuyên viên của miền Bắc, các xí nghiệp của miền Nam có năng suất hơn các xí nghiệp của miền Bắc, cách làm việc của miền Nam hay hơn cách làm việc của miền Bắc và mức sống của miền Nam hơn rất xa mức sống của miền Bắc. Nói chung miền Nam hơn hẳn miền Bắc.

Chiến thắng 1975 của Bắc Việt là một chiến thắng rất kỳ cục. Miền Bắc tuy thắng trận nhưng lại nghèo khổ và kiệt quệ đến cùng độ trong khi miền Nam tuy bại trận mà lại giàu có, tràn đầy sức sống và tiềm năng. Cho tới nay chưa thấy tác giả nào nói lên một

ý nghĩa rất đặc sắc của biến cố này là miền Nam đã thua vì còn sáng suốt trong khi miền Bắc đã thắng vì đã say đòn. Tuy nhiều yếu tố bên ngoài, đặc biệt là chính sách của Hoa Kỳ đã có ảnh hưởng lớn trên cuộc chiến, nhưng nói chung là vào những năm chót nhân dân miền Nam đã không muốn tiếp tục cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn nữa và vì thế quân đội miền Nam đã mất ý chí chiến đấu. Hiện tượng này trong chiều dài của lịch sử dân tộc phải được coi như là dấu hiệu của sức khỏe tinh thần của miền Nam chứ không phải là một sự khiếm nhược và càng không phải là sự tín nhiệm đường lối của đảng cộng sản. Khi hai anh em ẩu đá nhau một cách vô lý đã quá lâu, kẻ dừng lại chịu quả đấm cuối cùng để chấm dứt cuộc đánh lộn ngu xuẩn ấy là kẻ vừa sáng suốt vừa cam đảm. Can đảm để chịu đau và can đảm để chịu nhục. Nhiều người vẫn chưa hiểu được ý nghĩa đó và vẫn còn nhắc lại một cách chế diễu cảnh các quân nhân và công chức miền Nam xếp hàng ghi tên đi cải tạo. Nhưng có ai ý thức được rằng người miền Bắc còn bạc nhược hơn nhiều? Họ đã ngoan ngoãn để cho một nhóm người dốt nát và hủ lậu dẫn vào lò sát sinh như những người bị thổi miên trong gần hai chục năm.

Chiến thắng của miền Bắc đã dẫn đến sự hội nhập của hai miền Nam Bắc. Khi có sự hội nhập của hai xã hội thì dù trong điều kiện nào đi nữa, trừ trường hợp một bên tiêu diệt hẳn bên kia, xã hội nào văn minh hơn, phát triển hơn cuối cùng cũng sẽ được đa số chấp nhận và cũng sẽ quyết định mô thức chung của cộng đồng mới. Chính vì vào năm 1975 miền Nam hơn hẳn miền Bắc cho nên miền Nam đã nhanh chóng chiếm được ưu thế trong mọi địa hạt kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước Việt Nam thống nhất. Nhân dân miền Bắc cũng đã dần dần chấp nhận những quan niệm kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân miền Nam. Từ thống nhất về mặt nhà nước Việt Nam đang dần dần tiến lên thống nhất về mặt tư tưởng và một trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới cũng thành hình.

Miền Nam, một lần nữa hiểu theo nghĩa một vùng địa lý và dạng tổ chức xã hội chứ không phải một thực thể chính trị, đã hoàn toàn thắng lợi. Chiến thắng này còn mãnh liệt hơn cả chiến thắng 1975 dù nó không có ngày kỷ niệm. Chiến thắng 30-4-1975 do xe tăng đem tới và bị sự phủ nhận của nhiều người. Chiến thắng hôm nay do thực tại đem tới và được sự đồng tình của cả nước.

Cuộc chuyển hóa chính trị tự nhiên và bắt buộc

Trong một nước không có chiến tranh, trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội cuối cùng bao giờ cũng quyết định mô thức chính trị. Vì thế mà chế độ chính trị bắt buộc phải chuyển hóa để thích nghi với trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới. Trật tự chính trị được áp đặt năm 1975 là trật tự chính trị của kẻ thắng lúc đó, nghĩa là miền Bắc. Trật tự chính trị mới phải là trật tự chính trị của kẻ thắng hôm nay, nghĩa là miền Nam. Vì thế mà chế độ

chính trị của Việt Nam phải đổi và phải đổi theo chiều hướng chấp nhận cái khuôn mẫu tổ chức xã hội như nhân dân miền Nam không ngừng đòi hỏi và nhân dân miền Bắc cũng đã bắt đầu đòi hỏi.

Xu hướng đổi mới chỉ có thể đảo ngược nếu trọng lượng so sánh của hai miền Nam và Bắc thay đổi, nghĩa là nếu miền Bắc, nơi mà khuôn mẫu Mác-Lênin đã được áp dụng chiếm được thế ưu thắng trên miền Nam, nơi mà cách làm ăn và suy nghĩ vẫn còn theo khuôn mẫu tư bản. Nhưng tất cả những gì ta đang thấy không những không chứng minh rằng miền Bắc có triển vọng bắt kịp miền Nam mà trái lại còn cho thấy miền Bắc càng ngày càng bị bỏ xa hơn nữa. Mức sống của miền Nam ngày nay đã cao ít nhất gấp ba lần miền Bắc và đang có chiều hướng vượt xa hơn nữa. Các hoạt động kinh tế càng ngày càng tập trung tại miền Nam, những đầu tư của người nước ngoài phần lớn cũng sẽ chỉ tập trung ở miền Nam. Riêng thành phố Sài Gòn đã tập trung 40% tổng sản lượng công thương nghiệp quốc gia. Miền Nam còn có một đồng minh vô cùng quý giá là cộng đồng người Việt hải ngoại mà phần lớn những ràng buộc tình cảm và gia đình đều ở dưới vĩ tuyến 17. Hơn thế nữa chọn lựa chính trị của nhân dân miền Nam còn được hưởng sức đẩy của trào lưu tiến hóa chung của thế giới trong đó tự do, dân chủ và đa nguyên đang trở thành những giá trị hiển nhiên không thể bàn cãi. Chính vì thế mà miền Nam sẽ càng ngày càng áp đảo miền Bắc, và cũng chính vì thế mà xu hướng chuyển hóa về một thể chế phù hợp với nguyện vọng của miền Nam không những không thể đảo ngược được mà còn mạnh mẽ thêm với thời gian. Và lại lúc này đại bộ phận nhân dân miền Bắc cũng đã chia sẻ cùng những nguyện vọng chính trị với nhân dân miền Nam rồi cho nên vấn đề trở lại khuôn mẫu Mác-Lênin, ngay cả khuôn mẫu Mác-Lênin tân trang, không đặt ra được nữa.

Đó là đợt sóng ngầm vô cùng mãnh liệt đang thúc đẩy tiến trình chính trị của nước ta. Đó là động cơ thực sự của hiện tượng đang được gọi là đổi mới. Ý nghĩa sâu xa của trào lưu đổi mới hiện nay là như thế. Đây hoàn toàn không phải là một chính sách mà chỉ là một tiến trình tự nhiên và bắt buộc trong đó một chế độ không còn hợp thời dù có vùng vẫy để chống trả nhưng cũng vẫn buộc phải nhượng bộ thực tại và chuyển mình để phù hợp với một trật tự kinh tế, văn hoá, xã hội mới. Mỗi nhượng bộ lại có tác dụng khuyến khích làm cho tiến trình càng thêm sức mạnh và vận tốc.

Những người lãnh đạo đảng cộng sản vẫn tiếp tục gào thét phải giữ chặt chuyên chính, phải ôm chặt lấy chủ nghĩa Mác-Lênin. Nguyễn Văn Linh, người từng được coi như là điển hình cho khuynh hướng đổi mới trong đảng, qua tất cả các bài viết và bài nói đã không làm gì khác hơn là xác nhận lại lập trường cộng sản giáo điều. Từ đại hội bất thường của Trung ương Đảng hồi tháng 3-1989 (?) tập đoàn lãnh đạo đảng đã cấm tuyệt mọi thảo luận về đa nguyên đa đảng. Tóm lại, không có bất cứ một ý chí đổi mới chính trị nào được các lãnh tụ cộng sản Việt Nam phát biểu cả mà trái lại chỉ thấy sự

lập đi lập lại những tín điều đã cũ kỹ một cách đáng thương hại. Tuy vậy ê-kíp của ông Linh đã bị những thực tại của đất nước bắt buộc làm những nhượng bộ quan trọng với dân chúng trong nước. Kể từ mùa hè 1988, mặc dù nhóm thủ cựu đã trở lại một cách hùng hậu, nhưng họ cũng vẫn bị bắt buộc phải làm những nhượng bộ mỗi ngày một nhiều hơn và càng ngày càng quan trọng hơn. Nếu có một điều đáng nói trong hai năm qua thì điều đó là tiến trình đổi mới của đất nước hoàn toàn trái ngược hẳn với những chọn lựa chính trị của ban lãnh đạo đảng cộng sản. Tiến trình đổi mới về bản chất của nó là một sự công phá liên tục vào những đặc quyền của đảng cộng sản nhằm tước bỏ dần dần những đặc quyền ấy và đảng cộng sản đã phải liên tục thối lui bởi vì không kháng cự nổi. Đảng cộng sản đã phải nói lòng sự kềm kẹp, đã phải đi những bước quan trọng về hướng một nhà nước pháp trị với việc ban hành một số luật lệ về hình sự, công nghiệp, đầu tư, ngoại thương. Những nhượng bộ này lại càng tạo điều kiện cho những đòi hỏi dân chủ hóa mới, mạnh mẽ hơn và rõ rệt hơn. Trái với sự lo ngại của một số người, đảng cộng sản không lùi một bước để tiến hai bước mà chỉ lùi một bước để rồi sẽ lùi thêm hai bước nữa, và cứ như thế cho đến lúc kiệt sức và ngã xuống, trừ khi biết khôn ngoan đầu hàng để chấm dứt cuộc chống trả vô vọng và nguy hiểm này.

Các trí thức từng là cộng sản hay từng ủng hộ đảng cộng sản đã ý thức được rằng chế độ không thể tiếp tục như hiện nay, họ đã hiểu rằng phải đổi mới hoàn toàn đời sống chính trị. Càng ngày càng có thêm những người dám thẳng thắn phát biểu rằng Việt Nam phải chuyển biến về một thể chế đa nguyên đa đảng và đảng cộng sản Việt Nam phải từ bỏ độc quyền chính trị. Mới cách đây một hai năm Lý chính Trung, Nguyễn Khắc Viện, Trần Văn Giàu, Trần Xuân Bách, Nguyễn Hộ còn được coi là những tiếng nói canh tân lớn ; ngày nay họ đã bị qua mặt bởi những Bùi Tín, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương. Trong những ngày tới đây chắc chắn sẽ còn nhiều tiếng nói đồng dạng mới.

Đối lập Việt Nam cần lạc quan hơn

Về phía đối lập nhiều người vẫn chưa nhận ra bản chất của cuộc chuyển hóa lớn hiện nay và vẫn tiếp tục bi quan cho rằng đổi mới chỉ là một chiêu bài giai đoạn của đảng cộng sản để đương đầu với những khó khăn hiện tại, khi nào lấy lại được sức lực đảng cộng sản sẽ siết lại ngay tức khắc. "Đổi Mới" tóm lại chỉ đồng nghĩa với "Thủ Đoạn Mới". Kết luận hiển nhiên là ta không nên ngây thơ để cho ban lãnh đạo cộng sản lừa bịp một lần nữa mà phải bẻ gãy mọi cố gắng mở cửa ra bên ngoài của chế độ cộng sản để tiếp tục cô lập nó và khiến cho sự sụp đổ của nó sớm xảy ra.

Dĩ nhiên là những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam, dù là Nguyễn Văn Linh, hay Mai Chí Thọ, hay Đỗ Mười v.v... đều chẳng ai thực sự muốn đổi mới cả và đều sẵn

sàng nắm lấy cơ hội đầu tiên để siết lại sự kiểm soát của đảng. Không ai làm lẫn trên vấn đề này cả và không ai ngây thơ cả. Nhưng trào lưu đổi mới trong nước không nằm trong một ý đồ nào cả, nó không phải do ban lãnh đạo đảng cộng sản mà có mà là một chuyển hóa bắt buộc của xã hội Việt Nam trong đó chế độ chính trị bị bắt buộc phải thay đổi để thích ứng với một trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới mà những người cầm đầu đảng không những không muốn mà còn lo sợ, nghĩa là một trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội dân chủ đa nguyên. Nó là một tiến trình không ở ý muốn của ban lãnh đạo đảng cộng sản mà ra nên cũng không thể vì ý muốn của ban lãnh đạo đảng cộng sản mà chấm dứt. Nó là một tiến trình không thể đảo ngược được và sẽ chỉ hoàn thành khi chế độ chính trị đã hoàn toàn thích nghi với trật tự kinh tế, văn hóa, xã hội mới ; nói một cách khác khi một chế độ dân chủ đa nguyên đúng nghĩa của nó đã thành lập xong. Sở dĩ tiến trình đổi mới vẫn tiếp tục là vì nó đã mạnh hơn đảng cộng sản.

Dự thảo báo cáo chính trị của Đại Hội VII lại vừa phải làm thêm một nhượng bộ chiến lược quan trọng khác là nhìn nhận sự cần thiết của hòa giải và hoà hợp dân tộc. Một cuộc tranh cãi lớn sắp diễn ra mà trong đó lần này đối lập Việt Nam đã đi trước và nắm phần chủ động. Hàng loạt câu hỏi sẽ được đặt ra. Có thể nào có hòa giải mà vẫn giữ nguyên chế độ độc tài độc đảng hay không? Có thể nào có hòa giải trong một đất nước có hai loại người Việt Nam khác nhau - những người cộng sản có mọi độc quyền và phần còn lại của cả dân tộc chỉ có quyền phục tùng - hay không? Có thể nào có hòa giải giữa những người đã xung đột nhau trong khi những người này vẫn tiếp tục cấm đoán những người kia hay không? Có thể nào có hoà giải mà vẫn dùng bạo lực với nhau hay không, và nếu không thì có thể nào đối thoại trong khi những người này vẫn cấm những người kia hiện diện hay không? Có thể nào có hòa giải mà không cần hàn gắn những đổ vỡ đã gây ra hay không, và nếu không thì phải làm gì cho những người đã bị giết oan, đã bị tù đầy và hạ nhục, đã bị tước đoạt tài sản và lừa đi những vùng kinh tế mới? Nếu hòa giải dân tộc được coi là quốc sách thì có thể nào giao phó việc thi hành quốc sách đó cho những người đã từng là tác giả của những đổ vỡ hay không? Bằng ấy câu hỏi, dù được đặt ra trong tinh thần khoan dung tới đâu đi nữa cũng vẫn đặt đảng cộng sản trong thế bí. Trong thập niên 1980 đảng cộng sản đã sa lầy nhiều lần. Họ đã sa lầy trên chiến trường Kampuchia, họ đã sa lầy trong chiến dịch chống dân chủ đa nguyên. Lần này họ sẽ ngạt thở trong trào lưu hòa giải dân tộc.

Để góp phần xứng đáng cho sự nghiệp dân chủ hóa đất nước

Đối lập dân chủ Việt Nam đang đứng trước một cơ hội lịch sử vô cùng thuận lợi và đồng thời cũng đang đứng trước những trách nhiệm lớn.

Chúng ta phải áp đặt đối thoại về một lịch trình dân chủ hóa. Nhưng trong hoàn cảnh hiện nay ngay cả nếu đảng cộng sản thực sự muốn đối thoại họ cũng không biết đối

thoại với tổ chức nào trong số cả trăm tổ chức đối lập nhỏ bé cả về nhân lực lẫn phương tiện. Phải chăng chỉ còn một giải pháp là đảng cộng sản tự dân chủ hóa, tạo điều kiện để một số lực lượng đối lập ra đời và phát triển rồi trở thành những người đối thoại có trọng lượng? Như vậy là chờ đợi quá nhiều ở đảng cộng sản. Kết hợp là điều phải làm và phải làm nhanh. Đó cũng là điều có thể làm được. Xét cho cùng chúng ta cũng không có nhiều lập trường. Ngoại trừ những vấn đề có tính cách kỹ thuật trên đó không cần có nhất trí hoàn toàn, có ba câu hỏi lớn là có chấp nhận mục tiêu dân chủ đa nguyên hay không, có chấp nhận tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc hay không và có chấp nhận phương thức đấu tranh bất bạo động hay không? Trả lời giống nhau ba câu hỏi đó là có thể coi như cùng một lập trường và có thể hợp tác với nhau được trong cùng một liên minh. Thực ra vấn đề lập trường còn càng ngày càng đơn giản hơn. Phương thức đấu tranh bằng bạo lực, ngay cả để kết hợp với đấu tranh chính trị, đã lỗi thời và đang bị từ bỏ. Tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng đã được hầu hết mọi người chấp nhận. Dĩ nhiên chúng ta không mong đợi kết hợp được tất cả trong cùng một tổ chức, nhưng ít ra chúng ta cũng có thể tiến tới một số ít tập hợp lớn thay vì quá nhiều nhóm nhỏ. Giữa các tổ chức có tầm vóc với nhau đối thoại sẽ dễ dàng hơn. Chính quyền cộng sản lúc đó cũng khó từ chối đối thoại hơn.

Một số khúc mắc cũng cần được giải quyết để đối lập dân chủ đa nguyên có thể vươn mình lớn dậy.

Cần xóa bỏ lẫn ranh quốc cộng do quá khứ để lại. Chủ nghĩa cộng sản đã chết và vì thế lập trường chống cộng cũng đã mất đối tượng. Vấn đề thực sự là chúng ta đang có một chính quyền độc tài cần phải chấm dứt. Lẫn ranh thực sự là giữa những người chấp nhận đa nguyên chính trị và những người không chấp nhận đa nguyên chính trị, giữa những người muốn đổi mới và những người không chịu đổi mới. Những phát biểu can đảm của những người từ trong lòng bộ máy cộng sản cho thấy rằng những sự phân chia quốc cộng không còn ý nghĩa trong cuộc đấu tranh giành tự do dân chủ hiện nay.

Đối lập dân chủ đa nguyên cần có sự hiện diện tích cực, rộng khắp và công khai ở trong nước. Như thế chúng ta không nên bài xích mà trái lại còn phải khuyến khích mọi giao lưu giữa trong và ngoài, kể cả những hoạt động kinh doanh của người Việt hải ngoại tại quốc nội. Chúng ta cần nhận định một cách thực tiễn rằng ngay cả nếu toàn bộ cộng đồng người Việt hải ngoại có nhất trí tẩy chay mọi hoạt động kinh tế với quốc nội đi nữa thì chọn lựa này cũng sẽ không thay đổi được tình thế, và không có ảnh hưởng trên quyết định đầu tư hay không đầu tư vào Việt Nam của các công ty ngoại quốc. Mặt khác, nếu người Việt Nam không có mặt trong hoạt động kinh tế thì các thế lực kinh tế nước ngoài sẽ hoàn toàn thao túng, đất nước sẽ mất chủ quyền kinh tế, dù sau này chúng ta có chính quyền nào đi nữa. Chúng ta cũng khó có thể đề nghị một

chính sách kinh tế đúng cho đất nước nếu chúng ta không có mặt trong sinh hoạt kinh tế để nhận diện được một cách chính xác những vấn đề đặt ra.

Đối thoại và thỏa hiệp là điều dĩ nhiên phải có, giữa những người hợp tác với nhau cũng như giữa những đối thủ chính trị một khi phương thức đấu tranh vũ trang đã bị gạt bỏ. Đối thoại với chính quyền cộng sản về một lịch trình thiết lập dân chủ là điều chắc chắn sẽ có. Nhưng mọi tổ chức, mọi cá nhân trách nhiệm cần phải cảnh giác để những gặp gỡ và trao đổi không xuất hiện như những hành động xé lẻ, đi đêm, chiêu hàng. Những gặp gỡ và đối thoại chỉ có ý nghĩa và tác dụng tốt nếu người đối thoại đại diện cho một tổ chức hay một khuynh hướng chính trị có sức mạnh.

Kết hợp là việc phải làm. Nhưng kết hợp không phải chỉ đơn thuần là một vấn đề của thiện chí. Chúng ta đã có rất nhiều thiện chí mà vẫn chưa hình thành được một kết hợp qui mô nào. Kết hợp đòi hỏi thời gian và kỹ thuật. Việc qui về một mối là điều không thể có bởi vì chúng ta chưa có một nhân vật nào hay một tổ chức nào đủ uy tín để làm điểm tập trung cho đối lập Việt Nam. Còn lại công thức kết hợp trên một lập trường chung, một dự án chính trị chung cho đất nước; giữa các tổ chức ngang hàng với nhau, tôn trọng lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau trong đó mỗi tổ chức giữ nguyên bản thể, giữ nguyên sáng kiến, giữ nguyên tự do hoạt động và phát triển trên căn bản lập trường chung. Cách kết hợp này tuy chưa chặt chẽ nhưng có thể thực hiện được một cách nhanh chóng, có khả năng phối hợp thúc đẩy mục tiêu chung và nhất là có khả năng đồng ý trên những ứng cử viên chung trong những cuộc bầu cử tự do thể nào cũng diễn ra trong tương lai gần mà đối lập Việt Nam phải chuẩn bị ngay để giành thắng lợi.

Cũng cần phải chấm dứt lối làm chính trị nhân sĩ đã phá sản của người Việt Nam. Cho tới nay hình như có một sự đồng ý rất lớn là cách làm chính trị hay nhất là cố gắng tạo cho mình một uy tín, rồi tránh lấy thái độ dù chỉ là để bênh vực sự đúng đắn và phê phán sự sai trái, tránh làm phật ý để khỏi bị đả kích hay đốt cháy, và chờ đợi một cơ hội tốt. Cách làm chính trị này thực ra không mấy lương thiện. Nó đã khiến chúng ta có quá nhiều người muốn làm trù bị của quốc gia và có quá ít người nhận vai trò tiên phong và chủ lực với những rủi ro của nó. Nó đã khiến chúng ta không có được một lực lượng đối lập có tầm vóc mặc dầu có rất nhiều người đối lập. Nó đã dung túng những hành vi bất xứng làm nản lòng nhiều người có thiện chí và khiến quần chúng khinh thường hoạt động chính trị vào giữa lúc cần có những vận động chính trị lớn. Đất nước đang cần một thay đổi lớn và đang cần có những con người quả cảm, dám coi nhẹ chỗ đứng của mình, phát biểu mạnh dạn những gì mình nghĩ, quả quyết dẫn thân tranh đấu với những tổ chức mà mình thấy là đứng đắn, đồng thời tôn trọng những chọn lựa của người khác. Những con người quả cảm dù khác chính kiến cũng vẫn tôn trọng lẫn nhau. Và sự kính trọng lẫn nhau chắc chắn sẽ đem lại phẩm giá cho hoạt động chính trị và những người đấu tranh chính trị.

Lịch sử sẽ không dành cho ngày 30-4-1975 một chỗ đứng vinh quang. Dân tộc Việt Nam không có lý do gì để hãnh diện về ngày 30-4-1975 và về cuộc chiến mà nó kết thúc. Cuộc chiến này đã chỉ tàn phá đất nước Việt Nam và làm đổ máu Việt Nam trong ba mươi năm để rồi bài tiết ra một trong những chế độ độc tài gian trá và tồi dở nhất thế giới.

Bước vào năm thứ mười bảy của chế độ cộng sản chúng ta có thể lạc quan rằng đất nước đã tiến được một đoạn đường rất dài về dân chủ và chế độ độc tài sắp cáo chung. Nhưng chúng ta cũng phải lùi ngòi nhìn nhận rằng tiến bộ này đã chỉ do phản xạ tập thể tốt của quần chúng, do những biến đổi của thế giới và do sự tồi dở của những người lãnh đạo chế độ độc tài cộng sản mà có, chứ không phải là thành quả của một vận động qui mô nào. Nhưng chính vào lúc mà chúng ta nhận ra sự kém cỏi của mình thì cũng là lúc chúng ta bắt đầu có thể có những đóng góp lớn.

Một cách nhìn cuộc chiến(Thông Luận số 82, tháng 5-1995)

Đến nay nước ta đã thống nhất được hai mươi năm. Dù đó chỉ mới là sự thống nhất về hành chánh, nhưng đó cũng là một yếu tố tích cực cần được đánh giá đúng tầm quan trọng. Nếu đọc thật kỹ lịch sử thì trong bốn thế kỷ qua kể từ ngày miền Nam được mở ra, chúng ta chẳng có được bao nhiêu năm thống nhất.

Nhưng chúng ta đã phải trả cho sự thống nhất này một cái giá quá đắt. Quá đắt, và vô lý, vì chúng ta đã có thể tránh khỏi cuộc chiến 30 năm, làm bốn triệu người chết, đất nước tan hoang và còn để lại nhiều thương tật có thể kéo dài cả thế kỷ. Hậu quả của nó là chúng ta đã trở thành một nước lạc hậu và vẫn còn phải chịu đựng một chế độ độc tài khắc nghiệt.

Đã có vô số nghiên cứu, phân tích và nhận định về cuộc chiến tranh này. Nhưng cho tới nay, hình như chưa ai nhận định về một đặc tính quan trọng : cuộc chiến ô nhục này đã có, đã tàn phá như thế và đã kéo dài như thế bởi vì chúng ta thiếu lòng yêu nước.

*

Lòng yêu nước của người Việt có thể chỉ là một ngộ nhận.

Nếu để tâm quan sát người cộng sản và có dịp tâm tình với nhiều người cộng sản ở nhiều trình độ, ta có thể quả quyết rằng đại bộ phận người cộng sản đã theo đảng cộng sản vì chủ nghĩa chứ không phải vì lòng yêu nước. Lòng yêu nước chỉ đóng một vai trò thứ yếu trong chọn lựa của họ. Có thể họ nghĩ rằng họ yêu nước, nhưng động cơ đã khiến họ phấn đấu và hy sinh là chủ nghĩa.

Ai đã có dịp vào thăm Viện Bảo Tàng Cách Mạng đều có thể nhìn thấy lá cờ lịch sử của Phong Trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cái nội tình cảm của đảng cộng sản Việt Nam. Là cờ màu đỏ này chỉ có tám chữ : "Vạn Tuế Xô Nga, Xô Nga Vạn Tuế". Chỉ có thế, ngay cái tên Xô Viết Nghệ Tĩnh cũng rất ý nghĩa. Khẩu hiệu của Phong Trào này là "Trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ". Không có gì là quốc gia dân tộc. Phong Trào này đã bị đàn áp trong một cuộc tắm máu sau khi đã là tác giả của một cuộc tắm máu mà các nạn nhân đều là người Việt. Từ đó và sau này, người cộng sản đã hy sinh một cách rất dũng cảm.

Nhưng cái gì đã làm nức lòng họ, đã khiến họ chấp nhận những hy sinh rất phi thường, không phải là lòng yêu nước mà là giấc mơ cộng sản, giấc mơ được giải phóng khỏi sự áp bức và chà đạp. Trong quá trình tranh đấu đạt đến thắng lợi của họ, người cộng

sản đã dẫm đạp lên hàng ngàn hàng vạn tử thi của những người mà họ biết rất là yêu nước. Trong chiến dịch cải cách ruộng đất, họ không ngần ngại tàn sát cả hàng trăm ngàn người, không phải vì chống lại họ mà vì thuộc giai cấp xấu, kể cả những người đã có công với đảng. Một đảng yêu nước không hành động như thế. Họ cũng đã không do dự phát động cuộc chiến chinh phục miền Nam, thách thức cả cường quốc số một trên thế giới, chấp nhận cho đất nước tan hoang ("sông có thể cạn, núi có thể mòn" theo lời ông Hồ Chí Minh) để chủ nghĩa cộng sản được toàn thắng. Họ không hề ngần ngại trước những đổ vỡ mà đất nước có thể phải gánh chịu. Chiếm được miền Nam, họ cư xử như một đội quân chiếm đóng, hạ nhục tập thể và bỏ tù cả nước. Không có gì là tình dân tộc, nghĩa đồng bào. Ghê gớm hơn nữa, họ tự nghĩ là đã rất nhân đạo, bởi vì những người thua trận đều đáng tội chết vì đã dám chống lại chủ nghĩa cộng sản. Người ta không thể yêu nước Việt Nam mà không hề xót thương người Việt Nam và đất nước Việt Nam như thế.

Trong phe quốc gia, lòng yêu nước cũng không có chỗ đứng. Các chính phủ quốc gia đều không phải do những người yêu nước lãnh đạo mà do những người đã hợp tác một cách rất thành thật với chính quyền thuộc địa Pháp. Họ không hề yêu nước và không đặt vấn đề yêu nước. Trường hợp Ngô Đình Diệm rất điển hình. Ông có một quá khứ dài hợp tác với người Pháp, và cả với người Nhật. Dầu vậy ông không hề có mặc cảm về quá khứ ấy khi lãnh đạo đất nước. Trái lại ông hách dịch và khinh miệt đối với những người đã tranh đấu giành độc lập. Với các tướng lĩnh sau này, vấn đề yêu nước không đặt ra. Họ chỉ là những người lính chuyên nghiệp dưới tất cả mọi chế độ. Bài diễn văn từ chức của ông Thiệu cuối tháng 4 năm 1975 là một dẫn chứng. Ông Thiệu nói rằng trước đây người Mỹ chi cho cuộc chiến Việt Nam hơn 20 tỷ đô-la mỗi năm, nay họ chỉ cấp cho ông 1 tỷ mỗi năm, như vậy ông chỉ đủ để "đánh" được 15 ngày. Rõ ràng là ngôn ngữ của một tên lính đánh thuê.

*

Một dân tộc có một lịch sử dài như dân tộc Việt Nam, tất nhiên phải có một tình cảm quốc gia nào đó. nhưng tình cảm đó không mạnh vì không được bảo trọng và nuôi dưỡng. Hậu quả là lòng yêu nước của chúng ta tuy có, nhưng rất mờ nhạt. Nó luôn luôn ở dưới một cái gì khác, chủ nghĩa, chính kiến, tôn giáo hay địa vị cá nhân.

Người Việt Nam không yêu nước như ta tưởng. Có lẽ vì vậy mà các đảng phái quốc gia thuần túy dựa trên lòng yêu nước như Việt Nam Quốc Dân Đảng và một số hệ phái Đại Việt đã không được hưởng ứng. Ban lãnh đạo đảng cộng sản ngày nay bị chán ghét vì họ hủ lậu, tham nhũng chứ không phải vì họ không yêu nước. Những người lãnh đạo các chính quyền quốc gia đã thất bại vì họ tồi dở chứ không phải vì họ không yêu nước. Những người yêu nước có trong cả hai phe, nhưng họ đã không có chỗ đứng nào đáng kể. Yêu nước chưa bao giờ là một yếu tố quyết định.

Tôi không bài xích người Việt, trái lại tôi nghĩ rằng người Việt không yêu nước là đúng bởi họ thiếu lý do để yêu nước.

Người ta có thể yêu nước vì một niềm hãnh diện. Người Mỹ yêu nước vì hãnh diện là công dân của cường quốc số một trên thế giới. Người Nhật hãnh diện vì những thành công vượt bậc của nước họ. Người Pháp, người Anh, người Đức hãnh diện về những thành tựu văn hóa, khoa học. Người Thụy Sĩ, người Hòa Lan hãnh diện vì họ là những dân tộc rất nhỏ mà vẫn cạnh tranh thắng lợi được với các dân tộc đông người và giàu tài nguyên. Người Việt Nam có lý do nào để hãnh diện ?

Người ta cũng có thể yêu nước vì quyền lợi. Đối với các dân tộc tiến bộ, tổ quốc là bảo đảm an ninh và nhân phẩm, là công ăn việc làm, là công lý, là an sinh xã hội, là trường học cho con cái. Đối với người Việt Nam, tổ quốc là chiến tranh, là nghèo đói, là công an, là mối đe dọa có thể bị bắt bớ bất cứ lúc nào.

Người ta cũng có thể yêu nước mặc dầu không có niềm hãnh diện nào và quyền lợi nào mà chỉ vì đất nước là của mình. Như người ta có thể yêu cha mẹ nghèo khó, yêu đứa con tật nguyền vì đó là cha mẹ mình, là con cái mình. Nhưng tổ quốc Việt Nam cũng không phải là của người Việt Nam, mà luôn luôn bị chiếm đoạt làm của riêng một đảng.

Người người Việt Nam hay nhắc lại một cách máy móc câu nói của J.F. Kennedy : "đừng hỏi đất nước đã làm gì cho bạn, hãy tự hỏi bạn đã làm gì cho đất nước". Họ quên rằng Kennedy là công dân của cường quốc số một trên thế giới, và là một trong những con người đã được đất nước phồn vinh ấy tặng cho tất cả.

*

Chúng ta khó yêu nước vì thiếu truyền thống yêu nước, nếu hiểu yêu nước - theo định nghĩa duy nhất chấp nhận được - là tình cảm tự nguyện của một con người có chọn lựa, do sự gắn bó mật thiết và hài hòa với đất nước. Trước đây, dưới các chế độ quân chủ, nước là của vua. Sau đó chúng ta mất nước và không có quyền yêu nước. Kế đến là một cuộc chiến khốc liệt, trong đó tổ quốc được lấy làm lý do để tàn sát lẫn nhau. Cuối cùng là một chế độ độc tài trong đó một đảng bắt chấp người dân chiếm đoạt đất nước làm của riêng mình.

Chúng ta cũng khó yêu nước vì thiếu văn hóa. Yêu nước là một hiện tượng văn hóa. Xét cho cùng thì mọi quốc gia đều được xây dựng trên những cuốn sách. Chúng ta thiếu sách. Chúng ta thiếu những triết gia và những nhà tư tưởng, và vì thế thiếu đồng thuận dân tộc, và khó có thể yêu nước.

Lòng yêu nước cũng cần được phát triển bằng một cố gắng bền bỉ, trong một bối cảnh lành mạnh và trang trọng. Lòng yêu nước của chúng ta không những không được nuôi dưỡng mà còn bị lố bịch hóa. Người cộng sản không coi lòng yêu nước là gì, họ đã chỉ lặp lại quan niệm của thời quân chủ chuyên chính trong đó ái quốc đồng nghĩa với trung quân khi họ quá quyết "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội". Chúng ta cũng đã từng được nghe chán tai các danh xưng "Trí thức yêu nước", "Công giáo yêu nước", "Phật giáo yêu nước". Bao giờ cũng thế, hai chữ "yêu nước" luôn luôn có tác dụng làm nhảm nhí hóa ý niệm mà nó đi kèm.

Vì những lý do lịch sử và văn hóa đó, lòng yêu nước nơi người Việt Nam không thể mạnh. Chúng ta thường nghĩ mình yêu nước. Nhưng đó có thể chỉ là một ngộ nhận máy móc do ảnh hưởng của một nền giáo dục trong đó lòng yêu nước đã được áp đặt như một giá trị phải chấp nhận chứ không được bàn cãi. Nhưng thực ra chúng ta không yêu nước, hay ít nhất không yêu nước như mình tưởng. Muốn yêu nước Việt Nam phải làm một cố gắng rất lớn.

Nhưng dầu sao thì chúng ta cũng vẫn là người Việt Nam, và trù trường hợp của những người có thể chọn lựa và đã chọn lựa một tổ quốc khác, chúng ta vẫn phải gắn bó với đất nước Việt Nam. Tương lai của chúng ta gắn liền với tương lai của Việt Nam. Chúng ta đã rất khổ vì đất nước nhưng chúng ta vẫn chưa đau khổ bằng những dân tộc đã mất nước. Hãy nhìn người Kurd, người Palestine, người Somalia... Không ai biết rồi đây nhân loại sẽ chuyển hóa như thế nào, nhưng trong ít nhất vài thế kỷ nữa đất nước vẫn cần cho một đời người. Như khu rừng cần cho con cọp để vùng vẫy, như cái hôn cần cho đứa trẻ để lớn lên.

Chúng ta không có chọn lựa nào khác hơn là xây dựng một đất nước Việt Nam chung. Và để xây dựng tương lai chung đó, lòng yêu nước vẫn là mẫu số chung bắt buộc. Chính vì thiếu lòng yêu nước mà chúng ta đã chịu nhiều tai họa. Chính vì thiếu lòng yêu nước chúng ta đã không thỏa thuận được với nhau và đã không tránh được cuộc chiến khốc liệt vừa rồi. Không có lòng yêu nước chúng ta sẽ còn phải chịu nhiều khổ đau khác nữa.

*

Điều kiện tiên quyết của cuộc đấu tranh cứu nước - khỏi họa độc tài và nguy cơ thua kém vĩnh viễn - là phải phục hồi và phát huy lòng yêu nước. Nhưng lòng yêu nước là một ý niệm cần phát minh lại.

Trước hết nhìn nhận rằng chúng ta chưa yêu nước đúng mức cũng đã là bắt đầu yêu nước.

Sau đó cần phải ý thức rằng trong thời đại này, yêu nước không còn là một bổn phận. Người dân không bị bắt buộc phải yêu nước, trái lại chính tổ quốc phải tranh thủ tình cảm của người dân. Phải thay thế cái tổ quốc hạch sách và khắc nghiệt bằng một tổ quốc bao dung và hiền hòa.

Cũng cần phải định nghĩa lại quốc gia. Lãnh thổ, lịch sử và những con người không còn là những yếu tố đầy đủ để định nghĩa một quốc gia nữa. Vào thời đại này, quốc gia trước hết là sự chấp nhận chia sẻ một tương lai chung. Không có đồng thuận ấy thì người dân không thể yêu nước và quốc gia sẽ tan rã chắc chắn. Và đồng thuận chỉ có thể có trong một đất nước có chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho tất cả mọi người. Đó là điều kiện sống còn của đất nước Việt Nam, vì chỉ có nước Việt Nam đó mới đáng yêu và đáng xây dựng, chỉ có nước Việt Nam đó mới tồn tại lâu dài được. Cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền vẫn còn dài và cam go, nhưng ngay từ bây giờ điều mà đối lập dân chủ có thể làm được là - bằng lập trường, bằng thái độ và bằng hành động - vẽ ra chân dung của một tổ quốc Việt Nam mới.

Tổ quốc đó sẽ là tổ quốc của mọi người, một tổ quốc có trái tim chứ không phải chỉ có nanh vuốt. Một tổ quốc quyến rũ thay vì một tổ quốc bắt chẹt. Một tổ quốc đáng yêu thay vì một tổ quốc đáng sợ. Tổ quốc ấy biết rằng người dân đã rất chán mình, và biết đó là lỗi của mình. Tổ quốc ấy biết ăn năn.

*

Tôi biết chuyện một gia đình bi đát. Người cha vô tích sự và hung bạo. Gia đình là một địa ngục. Một ngày kia đứa con đã lớn và quyết định bỏ đi. Người cha sám hối, im lặng nhìn con xếp hành lý. Đến khi nó đã ra tới ngưỡng cửa, ông bảo nó : "Con bỏ ra đi là đúng, tất cả là lỗi của bố. Bố xin lỗi con và chỉ còn biết chúc con may mắn". Một thời gian sau, đứa con trở về.

Tổ quốc Việt Nam cũng thế. Tổ quốc Việt Nam cũng phải biết ăn năn. Tổ quốc ăn năn thì tổ quốc lại đáng yêu. Tổ quốc đáng yêu thì tổ quốc lại sẽ mạnh. Và mọi người sẽ được toại nguyện. Cọp lại có rừng để vùng vẫy, con trẻ lại có mẹ để hôn.

Vài suy nghĩ về cộng đồng người Việt hải ngoại (Thông Luận 104, tháng 5-1997)

Những đam mê của cuộc chiến quốc - cộng đã đưa tới hai cái nhìn khác nhau về ngày 30-4-1975. Đối với một bên đó là ngày chiến thắng vinh quang, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Đối với một bên khác đó chỉ là một ngày quốc hận. Cả hai cách nhìn này đều có lý do của chúng. Nhưng chúng làm quên đi một sự kiện quan trọng, đánh dấu một khúc quanh lớn đối với nước ta : ngày 30-4-1975 đã là ngày ra đời của cộng đồng người Việt hải ngoại. Trước đó số người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài, tuyệt đại đa số tại Pháp và Nouvelle Calédonie, quá ít để có thể được coi là một cộng đồng.

Việc thiếu vắng một cộng đồng hải ngoại đối với một dân tộc đông đảo như dân tộc ta là một điều rất bất thường và đã là một yếu tố giải thích những bất hạnh của chúng ta trong thế kỷ này.

*

Vào ngày 30-4-1975, khoảng 130.000 người Việt đã đào thoát khỏi Việt Nam, đó là ngày di tản lớn nhất trong lịch sử nước ta. Sau đó làn sóng tị nạn tiếp tục, đạt cao điểm vào năm 1979. Theo nhiều ước tính, trước sau đã có khoảng một triệu rưỡi người rời Việt Nam bằng các phương tiện khác nhau. Những người ra đi phần lớn ở vào tuổi sinh đẻ mạnh cho nên trong vòng một thế hệ số người Việt ở nước ngoài, mang nhiều quốc tịch khác nhau, đã gia tăng rất nhiều.

Từ đầu thập niên 1980 lại có thêm một phong trào xuất ngoại khác do chính quyền tổ chức : phong trào đi lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa, trước sau vào khoảng 500.000 người ; khoảng 70.000 trong số người này đã chọn ở lại nước ngoài.

Nói chung có thể ước lượng số người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài thuộc mọi lứa tuổi vào khoảng hai triệu rưỡi người. (Xin mở một dấu ngoặc ở đây, trong khuôn khổ hạn hẹp vài chục người của gia đình tôi và trong khuôn khổ lớn hơn của môi trường mà tôi quen biết số sinh ra tại nước ngoài đông hơn số ra đi tại Việt Nam). Số người có trình độ đại học và còn trong tuổi lao động thường được ước lượng ở mức từ 200.000 đến 250.000 và gia tăng nhanh chóng. Trong vòng mười năm nữa, con số chuyên viên có trình độ đại học trong cộng đồng người Việt hải ngoại có thể đạt tới 400.000.

Điều thường được ghi nhận là người Việt hải ngoại đã thích nghi nhanh chóng với cuộc sống ly hương và khá thành công. Tình trạng người Việt tại các nước Đông Âu và Liên Xô cũ còn bấp bênh, nhưng tại các nước phương Tây người Việt hải ngoại đã gần bắt

kip mức trung bình quốc gia tại nước tiếp cư. Riêng tại Pháp có thể nói mức trung bình này đã được vượt qua. Đó là điều mà người Việt hải ngoại có thể tự hào. Điều này cũng chứng minh rằng người Việt Nam không dở, nếu nước Việt Nam không vươn lên được thì đó là vì tổ chức xã hội và chế độ chính trị của Việt Nam dở.

Riêng về mặt giáo dục và đào tạo, sự thành công còn khả quan hơn. Tuổi trẻ Việt Nam lớn lên tại hải ngoại, nói chung, thành công về học vấn hơn cả tuổi trẻ bản xứ. Đây là một yếu tố rất quan trọng cho những dự đoán tương lai về vai trò của cộng đồng người Việt hải ngoại trong tiến trình phát triển đất nước.

*

Sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại là một biến cố hoàn toàn mới trong lịch sử nước ta và cần được nhận thức đúng tầm quan trọng của nó. Xã hội ta xây dựng trên tâm lý nông nghiệp, sống nhờ đất và quyến luyến với đất. Cho tới đầu thế kỷ này đất vẫn còn đủ để nuôi chúng ta và những đòi hỏi cơ bản của chúng ta cũng rất giản dị, cho nên chúng ta không có nhu cầu đi xa, tìm những không gian mới và những chân trời mới, dần dần trở thành một dân tộc thiếu óc mạo hiểm và sáng tạo. Do đó với thời gian chúng ta thua kém các dân tộc cùng một văn hóa như Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản. Không đi xa chúng ta không quan sát được thế giới bên ngoài để ý thức được sự thua kém đó và thường hay có thái độ tự mãn lơ lửng, thái độ mà một câu tục ngữ của ta gọi là "ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung". Không thiếu gì người Việt Nam, kể cả trí thức khoa bảng, mặc dầu không dựa trên một cơ sở nào vẫn quả quyết một cách chắc nịch là cách đây không lâu chúng ta không thua kém gì Trung Hoa, Nhật và Triều Tiên, trong khi sự thực khác hẳn.

Phải khiêm nhường mà nhận định rằng hầu hết các tiến bộ mà chúng ta có được đã do ngoại bang đem lại khi họ đến thống trị nước ta chứ không phải do ta chủ động du nhập. Chúng ta nhờ các thái thú như Nhâm Diêm, Sĩ Nhiếp mà biết cày cấy và hấp thụ nho giáo. Một ngàn năm Bắc thuộc tuy nhục nhằn và suýt nữa làm ta mất nước nhưng cũng đã giúp chúng ta tiến lên. Qua hai thời độc lập cực thịnh Lý, Trần chúng ta thua kém Trung Hoa rõ rệt. Đầu thế kỷ 15 Nguyễn Trãi kể tội quân Minh bắt dân ta "lên rừng đào mỏ, xuống biển mò châu, đào hố bẫy hươu, làm lưới bắt chim". Bản cáo trạng này chứng tỏ họ đã vượt xa chúng ta rất nhiều về kỹ thuật chẳng hạn như đã có kỹ nghệ luyện kim trong khi chúng ta dậm chân tại chỗ sau bốn thế kỷ độc lập. Chúng ta đã ngỡ ngàng khi tiếp xúc với các nước phương Tây và đã không thích ứng kịp thời với tình huống mới để rồi bị người Pháp còng tay dẫn vào thế giới tiến bộ. Cho đến nay, phải buồn phiền mà nhìn nhận rằng nước ta đã tiến bộ nhanh chóng hơn khi ta bị ngoại thuộc so với khi ta có chủ quyền. Các khuôn mặt lịch sử xuất sắc của ta, dù là Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn, Cao Bá Quát hay về sau này Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, v.v... và ngay cả Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm cũng đã vượt lên được nhờ tiếp xúc với thế giới bên ngoài.

Sự thiếu vắng một cộng đồng người Việt hải ngoại đã khiến ta luôn luôn tiếp thu chậm một vài bước những kiến thức mới và giải thích những bối rối và thua kém của chúng ta. "Đi một ngày đàng học một sàng khôn" như các cụ ta đã nói. Chúng ta không có cộng đồng hải ngoại, nghĩa là không đi, cho nên chúng ta không khôn và luôn luôn hành động một cách vụng dại. Đầu thế kỷ này các nhà lãnh đạo tinh thần, tiêu biểu là hai cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, đã cổ vũ cho phong trào xuất dương du học. Đợt sóng di dân khởi đầu từ ngày 30-4-1975 đã thể hiện trên một mức độ không tưởng tưởng nổi giấc mộng Đông Du và Tây Du của các cụ. Nhờ đó mà lần đầu trong lịch sử chúng ta có một cộng đồng hải ngoại có tầm vóc.

Đối với mọi dân tộc, cộng đồng hải ngoại là một yếu tố cần thiết. Nó là tai và mắt của dân tộc để quan sát và học hỏi, một dân tộc không có cộng đồng hải ngoại không khác gì một người vừa điếc vừa mù. Đó cũng là các đầu cầu khoa học, kỹ thuật và thương mại vô cùng quý báu. Các nước mới phát triển gần đây đã được nhờ rất nhiều ở một cộng đồng hải ngoại hùng mạnh.

Đối với Việt Nam, với sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại, chúng ta lần đầu tiên có được một yếu tố cần thiết cho đất nước mà chúng ta chưa có. Nhờ đợt xuất ngoại vĩ đại này người Việt làm quen được với mọi nếp sống và mọi nền văn minh, đã thử nghiệm mọi khuôn mẫu tổ chức xã hội và mọi chế độ chính trị, đã có những chuyên viên Việt Nam trong mọi bộ môn khoa học kỹ thuật. Cộng đồng này nếu quan hệ mật thiết được với đất nước sẽ là một bảo đảm rằng chúng ta sẽ không bị thế giới bỏ lại đằng sau, sẽ rũ bỏ được mọi cố chấp và thành kiến, sẽ vĩnh viễn ra khỏi ngõ cụt thủ cựu.

*

Vì không nhận định được vai trò, tầm quan trọng và sự cần thiết của cộng đồng người Việt hải ngoại mà những người chống đối nhau đã làm những sai lầm giống nhau. Chính quyền cộng sản Việt Nam khi tổ chức đợt vượt biên bán chính thức các năm 1978, 1979 và 1980 đã chỉ nhắm mục đích làm tiền và tống xuất những thành phần đáng ngờ vực, đặc biệt là người Việt gốc Hoa. Họ hoàn toàn không có ý định tạo ra một cộng đồng người Việt hải ngoại. Trong một thời gian dài họ đã thỏa mạ cộng đồng người Việt tị nạn là những người phản bội quê hương chạy theo đế quốc. Gần đây thái độ của chính quyền cộng sản đối với người Việt hải ngoại có phần hòa dịu đi nhưng cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn chỉ được nhìn như một con bò sữa không hơn không kém.

Người Việt hải ngoại bị phân loại tốt, xấu và khi muốn về thăm nhà phải qua các thủ tục rà soát gắt gao. (ở đây lại xin mở một dấu ngoặc khác về chuyện gia đình, xin lỗi quý vị độc giả. Mẹ vợ tôi đột ngột qua đời năm ngoái, ông anh vợ tôi, một người đã nghỉ hưu và hoàn toàn không có một hoạt động chính trị nào, đến tòa đại sứ xin chiếu khán khẩn

cấp nhưng bị từ chối, sứ quán cho biết trường hợp nào cũng phải đợi bên nhà cho phép, ông ấy phải trả lại vé máy bay đã mua). Không một tờ báo Việt ngữ hải ngoại nào được phép lưu hành tại Việt Nam. Những gương mặt mà cộng đồng người Việt hải ngoại mến mộ nhất đã hoặc đang ở tù như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Quảng Độ, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, hoặc đang bị trấn áp như Hà Sĩ Phu, Bảo Cự, Nguyễn Thanh Giang... Sự xấc xược và khiêu khích khó có thể lớn hơn. Thay vì tìm mọi cách để gia tăng sự gắn bó giữa người Việt trong và ngoài nước như mọi chính quyền thông minh và trách nhiệm phải làm, chính quyền cộng sản đã tìm đủ mọi cách để ngăn chặn sự giao lưu : cấm đoán tài liệu, kiểm soát thư từ, lập "tường lửa" trên lưới Internet, hăm dọa những người liên hệ nhiều với hải ngoại, v.v...

Các lực lượng chống cộng cực đoan tại hải ngoại cũng đã từng tìm đủ mọi cách để ngăn chặn giao lưu giữa trong và ngoài nước : kêu gọi dừng tiếp tế cho thân nhân ở Việt Nam vì như thế cũng là tiếp máu cho cộng sản, tung ra các chiến dịch "chống kinh tài Việt Cộng" và "chống du lịch Việt Cộng", có lúc dùng cả những biện pháp độc ác như lập danh sách người về thăm quê hương để tố giác với chính quyền các nước tiếp cư làm họ mất thẻ tị nạn.

Nhưng điều đáng mừng là những cấm cản từ cả hai phía đã không cắt đứt được sợi dây ràng buộc người Việt hải ngoại với quê hương. Từ năm 1975 cộng đồng người Việt hải ngoại đã trợ giúp cho đất nước hơn nhiều lần bất cứ một cường quốc nào. Hiện nay phần lớn các tổ chức từ thiện, không kể chi nhánh của các tổ chức từ thiện quốc tế, đều do cộng đồng người Việt hải ngoại tài trợ. Những giao lưu giữa trong và ngoài nước cũng đã có tác dụng thay đổi tâm lý và cái nhìn của đồng bào trong nước theo một chiều hướng tốt, dù có thể là không tốt dưới mắt chính quyền cộng sản. Mỗi người về đều là một nguồn thông tin về thế giới bên ngoài, đều mang theo một nếp sống khác và một cách làm việc khác, đồng thời cũng là một nhân chứng có thể tố giác những biện pháp thô bạo. Có thể nói cộng đồng người Việt hải ngoại đã đóng góp rất nhiều vào một diễn tiến hòa bình đưa đất nước tới dân chủ. Diễn tiến này cần cho đất nước và xét cho cùng cũng là một cơ may đối với chính đảng cộng sản nếu họ không mù quáng ngoan cố đòi giữ mãi chế độ độc tài toàn trị, điều mà chỉ cần một sáng suốt tối thiểu họ cũng phải biết là không thể làm được.

Đóng góp của cộng đồng người Việt hải ngoại cho đất nước đến nay đã rất lớn, nhưng còn có thể nhiều lần lớn hơn nếu liên hệ giữa trong và ngoài nước được khuyến khích và cổ vũ thay vì bị ngăn chặn. Một cách giản dị, trong số hai triệu rưỡi người Việt sống ở các nước phát triển phương Tây, chỉ cần lấy một GDP lý thuyết rất khiêm nhường, rất dưới sự thực, là 10.000 USD mỗi năm mỗi đầu người (GDP trên mỗi đầu người tại các nước phát triển là 20.000 USD, không nên lầm con số này với lợi tức sử dụng được, disposable income hay revenu disponible), và cũng chỉ cần lấy một tỷ lệ tiết kiệm

vừa phải là 15% GDP thì hàng năm cộng đồng người Việt hải ngoại cũng có một tiềm năng đầu tư gần 4 tỷ USD mỗi năm. Một nửa số tiền này đủ để đầu tư phát triển đất nước một cách đều đặn mà không phải cầu cạnh, và bị lệ thuộc, bất cứ một thế lực ngoại bang nào. Mặt khác 250.000 chuyên viên hiện nay, 400.000 trong 10 năm nữa cũng là một nguồn chuyển giao kiến thức và khoa học, kỹ thuật vô cùng phong phú và đa dạng. Nhưng tất cả những tiềm năng này chỉ có thể khai thác được nếu có liên hệ thân thiết giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và đất nước. Tất cả trở ngại là chính quyền cộng sản không đặt vấn đề đất nước mà chỉ đặt vấn đề quyền lực của đảng.

*

Đất nước cần cộng đồng người Việt hải ngoại và ngược lại cộng đồng người Việt hải ngoại cũng cần đất nước.

Đất nước cần cộng đồng người Việt hải ngoại bởi vì Việt Nam không thể tìm được một siêu cường nào có thể giúp đỡ mình nhiều hơn là cộng đồng người Việt hải ngoại, một sự giúp đỡ to lớn, đủ mặt và tận tình.

Ngược lại người Việt hải ngoại cần đất nước vì đó là sợi dây gắn bó họ với nhau. Không có sợi dây này thì người Việt hải ngoại chỉ là những cá nhân rời rạc, không có sức mạnh tập thể và không thể cạnh tranh được với người bản xứ và các cộng đồng khác. Đất nước Việt Nam không vươn lên thì cái gốc Việt Nam sẽ chỉ là một gánh nặng, một lý do để bị khinh thường so với các cộng đồng hải ngoại khác. Một nước Việt Nam dân chủ và cởi mở cũng là một địa bàn đầu tư và hoạt động quý báu vì ở đó họ vùng vẫy thoát mái như cá trong nước.

Hiện nay cả đất nước lẫn cộng đồng người Việt hải ngoại đều đang có vấn đề.

Đối với đất nước, đóng góp của cộng đồng người Việt hải ngoại đang có chiều hướng giảm đi thay vì tăng lên. Số người về du lịch Việt Nam cũng giảm sút. Đến nay do chính sách thô vụng của nhà nước cộng sản, mối liên hệ duy nhất giữa người Việt hải ngoại và đất nước là liên hệ gia đình. Mối liên hệ này dần dần dần ra với thời gian. Đã đến lúc cần phải thay thế mối liên hệ gia đình bằng ràng buộc với chính quê hương đất nước. Muốn như thế thì bất cứ một nhà nước thông minh nào cũng phải tìm mọi cách để thỏa mãn người Việt hải ngoại và gắn bó họ một cách hài hòa với quê hương. Phải có qua có lại chứ không thể có đóng góp một chiều mãi mãi. Phải tôn trọng những khát vọng của họ và hủy bỏ mọi hàng rào ngăn cản. Phải nhìn nhận tư cách công dân trọn vẹn của họ thay vì dự định ra một đạo luật tước bỏ quốc tịch Việt Nam của họ. Phải cấp cho tất cả những người Việt sinh sống ở nước ngoài một thông hành Việt Nam nếu họ muốn, để với thông hành này họ tự do ra vào Việt Nam bất cứ lúc nào mà không cần chiếu khán. Phải nhìn nhận một thực thể Việt Nam hải ngoại, cho thực thể này một tiếng nói trong các chọn lựa quốc gia, một chỗ đứng tượng trưng trong quốc hội. Tất cả

những điều này chỉ có thể thực hiện được trong một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên, ước vọng của tất cả người Việt hải ngoại.

Một chính quyền Việt Nam thông minh cũng phải tìm đủ mọi cách để tăng cường cộng đồng người Việt hải ngoại. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ vượt con số 80 triệu dân, với dân số này một cộng đồng người Việt hải ngoại hai triệu rưỡi người là khả quan nhưng chưa đủ. Trong vòng một vài thập niên nữa, chừng nào lợi tức bình quân của người Việt Nam vẫn chưa vượt quá con số 1.000 USD mỗi năm, một người ở nước ngoài, lương thiện và tận tình với đất nước mình đang sống nhưng thủy chung với quê hương gốc, có khả năng đóng góp cho đất nước lớn hơn là một người Việt ở Việt Nam. Bằng mọi sáng kiến - thí dụ như khuyến khích hôn nhân, khuyến khích sinh đẻ tại hải ngoại, con nuôi, công tác, lao động, du học và ngay cả đầu tư ra nước ngoài - phải tìm cách tăng số người Việt định cư ở nước ngoài. Chừng nào chúng ta có được một cộng đồng người Việt hải ngoại tám triệu người, chừng đó chúng ta có thể chắc chắn Việt Nam sẽ lành mạnh và phồn vinh.

Đối với cộng đồng người Việt hải ngoại, bên cạnh những yếu tố tích cực đáng lạc quan và tự hào, vẫn còn những mặt yếu và cũng có những nguy cơ mới. Điểm yếu đáng nói nhất là người Việt hải ngoại, nói chung, vẫn chỉ là một tập thể công nhân và kỹ thuật gia chứ chưa đạt được khả năng và tập quán kinh doanh, trong khi trong thế giới hiện nay thương mại là lãnh đạo, kỹ thuật chỉ là thừa hành. Nguy cơ trầm trọng nhất là căn bản Việt Nam đang hao mòn một cách rất nhanh chóng. Tuyệt đại bộ phận tuổi trẻ Việt Nam dưới 18 tuổi không còn nói và viết được tiếng Việt nữa ; sự kiện này thực đáng tiếc, khó khăn chính của tiếng Việt là phát âm họ vượt qua được rồi, chỉ cần một chú ý vừa phải thôi họ có thể làm chủ được tiếng Việt ; hơn nữa tiếng Việt cũng không phải là một ngôn ngữ thiếu số, trên trái đất này cứ một ngàn người thì có mười lăm người Việt. Một sự kiện đáng tiếc khác là rất ít cha mẹ nhắc nhở và khuyến khích con cái quan tâm đến quê hương đất nước. Trong những dự định tương lai của thanh niên Việt Nam hải ngoại đất nước Việt Nam không còn có mặt ; và khi quê hương không còn hiện diện trong dự liệu tương lai là sự từ bỏ đã bắt đầu rồi. Với đà này trong một thế hệ nữa người Việt hải ngoại tại Mỹ và tại Pháp sẽ xa lạ với nhau và sẽ nhìn nhau như người Mỹ và người Pháp.

Tất cả những vấn đề này đều lớn, đều cấp bách và đều chỉ có thể giải quyết được bằng một sự phối hợp giữa trong và ngoài. Tùy cách xử trí của chúng ta - "chúng ta" ở đây hiểu theo nghĩa rộng là cả cộng đồng dân tộc, trong đó có cả chính quyền Việt Nam và cộng đồng người Việt hải ngoại - mà sự ra đi của người Việt từ ngày 30-4-1975 tới nay sẽ là một cơ may lớn cho đất nước hay không.

*

Cộng đồng người Việt hải ngoại hình thành đến nay đã được 22 năm. Dù sự thành lập này đã liên tục trong nhiều năm và vẫn chưa chấm dứt, nhưng có thể tạm coi là cộng

đồng người Việt hải ngoại đã trưởng thành. Đã đến lúc chúng ta nên dành đôi chút thời giờ để nghĩ về mình và đất nước mình. Di dân đã là yếu tố cốt lõi trong quá trình dựng nước và mở nước của chúng ta. Tổ tiên ta, những người Lạc Việt đầu tiên, đã vì không chịu được sự khắc nghiệt ở phương Bắc mà kéo về phương Nam lập ra nước Việt. Nguyễn Hoàng vì tránh nạn mà đem theo những người bị đe dọa khác vào miền Trung mở rộng đất nước. Cuộc tương tranh Trịnh Nguyễn đã buộc nhiều người miền Trung tiến về phương Nam tránh chiến tranh, và miền Nam thành hình. Ngày 30-4-1975 một chế độ bạo ngược được áp đặt trên cả nước và lần này, vì đã dựa lưng vào biển cả, đoàn chim Việt đã bỏ xứ mà đi, toả rộng sự hiện diện của Việt Nam trên khắp thế giới. Tất cả những sự kiện lịch sử đó cuối cùng đều là những may mắn, nhưng đều xuất phát từ một tai họa, chúng ta đã chỉ chạy trốn một bất hạnh để rồi tình cờ chuyển họa thành phúc. Bao giờ chúng ta mới chủ động được số phận của mình để phát triển và vươn lên một cách có dự liệu và có tổ chức ?

Nhân dịp kỷ niệm ngày 30-4 và trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, đây có thể là một câu hỏi đáng được đặt ra.

Một suy nghĩ về ngày 30 tháng 4 (Thông Luận 115, tháng 5-1998)

Đã có vô số bài và sách của người Việt Nam cũng như người ngoại quốc về biến cố 30-4-1975. Đó là ngày chấm dứt một cuộc chiến đặc biệt nhất trong lịch sử Việt Nam, là ngày lãnh thổ Việt Nam thống nhất và hòa bình sau rất nhiều năm chia cắt và nội chiến, đó là ngày ra đời của cộng đồng người Việt hải ngoại ; đó cũng là ngày mà Việt Nam bắt đầu một tiến trình tụt hậu bi đát, và đó cũng là ngày bắt đầu tiến trình sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới.

Chúng ta sẽ không bao giờ phân tích đến nơi đến chốn những nguyên nhân, ý nghĩa và hậu quả của biến cố trọng đại này. Và vì thế chúng ta cần tiếp tục cố gắng tìm hiểu nó. Sau đây là một suy nghĩ trong nhiều suy nghĩ.

Trước hết là một nhận định sai cần được xét lại.

Quan điểm chung của thế giới, kể cả người Mỹ, là nước Mỹ đã thất bại trong cuộc "phiêu lưu quân sự tại Việt Nam". Bề ngoài thì quan điểm này đúng, người Mỹ đã phải rút lui khỏi Việt Nam, chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà họ bảo vệ đã sụp đổ và đầu hàng không điều kiện. Nhưng nếu nhìn về mặt chiến lược toàn vùng và toàn cầu thì kết quả lại khác.

Người Mỹ can thiệp vào Việt Nam trước hết là để chặn đứng sự bành trướng của phong trào cộng sản tại Châu Á và mục đích này hầu như đã đạt được trọn vẹn.

Indonesia từ sau thế chiến II chuyển dần vào quỹ đạo cộng sản. Đảng cộng sản Indonesia, với gần một triệu đảng viên, là đảng cộng sản mạnh thứ nhì tại Châu Á và kiểm soát chính quyền Sukarno. Indonesia là nước đông dân thứ ba tại Châu Á với một vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Nếu Indonesia lọt vào quỹ đạo cộng sản thì toàn bộ giao thông giữa Châu Âu và Trung Đông với Châu Á bị phong tỏa và Châu Á hoàn toàn bị khống chế. Indonesia quan trọng gấp nhiều lần Việt Nam, chưa nói riêng miền Nam Việt Nam. Tại đây Hoa Kỳ đã hoàn toàn thắng lợi. Sự biểu lộ quyết tâm và sức mạnh của Hoa Kỳ tại Việt Nam đã đem lại tin tưởng cho quân đội Indonesia chưa hoàn toàn bị đảng cộng sản kiểm soát, quân đội Indonesia trở thành một đe dọa cho đảng cộng sản Indonesia, buộc đảng này phải ra tay trước, tổ chức đảo chánh, để rồi thất bại và bị tàn sát trong vòng hai tuần lễ năm 1965. Không phải là một sự tình cờ mà chỉ một năm sau khi Hoa Kỳ đổ bộ ào ạt vào Việt Nam, tình hình Indonesia thay đổi hẳn. Sau khi đã lật ngược được thế cờ tại Indonesia, mục tiêu chiến lược chính của Hoa Kỳ tại Châu Á đã đạt được, Việt Nam không còn quan trọng nữa.

Nhưng Hoa Kỳ vẫn tiếp tục can thiệp tại Việt Nam sau đó, bỏ ra hàng chục tỷ đô la mỗi năm vì hai lý do : một là họ tin có thể thắng luôn tại Việt Nam, hai là họ cũng cần củng cố thêm các chế độ đồng minh tại Châu Á. Khối lượng đô la mà Hoa Kỳ đổ vào Việt Nam đã là một sức bật kinh tế quan trọng cho Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn và Thái Lan. Khi Hoa Kỳ quyết định rút lui khỏi Việt Nam năm 1973, các nước này đều đã vững mạnh. Nhật đã thành một đại cường, Đài Loan và Đại Hàn những nước kỹ nghệ hóa, Thái Lan đã cất cánh.

Cuộc chiến Việt Nam cũng đã làm kiệt quệ Liên Xô và khối cộng sản. Người Mỹ đã phí tổn rất nhiều tại Việt Nam, nhưng họ quá mạnh, nền kinh tế của họ chỉ giảm sút đà tăng trưởng. Liên Xô và khối cộng sản chi phí ít hơn nhưng đã chi phí quá sức và bị kiệt quệ.

Chiến thắng ngày 30-4-1975 cũng đã rất độc hại cho khối cộng sản, do tình trạng suy kiệt và tuyệt vọng trong một cuộc cạnh tranh hòa bình, họ phải chọn lựa chiến lược liều lĩnh "thừa thắng xông lên" tương tự như Hitler quyết định tấn công Liên Xô năm 1942 và làm mất đi một cơ hội duy nhất để vươn lên, đó là cuộc khủng hoảng dầu hỏa trong suốt thập niên 1970. Giá dầu từ 6 USD năm 1970 tăng lên đến 35 USD một ba-rin năm 1980, các nước tư bản đều khốn đốn vì dầu lửa trong khi Liên Xô, mà nguồn lợi chủ yếu là xuất khẩu dầu, bỗng dưng thấy thu nhập của mình tăng gấp bốn, năm lần. Liên Xô đã sử dụng ưu thế giai đoạn này và khí thế của chiến thắng Việt Nam để ào ạt tiến công khắp nơi. Các lực lượng cộng sản chiếm chính quyền tại Việt Nam, Kampuchia, Lào, Afghanistan, Ethiopia, Angola, Nicaragua và nhiều nước Châu Phi khác. Liên Xô cũng tài trợ cho nhiều cuộc chiến tranh giải phóng tốn kém khác tại khắp nơi. Để làm hậu thuẫn cho các cuộc tiến công này, họ phung phí đại bộ phận tài nguyên vào việc chế tạo vô số vũ khí : bom nguyên tử, tàu ngầm, chiến xa. Nhưng cuộc tiến công này đã không đánh gục được khối tư bản, và khi cuộc khủng hoảng dầu lửa chấm dứt, Liên Xô hoàn toàn tuyệt vọng. Gorbachev không phải là người chủ trương giải thể Liên Xô và khối cộng sản, nhưng khi lên làm chủ Liên Xô năm 1985, ông không còn chọn lựa nào khác.

Cho tới nay, nhiều người vẫn mừng rằng cuộc thư hùng giữa hai khối tư bản và cộng sản đã không đưa đến thế chiến. Sự thực thì đã có thế chiến, nhưng là một thế chiến giới hạn ở một số địa phương, trong đó mặt trận Việt Nam là chính. Tình hình không thể khác, nghĩa là không thể có chiến tranh trực tiếp giữa Mỹ và Liên Xô, vì một mặt Liên Xô biết rõ sức mạnh hơn hẳn của vũ khí hạt nhân Mỹ và mặt khác Hoa Kỳ thấy không cần thế chiến cũng sẽ thắng được Liên Xô. Nhưng phải nói đã có chiến tranh giữa hai khối tại Việt Nam và cuộc chiến đã kết thúc một cách kỳ cục : khối cộng sản đã toàn thắng trong một hiệp nhưng bị chấn thương tới mức không còn đủ sức tiếp tục các hiệp sau, và sau cùng đã bỏ cuộc.

Trong cuộc chiến Việt Nam, người Mỹ không phải chỉ đã đạt được mục tiêu chiến lược mà họ còn thắng lợi cả về mặt tâm lý. Trong những năm can thiệp vào Việt Nam, họ đã chứng tỏ được bản chất dân chủ tự do thực sự của họ và đã chinh phục được cảm tình người Việt. Hiện nay tại Việt Nam không còn ai thù ghét Mỹ, trái lại mọi người đều mong mỗi một sự hợp tác tích cực hơn với Hoa Kỳ. Nếu có được một cái nhìn bao quát và sáng suốt hơn, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã phải thấy rằng chiến thắng của họ chỉ là một nước cờ trong một ván cờ, chẳng có gì đáng để tự cao tự đại.

Chúng ta hiểu rõ bản chất cuộc chiến này chưa ?

Lịch sử Việt Nam đầy rẫy chiến tranh, Việt Nam có nhiều chiến tranh hơn bất cứ một dân tộc nào trên thế giới, nhưng cuộc chiến này khác hẳn với những cuộc chiến tranh trước. Nó không phải là một cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Nó là một cuộc chiến mà người ta dụ cho quân nước ngoài đến và mong nó đến để đánh. Nó vừa là một cuộc nội chiến vừa là một cuộc thế chiến. Nó cũng là cuộc chiến làm thiệt mạng nhiều người Việt Nam nhất.

Nhưng nét đặc biệt chưa từng có trong lịch sử Việt Nam là đây là lần đầu tiên mà người Việt Nam tàn sát nhau vì ý thức hệ. Cho tới nay tại Việt Nam đã có rất nhiều cuộc chiến, nhưng các bên lâm chiến tuy tranh giành nhau quyền cai trị vẫn đều đồng ý với nhau về một khuôn mẫu chính trị : chế độ quân chủ tuyệt đối đặt nền tảng trên Khổng giáo. Lần này hai bên không những tranh quyền mà còn tranh giành để áp đặt hai chế độ chính trị đối nghịch : chế độ dân chủ kiểu phương Tây và chế độ cộng sản. Cũng vì thế mà đây là lần đầu tiên người Việt Nam thù ghét nhau vì ý kiến và thành phần xã hội. Lần đầu tiên có một lực lượng Việt Nam chủ trương tiêu diệt một số thành phần xã hội Việt Nam (trí phú địa hào đào tận gốc tróc tận rễ).

Về bản chất, cuộc chiến này là một cuộc khủng hoảng canh tân. Ý thức hệ quân chủ Nho giáo đã sụp đổ. Phải thay thế nó bằng một chế độ mới và người Việt Nam tàn sát nhau vì không đạt được tới đồng thuận trên một chế độ mới. Phải nói ngay rằng sự kiện một dân tộc tàn sát nhau vì bất đồng ý kiến chứng tỏ lòng yêu nước sa sút, tinh thần dân tộc không còn đủ mạnh để người ta nhìn nhau trước hết như là những đồng bào. Thay vì nhìn người trước mặt là một người Việt Nam, người ta lại chỉ thấy đó là một người quốc gia hay một người cộng sản.

Một cách thô vụng, phe quốc gia, hay chính quyền miền Nam, bảo vệ cho các giá trị tự do và dân chủ của phương Tây. Tự do thiếu sót và xô bồ nhưng vẫn có tự do. Dân chủ gian trá và bệnh hoạn nhưng vẫn có dân chủ.

Một cách tinh vi, phe cộng sản, hay chính quyền miền Bắc, tượng trưng cho thế lực bảo thủ từ chối đổi mới, bảo vệ những giá trị cũ.

Nhìn một cách khách quan và sáng suốt thì chọn lựa của phe quốc gia là đúng, nhưng chuyển hóa về một xã hội dân chủ phương Tây từ một xã hội theo truyền thống quân chủ Khổng giáo từ hai ngàn năm là một thay đổi vô cùng to lớn, đòi hỏi một bước nhảy vọt tư tưởng để tiến tới một văn hóa dân chủ mà những người lãnh đạo phe quốc gia hoàn toàn không có khả năng. Xét cho cùng đó chỉ là hậu quả của tình trạng dân trí kém, tình trạng mà Phan Chu Trinh gọi một cách bức bối là "dân trí thấp hèn". Trong suốt năm thế kỷ, từ Nguyễn Trãi, chúng ta không có nổi một nhà tư tưởng lớn. Bốn thế kỷ chiến tranh và tang tóc liên tiếp cũng đã làm cho Việt Nam kiệt quệ cả về thể xác lẫn tinh thần khiến cho lý luận triết học và chính trị của ta hầu như không có. Một dân tộc không có lãnh đạo tư tưởng dĩ nhiên là không có định hướng và làm mỗi ngon cho đủ thứ mặc cảm và sai lầm.

Thế chế gắn liền với văn hóa, mà văn hóa phương Tây thì lại khác hẳn với văn hóa cổ hữu của ta. Không những khác mà còn đối chọi. Văn hóa và nếp sống phương Tây đem đến những đảo lộn vô cùng lớn trong xã hội và trong lòng người, dĩ nhiên nó phải gặp những phản kháng bảo thủ rất mạnh. Đã thế, văn hóa phương Tây còn được du nhập vào nước ta trong điều kiện cực kỳ tồi tệ : chúng ta bị đô hộ. Chính vì cuộc đô hộ này mà quần chúng Việt Nam trước hết nhìn phương Tây như kẻ thù. Cuộc đô hộ của người Pháp một mặt tập quen chúng ta với một số giá trị phương Tây, một mặt cũng tạo ra một tâm lý chống đối phương Tây. Công việc của phe quốc gia lại càng khó. Phe quốc gia cần một cuộc vận động tư tưởng lớn để thuyết phục dân chúng tham gia vào một dự án xây dựng dân chủ. Họ cần những người lãnh đạo thật dân chủ và có khả năng thuyết phục, nhưng những người cầm đầu phe quốc gia hoàn toàn không phải là những người đó. Các thủ tướng của Bảo Đại đều là viên chức của thời Pháp. Ông Ngô Đình Diệm là một cựu thượng thư Nam Triều, cuộc "cách mạng" 1-11-1963 đưa lên một quốc trưởng lính Pháp cũ và một thủ tướng cựu đốc phủ sứ. Ngay cả cái máy chém thời Pháp thuộc đã nhuộm máu biết bao anh hùng dân tộc cũng được lưu dụng rất lâu. Guồng máy chính quyền của họ vẫn chỉ là sự tiếp nối của guồng máy thực dân. Cho tới ngày 30-4-1975 vẫn còn một số lớn những cấp lãnh đạo của Việt Nam Cộng Hòa xuất phát từ guồng máy thuộc địa. Nhiều tướng lãnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa, kể cả vị tướng bộ trưởng quốc phòng, xuất phát từ lính Pháp trước đây. Chọn lựa của miền Nam đúng nhưng là một chọn lựa đầy thách đố, trên thực tế nó lại là một chọn lựa không suy nghĩ, không chủ ý, do đó thiếu hẳn sức thuyết phục.

Nhờ hỗ trợ của phương Tây, phe quốc gia đã kéo dài được hơn một phần tư thế kỷ. Thời gian này đã chứng kiến sự trưởng thành của một lớp người mới, có tinh thần dân tộc và có ý thức dân chủ thực sự, nhưng những người này chưa kịp nắm thế chủ động

thì chính quyền quốc gia sụp đổ. Những năm cuối cùng của chế độ Việt Nam Cộng Hòa chứng kiến một tình trạng ngược đời. Những người dân chủ khá đông nhưng lại không có vai trò chủ động. Trong guồng máy chính quyền, các cấp trưởng phòng, chánh sự vụ, giám đốc, v.v... thì mẫn cán và tiến bộ trong khi các tổng giám đốc, bộ trưởng, thủ tướng, tổng thống nói chung lại rất tồi. Trong quân đội, các đại úy, thiếu tá thì giỏi trong khi các tướng lãnh thì bê bối. Phe quốc gia theo đuổi một định hướng đòi hỏi một đoạn tuyệt lớn nhưng lại không làm một cuộc cách mạng cần thiết.

Phe cộng sản về bản chất là một lực lượng thủ cựu. Trước sự sụp đổ của ý thức hệ Khổng giáo, họ đề nghị chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa chỉ đòi hỏi những thay đổi tâm lý nhỏ ở một xã hội Nho giáo. Xét cho cùng, chủ nghĩa cộng sản chỉ là một thứ Khổng giáo tân trang. Nó cũng phủ nhận tự do cá nhân, cũng giáo điều, độc đoán, độc tôn, xơ cứng như Khổng giáo. Nó cũng phân chia giai cấp, bài bác thương mại, cũng o bế nông dân. Chỉ cần lấy Marx đặt vào địa vị Khổng Tử, lấy Tư Bản Luận thay vào chỗ Tứ Thư, Ngũ Kinh, lấy Trung ương đảng đặt vào chỗ triều đình, lấy đám đảng viên thay cho lớp sĩ phu là đầu vào đó. Tâm lý cộng sản và tâm lý Khổng giáo là một, do đó nó không đòi hỏi ở xã hội Khổng giáo một thay đổi tâm lý nhứt nhối nào cả. Không phải là một sự tình cờ mà chủ nghĩa cộng sản xuất phát từ phương Tây nhưng lại thành công ở Châu Á và ba trong bốn nước cộng sản còn lại là những quốc gia Khổng giáo trước đây.

Phe cộng sản đề cao những giá trị của xã hội cũ. Trước đây thì "chí làm trai dặm nghìn da ngựa", nay thì "đường ra trận mùa này đẹp lắm" (bài hát Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây). Giá trị chiến tranh này trí thức miền Nam không chấp nhận nữa, họ phản chiến và kêu gọi hòa bình. Những hình ảnh mà phe cộng sản đưa ra cũng chỉ là những hình ảnh cũ. Ông Hồ Chí Minh xuất hiện như một nhà nho khổ hạnh, một người cha già dân tộc, các lãnh tụ của phe cộng sản ăn mặc xuềnh xoàng như hình ảnh của những ông quan thanh liêm cần kiệm thời xưa. Họ phơi bày trước thế giới sự mộc mạc của một nước nghèo chống ngoại xâm : những bàn chông tre, những đôi dép lố, những chiếc nón tai bèo. Thơ văn tuyên truyền của họ chuyên chở những hình ảnh mộc mạc. "Bàn tay ta làm nên tất cả, với sức người sỏi đá cũng thành cơm", v.v... Chỉ có bàn tay thôi chứ không có máy cày, cơ giới. Chỉ có cơm thôi chứ không có tivi, tủ lạnh, v.v... Những người ủng hộ họ cũng chỉ đề cao những hình ảnh ấy. "Dân ta về cày bừa đủ áo cơm no". Vải cái cày, cái bừa. Họ gọi nhau bằng bác, bằng cháu, bằng anh nuôi, chị nuôi quân đội đúng như truyền thống của một chế độ gia tộc truyền thống. Tất cả đều chỉ là những ngôn ngữ và hình ảnh của một nền văn hóa nông nghiệp sơ sài.

Chính vì thế mà họ có một dáng dấp quen thuộc và gần gũi với quần chúng Việt Nam ngay cả có ghét cũng thấy gần gũi với họ hơn là với các cấp chỉ huy của phe quốc gia mặc dù

phục, ngồi bàn giấy, đi xe hơi, nói chuyện sắc luật, nghị định pha tiếng Anh, tiếng Pháp. Đó là lý do khiến cho họ ở trong dân như cá trong nước.

Về cơ bản, cộng sản là một lực lượng cải tổ, tiếp nối truyền thống của xã hội quân chủ Nho giáo, chống lại cuộc cách mạng dân chủ mà phe quốc gia đại diện một cách vụng về. Điều ngược đời là nó lại được mọi người, kể cả những người quốc gia, nhìn như một lực lượng cách mạng trong khi phe quốc gia chỉ được nhìn như một lực lượng cải tổ. Tại sao như vậy ? Lý do là vì chính quyền quốc gia tiếp nối guồng máy cai trị của người Pháp và chỉ cải tổ dần dần guồng máy này, trong khi phe cộng sản muốn đánh đổ guồng máy này và vì thế xuất hiện như một lực lượng cách mạng. Như vậy nếu lấy chính quyền thuộc địa Pháp làm điểm qui chiếu thì phe quốc gia chỉ cải tổ trong khi phe cộng sản làm cách mạng, nhưng nếu lấy xã hội và văn hóa Việt Nam làm điểm qui chiếu, nghĩa là nếu có cái nhìn đúng, thì cộng sản chỉ là một lực lượng cải tổ mà thôi trong khi thể chế dân chủ của phe quốc gia mới thực sự là một đoạn tuyệt có tính cách mạng. Người cộng sản đã chịu đựng vô vàn hy sinh để giành thắng lợi. Hy sinh tạo ra một ảo tưởng vĩ đại. Nhưng thực ra lý tưởng mà họ theo đuổi chỉ rất tầm thường, nó chỉ là sự tiếp nối của một văn hóa chính trị đã lỗi thời và cần phải vứt bỏ.

Chọn lựa dân chủ là đúng. Không những đúng mà còn bắt buộc. Đảng cộng sản đã làm gì kể từ ngày chiến thắng 30-4-1975 ? Họ đã áp dụng chế độ cộng sản, đã làm cho đất nước tụt hậu thê thảm và phải thay đổi. Chính sách đổi mới của họ trong mười năm qua là gì nếu không phải là sự giả từ lúng túng và miễn cưỡng một đường lối mà họ đã làm hao tổn hàng triệu sinh mệnh Việt Nam để áp đặt ? Cuối cùng họ đã chỉ làm đất nước mất đi vài chục năm, sau khi đã phải chịu đựng những đổ vỡ kinh khủng.

Tóm lại, cuộc chiến vừa rồi chính là cuộc chiến giữa khuynh hướng canh tân theo các giá trị tự do dân chủ và khuynh hướng thủ cựu dựa trên và tiếp nối các giá trị của xã hội cũ. Lực lượng thủ cựu đã thắng vì tư tưởng chính trị của quần chúng Việt Nam chưa tiến hóa đủ để tiếp nhận các giá trị tiến bộ trong khi những người cầm đầu phe canh tân cũng không đủ tư cách, kiến thức và bản lãnh chính trị để phát cao ngọn cờ dân chủ.

Có nên trách những người lãnh đạo kế tiếp nhau của phe quốc gia không, hay nên bùi ngùi vì sự thiếu hụt tư tưởng chính trị của Việt Nam, trước hết là của trí thức Việt Nam ? Một sự kiện bi đát là, ở cả hai phía, trong suốt ba mươi năm xung đột, từ 1945 đến 1975, chúng ta đã không có nổi một bản nghị luận chính trị có giá trị và cũng không có nổi một chính trị gia dân chủ đúng nghĩa. Trong bối cảnh dân trí đó, sự thắng lợi của lực lượng bảo thủ chống dân chủ chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Dù đó là điều rất đáng ân hận. Cây dân chủ đã chỉ được trồng một cách cẩu thả trên một mảnh đất chưa chuẩn bị.

Phe cộng sản lúc đó cũng đã được hậu thuẫn của một phản ứng bảo thủ trên khắp thế giới.

Thập niên 1960 chứng kiến một khúc quanh quan trọng của nền văn minh thế giới. Các nước dân chủ tư bản đã hoàn toàn phục hồi sau thế chiến II và phát triển mạnh mẽ, kỹ nguyên kỹ nghệ bắt đầu nhường bước cho kỷ nguyên hậu kỹ nghệ. Kỹ nghệ tự động và tin học đi vào ừng dụng thay đổi hẳn cách làm việc và giao dịch, con người đi vào không gian và chinh phục mặt trăng, các công ty đa quốc gia xuất hiện và bành trướng, truyền thông và du lịch nhảy vọt, nền văn minh Coca Cola và Fast Food lan tràn, trong hoạt động kinh tế dịch vụ trở thành quan trọng hơn sản xuất. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, các phát minh khoa học kỹ thuật không làm tăng mà còn làm giảm số công nhân. Các tiến bộ vật chất, khoa học, kỹ thuật và tổ chức đã đi nhanh hơn các chuẩn bị về tư tưởng. Tất cả những thay đổi trọng đại đó đảo lộn mọi quan hệ trong xã hội, đảo lộn các trật tự, tập quán, cách suy nghĩ và nếp sống cũ, chất vấn các giá trị cũ, làm lung lay cả những ý niệm từ trước vẫn được coi là bất di bất dịch. Tất cả những đảo lộn đó đặt ra những vấn nạn chưa kịp trả lời về sinh hoạt xã hội, về chỗ đứng của con người trong xã hội, về chỗ đứng của các quốc gia trên thế giới, và cả về môi trường, cho nên đã gây hoang mang, lo sợ và tạo ra một phản ứng chống đối mãnh liệt. Trong suốt thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 bùng lên một phong trào toàn cầu coi hiện đại hóa và phát triển kinh tế như những tai họa cần phải chặn đứng. Chủ nghĩa tư bản bị coi là một mối nguy, một con quái vật không linh hồn, đầu tư nước ngoài như một công cụ xâm lược, các công ty đa quốc gia như cơ cấu của một đế quốc mới, đế quốc Mỹ. Chủ nghĩa xã hội được coi là một giải pháp nhân bản cứu vãn thế giới khỏi cuộc chuyển hóa khủng khiếp này, Marx được tôn lên hàng một tiên tri.

Trong các trường đại học Châu Âu chỉ có những người mác-xít được coi là trí thức chân chính. Nhiều người ủng hộ phe cộng sản tại Việt Nam chỉ vì chống Mỹ. Đảng cộng sản Việt Nam được coi như lương tâm của thế giới chống lại con quái vật Hoa Kỳ.

Song song với phản ứng bảo thủ ngăn chặn một chuyển hóa gây lo sợ vì chưa được thấu hiểu này là sự hốt hoảng về một nguy cơ thế chiến hạt nhân có khả năng hủy diệt cả trái đất. Thập niên 1960 cũng là thập niên chạy đua vũ trang dữ dội giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Quyết tâm của Liên Xô rõ ràng là không lay chuyển được, các phong trào phản chiến chỉ còn cách làm áp lực đòi Hoa Kỳ phải nhượng bộ. Khẩu hiệu thời thượng của thập niên này là "chẳng thà đỏ còn hơn chết". Và dĩ nhiên trọng tâm của cuộc vận động hòa bình này hướng về Việt Nam, nơi cuộc chạm trán Hoa Kỳ - Liên Xô có thể nổ bùng thành một chiến tranh nguyên tử.

Áp lực tổng hợp của hai trào lưu chống hiện đại hóa và chống nguy cơ chiến tranh này mạnh đến nỗi ngay cả các trí thức bình tĩnh nhất cũng muốn Hoa Kỳ nhượng bộ và rút khỏi Việt Nam. Chính giới Hoa Kỳ không phải là không thấy sự chính đáng của cuộc can thiệp vào Việt Nam nhưng cũng nghĩ tầm quan trọng của nó không đủ để khiến Hoa Kỳ phải chịu đựng những chống đối quá lớn, nhất là khi các mục tiêu chiến lược chính đã đạt được rồi. Nixon, chính trị gia điều hâu bậc nhất của Hoa Kỳ, đắc cử tổng thống năm 1968 với lời cam kết sẽ chấm dứt chiến tranh.

Một bối cảnh quốc tế và quốc nội bất lợi như vậy đòi hỏi ở Việt Nam Cộng Hòa, nếu muốn sống còn, một sức mạnh tinh thần rất lớn. Nhưng sức mạnh này phe quốc gia không có. Mà cũng khó có được bởi vì tư tưởng chính trị của Việt Nam quá kém. Ở đây cần phải minh định : không có vấn đề một dân tộc chưa đủ trình độ để có dân chủ, dân chủ và tự do có thể thực hiện được và đem lại phúc lợi trong mọi trường hợp, nhưng khi dân trí kém thì các thể lực độc tài chuyên chính có đất dụng võ tốt và dễ giành được thắng lợi. Đó là tình trạng đáng buồn của chúng ta.

Cho tới nay nhiều người vẫn còn tự hỏi nếu không có vụ Watergate buộc Nixon phải từ chức, nếu, nếu, v.v... Nhưng làm sao tránh được những biến cố đó. Trong một cuộc xung đột kéo dài tất nhiên phải có những biến cố thuận lợi và những biến cố bất lợi. Phe quốc gia cũng đã có những biến cố rất thuận lợi : cuộc xung đột giữa Liên Xô và Trung Cộng, biến cố mùa xuân 1968 tại Tiệp Khắc, Trung Quốc kết thân với Hoa Kỳ và trở mặt với Hà Nội, hai cuộc tổng tấn công tự sát của Hà Nội mùa xuân 1968 và mùa hè 1972, v.v... Phe quốc gia đã được nhiều yếu tố có thể lợi dụng nhưng vì bản lãnh chính trị quá yếu nên đã không lợi dụng được.

Ngày 30-4-1975 đã kết thúc một cuộc chiến mà chủ yếu là xung đột cạnh tranh trong đó lực lượng bảo thủ và phản dân chủ đã thắng vì văn hóa và trí tuệ Việt Nam chưa được khai thông. Trách ai, nếu không phải là trí thức Việt Nam ? Chúng ta có khá nhiều khoa bảng nhưng thiếu trí thức. Chúng ta có nhiều kiến thức chuyên môn nhưng tư tưởng chính trị thì chúng ta lại không có. Nhiều dân tộc dân trí không hơn chúng ta nhưng đã tiến tới dân chủ dễ dàng hơn chúng ta vì họ may mắn không có một lực lượng thủ cựu tinh vi và quả quyết như đảng cộng sản Việt Nam, và họ không có một vĩ nhân như Hồ Chí Minh.

Lúc đang học tập cải tạo, có một lần tôi được phép đọc một số báo đảng. Tôi đọc bài tường thuật cuộc thăm viếng Pháp của ông Phạm văn Đồng, lúc đó là chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng. Bài báo tường thuật cuộc tiếp đón linh đình của trí thức Việt kiều tại Pháp dành cho ông Đồng. Kết thúc buổi gặp mặt, các đại biểu Việt kiều đã cùng chủ tịch Phạm Văn Đồng hát vang bài "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng". Trong thời gian du học tại Pháp, tôi đã biết các đại biểu này. Họ đều là những trí thức lỗi lạc theo

tiêu chuẩn Việt Nam. Tôi biết họ yêu nước và họ đã theo cộng sản vì lòng yêu nước và cũng vì chạy theo thời trang. Cũng trong sắp báo đó, tôi được đọc một bài của một cựu thẩm phán có tên tuổi tại miền Nam, nổi tiếng là tiến bộ và do đó không bị đi cải tạo, hân hoan ca tụng đại hội lần thứ tư của đảng, với lời kết luận : "Chúng ta hãnh diện vì báo cáo chính trị của đồng chí Lê Duẩn". Trí thức Việt Nam nháy múa reo mừng trước vực thẳm và tung hô những ân nhân dẫn họ và dân tộc vào đêm đen. Sự kém cỏi về ý thức chính trị đã không cho phép trí thức Việt Nam bay bổng và nhìn cao. Họ chỉ nhìn các chính quyền quốc gia như là một bè lũ tay sai ngoại bang mà không nhìn thấy phúc lợi của dân chủ mà các chế độ quốc gia đề nghị. Ngược lại họ cũng không nhìn thấy rằng cộng sản chỉ là một bộ mặt mới của một khuôn mẫu chính trị đã cũ kỹ cả ngàn năm.

Ngày 30-4-1975 đã là ngày khởi đầu của một tiến trình suy thoái bi đát cho đất nước về mọi mặt, văn hóa, đạo đức, kinh tế và môi trường. Nhưng như một câu nói của người Pháp trong tai họa cũng có cái may (à quelque chose malheur est bon), từ đó nước ta cũng đã có một số chuyển biến tích cực.

Chiến tranh đã chấm dứt. Hòa bình tồi tệ vẫn còn hơn chiến tranh, nhất là khi, dầu sao, kẻ chiến thắng cũng là người Việt Nam. Và lại, không có cuộc chiến tranh nào là đúng, là tốt cả.

Đất nước đã thống nhất, đó cũng điều rất quan trọng bởi vì trong hơn bốn thế kỷ trước năm 1975, chúng ta chưa có nổi một trăm năm thống nhất. Điều đáng buồn là chúng ta vẫn có thể thống nhất mà không phải trả giá nặng đến như thế.

Các tôn giáo đã được đưa ra khỏi chính trị. Đây cũng là điều rất đáng mừng, phân biệt tôn giáo và chính trị là điều kiện cơ bản của dân chủ và tiến bộ. Điều đáng tiếc là lần này chính trị lại nhảy vào và dẫm đạp lên tôn giáo, nhưng điều này một chính quyền dân chủ tương lai có thể chấm dứt tức khắc và dễ dàng.

Các khó khăn của cuộc sống sau 1975 đã phá vỡ một số tâm lý lỗi thời, chủ yếu là óc khinh thường kinh doanh, óc trọng văn khinh nghề. Từ đó, hình như gia đình Việt Nam nào cũng buôn bán một cái gì, không thiếu những người có trình độ trung học, đại học đạp xích lô, may quần áo, bán tạp hóa. Buôn bán là bước đầu cần thiết cho kinh tế thị trường và phồn vinh, chúng ta đã bắt đầu cuộc chuyển hóa từ một tâm lý làm công ăn lương sang một tâm lý kinh doanh.

Chúng ta đã than phiền về tình trạng đạo đức suy đồi của những năm gần đây. Đó là điều có thực nhưng theo tôi không đáng sợ lắm, một chính quyền dân chủ pháp trị đứng đắn sẽ đem lại được trật tự trong lòng người và trong xã hội, sinh hoạt kinh tế thị

trường thực sự và luật chơi thực sự của buôn bán sẽ bắt buộc con người phải nhận và lương thiện. Điều quan trọng là tâm lý con người đã thay đổi và nhiều giá trị lỗi thời đã bị đào thải. Phát triển, kể cả phát triển kinh tế, chủ yếu là một vấn đề tâm lý và văn hóa.

Đảng cộng sản và chế độ cộng sản đã là tai họa lớn nhất về sinh mạng, văn hóa, kinh tế và môi sinh mà Việt Nam đã phải chịu đựng trong suốt dòng lịch sử, nhưng chính kinh nghiệm của nó đã khiến dân tộc Việt Nam đạt tới một tin tưởng chắc chắn và thẳm kín vào tự do và dân chủ.

Tất cả những yếu tố tích cực đó phải chăng là do công của đảng cộng sản ? Khi tôi vừa mới ở tù ra, mẹ tôi ngạc nhiên thấy tôi trở thành dễ tính, giường nào ngủ cũng được, một bát nước luộc rau muống cũng đủ để ăn ngon lành ba bốn bát cơm, bà cười nói : "Thằng này đi cải tạo về tiến bộ quá". Nhưng chắc chắn bà không nghĩ việc tôi đi tù là có lợi và cũng không cảm ơn những người đã bỏ tù con bà.

Nhưng có một sự kiện vô cùng trọng đại mà phải nói rằng nếu không có ngày 30-4-1975 chắc chắn chúng ta sẽ không có, đó là sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng ta là một dân tộc rất đông đảo, 80 triệu người trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, trên mặt đất cứ 1.000 người thì có 14 người Việt Nam. Nhưng trước ngày 30-4-1975, chúng ta không có một cộng đồng hải ngoại. Đó là một thiệt thòi lớn. Gần ba triệu người Việt hải ngoại có sức mạnh kinh tế tương đương với 80 triệu người trong nước. Người Việt hải ngoại đã thử nghiệm mọi nếp sống và mọi chế độ, đã len lỏi được vào mọi bộ môn kinh tế, khoa học, kỹ thuật. Cộng đồng người Việt hải ngoại là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật vô giá, và cũng là một nguồn tiếp liệu lớn cho đất nước. Nhưng vai trò quan trọng nhất của nó là con mắt của Việt Nam để quan sát và học hỏi thế giới. Một dân tộc không có cộng đồng hải ngoại chẳng khác gì một người mù. Có thể nói sở dĩ chúng ta chập choạng và lầm đường cho tới ngày nay, với biết bao thảm kịch cũng vì chúng ta thiếu một cộng đồng hải ngoại. Một quan hệ bình thường và mật thiết giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và đất nước sẽ là một bảo đảm rằng Việt Nam sẽ vĩnh viễn không bao giờ còn lạc vào ngõ cụt của thủ cựu và cố chấp.

Lần này là một trong những lần cuối cùng mà chúng ta đón nhận ngày 30-4 như nó vẫn thường đến, với thái độ huênh hoang đắc thắng của một số người và với sự tủi hờn của một số người khác. Như một trái cây đã chín và phải rụng vì trọng lượng của chính nó, chế độ độc tài đảng trị sắp cáo chung. Chúng ta đã mong mỏi sự cáo chung này và chúng ta đã liên tiếp thất vọng, chúng ta nhiều lần dự đoán sự cáo chung này và vẫn luôn luôn sai lầm, nhưng nó sắp đến và có nhiều khả năng là nó sẽ đến vào lúc chúng ta vẫn chưa sẵn sàng.

Một khi chế độ cộng sản đã cáo chung, sự huênh hoang đắc thắng sẽ không còn nữa và sự tủi hờn cũng không còn nữa. Cả hai ý nghĩa hiện nay của ngày 30-4 - ngày chiến thắng và ngày quốc hận - đều sẽ tiêu tan, nhưng chúng ta sẽ sai lầm lớn nếu không còn coi ngày 30-4 như một ngày lễ lớn.

Ngày 30-4 nên được giữ lại như một ngày để cả nước tưởng niệm và suy nghĩ, tưởng niệm mọi nạn nhân của cuộc chiến tranh này và suy nghĩ về đất nước.

Tôi mừng tượng đó sẽ là ngày nghỉ, với mọi tiếng động đột nhiên lắng xuống, rồi một buổi lễ được cử hành tại Côn Đảo, nơi một tượng đài được dựng lên tưởng niệm những người đã bỏ mình trên đường vượt biển. Chúng ta sẽ thắp hương và đặt hoa trên mộ các tử sĩ và nạn nhân của mọi bên. Đó sẽ là ngày Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc. Chúng ta sẽ cùng nhau tâm niệm ý nghĩa thực sự của ngày 30-4-1975 : đất nước đã chọn đi vào ngõ cụt vì kém cỏi trong tư tưởng và nhận thức. Đối với trí thức Việt Nam, đó cũng là ngày của tự xét và ăn năn.

Vết thương ngày 30 tháng 4 (Thông Luận số 126, tháng 5-1999)

Trong bóng tối ruồng im quái gở
Lúc dứt lạng trận chiến man rợ
Hắn rũ bỏ ký ức, và đi.
(Thanh Tâm Tuyền)

Tôi biết X từ đầu thập niên 1960 tại trường Chu Văn An. X nổi tiếng học giỏi. Sau đó X đi du học Mỹ, tốt nghiệp một trường đại học danh tiếng, rồi về nước dạy đại học và làm tổng giám đốc một công ty, cưới vợ đẹp, thông minh và thuộc gia đình lớn. Nói chung là một cuộc đời hoàn toàn thành công. Không bằng X nhưng tôi cũng khá may mắn. Ngày 30-4-1975 đã ập tới, đánh một dấu chấm hết tàn bạo lên sự nghiệp của chúng tôi và kéo chúng tôi xuống vực thẳm.

Khi tôi đi cải tạo về, tôi lại gặp X, được trả tự do cách đó ít lâu. Chúng tôi làm cùng một cơ quan và ngồi cùng một phòng. Trong hơn một năm liền, hai đứa cả ngày gặp nhau và tâm sự. Chúng tôi theo đuổi cùng một dự định là vượt biên, nhưng còn chia sẻ với nhau một dự định khác to lớn hơn nhiều là thay đổi dòng lịch sử. Quyết tâm của chúng tôi là ra đi để tìm đường cứu nước chứ không phải để mưu tìm cuộc sống tiện nghi cá nhân.

Thời thế tạo anh hùng, một thư sinh như X mà hoàn cảnh đẩy đưa tới những thành tích khó tưởng tượng. Có lần trong hai ngày X bị bắt ba lần và đều vượt ngục được. Lần áp chót, X tổ chức đánh cướp một chiếc tàu nhà nước nhưng thất bại, bị bắt và treo tường vượt ngục ngay tại Sài Gòn. Tôi phải giúp X lẩn trốn và tìm đường cho X vượt biên thoát vòng truy nã của công an. Đang loay hoay thì X cho hay đã tìm được một chuyến đi. Và lần này X đi lọt. Tôi nhận được thư báo tin mừng khoảng một hai tuần sau đó. Đó là cuối năm 1980.

Tôi kể câu chuyện này dài dòng như vậy chỉ để nói lên một điều : chúng tôi rất gắn bó với nhau và những kỷ niệm của chúng tôi chỉ có thể là sống để bụng chết mang theo.

Hai năm sau tôi cũng ra được nước ngoài và không hề nghe ai nhắc đến X. Tôi vốn đã ngạc nhiên ngay từ khi còn ở Việt Nam vì thấy X bắt tăm luôn. Tôi xin được địa chỉ của X nhưng không liên lạc, chờ tìm hiểu xem tại sao có sự bỏ cuộc đó. Tôi đánh mất địa chỉ X mấy lần, xin lại được, rồi lại để đó. Cho tới gần đây tôi quyết định gọi điện thoại

cho X. Điều tôi không thể ngờ là X hoàn toàn quên tôi, kể cả tên ! Tôi cố nhắc lại những kỷ niệm ngày xưa, X chỉ còn nhớ mang máng. Tôi biết X không nói dối, hẳn quên thực, hẳn cố nhớ mà không được. Nhưng X không hề mất trí, hẳn đang giữ một chức vụ quan trọng, lương cao, trong một công ty kỹ thuật hiện đại. Hẳn chọn ở một thành phố không có người Việt và không tìm gặp một người Việt nào. Chắc hẳn đã phải có một chấn động ghê gớm, kinh khủng đến nỗi X quyết định quên hết, kể cả tổ quốc Việt Nam mà trước khi ra đi hẳn coi như là một lý tưởng để phục vụ. Điều cũng chắc chắn là chấn động kinh khủng đó đã không, hay ít nhất không hoàn toàn, xảy ra trong lúc vượt biên, bằng có là khi đến nơi X vẫn còn viết thư về cho tôi. Phải hiểu rằng chính khi đã bình tĩnh ngồi ôn lại đời mình, X đã thấy tất cả đều vô nghĩa và lấy quyết định xóa bỏ quá khứ.

Ê chề như nhau

Ngày 30-4-1975 đã không đến trong niềm vui thống nhất đất nước, hòa giải và hòa hợp dân tộc mà mọi người mong ước. Sau ngày 30-4-1975, tôi đã nói với các cộng sự viên của mình là một trang sử vừa lật qua, có những lúc phải chống nhau nhưng cũng có những lúc phải cố gắng để bắt tay nhau xây dựng đất nước. Tôi chấp nhận thất bại và bằng lòng trả giá cho sự thất bại đó bằng cách từ đây không đòi hỏi bất cứ một vinh dự nào. Tôi chỉ còn một tham vọng làm được một vài điều lợi ích cho đất nước trong vai trò của một chuyên viên. Nhưng chỉ vài ngày sau tôi hiểu là ngay cả cái ao ước rất tầm thường đó cũng không thực hiện được. Những loa phóng thanh đặt khắp đường phố suốt ngày phát ra những bài vừa đắc thắng vừa miệt thị. Mọi chức vụ tại các công sở, nhà thương, trường học đều bị xóa bỏ, mọi thâm niên công vụ, hưu bổng, trợ cấp phết tật cũng đều bị xóa bỏ. Các xí nghiệp tư cũng được "tiếp thu". Thanh thiếu niên diện "ngụy quân ngụy quyền" bị đuổi khỏi trường học. Các đường phố, trường học mang tên những danh nhân miền Nam được đổi thành những đường mang tên liệt sĩ cộng sản, có khi chỉ là những tay khủng bố rất tầm thường. Sài Gòn cũng mất tên. Người chết cũng không yên, tượng từ sĩ ở nghĩa trang quân đội cũng bị giật sập. Khoai mì từ đây phải gọi là sắn, bắp là ngô, heo là lợn, nhà bảo sanh là nhà đẻ, hay xường đẻ. Người miền Nam mất tài sản, địa vị và vai trò. Miền Nam mất ngôn ngữ, mất tên và mất cả căn cước. Đây không phải là một cuộc thống nhất, mà là một cuộc chiếm đóng. Hòa giải và hòa hợp dân tộc được hiểu một cách giản dị là tha chết cho kẻ chiến bại.

Cho tới nay vẫn còn một số rất đông người cho là đảng cộng sản không hiểu gì về tổ chức của xã hội miền Nam khi bắt các sĩ quan biệt phái đi học tập cải tạo trong khi trên thực tế họ đã giải ngũ và chỉ là những người dân sự mà thôi. Làm sao đảng cộng sản lại không hiểu ? Họ hiểu, và họ hiểu rất rõ tổ chức của miền Nam. Nhưng chính sách tập trung cải tạo nhằm một mục đích khác : đánh gục vĩnh viễn miền Nam. Những sĩ quan biệt phái không bị bắt giam vì đã bị coi lầm là sĩ quan hiện dịch, họ bị tập trung cải

tạo vì họ đã được huấn luyện quân sự và có khả năng chỉ huy một đơn vị quân đội. Bắt giam họ là để tiêu diệt mọi tiềm năng chống đối. Cũng không phải chỉ có họ, tất cả viên chức từ cấp phó giám đốc trở lên, rồi đến các doanh nhân có một chút tầm vóc và các văn nghệ sĩ, nói chung là tất cả những ai có thể có một vai trò lãnh đạo trực tiếp hay gián tiếp, dù là chính trị, quân sự, kinh tế hay văn hóa. Mục đích của chính sách cải tạo là để tiêu diệt đại bộ phận thành phần tinh nhuệ và trí tuệ của miền Nam. Không tàn sát, nhưng đập tan ý chí bằng cách đày đọa, và nhất là làm nhục.

Kế hoạch này không thể không thành công. Những năm dài tù tội đói khổ, sự thèm thuồng cục đường, trái chuối, củ khoai, miếng cơm cháy, và việc cất giấu đồ thăm nuôi, trộm chăn ăn lẻ làm con người mất sự tự trọng, hay ít nhất sự kính trọng lẫn nhau. Những đêm trần trọc thương con, xót vợ. Những buổi "làm việc" ê chề với những câu hỏi khiêu khích (ăn hối lộ bao nhiêu ? hiếp dâm bao nhiêu lần ? bắt bao nhiêu con gà ? v.v...), kèm theo những lời quát tháo, lăng mạ. Những bản tự khai phải viết đi viết lại nhiều lần vì không thành thật khai báo, không đủ ăn năn hối cải. Những bài giảng chính trị của các cán bộ giảng dạy ngớ ngẩn, hách dịch và đặc chí. Một người bình thường không thể chống cự được quá một năm mà không thành phế nhân về một khía cạnh nào đó, trong khi thời gian giam cầm trung bình của một sĩ quan, công chức, doanh nhân hay trí thức lại không phải là một năm, mà là năm năm.

Nhưng cái nhục lớn nhất không phải ở trong trại tù mà ở ngoài xã hội. Phải thụ động chứng kiến cả một công trình đập phá đất nước và đập phá chính đời mình. Phải nhìn sự ngu dốt và xảo trá ngụy trị trên chính quyền, và còn phải hoan hô !

Một lần tôi đi công tác với một cán bộ đảng ủy đến làm việc với một xí nghiệp "công tư hợp doanh". Nói là công tư hợp doanh nhưng thực ra đó là xí nghiệp của một tư nhân lập ra, sau này được nhà nước "cho hợp doanh" bằng cách cướp trắng xí nghiệp, giáng ông giám đốc chủ nhân xuống làm phó giám đốc và cử một đảng viên hoàn toàn không biết gì về nghề nghiệp cũng như về quản trị xí nghiệp làm giám đốc. Xí nghiệp lúc đó còn hoạt động cầm chừng. Anh đảng ủy, một người rất chất phác và dễ mến, nói "bây giờ còn làm việc được, nhưng vài tháng nữa sẽ phải đi vào nền nếp và lúc đó là hết sản xuất". Anh ta nói một cách rất thản nhiên và thành thực. Hình như anh ta thấy việc phá hoại một xí nghiệp là bình thường, cũng như việc nhà nước cướp trắng một cơ nghiệp của một người dựng ra bằng mồ hôi nước mắt. Tôi liếc nhìn ông phó giám đốc cựu chủ nhân và gặp mắt ông ta cũng nhìn tôi. Tôi chắc ông ấy muốn hét lên, văng tục, đập phá nhưng vẫn phải làm ra vẻ tán thành. Người miền Nam đã mất tất cả, mất nước trên chính quê hương mình, không có cả quyền khóc và không có cả quyền buồn.

Không phải chỉ đập phá vì ngu dốt mà còn vì nhẩn tâm. Ông Võ Văn Kiệt khi làm bí thư thành ủy Sài Gòn đã lấy quyết định "giải tỏa" nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Hàng đêm ông cho bọn côn đồ vào đập phá mồ mà để cho người ta đau xót mà phải tự động dời mộ thân nhân đi. Tôi vào giúp người bạn cải táng mộ mẹ anh và chứng kiến hàng ngàn ngôi mộ bị đập phá tan tành, mỗi ngôi mộ thường là của cả gia đình với hàng chục hài cốt, có những người qua đời đã trên trăm năm. Rất nhiều gia đình đang di tản hài cốt thân nhân. Nhiều phụ nữ khóc sục sùi, nhưng nói chung mọi người đều im lặng. Ánh mắt nào cũng đầy một hận thù ghê gớm. Không ai chửi mắng dầu không có công an ở đấy, mà dù có cũng không sao vì trong hoàn cảnh ấy ai cũng thông cảm. Nhưng người ta không chửi vì hình như sợ nếu chửi sẽ bớt căm thù. Mục đích của ông Kiệt chỉ là để chiếm một khu đất rộng xấp xỉ một hecta.

Chỉ có một số ít người có phương tiện để vượt biên. Nhưng vượt biên có thể là một túi nhục còn lớn hơn. Một người, dù mệt mỏi và say sóng đến đâu, nhưng nếu đã phải chứng kiến một phụ nữ, có khi là chính vợ con mình, bị hải tặc hãm hiếp mà không thể can thiệp sẽ không thể giữ được trọn vẹn lòng tự hào trong phần còn lại của đời mình. Sau đó là cuộc sống rẻ rúng trên các trại tị nạn, những buổi xếp hàng ghi danh xin trợ cấp xã hội, cuộc sống biên tế lằm lũi với những công việc không tương xứng tại xã hội tiếp cư.

Không phải ai cũng có điều kiện để quên hết như anh bạn X của tôi. Phần đông cũng rất muốn quên mà không được. Họ vẫn phải sống trong những khu đông người Việt, vẫn phải nghe tới và nói tới Việt Nam. Họ vật vã để quên một cách khác. Họ coi những khu đông người Việt như những vùng đất Việt Nam còn giữ được, có vai trò thay thế cho đất nước Việt Nam mà họ đã rời bỏ. Tôi hiểu sự phẫn nộ của những người xuống đường biểu tình trong vụ Trần Văn Trường tháng 2 vừa rồi tại Bolsa. Sự tức giận của họ có thể tóm tắt như thế này : "Ta đã bỏ cho nó cả nước Việt Nam, ta đã mất tất cả, mà nó cũng không để ta yên". Nếu không thì không thể giải thích được tại sao các cuộc mít-tinh biểu tình vì tự do, dân chủ và nhân quyền đã chỉ thừa thớt vài trăm người trong khi một tên khủng lại có thể làm cả chục ngàn người xuống đường.

Các bạn tôi ở Mỹ cố gắng giải thích rằng Trần Văn Trường chỉ là ngòi nổ, người Việt Nam ở Cali đã xuống đường vì một cái gì đó sâu sắc hơn. Nhưng họ không giải thích được rõ rệt cái sâu sắc hơn đó là cái gì. Lý do sâu xa đó có lẽ một cựu sĩ quan ở Paris đã diễn tả đúng. Anh nói "nếu tôi ở Cali, tôi cũng đi biểu tình vì vụ này nó nhắc lại cho tôi một quá khứ mà tôi không muốn nhớ lại nữa". Người ta phẫn nộ vì chính mình đã phải treo cờ cộng sản và ảnh Hồ Chí Minh trong một thời gian dài ; trong lòng nguyên rủa mà bề ngoài vẫn phải ra vẻ tự nguyện. Đó đã là một cuộc cưỡng hiếp hàng ngày.

Các bạn bên Mỹ báo tin : các cuộc biểu tình bây giờ đã thay đổi định hướng, đã vượt lên khỏi cờ và ảnh để trở thành những cuộc biểu tình thấp nển vì dân chủ và nhân quyền, với sự nhập cuộc của tuổi trẻ. Tôi phân vân. Có thể đẹp như vậy được sao ? Nhưng sau đó thì cuộc "đấu tranh" cũng mất dần khí thế. Động cơ của nó chỉ là sự tức tối, khi gạt bỏ sự tức tối nó cũng mất sức mạnh. Thực chất đó vẫn chỉ là những cuộc biểu tình chống treo cờ cộng sản và ảnh Hồ Chí Minh ở một khu được hoang tưởng hóa thành phần đất bất khả xâm phạm của những người nghĩ rằng mình đã mất tất cả. Khu đất đó cho tới nay có vai trò là để giúp người ta khỏi phải bận tâm với đất nước Việt Nam đã bỏ lại đằng sau như một kỷ niệm đen tối.

Đối với những người còn lại trong nước, đất nước lại càng nhức nhối hơn. Nó là một sự bất lực hàng ngày, một sự khiêu khích và thách đố thường trực, trong khi không nhìn thấy một hy vọng nào. Lại càng phải cố gắng để quên đi bằng cách tập trung mọi ưu tư vào việc mưu sinh vốn đã khó khăn, để yên phận tù đầy. Như câu thơ đầu bài của Thanh Tâm Tuyền, người Việt Nam rũ bỏ ký ức và ra đi. Đi ra nước ngoài, nhưng cũng có thể "đi" ngay trên đất nước. Vẫn ở đấy mà vắng mặt.

Ngày 30-4-1975 không phải chỉ là một tủi hận cho người miền Nam. Đối với người miền Bắc, đặc biệt là đối với những người đã đóng góp cho guồng máy cộng sản, sự tủi hận có lẽ còn lớn hơn. Họ không chịu đựng từ 1975, mà từ hai mươi năm về trước. Họ đã phải im lặng trong đợt cải cách ruộng đất, đã phải chà đạp lên chính lương tâm mình để đánh hôi nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, nhóm Xét Lại Chống Đảng. Họ không những chỉ là những nạn nhân chịu đau mà không dám than khóc, họ còn bị bắt buộc phải làm đồng lõa cho cái tội bại. Khi một đứa con bị bắt buộc phải chỉ vào mặt mẹ mà quát "Con này, mày có biết tao là ai không ?" thì không phải chỉ có đứa con và người mẹ là khốn khổ, không phải chỉ có chế độ là đều cáng, mà cả dân tộc cũng bị làm nhục. Và nhục nhã nhất là chính những người phải tiếp tay cho guồng máy ghê tởm đó. Nhân cách và sự tự trọng không thể sống sót, người ta sau đó không còn cả lòng tự hào để nghĩ đến chống lại nữa. Những tiếng gào thét "chống Mỹ cứu nước", "giải phóng miền Nam" chỉ có thể là thành thực với một số nhỏ, đối với đa số nó chỉ là sự phục tùng trước bạo lực, đối với những người có ý thức nó chỉ là cuộc chạy trốn chính lương tâm mình. Đối với đa số người miền Bắc, đặc biệt là đối với trí thức, ngày 30-4-1975 đã là một hy vọng lớn. Biết đâu sau khi nhu cầu chiến tranh không còn nữa, đất nước đã thống nhất, đảng lại không thay đổi, lại không có tự do hạnh phúc thực sự, hòa giải dân tộc thực sự, đất nước lại chẳng khởi hành vào một kỷ nguyên mới ? Thất vọng lại càng lớn, sự tủi nhục lại càng lớn, vì mình không phải chỉ là nạn nhân mà còn là đồng lõa của sự gian ác, một sự đồng lõa cực kỳ vô duyên vì nó chẳng hề đem lại một lợi ích cá nhân nào. Kết quả của chiến thắng 30-4-1975 đối với đại đa số đảng viên kỳ cựu chỉ là thiếu tá vá xe, đại tá bán chè.

Rồi hơn hai mươi năm xã hội chủ nghĩa. Hai mươi năm nội chiến từng ngày nhường chỗ cho hai mươi bốn năm cưỡng hiếp từng ngày. Mọi người đều mất và mất hết, ê chề như nhau. Sự thất vọng và chán chường, không phải của riêng miền Nam và những người chống cộng mà của mọi người trên cả nước, đã quá to lớn và dai dẳng. Nó đã biến thành sự chán chường đối với chính đất nước. Đại đa số người Việt không còn muốn nghĩ tới đất nước nữa.

Tại sao ?

Tại sao người ta có thể có những liều lĩnh ghê gớm như bán nhà lấy tiền đem vợ con vượt biên trên những con thuyền mong manh, làm mồi cho công an, hải tặc và sóng gió mà lại không dám đứng lên tranh đấu đổi đời ?

Tại sao các chế độ độc tài trên thế giới, kể cả những chế độ độc tài đã khá thành công về mặt kinh tế và dân sinh, theo nhau sụp đổ trong khi chế độ cộng sản Việt Nam vẫn không gặp chống đối nào đáng kể, dù nó đã thất bại trong mọi địa hạt và trên mọi phương diện ?

Có phải tại chế độ quá mạnh đến nỗi người ta không thể tưởng tượng có thể chống đối lại nó hay không ? Chắc chắn là không. Ai cũng biết nó phân hóa, tham nhũng, mất phẩm chất, chao đảo, mâu thuẫn nội bộ. Chính ban lãnh đạo đảng cộng sản cũng không chối cãi. Có phải nó quá hung bạo đến nỗi làm người ta khiếp sợ không ? Cũng không nốt. Trong ba năm qua, kể từ 1996, chế độ cộng sản đã chỉ bắt giam một trí thức đối lập là Nguyễn Thanh Giang và đã chỉ quản chế ba người là Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự. Họ cũng đã chỉ khai trừ một mình Trần Độ và cắt điện thoại của khoảng mười người. Theo tiêu chuẩn quốc tế hiện nay, chế độ cộng sản Việt Nam không nằm trong danh sách những chế độ vi phạm nhân quyền hung bạo nhất.

Vấn đề là người Việt Nam không tranh đấu chứ không phải là không thể tranh đấu.

Và tại sao lại không tranh đấu ? Đó là vì dân tộc ta đã rã hàng, mỗi người tự thấy mình cô đơn, có muốn cũng chẳng làm được gì. Đó cũng là vì đã quá chán đất nước, đã mệt mỏi, đã mất ý chí và lòng tự hào.

Đảng cộng sản không phải chỉ đánh gục phe quốc gia, hay miền Nam. Họ đã đánh gục được cả dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã bị đả thương quá đau nên không thể đứng dậy.

Hai nhận định giải thoát

Dân tộc nào cũng trải qua những giai đoạn tan nát mà chỉ có một trấn tĩnh tinh thần mới cho phép nhìn ra lối thoát. Chúng ta cần trước hết là một sự hiểu biết về chính mình. Ít nhất chúng ta cần hai suy tư.

Suy tư thứ nhất là dân tộc ta không hèn mà chỉ là một dân tộc bị đá thương quá nặng. Chúng ta tự giam hãm trong mặc cảm hèn nhát và bất lực, đến nỗi mất lòng tin và ý chí, vì chúng ta không nhìn rõ gánh nặng lịch sử đè lên mình.

Từ đầu thế kỷ 16 chúng ta đã tiếp xúc với phương Tây, sự tiếp xúc đó là một khúc quanh đặc biệt quan trọng. Người phương Tây đem đến cùng với hàng hóa và kỹ thuật cả một văn hóa mới. Đặc biệt các giáo sĩ đem đến một nhân sinh quan và một vũ trụ quan mới. Cuộc va chạm này đã tác động rất mạnh lên xã hội Việt Nam. Khổng Giáo, nền tảng của chế độ quân chủ tuyệt đối, không còn giữ được vai trò độc tôn nữa, nó đã bị lung lay. Chế độ quân chủ chao đảo trong nền tảng, mất dần sự chính đáng, suy yếu đi, kéo theo loạn lạc, đói kém. Xã hội Việt Nam tan rã và sụp đổ. Trong khoảng trống toàn diện đó, một lực lượng bạo loạn - anh em Tây Sơn - đã nắm được chính quyền bằng bạo lực và cai trị bằng bạo lực, để rồi cũng bị tiêu diệt bằng bạo lực. Nhà Nguyễn làm chủ đất nước, không ý thức được sự thay đổi văn hóa xã hội đã và đang diễn ra trước mắt họ, đã thi hành chính sách mù quáng bài phương Tây và cấm đạo, làm chia rẽ trầm trọng hơn nữa một dân tộc vốn đã hoang mang và phân hóa cùng độ. Hậu quả là chúng ta đã mất nước. Riêng sự kiện một số rất nhỏ người Pháp đã có thể dùng chính người Việt Nam để thống trị Việt Nam đủ chứng tỏ dân tộc Việt Nam đã rã hàng đến mức nào rồi. Tội nhục nhất là suốt trong thế chiến II, một nắm nhỏ người Pháp đã thua trận và đã mất nước vẫn tiếp tục thống trị được người Việt một cách hung bạo. Họ đã chỉ bị Nhật, chứ không phải người Việt Nam, đánh đổ. Đến khi Nhật thua trận và đầu hàng thì chính quyền Việt Nam hoàn toàn bỏ ngỏ và một lực lượng hung bạo mới, đảng cộng sản, nắm được chính quyền với vài khẩu súng. Sau đó là ba mươi năm nội chiến giữa một tập đoàn cộng sản theo đuổi một triết lý chính trị tệ hại và các chính quyền quốc gia hoàn toàn không có một ý thức chính trị nào cả. Chiến tranh đã tàn phá sức sống còn lại của ta. Sau đó là một bạo quyền vận dụng mọi sáng kiến và thủ đoạn để đập tan mọi ý chí cá nhân và mọi giềng mối trong xã hội để có thể duy trì ách thống trị trên một dân tộc bất lực vì phân hóa. Không một dân tộc nào có thể chịu đựng những đập phá và chà đạp kéo dài như thế mà không bị thương tổn nặng.

Chúng ta không hèn nhát và cũng không có lý do để hổ thẹn, chúng ta đã chỉ là nạn nhân của những thâm kích tích lũy trong gần bốn thế kỷ. Nếu chúng ta vẫn còn giữ được một chút ý chí đấu tranh và một chút ý thức dân tộc như hiện nay thì đó quả đã là một phép màu. Một dân tộc bình thường chắc chắn đã tiêu vong lâu rồi.

Kỷ niệm ngày 30-4-1975 cũng là dịp để giải tỏa một tâm sự nặng nề cho người thuộc miền Nam và phe quốc gia cũ. Họ đã thất bại chủ yếu vì đã sáng suốt hơn đối thủ. Họ đã nhận ra sự vô lý của cuộc chiến và đã dừng tay, chẳng thà chấp nhận thất bại còn hơn tiếp tục tàn sát lẫn nhau giữa anh em ruột thịt. Đó là một thái độ yêu nước. Thay vì cố gắng phủ nhận thất bại, đề cao sự oai hùng của quân đội miền Nam, chúng ta nên nhìn ra sự cao cả của quyết định khước từ cuộc chiến của thanh niên miền Nam. Đó là một sự cao cả có thực, mà chắc chắn các công trình nghiên cứu mai sau sẽ phải nhìn nhận. Có lẽ trong bốn thế kỷ qua đó là phản ứng thông minh nhất của dân tộc ta.

Thay vì hổ thẹn, chúng ta hãy suy nghĩ về nguyên nhân của thảm kịch mà chúng ta đã và đang chịu đựng. Đó là vì trong những giai đoạn chuyển hóa lớn dân tộc nào cũng cần được những nhà tư tưởng hướng dẫn, để biết mình nên nghĩ gì, đi hướng nào và làm gì. Điều bất hạnh cho chúng ta là trong suốt bốn thế kỷ đó chúng ta đã không có một nhà tư tưởng nào, chúng ta đã chỉ có những văn quan, võ tướng, anh hùng, liệt sĩ. Do đó chúng ta đã không có đồng thuận, đã hoang mang, bối rối, cãi cọ, xung đột và rã hàng, để rồi bị các tập đoàn hung bạo kế tiếp nhau chà đạp, dẫn đi từ thảm kịch này đến thảm kịch khác. Chúng ta đã trả giá đắt cho sự thiếu vắng một tư tưởng chính trị. Đó chính là bài học đáng ghi nhận nhất.

Chúng ta có thể tìm kiếm một đồng thuận chính trị bằng cách học hỏi, suy nghĩ. Nhưng cũng có thể chỉ giản dị bằng thái độ, nghĩa là lắng nghe mọi ý kiến, thảo luận thành thực và tương kính với nhau. Chúng ta sẽ tìm ra được một đồng thuận dân tộc mới, sẽ kết hợp được và sẽ làm lại được đất nước.

Suy tư thứ hai là, dù muốn hay không, chúng ta bắt buộc phải tìm một giải pháp chung, chứ không thể chỉ tìm giải pháp cá nhân cho mỗi người. Sở dĩ chúng ta đã thất bại và tủi nhục là vì mọi người Việt Nam đã chỉ cố gắng tìm một giải pháp cá nhân cho mình. Vượt biên là một giải pháp cá nhân. Hối lộ là một giải pháp cá nhân. Chịu đựng và nhẫn nhục là một giải pháp cá nhân. Cầm thù và nguyên rủa là giải pháp cá nhân. Tìm hãnh diện trong sự khá giả của gia đình và thành công của con cái là giải pháp cá nhân. Viết văn, làm thơ, in sách có thể cũng chỉ là giải pháp cá nhân.

Không phải giải pháp cá nhân nào cũng đáng trách, trái lại có nhiều giải pháp cá nhân rất chính đáng, cần thiết và đáng khuyến khích nhưng không thể chỉ có giải pháp cá nhân. Quay lưng lại với đất nước là một sai lầm tai hại ngay cả cho chính mình. Người trong nước không thể có giải pháp tự cứu nào ngoài một giải pháp chung cho đất nước, nhưng người ngoài nước cũng cần một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh để có một chỗ dựa, để được kính trọng và để thành công. Ý thức được rằng phải có một giải pháp chung cho dân tộc là chúng ta đã đi được quá nửa đoạn đường ra khỏi bế tắc và tủi nhục. Năm trăm người trên một con thuyền vượt biên đã bị hai mươi tên

hải tặc uy hiếp vì họ chỉ là năm trăm cá nhân. Tám mươi triệu người để cho một đảng cộng sản phân hóa và chao đảo khổng chế cũng vì chỉ là tám mươi triệu người cô đơn.

Ngày 30-4-1975 đã có thể là một ngày vui lớn của dân tộc, một ngày khởi hành vào một kỷ nguyên của tình anh em tìm lại, của cố gắng chung và của thành công chung. Thực tế nó đã chỉ là một thương tích nặng, và rất nặng, trên một cơ thể vốn đã bầm tím những vết đòn chí tử. Từ đó bệnh nhân không những không được săn sóc và chữa trị mà còn tiếp tục bị dày dọ và đá thương thêm. Không ai đo lường hết được mức độ trầm trọng của vết thương 30-4 và những tàn phá trên thể xác và tâm hồn Việt Nam.

Nhưng dầu sao cũng đã đến lúc phải đứng dậy.

Một thế kỷ và một thiên niên kỷ sắp qua. Thế kỷ 20 bắt đầu trong nô lệ và chấm dứt dưới ách độc tài, nó đã là thế kỷ của nhục nhằn, đổ vỡ, máu và nước mắt. Thế kỷ 21 phải khác, nếu không Việt Nam sẽ không còn. Mà Việt Nam vẫn phải còn, bởi vì không thể chỉ có những giải pháp cá nhân cho một khối tám mươi triệu người cùng một ngôn ngữ, cùng một quá khứ và cùng một thảm kịch.

Mở đầu thiên niên kỷ thứ hai, các vua nhà Lý đã chấm dứt một chính quyền hung bạo, mở ra kỷ nguyên tự chủ lâu dài. Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, chúng ta cũng phải chấm dứt vĩnh viễn chế độ độc tài và mở ra kỷ nguyên của một nước Việt Nam dân chủ đa nguyên. Đó là điều kiện để Việt Nam có thể tồn tại.

Tin và tìm một giải thoát chung trong tâm lý rã hàng hiện nay là điều rất khó, nhưng không phải là không thể làm được. Hai ngàn năm lịch sử sống chung, giữ nước và dựng nước chung vẫn còn để lại một vốn liếng đáng kể. Tôi tin rằng ở thời điểm này, khoảng một ngàn người có ý thức, đồng thuận, quyết tâm và chấp nhận kết hợp trong một tổ chức đủ để tạo ra một chuyển biến tâm lý, làm nòng cốt cho một phong trào dân chủ rộng lớn, đem lại lòng tin và biến những tức tối và tủi hờn tích lũy thành sức mạnh đổi đời.

Hai mươi lăm năm sau ngày 30-4-1975: Đừng để lịch sử lặp lại (Thông Luận 137, tháng 5-2000)

Từ hai mươi lăm năm qua, tháng 4 năm nào cũng là dịp cho nhiều suy nghĩ và hồi tưởng. Nhưng có lẽ từ nay ngày 30-4 sẽ không còn gợi nhiều xúc cảm như trước nữa. Nó sẽ không bao giờ là một ngày bình thường như mọi ngày nhưng nó sẽ mất đi tính thời sự để đi vào lịch sử. Hai mươi lăm năm là chiều dài của một thế hệ, và cũng là cột mốc, để khép lại một giai đoạn và mở ra một giai đoạn mới. Một sự tình cờ là cột mốc một phần tư thế kỷ đó lại trùng hợp với sự bắt đầu của một thế kỷ và một thiên niên kỷ mới. Sự kiện đó càng thêm tác dụng đẩy mạnh hơn ngày 30-4 vào quá khứ. Như vậy đây chính là lúc để nhận diện lại ngày 30-4 trước khi nó đi vào chỗ đứng an bài của nó trong lịch sử.

Ngày 30-4-1975, Bùi Tín tiến vào Dinh Độc Lập đại diện phe cộng sản nhận sự đầu hàng không điều kiện của tướng Dương Văn Minh, còn tôi là một viên chức của chế độ Việt Nam Cộng Hòa vừa sụp đổ. Con đường trước mặt Bùi Tín thênh thang, đầy hoa và rực nắng. Tương lai đang chờ đợi tôi là một bóng đêm dày đặc đầy đe dọa, vắng vắng như có những tiếng lách cách không phân biệt là tiếng ổ khóa của nhà tù hay tiếng lên đạn của đội hành quyết. Bùi Tín là một anh hùng có công lớn và có chỗ đứng quan trọng sau chiến thắng oai hùng, tôi bị coi như một kẻ phản quốc vừa thất bại nhục nhã. Khoảng cách giữa chúng tôi là cả một vũ trụ. Nhưng ngày nay chúng tôi là chí hữu trong cùng một trận tuyến. Rất nhiều điều đã thay đổi trong hai mươi lăm năm qua.

Nhiều thay đổi tâm lý đã là những thay đổi rất tích cực. Người Việt Nam đã đạt tới đồng thuận trên rất nhiều điều cơ bản : phải có dân chủ đa nguyên, phải từ bỏ bạo lực, phải dân chủ hóa trong hòa bình và ổn định, phải phát triển đất nước dựa trên kinh tế thị trường, phải xóa bỏ hận thù để cùng bắt tay nhau đưa đất nước đi lên, v.v... Đó là một đồng thuận đủ để xây dựng một tương lai Việt Nam chung.

Những thay đổi cụ thể cũng rất đáng kể. Đất nước đã có hòa bình và một hòa bình dù tồi tệ đến đâu đi nữa cũng vẫn không tai hại bằng chiến tranh. Đất nước cũng đã thống nhất, dù sự thống nhất đó chỉ mới là thống nhất về mặt chính quyền và không đi đôi với phồn vinh nó cũng vẫn rất quan trọng nếu chúng ta ý thức rằng trong hơn bốn thế kỷ qua chúng ta chỉ có khoảng một trăm năm thống nhất.

Sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại cũng là một biến cố rất trọng đại và cần được đánh giá đúng mức. Chúng ta là một dân tộc khá đông đảo nhưng cho tới ngày 30-4-1975 chúng ta chưa có một cộng đồng hải ngoại trong khi dân tộc nào cũng

cần một cộng đồng hải ngoại để nhìn và học hỏi thế giới. Một dân tộc không có cộng đồng hải ngoại không khác bao nhiêu một người mù. Có lẽ chính vì thế mà chúng ta đã sờ soạng, mò mẫm và đi vào những ngõ cụt bi thảm.

Di sản của cuộc chiến

Tuy vậy, di sản của cuộc chiến vẫn còn rất nặng nề và điều này chỉ là một lẽ tự nhiên. Cuộc chiến chấm dứt ngày 30-4-1975 đã là cuộc chiến dữ dội nhất và thảm khốc nhất. Nó cũng là cuộc chiến đặc biệt nhất trong lịch sử nước ta. Nó là một cuộc nội chiến nhưng đồng thời cũng là một cuộc thế chiến thu hẹp với sự tham gia của nhiều nước thuộc hai khối xung đột. Nó cũng là cuộc chiến tranh ý thức hệ đầu tiên, và hy vọng là cuối cùng, tại nước ta. Trong hơn hai ngàn năm lịch sử, chúng ta đã trải qua nhiều cuộc chiến nhưng đó chỉ là những cuộc chiến để giữ nước, để giành độc lập hay để giành quyền lực giữa những người cùng chia sẻ một ý thức hệ Nho Giáo. Đây là lần đầu mà chúng ta phân tranh để giành quyền áp đặt hai mô thức chính trị đối nghịch nhau. Trong ba mươi năm chúng ta không những chỉ tàn sát nhau mà còn được huấn luyện để thù ghét và phủ nhận nhau trong văn hóa và trong nhân sinh quan. Chính vì vậy mà những đổ vỡ về tình cảm đã lớn không kém những đổ vỡ về vật chất. Di sản chính của cuộc chiến thảm khốc này là một sự kiệt quệ toàn diện về cả thể xác lẫn ý chí. Đó chính là lý do khiến trong suốt hai mươi lăm năm qua đảng cộng sản đã không bị một chống đối đáng kể nào mặc dầu đã thất bại trên tất cả mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt. Nhiều bạn ngoại quốc thường hỏi tôi tại sao một dân tộc đã từng chứng tỏ ý chí bất khuất và khả năng chiến đấu phi thường như dân tộc Việt Nam lại có thể chịu đựng một cách thụ động một chế độ vô lý đến thế. Họ không thể hiểu chúng ta đã mệt mỏi đến mức nào.

Cách đây không lâu, trong một trong nhiều lần thẩm vấn, một sĩ quan công an đã dẫn mặt Vũ Huy Cương : "Các anh chỉ là một nhóm nhỏ đếm trên đầu ngón tay". Lời nói đó có thể là đúng, những người dám công khai đấu tranh cho dân chủ quả là rất ít. Nhưng anh sĩ quan công an kia quên rằng những người dám liều thân cho đảng và chủ nghĩa cộng sản còn ít hơn, nếu không muốn nói là không còn ai. Những người dân chủ tuy ít nhưng họ là tất cả ý chí còn lại của dân tộc.

Những lẩn cẩn...

Có lẽ một phần lớn do kiệt quệ tinh thần mà chúng ta vẫn còn lẩn cẩn trong cách nhìn cuộc chiến và cách nhìn ngày 30-4-1975.

Ngay cả những người dân chủ dũng cảm nhất xuất phát từ hàng ngũ cộng sản vẫn phát biểu một cách rất tự nhiên rằng cuộc chiến chống Mỹ là vinh quang và sự tham gia

của họ là một điều đáng tự hào. Nhưng cuộc chiến này có cần thiết không ? Nó có thể tránh được không ? Người Mỹ đã đến để gây chiến với Việt Nam hay chỉ để đương đầu với một cuộc chiến mà họ không muốn ? Đảng Cộng Sản Việt Nam đã áp đặt những hy sinh to lớn như vậy lên dân tộc vì quyền lợi của dân tộc hay vì tham vọng quyền lực và vì chủ trương mở rộng khối cộng sản ? Những câu trả lời tùy thuộc mỗi người và thực ra không quan trọng nhưng đó là những câu hỏi cần được đặt ra và chỉ một sự kiện chúng đáng được đặt ra cũng đủ để đánh tan tất cả mọi "chính nghĩa" của cuộc chiến này. Các thế hệ mai sau sẽ chỉ nhớ lại cụm từ "cuộc chiến đấu thần thánh" như là dấu tích của một sự mê cuồng.

Nhưng cuộc chiến này đã đem lại cho nước Việt Nam những gì ngoài một sự kiệt quệ toàn diện, về cả thể xác lẫn tinh thần ? Vinh quang vì đã thắng Mỹ ? Nhưng ai hãnh diện làm người Việt Nam hiện nay xin dơ tay !

Không thể biện luận rằng ngày 30-4-1975 là một cột mốc ngăn cách hai đảng cộng sản, một đảng cộng sản đảng khâm phục trước đó và một đảng cộng sản đáng phê phán sau đó. Nếu đảng cộng sản đã tỏ ra tồi dở sau chiến tranh là vì nó đã tồi dở từ trước.

Nếu nó đã không thích nghi được với thế giới tiến bộ trong suốt hai mươi lăm năm qua là vì trước đó nó vốn đã không thông minh. Thực ra nếu lấy ngày 30-4-1975 làm cột mốc đánh giá đảng cộng sản thì phải nói đảng cộng sản đã tiến bộ nhiều. Họ không còn, hay ít còn, sử dụng những biện pháp bắt cóc, ám sát nữa, họ đã bắt đầu ý thức được vai trò của luật pháp, họ cũng đã học hỏi được khá nhiều kiến thức về kinh tế, tài chính. Họ đã văn minh hơn nhưng chưa văn minh đủ và họ cũng đã đem lại cho đất nước một số tiến bộ, nhưng quá chậm và quá ít so với thế giới.

Cũng không thể biện luận rằng chủ nghĩa cộng sản là một lý tưởng đẹp, chỉ có sự áp dụng của nó là dở. Thực ra chủ nghĩa cộng sản chưa bao giờ có chiều cao của một triết lý. Nó chỉ là sự gộp nhặt những nghiên cứu có sẵn hòa trộn lại để tạo ra một tổng hợp mị dân sau khi đã bóp méo nội dung. Ngay trong lý thuyết của nó, chủ nghĩa cộng sản chủ trương tiêu diệt một số giai cấp ; trong thế giới văn minh hiện nay, chủ trương tiêu diệt một số người chỉ vì thành phần xã hội của họ là, trên giấy trắng mực đen, một tội ác đối với loài người. Chủ nghĩa cộng sản có bản chất tội ác. Chính vì thế mà ở khắp mọi nơi được thử nghiệm, nó đã chỉ sản sinh ra các chế độ độc tài bạo ngược.

Những dòng trên đây có thể là rất nặng nề đối với những người đã tham gia hàng ngũ cộng sản do sự thôi thúc của lòng yêu nước. Mong họ bỏ qua cho người viết, nhưng cũng mong họ đủ khiêm tốn để nhìn nhận rằng tuy họ là đa số nhưng đã hoàn toàn không có một vai trò chủ động nào. Họ chỉ là thành phần bị lôi kéo và bị lợi dụng. Càng

nhắc tới những vinh quang của quá khứ cộng sản, họ càng cản trở sự hình thành của một tập hợp dân chủ mới.

Ngược lại, những thất bại của chế độ cộng sản cũng không hề chứng minh sự đứng đắn của các chính quyền quốc gia. Người ta có thể nghĩ rằng với một chính quyền kiểu chính quyền miền Nam cũ thì trong hai mươi lăm năm qua dù sao đất nước cũng khá hơn. Nhưng đó là một giả thuyết sẽ không bao giờ kiểm chứng được. Điều chắc chắn là các chính quyền quốc gia không có chính nghĩa. Dân chủ và tự do là những giá trị cao quý và đã có thể đem lại cho các chính quyền quốc gia, đặc biệt là chế độ Việt Nam Cộng Hòa, một chính nghĩa thực sự. Nhưng thực tế là tất cả mọi người và mọi tập đoàn đã kế tiếp nhau cầm quyền tại miền Nam đều chống dân chủ và đều đã vận dụng mọi sáng kiến để chống dân chủ. Tệ hơn nữa, trong đại bộ phận họ không có một ý thức quốc gia dân tộc nào cả. Những người dân chủ và yêu nước, tuy là đa số trong hàng ngũ quốc gia, cũng chưa bao giờ nắm được thế chủ động, họa hiềm lắm là một vài bộ trưởng, thứ trưởng, đại tá... có tư cách nhưng mẫu số chung vẫn là thiếu hoặc không có ý thức chính trị, và nhất là không có tổ chức. Chính vì thế mà các chính quyền quốc gia đã không được hậu thuẫn của nhân dân và mặc dù đã nhận được một khối lượng viện trợ hơn hẳn phe cộng sản cuối cùng đã thảm bại. Những người có thiện chí đã từng đứng trong hàng ngũ quốc gia cần nhận thức rõ vị trí của họ : thực ra họ đã chỉ chọn hàng ngũ quốc gia để chống lại cộng sản với hy vọng thiết lập sau đó một chính quyền khác. Sự chọn lựa này thực ra chỉ là một hợp đồng tạm thời và bất đắc dĩ, nhưng hợp đồng đó đã thất bại. Vậy thì từ nay họ không còn hy vọng nào để quyền luyến với các chế độ quốc gia nữa.

Những người dân chủ và yêu nước thuộc cả hai phía sẽ không bao giờ tạo được một sức mạnh đối đầu chừng nào họ vẫn chưa nhìn nhau như những người anh em bình đẳng trong sự bẽ bàng. Còn tranh giành nhau sự phải trái, hơn thua, họ vẫn còn bất lực. Sự cao cả của họ chỉ ở cái nhìn về tương lai và quyết tâm xây dựng một tương lai Việt Nam chung. Nó ở phía trước chứ không ở đằng sau.

Một lần nữa khác là hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tuy mọi người đều đồng ý rằng tiến trình dân chủ hóa của Việt Nam sẽ phải diễn ra trong hòa bình và trong tinh thần bao dung, nhưng vẫn còn khá nhiều người dị ứng khi nghe nói tới hòa giải dân tộc. Hòa giải dĩ nhiên là rất gai góc. Chẳng hạn làm sao có thể dễ quên thái độ đắc thắng, chính sách chiếm đóng, hạ nhục và bỏ tù tập thể được áp dụng một cách thô bạo trên toàn miền Nam. Nhưng vấn đề thực ra khá giản dị : một dân tộc cũng như một gia đình sau một đổ vỡ lớn chỉ có hai chọn lựa, một là hòa giải để tiếp tục, hai là chấp nhận tan vỡ. Vấn đề thực sự đặt ra không phải là hòa giải hay không hòa giải mà chỉ là chúng ta còn muốn Việt Nam tiếp tục tồn tại hay không.

Và một yếu kém vẫn còn nguyên vẹn

Một câu hỏi lớn cần được đặt ra là tại sao khối người có thiện chí đông đảo như vậy trong cả hai phía lại có thể bị chế ngự bởi một thiểu số chẳng ra gì để rồi phải chịu đựng những hy sinh khủng khiếp và đóng góp được gì khi không tiếp tay đập phá đất nước ? Tại sao lại có sự bất lực bi đát đến thế ? Những mất mát ghê gớm của cuộc chiến này với những chấn động mà nó gây ra đã có một tác động phản tỉnh đúng mức hay chưa ? Nhưng ở đây phải lùi ngòi mà nhìn nhận rằng chưa có câu trả lời. Nguyên nhân chính của những khổ đau đã qua và của tình trạng thua kém bề bộn hiện nay vẫn chưa được nhận diện rõ rệt : đó là sự thiếu vắng về tư tưởng, nhất là tư tưởng chính trị. Và đã không có tư tưởng chính trị thì chúng ta cũng không thể có nhân sự chính trị được. Chúng ta vẫn chưa thấy điều đó. Chúng ta đã trả giá rất cao nhưng vẫn chưa rút được kết luận.

Trong hầu hết mọi cuộc gặp gỡ và vận động, những người đấu tranh cho dân chủ vẫn gặp cùng một câu hỏi : có hành động cụ thể nào không hay chỉ có lý luận ? Đa số chúng ta vẫn chưa hiểu rằng tất cả phải bắt đầu từ tư tưởng và một phong trào hành động phải được một phong trào tư tưởng đi trước và dọn đường, còn nếu không hoặc sẽ thất bại, hoặc sẽ gây đổ vỡ, hoặc thất bại sau khi gây đổ vỡ.

Chúng ta tự hào có bốn ngàn năm văn hiến, nhưng chúng ta không có nổi một tác phẩm tư tưởng lớn và thực ra cũng chưa có ai xứng đáng được gọi là một nhà tư tưởng. Trong suốt thế kỷ 20, thế kỷ nở rộ của tư tưởng, chúng ta chưa có nổi một tác phẩm nghị luận có giá trị. Hình ảnh của ông Hồ Chí Minh, do chính ông thuật lại, vừa đọc xong một tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản Pháp đứng dậy, đi lại bồn chồn trong phòng và nói một cách gần như mê sảng : "Đây rồi ! Đây rồi ! Đây chính là con đường cứu nước !", tố giác một cách tàn nhẫn sự thấp kém về trí tuệ của chúng ta. Chúng ta không có những nhà tư tưởng để hướng dẫn trong những khúc quanh lớn của lịch sử thì làm sao tránh khỏi suy nghĩ nông nổi và hành động mù quáng ? Và đã không có đồng thuận về tư tưởng thì chúng ta lấy gì làm mẫu số chung để kết hợp thành lực lượng ? Như thế làm sao chúng ta tránh khỏi bị khống chế bởi một thiểu số có được sự hướng dẫn hoặc đỡ đầu của một thế lực bên ngoài ?

Cuộc chiến này đã xảy ra và đã kéo dài như vậy chính vì chúng ta đã không giải đáp nổi bài toán dân chủ hóa. Ý thức hệ Khổng Giáo sụp đổ để lại một khoảng trống và chúng ta đã băng khuông giữa hai khuôn mẫu : một bên là khuôn mẫu dân chủ, một bên là khuôn mẫu cộng sản.

Khuôn mẫu dân chủ dĩ nhiên là hơn hẳn, nhưng nó đã không có một lực lượng thực sự dân chủ bảo vệ và do đó không tranh thủ nổi sự ủng hộ của quần chúng. Và lại nó

đã do các thế lực ngoại quốc áp đặt đồng thời với những người lãnh đạo vừa không tin tưởng ở dân chủ vừa không có ý thức dân tộc. Cuối cùng nó chỉ là dân chủ hình thức, bệnh hoạn và gian trá, hoàn toàn xa lạ với quần chúng.

Ngược lại, khuôn mẫu cộng sản có một đội ngũ cán bộ kiên trì. Nhưng ưu điểm lớn nhất của nó là ở chỗ về bản chất nó là một phong trào thủ cựu. Sự kiện không có nhà chính trị Việt Nam nào nhìn thấy điều này cũng một lần nữa tố giác sự yếu kém về tư tưởng chính trị của Việt Nam. Tuy cũng xuất phát từ phương Tây nhưng chủ nghĩa cộng sản cũng chỉ là một thứ Khổng Giáo cải tiến. Nó cũng giáo điều, độc tôn, cũng chủ trương độc tài tuyệt đối, cũng khống chế tư tưởng, cũng phủ nhận chỗ đứng của cá nhân và xã hội dân sự, cũng cấm đoán khắc nghiệt mọi xét lại, cũng phân chia giai cấp, cũng bài xích thương mại, cũng vừa là một hệ thống chính trị vừa giống như một tôn giáo. Cả hai hệ thống cũng đều chỉ sản sinh ra các chế độ bạo ngược và cuối cùng cũng giống nhau ở lời biện hộ sau khi thất bại : đó là áp dụng sai chứ không phải lý thuyết sai. Sự cải tiến từ Khổng Giáo tới chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ chủ nghĩa cộng sản bênh vực và tôn trọng những người cùng khổ hơn và sự tôn trọng này không phải là hoàn toàn giả dối và mỉa dân như những người chống cộng cực đoan không ngừng rêu rao. Nó cũng không chà đạp nhân quyền bằng Khổng Giáo, nó kỳ thị ba đời nhưng không tru di tam tộc. Nó cũng văn minh hơn, mở rộng sự quan tâm đến các vấn đề khoa học, kỹ thuật, kinh tế. Chính vì nó gần gũi với văn hóa Khổng Giáo truyền thống và lại còn hơn Khổng Giáo mà nó dễ tranh thủ được quần chúng hơn, trong khi những người lãnh đạo phe quốc gia xuất hiện dưới mắt quần chúng như những con người lai căng và mất gốc. Thật là khờ khạo khi mọi trí thức quốc gia, trong cũng như ngoài chính quyền, đều đề cao Khổng Giáo mà không ý thức được rằng họ đang gián tiếp tuyên truyền cho cộng sản, bởi vì nếu Khổng Giáo được coi là đúng và tốt thì chủ nghĩa cộng sản, một thứ Khổng Giáo đã được cải thiện, phải được coi là rất đúng và rất tốt.

Nhưng lý do đã khiến phe quốc gia không có được một lực lượng dân chủ và những nhà lý luận dân chủ có sức thuyết phục ? Không phải vì dân chủ là một khái niệm quá phức tạp, và lại đã có nhiều người Việt Nam hấp thụ được một cách nhanh chóng những kiến thức rất phức tạp. Lý do thực sự là vì dân chủ trước hết là một nếp sống và một văn hóa trong khi tất cả trí thức Việt Nam đều được đào tạo theo nếp sống và văn hóa Khổng Giáo, càng trí thức bao nhiêu ảnh hưởng Khổng Giáo càng nặng bấy nhiêu, mà một khi đã mang nặng ảnh hưởng của Khổng Giáo rồi thì những biện luận về dân chủ và phê phán chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể là gượng gạo. Giữa dân chủ và Khổng Giáo phải dứt khoát chọn một. Không phải là một ngẫu nhiên nếu các chế độ cộng sản Châu Á hiện nay muốn phục hồi chỗ đứng của Khổng Giáo.

Vào lúc này, di sản cụ thể nhất của Khổng Giáo là gì ? Đó là cái tâm lý ở ẩn, cầu an, tránh gian nguy, nhân sĩ, chờ thời, thủ cựu, vệ đạo, thù ghét nghĩ lại và xét lại, những tính xấu đã được Khổng Giáo trong hàng ngàn năm tôn lên làm những giá trị đạo đức và đã ăn rễ vào con người. Tâm lý đó đang ngăn cản sự hình thành một kết hợp dân chủ để đương đầu và đánh bại chế độ độc tài đảng trị. Nhưng hình như một số rất đông trí thức Việt Nam vẫn còn chưa nhận thức được sự cần thiết của một cố gắng tư tưởng mãnh liệt để vượt qua rào cản của quán lực văn hóa và tâm lý. Cơn chấn động 30-4-1975 đã giúp chúng ta rút ra được một số kết luận đúng nhưng chúng ta vẫn chưa rút ra được kết luận quan trọng nhất.

Dừng để lịch sử lặp lại

Sau thế chiến II, tại Đông Á đã có hai nước, Việt Nam và Hàn Quốc, có tầm cỡ và văn hóa gần như nhau bị chia cắt bởi cùng một lần ranh ý thức hệ. Trong cả hai nước chế độ cộng sản miền Bắc đã tấn công để thôn tính chế độ dân chủ non trẻ ở miền Nam. Trong cả hai trường hợp, Hoa Kỳ đã can thiệp mạnh mẽ bảo vệ miền Nam. Nhưng kết quả hai cuộc chiến đã kết thúc khác hẳn nhau và ngày nay chắc không còn ai đủ ngây biện để cho rằng kết thúc Việt Nam có lợi cho người Việt hơn là kết thúc Hàn Quốc cho người Hàn. Điều này đủ để những người đã đóng góp cho "chiến thắng chống Mỹ" có một thái độ khiêm tốn hơn. Nhưng một câu hỏi khác, đặt ra cho mọi người, là tại sao hai cuộc chiến rất giống nhau đó lại kết thúc một cách khác hẳn nhau ? Ở đây câu hỏi, quan trọng hơn câu trả lời, và cũng đủ để khiến mọi người có thái độ khiêm tốn hơn.

Kẻ viết bài này chỉ xin đính chính một số ngộ nhận. Trái với một quan niệm rất lan tràn, Hàn Quốc không giống Việt Nam. Ảnh hưởng của Trung Quốc và Khổng Giáo kém hẳn Việt Nam. Họ độc lập trong gần suốt dòng lịch sử từ hai mươi thế kỷ nay. Họ đã có một nền văn hóa dân tộc riêng từ rất lâu đời. Mức phát triển về khoa học, kỹ thuật của họ hơn hẳn chúng ta. Nhưng nét nổi bật nhất là về cố gắng tư tưởng thì từ lâu họ hơn ta rất xa. Chính vì thế mà sự hưởng ứng đối với phong trào cộng sản đã yếu hơn, sức đề kháng đối với cộng sản đã cao hơn và ý chí đấu tranh cho dân chủ cũng mạnh hơn hẳn. Người Hàn Quốc đã không tình cờ may mắn mà giữ được nền dân chủ và ngày nay trở thành cường quốc kinh tế thứ 11 trên thế giới. Ngược lại chế độ cộng sản và tình trạng bế tắc hiện nay của Việt Nam cũng không phải là một sự ngẫu nhiên mà là hậu quả hầu như tất yếu của sự thiếu vắng tư tưởng nói chung và tư tưởng chính trị nói riêng.

Không, tư tưởng chính trị không phải là một xa xỉ phẩm mà là một nhu yếu phẩm đối với một dân tộc. Cố gắng tư tưởng chỉ bắt đầu một cách giản dị như sự chấp nhận tự do phát biểu và không nóng mặt nổi giận trước một ý kiến khác lạ. Nó cũng không trừu tượng mà chỉ cụ thể như một phương châm chắc nịch cần được đưa vào hiến pháp

Việt Nam sau này là ở Việt Nam không có những ý kiến cấm nêu ra và cũng không những đề tài cấm bàn đến.

Đừng để lịch sử lặp lại.

Năm 1533 người giáo sĩ phương Tây đầu tiên tới Việt Nam truyền bá thông điệp Ki-Tô. Tiếp đó là những giáo sĩ khác và những thương nhân đem theo hàng hóa và, cùng với hàng hóa, một nếp sống mới và một văn hóa mới. Cuối thế kỷ 17 số người theo đạo Thiên Chúa ở Việt Nam, cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài, đã lên tới 10%, điều này cần được nhắc lại cho những người thường phỉ báng đạo công giáo là đã đến Việt Nam theo gót giày của quân xâm lược Pháp, bởi vì người Pháp đã chỉ áp đặt ách đô hộ lên Việt Nam vào cuối thế kỷ 19 sau một cuộc chinh phục khá nhanh chóng và từ đó tỷ lệ người Việt Nam theo đạo công giáo (8% hiện nay) đã giảm hẳn đi chứ không tăng lên, nhưng điều này cũng cần được nhắc lại để ý thức được rằng ảnh hưởng của văn hóa phương Tây tại nước ta đã khá mạnh vào cuối thế kỷ 17. Khổng Giáo, nền tảng của chế độ quân quyền tuyệt đối đã lung lay và không còn khả năng để bảo vệ sự bền vững của trật tự cũ nữa. Nhưng sự yếu kém về tư tưởng của chúng ta đã không cho phép chúng ta thích ứng được với tình huống mới và nhìn ra một hướng đi phù hợp với mình. Chế độ quân chủ chuyên chế vẫn còn tồn tại trên cả hai miền Nam-Bắc, nhưng ngày càng mất nội dung và sức mạnh, cuối cùng chỉ còn là những hư cấu trong lúc, vẫn do sự thiếu vắng tư tưởng chính trị, chúng ta không tìm ra được giải pháp thay thế. Trong cả hai xã hội phân rã đó loạn lạc nổi lên khắp nơi, đạo đức sa sút và lòng người ly tán. Khoảng trống chính trị đã cho phép loạn quân Tây Sơn, một đám loạn quân thuần túy, không có bất cứ một dự án chính trị nào dựa vào tổ chức và sự táo bạo mà nắm được chính quyền, cai trị một cách tàn bạo để rồi sau cùng cũng bị tiêu diệt một cách tàn bạo. Vua quan nhà Nguyễn cũng không đủ trí tuệ để nhận thức được rằng họ tiếp thu một đất nước tan hoang và đang sống trong một khúc quanh lịch sử trọng đại. Họ đã chỉ biết đi theo đường xưa lối cũ, ngoan cố theo đuổi một ý thức hệ Khổng Giáo đã hoàn toàn phá sản. Kịch bản suy sụp và phân rã lại tái diễn một lần nữa. Chúng ta đều biết những gì đã xảy ra sau đó : ngoại thuộc, chiến tranh, rồi cộng sản, nghèo đói, lạc hậu và bế tắc.

Chúng ta không phải là nước Châu Á duy nhất bối ngỡ và phản ứng vụng về trước người phương Tây vào thế kỷ 17 nhưng ít ra họ đã biết rút ra một số nhận định, đã biết thích nghi chế độ với thực tại xã hội đã không sụp đổ trong bạo loạn như nước ta để rồi sau đó còn có thể tiếp tục tìm hiểu thêm. Chúng ta đã quá yếu kém về nhận thức chính trị. Có thể một phần là do cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn đã làm kiệt quệ mọi sinh lực nhưng nguyên nhân chính vẫn là nền văn hóa ngâm vịnh nhàn dư, trong đó tư tưởng chính trị hoàn toàn vắng mặt. Ba mươi năm Tây Sơn đã là một đại họa cho nước ta : đói kém, giết chóc, các thương nhân nước ngoài bỏ đi hết và chúng ta rơi trở lại vào

bóng tối dày đặc. Điều này giải thích tại sao sau này vua quan nhà Nguyễn vào cuối thế kỷ 19 đã phản ứng một cách mù quáng như chưa từng hiểu biết gì về phương Tây, khác hẳn với các chính quyền Châu Á khác.

Ngày hôm nay chúng ta đang ở trong một tình trạng tương tự như thời cuối Trịnh-Nguyễn và thời cuối triều Nguyễn : một chế độ dựa trên một ý thức đã bị đào thải đang dần dần mất hết nội dung và đang đi dần đến khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế, xã hội và cả khủng hoảng nội bộ. Tuy vậy chế độ này sẽ không sụp đổ vì khủng hoảng kinh tế, nó cũng sẽ không sụp đổ vì khủng hoảng nội bộ. Tình hình sẽ chỉ thay đổi nếu có một lực lượng xuất hiện như một giải pháp thay thế. Nếu không chế độ sẽ chỉ mục nát thêm kéo theo sự suy sụp và phân rã của chính đất nước. Đến một lúc nào đó khi chính quyền hoàn toàn chỉ còn là một hư cấu thì tất cả có thể xảy ra. Một băng đảng nào đó nhờ thủ đoạn và táo bạo hay được sự yểm trợ của một thế lực ngoại bang có thể lại nắm được chính quyền và mở đầu một giai đoạn hỗn loạn có thể kéo dài rất lâu.

Ngày 30-4-1975, những biểu ngữ "Chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm" được dựng lên khắp đường phố Sài Gòn trong những tiếng reo mừng của những người cộng sản vừa chiến thắng. Nhưng vào thời điểm đó, về mặt tư tưởng, chủ nghĩa này đã gần như bị bác bỏ. Những tiếng nói phản kháng đã xuất hiện ngay tại Liên Xô và đã có mùa xuân Tiệp Khắc. Một lần nữa sự lạc hậu thâm về tư tưởng của Việt Nam lại được phơi bày. Những biến cố đáng buồn trong gần bốn thế kỷ qua kế tiếp nhau như một chuỗi hạt mà sợi dây xuyên vẫn là sự kém cỏi về nhận thức chính trị. Có bao nhiêu người Việt Nam ý thức được như vậy ?

Kỷ niệm hai mươi lăm năm ngày 30-4 là dịp để chúng ta nhìn lại đất nước và suy tư để tránh cho những thảm kịch đừng lặp lại. Trong lịch sử của các dân tộc, những nguy cơ được dự báo trước thường ít xảy ra, chính vì chúng đã được dự báo trước.

Một cuộc chuyển hoá không thể được (Thông Luận số 148, tháng 5-2001)

Đây là lần thứ 26 người Việt Nam kỷ niệm biến cố 30-4-1975. Một sự tình cờ đã khiến nó đến khi đại hội 9 của đảng cộng sản vừa bế mạc, đánh dấu một giai đoạn mới không những với đảng cộng sản mà đối với cả đất nước. Vậy đây đúng là một dịp để tổng kết và suy nghĩ.

Nhưng trước hết là một vài suy tư nhân dịp lễ Phục Sinh.

Giê-Su ra đời được hai năm thì vua Herode từ trần. Các hoàng tử tranh quyền, nước Do Thái rối loạn và bị sáp nhập thành một tỉnh của đế quốc La Mã khi ông mới vừa 12 tuổi. Người Do Thái chờ đợi một vị cứu tinh, và nhiều thủ lĩnh đã xuất hiện. Giê-Su là một trong những lãnh tụ này, và là lãnh tụ độc đáo nhất. Trong khi mọi người chỉ nhìn thấy giải pháp võ trang, Giê-Su đã nhận ra nguyên nhân đã khiến người Do Thái thất bại và mất nước là sự thua kém về tư tưởng và văn hoá. La Mã đã hơn hẳn Do Thái và mọi nước khác vào thời đó, bởi vì xã hội của họ tự do hơn, dân chủ hơn, có đối thoại, và nhất là có phân biệt giữa tôn giáo và chính trị. Giê-Su nhìn thấy sự vô vọng nguy hiểm của các chủ trương giải phóng võ trang. Ông cũng nhìn ra nguyên nhân chính khiến Do Thái không vươn lên được : đó là sự kỳ thị giai cấp, sự tôn thờ bạo lực, óc bất dung và nhất là sự lẫn lộn giữa tôn giáo và chính trị giam hãm xã hội trong cái khung cứng nhắc của kinh thánh khiến xã hội không tiến hoá được. Từ đó Giê-Su kêu gọi hòa giải và hòa hợp dân tộc, bao dung, bác ái, bất bạo động và nhất là phân biệt tôn giáo và chính trị.

Giê-Su có phải là hiện thân của Thiên Chúa hay không là câu hỏi mà mỗi người tự trả lời cho mình. Nhưng nếu chúng ta chỉ giới hạn dưới góc nhìn chính trị thì sự nghiệp của Giê-Su thật là oan trái : ông đã chinh phục được chính đế quốc La Mã, không những thế ông còn chinh phục được cả thế giới chung quanh ông và mở ra một nền văn minh lộng lẫy, nhưng riêng đồng bào Do Thái của ông mà ông muốn giải thoát lại bức tử ông. Giê-Su đã không thuyết phục được dân tộc ông cũng như không ai có thể là tiên tri tại quê hương mình vì ông đụng phải một bức tường văn hoá. Cuộc đời ông chứng tỏ thay đổi văn hoá là một điều cực kỳ khó khăn.

*

Năm 1883 nước ta bị người Pháp đô hộ sau một cuộc chinh phục dễ dàng trong đó triều đình nhà Nguyễn chỉ chống trả một cách yếu ớt. Nguyên nhân của thất bại là do

văn hoá và tổ chức xã hội kém hẳn đối phương. Vua Tự Đức không phải là không nhìn thấy yêu cầu canh tân, nhưng ông bị vây bọc bởi cả một bức tường thủ cựu kiên cố của quần thần nên đã tiếp tục sa lầy và cuối cùng mất chủ quyền. Quán lực văn hoá lớn đến nỗi ngay cả quyền lực tuyệt đối của Tự Đức cũng không thể thay đổi cách suy nghĩ và hành động bằng mệnh lệnh.

Cuộc đô hộ của người Pháp hoàn toàn khác với những giai đoạn Bắc thuộc trước đây : kẻ thống trị khai thác tài nguyên của Việt Nam nhưng họ cũng đồng thời mở mang đất nước như chưa bao giờ thấy. Người Pháp vừa là kẻ thống trị vừa là người giải phóng, giúp Việt Nam vứt bỏ ách nô lệ văn hoá của Trung Quốc. Về mặt trí tuệ phải nói người Pháp đã đem đến cho chúng ta cả một bước nhảy vọt. Ngay cả ý thức về quốc gia như một thực thể của chung của mọi người cũng ra đời dưới thời Pháp thuộc, cũng những ý niệm về tự do, dân chủ, bình đẳng nam nữ, v.v... Về khoa học kỹ thuật thì phải nói chúng ta đã được người Pháp giáo dục từ số không. Nói chung, mặc dù cái nhục đô hộ, giai đoạn Pháp thuộc đã rất có lợi cho chúng ta. Nhưng người Việt càng tiến lên nhờ người Pháp thì cái nhục bị lệ thuộc Pháp lại càng đau nhức. Điều mà chúng ta cần trong giai đoạn này là những nhà tư tưởng tìm ra một cách nhìn và một cách sống cái nhục đó. Một đồng thuận dân tộc trên một cách ứng xử sáng suốt có thể đã giúp chúng ta lấy được quyền tự chủ sau một hai thế hệ. Nhưng chúng ta đã không có được những nhà tư tưởng đó. Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục nhiều tình cảm tốt nhưng thiếu nền tảng lý luận. Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh là những học giả nhưng không phải là những nhà tư tưởng. Phan Châu Trinh đơn độc và chết quá sớm. Do sự thiếu định hướng đó, mặc dù cuộc sống tinh thần và vật chất đã được cải thiện rất nhiều, người Việt Nam, nhất là giới sĩ phu, chỉ cảm nhận sự kiện bị một nước có nền văn hoá khác hẳn đô hộ như một sự xúc phạm lớn. Đã có nhiều cuộc khởi nghĩa nhưng vì thiếu hiểu biết và thiếu sáng kiến chúng đã chỉ loanh quanh trong chống đối võ trang để rồi bị đập tan. Kể cả đảng cộng sản. Và ngay cả trong giai đoạn thế chiến II khi tại Đông Dương chỉ còn lại một nắm nhỏ người Pháp đã thua trận và mất nước. Sau cùng quân Nhật, chứ không phải kháng chiến Việt Nam, đã lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp.

Bế tắc của cố gắng giải phóng dân tộc cũng cùng một nguyên nhân như bế tắc của dân Do Thái vào thời Giê-Su. Văn hoá cũ đã đưa đến thua kém và thất bại, phải có một văn hoá mới để nhìn ra một phương thức đấu tranh mới. Nhưng vấn đề ngàn đời vẫn thế: thay đổi văn hoá là điều cực kỳ khó khăn.

*

Giai đoạn Pháp thuộc cũng là giai đoạn mà phong trào cộng sản bành trướng trên thế giới và lan tới Việt Nam. Chủ nghĩa cộng sản không mới. Nó nằm trong một luồng tư

tưởng đã có từ rất lâu và thể hiện rất mạnh mẽ qua các bài giảng của Giê-Su. Nó cũng là một đề tài tranh luận sôi nổi trong thế kỷ 18 và 19 tại châu Âu sau cuộc cách mạng kỹ nghệ. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để xã hội ngày càng giàu mạnh lên và của cải làm ra được phân chia một cách công bằng. Karl Marx là một trong những người chủ trương dành hẳn ưu tiên cho công bằng xã hội. Marx không phải là một triết gia, cũng không phải là một nhà tư tưởng lớn. Ông là một học giả, một nhà văn và một nhà báo. Ông thu thập những ý kiến và khám phá của người khác rồi làm tổng hợp. Những tổng hợp của ông thường vội vã, thiếu chiều cao trí tuệ, nhưng ông diễn đạt một cách rất đặc sắc và hùng hồn. Những đóng góp thực sự của Marx như phân tích về giá trị thặng dư, dự báo sự sụp đổ chắc chắn của chủ nghĩa tư bản, v.v... đều sai một cách ngây ngô. Do tài diễn đạt, đặc biệt là cách trình bày mạch lạc của một người uyên bác, Marx được nhiều người ngưỡng mộ, và những gì ông viết ra có ảnh hưởng lớn. Những tác phẩm của Marx có thể đã chỉ là những tài liệu nghiên cứu nếu không có Lênin.

Lênin mới thực sự là cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản như đã được thực hiện tại nhiều quốc gia. Lênin đã nhận thấy ở những tác phẩm của Marx một số khẩu hiệu có tác dụng kích thích quần chúng nghèo khổ đồng thời một hệ thống tư tưởng sơ sài nhưng có vẻ hoàn chỉnh bao gồm cả triết học, sử quan, kinh tế, xã hội. Đó là một kiện hàng lý tưởng cho một người đang tìm kiếm một cơ sở lý luận để cướp chính quyền. Lênin đã dựa vào tư tưởng của Marx để phát minh ra cả một lý thuyết thực dụng để cướp và giữ chính quyền bằng bạo lực. Lênin đã viết và nói mỗi lúc một khác trên tất cả mọi vấn đề, nhưng "tư tưởng Lênin" có thể tóm tắt trong hai thành tố: 1/ lẫn lộn cứu cánh (thí dụ xây dựng một xã hội công bằng và phồn vinh) và phương tiện (thí dụ cuộc cách mạng vô sản), nâng phương tiện lên thành cứu cánh để biện minh cho những phương tiện khác; 2/ đồng hoá một khái niệm (thí dụ cách mạng) với một trong những biểu hiện của nó (thí dụ đảng cộng sản). Cả hai đều là cách lý luận bất lương. Được áp dụng một cách dây chuyền, và hơn nữa lại phối hợp với nhau, lối lý luận này có thể dẫn đi rất xa khỏi cả điểm khởi hành lẫn mục tiêu ban đầu. Từ giấc mơ một thiên đường trên mặt đất hoàn toàn tự do và thân ái, không còn bóc lột, hà hiếp và cũng không cần chính quyền, nó dẫn tới một nhà nước khắc nghiệt và nhiều lần hung bạo hơn những nhà nước tư bản mà Marx muốn xoá bỏ. Nó cũng đã dẫn hàng chục triệu người vô tội vào nhà tù hay ra pháp trường.

Lênin, Stalin và các lãnh tụ cộng sản khác thừa biết rằng thiên đường cộng sản mà Marx tưởng tượng chỉ là một ảo tưởng nhưng là một ảo tưởng có thể lợi dụng để cướp chính quyền. Một khi đã cướp được chính quyền các chế độ cộng sản cai trị thuần túy bằng bạo lực và khủng bố. Sử dụng một xác quyết sơ đẳng của Marx theo đó lịch sử nhân loại chỉ là đấu tranh giai cấp và đẩy tới tột đỉnh lô-gích khủng bố, chủ nghĩa cộng sản còn cho phép tiêu diệt không những các cá nhân mà toàn bộ những thành phần xã hội theo giai cấp, chủng tộc, tín ngưỡng. Về bản chất không có sự khác biệt giữa các

chế độ nazi, phát xít và cộng sản. Tất cả đều là những phong trào cho mình quyền tiêu diệt những cá nhân không phải vì họ đã phạm một tội gì mà vì họ thuộc một thành phần bị chế độ coi là thù địch.

Các chế độ cộng sản còn cần một loại nạn nhân khác. Vì lấy một ảo tưởng làm cứu cánh, chúng luôn luôn cần chứng minh tại sao cứu cánh vẫn chưa thực hiện được và không những thế càng ngày càng xa vời thêm trong khi những hy sinh ngày càng nhiều. Phải có những thủ phạm, những kẻ phá hoại việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và lần này các nạn nhân không nhất thiết phải là những kẻ thù giai cấp mà cũng có thể là những kẻ thất bại trong những tranh chấp nội bộ bị chọn làm dê tế thần trong những đợt thanh trừng.

Một đặc tính khác của phong trào cộng sản cần được lưu ý. Đó là nó hoàn toàn không dựa vào hậu thuẫn của quần chúng. Kỹ thuật của mọi đảng cộng sản là chỉ dựa vào một thiểu số có kỷ luật và đội ngũ vững chắc để khai thác một tình trạng khủng hoảng để cướp chính quyền và sau đó cai trị bằng bạo lực và sự nghèo khổ. Đi xa hơn các chế độ phát xít, các chế độ cộng sản còn sử dụng cả lương thực như một vũ khí khổng lồ chế xã hội.

Nhiều người cộng sản sẽ rất phiền lòng khi nghe nói rằng về bản chất phong trào cộng sản là một phong trào khủng bố và tội ác. Sự phiền lòng càng chân thực khi chính họ là những con người lương thiện. Nhưng sự thực là như thế. Có lẽ trước hết cần đồng ý trên định nghĩa của tội ác. Đó là việc cố ý sử dụng bạo lực để tiêu diệt, lưu đày hay ngược đãi những người vô tội vì quan điểm, tôn giáo, chủng tộc hay giai cấp của họ. Đây là định nghĩa chính thức của công pháp quốc tế về "tội ác đối với loài người" và cũng là điều mà mọi chế độ cộng sản đều làm. Cuốn *Sách Đen Về Cộng Sản* (*Le Livre Noir du Communisme*) không phải do một tổ chức chống cộng nào viết ra trong mục đích tuyên truyền, mà là công trình tập thể của một số đông đảo các nhà khảo cứu có uy tín, đa số đã từng ủng hộ phong trào cộng sản. Nó cho thấy phong trào cộng sản đã làm thiệt mạng trên 100 triệu người qua những quyết định độc ác có chủ ý và được thực hiện một cách lạnh lùng. Điều không thể chối cãi được là ở tất cả mọi quốc gia mà nó có cơ hội được thực hiện chủ nghĩa cộng sản đã chỉ đề ra những chế độ hung bạo và gian ác. Như vậy thì phải kết luận rằng chủ nghĩa cộng sản chất chứa tội ác và bạo lực ngay trong bản chất của nó (*).

Lênin đã thắng Kerensky và các đối thủ khác bởi vì xã hội Nga chưa bao giờ có một văn hoá chính trị nào khác ngoài bạo quyền và bạo lực. Những người dân chủ Nga đương thời với Lênin không thiếu nhưng họ đã thất bại bởi vì văn hoá chính trị của nước Nga chưa chín muồi cho dân chủ. Cùng một lý do đã khiến Mao Trạch Đông đánh

bại Tường Giới Thạch tại Trung Quốc. Văn hoá nào chế độ đó. Một lần nữa chúng ta thấy trọng lượng và quán lực của văn hoá.

*

Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập như là một phân bộ của cộng sản thế giới. Cha đẻ của nó là Hồ Chí Minh đã được đào tạo tại Nga, trong lò Stalin. Nó có mọi đặc tính một đảng cộng sản.

Theo đúng kỹ thuật Lênin, nó không dựa trên quần chúng mà dựa trên một số nhỏ có đội ngũ và quyết tâm để chờ đợi khai thác một tình trạng khủng hoảng. Cơ hội đến với thế chiến II. Với một đội ngũ nhỏ không quá 2.000 nhưng có tổ chức và quyết tâm, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nắm được chính quyền vào một lúc mà chính quyền bảo ngò : Nhật lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp rồi thua trận và đầu hàng. Sau đó nó dùng bạo lực để tiêu diệt các đảng phái yêu nước khác.

Sau khi đã nắm được độc quyền đấu tranh giành độc lập, theo đúng bài bản của mọi đảng cộng sản, nó thực hiện khủng bố toàn diện và tối đa. Người ta sẽ không thể nào đánh giá đúng mức sự khủng bố trong cuộc chiến tranh chống Pháp. Bao nhiêu người đã bị giết oan trong thời gian này? Có những người đã bị giết chỉ vì họ có chút uy tín tại địa phương và cũng có rất nhiều người đã bị giết chỉ vì bị tình nghi là gián điệp dựa trên những chi tiết như đội mũ có ba màu hay trong người có mảnh gương. Thêm vào sự khủng bố theo chính sách còn có khủng bố vì ngu dốt. Thực là cả một giai đoạn kinh hoàng. Trong cuộc chiến tranh lần thứ hai, 1960-1975, khủng bố cũng vẫn là vũ khí chính của đảng cộng sản. Chính quyền Sài Gòn dù có phương tiện dồi dào hơn cũng không sao chống trả được một lực lượng cộng sản không bị vướng tay bởi bất cứ một qui luật nào.

Trong cả hai cuộc chiến này, đảng cộng sản cũng đã được một bối cảnh quốc tế thuận lợi. Văn hoá chính trị thế giới trong hơn ba thập niên từ sau thế chiến II là chống Mỹ và chống chủ nghĩa tư bản. Trong số các sinh viên chống sự can thiệp của Mỹ tại Việt Nam có cả một tổng thống tương lai của Hoa Kỳ. Cảm tình dành cho Đảng Cộng Sản Việt Nam lớn đến nỗi những tin tức về những vụ bắt cóc, ám sát, đặt mìn trong các thành phố và những hố chôn tập thể tại Huế không có một ảnh hưởng nào. Khủng bố và bạo lực không bị lên án vì được coi là những vũ khí cần thiết cho một cuộc cách mạng phải có. Chỉ từ thập niên 1980 thế giới mới tiến tới một văn hoá hòa bình, quay lưng lại với bạo lực và các tổ chức khủng bố không còn được ủng hộ. Một lần nữa chúng ta thấy văn hoá quyết định cách ứng xử tập thể và văn hoá không dễ thay đổi.

Khủng bố và tội ác đã là vũ khí lợi hại nhất của đảng cộng sản nhưng không phải là lý do duy nhất giúp họ chiến thắng. Các phong trào cộng sản ở châu Mỹ La-Tinh cũng quyết tâm và hung bạo không kém nhưng đã thất bại. Còn một lý do quyết định khác, đó là đảng cộng sản đã được sự ủng hộ của chính nhân dân Việt Nam. Dĩ nhiên là có rất nhiều người Việt Nam thù ghét đảng cộng sản nhưng cũng có một số rất đông đảo ủng hộ họ rất tận tình. Những người này không phải không biết tới những tội ác của đảng cộng sản nhưng họ vẫn ủng hộ phe cộng sản bởi vì các chính quyền quốc gia dưới mắt họ chỉ là lai căng, vọng ngoại, công cụ của nước ngoài. Họ ủng hộ phe cộng sản nhân danh lập trường dân tộc.

Chủ nghĩa cộng sản không hoàn toàn là một "chủ nghĩa ngoại lai", như những người chống cộng lập luận, mà ở ngay trong lòng người Việt Nam, bởi vì không có một khác biệt căn bản nào giữa chủ nghĩa cộng sản và ý thức hệ Khổng Giáo mà người Việt tôn sùng trong hàng ngàn năm. Xét về bản chất thì cộng sản và Khổng Giáo chỉ là một, nếu nhìn kỹ hơn cộng sản là chủ nghĩa hay nhất có thể có nếu chỉ muốn cải tiến Khổng Giáo. Như vậy không có gì ngạc nhiên khi đảng cộng sản đã được một hậu thuẫn rộng lớn, vững chắc và bền bỉ trong dân chúng. Chính nhờ hậu thuẫn này mà dù gặp khó khăn tới đâu hay bị thất bại nặng nề tới đâu họ vẫn gượng dậy được. Văn hoá và tâm lý có sức mạnh ghê gớm của chúng và chúng cũng rất khó thay đổi. Đó là lý do khiến những tội ác kinh hoàng của người Thái đối với người Khmer, và ngược lại, vẫn không ngăn cản họ thấy gần gũi với nhau hơn là với người Việt.

Cần chấm dứt một huyền thoại đã kéo dài quá lâu. Đó là đảng cộng sản tuyên truyền giỏi và tổ chức giỏi. Hoàn toàn sai. Họ tuyên truyền rất vụng về và tổ chức một cách rất luộm thuộm. Sức mạnh đã đưa họ đến thắng lợi gồm ba yếu tố: 1/bản chất khủng bố và tội ác cho phép họ làm bất cứ gì để đạt mục đích mà không cần thắc mắc; 2/ họ có căn bản dân tộc bởi vì chủ nghĩa mà họ theo đuổi về bản chất phù hợp với văn hoá Khổng Giáo của xã hội Việt Nam; 3/ những người lãnh đạo cộng sản đều ít học cho nên rất quyết tâm, cuồng tín và kiên trì. Tất cả những lý do khác đều là phụ, những phân tích về quân sự lại càng không quan trọng.

Nhưng đó là đảng cộng sản nhìn từ bên ngoài. Một câu hỏi cần được đặt ra là bằng cách nào họ đã giữ được sự ổn vững trong nội bộ mặc dầu đã phạm rất nhiều tội ác đẫm máu và sai lầm nghiêm trọng? Lý do là vì ít nhất từ sau đại hội 3 năm 1960 đã có "một đảng cầm quyền trong đảng", thực hiện sự khủng bố ngay trong nội bộ đảng để duy trì kỷ luật. Đảng cầm quyền trong đảng này do Lê Đức Thọ cầm đầu. Từ 1960 trở đi tất cả mọi cấp lãnh đạo thực sự trong đảng đều thuộc phe này. Một đảng khủng bố không thể không thực hiện khủng bố ngay trong nội bộ.

Đảng cộng sản đã có được một bối cảnh quốc tế thuận lợi, đã được viện trợ một cách dồi dào từ cả Liên Xô lẫn Trung Quốc, họ cũng đã may mắn chỉ gặp những đối thủ rất tầm thường trong phe quốc gia và những vụng về của người Mỹ, nhưng hai lý do chính khiến nó đã thành công là vì nó đã có hậu thuẫn quần chúng và vì nó là một đảng khủng bố và tội ác và dám đẩy đến cùng lô-gích khủng bố và tội ác đối với bên ngoài cũng như trong nội bộ đảng.

*

Nhưng từ ngày 30-4-1975 họ đã toàn thắng và qui được cả đất nước về một mối. Lô-gích tự nhiên lúc đó là phải hành xử như một đảng cộng sản cổ điển, và như họ đã làm tại miền Bắc trong hơn hai mươi năm, nghĩa là cai trị bằng kèm kẹp, khủng bố bằng bạo lực và bằng sự nghèo đói. Nhưng thế giới đã thay đổi, phong trào cộng sản thế giới đã rạn nứt. Đảng Cộng Sản Việt Nam dù muốn hay không cũng phải bắt đầu chuyển hoá.

Đại hội 4 cuối năm 1976 đánh dấu bước đầu của một cuộc chuyển hoá từ một đảng khủng bố và tội ác sang một đảng cầm quyền và quản trị. Từ đó mọi đại hội đảng đều là những đại hội chuyển hoá theo cùng chiều hướng bắt buộc này.

Đại hội 9 cũng không khác. Điều khác biệt là nó cũng là đại hội chuyển giao thế hệ. Những cấp lãnh đạo xuất thân từ chiến tranh và có công lao trong chiến tranh cuối cùng đã phải ra đi vì già yếu theo luật đào thải tự nhiên của tạo hoá.

Không nên để bị lung lạc bởi những lời tuyên bố lạc quan và tin tưởng sau đại hội 9. Một số quan sát viên quốc tế sẽ nhận xét rằng những cấp lãnh đạo mới trẻ hơn, cởi mở hơn và hiểu biết hơn và không giáo điều như những người tiền nhiệm. Tất cả những nhận xét này đều đúng nhưng cũng chỉ là những gì chúng ta đều đã thấy. Từ 1975 đến nay tất cả mọi đại hội đảng cộng sản đều đã có tiến bộ. Nhân sự luôn luôn trẻ hơn, cởi mở hơn và hiểu biết hơn nhưng điều đó vẫn không ngăn cản đảng cộng sản tiếp tục sa lầy và chế độ cộng sản tiếp tục suy thoái. Cố gắng chuyển hoá đã thất bại.

*

Nhưng tại sao cuộc chuyển hoá này lại thất bại ?

Đó là vì chuyển hoá từ một đảng khủng bố và tội ác sang một đảng cầm quyền và quản trị là một cuộc chuyển hoá cực kỳ khó khăn mà chưa một đảng cộng sản nào làm được. Cuộc chuyển hoá này đòi hỏi một thay đổi văn hoá. Phải thay văn hoá chiến tranh bằng văn hoá hòa bình, văn hoá căm thù bằng văn hoá anh em, văn hoá cướp

bóc bằng văn hoá lương thiện, văn hoá khủng bố bằng văn hoá đối thoại và thoả hiệp, văn hoá phá hoại bằng văn hoá xây dựng. Và dĩ nhiên cũng cần thay những kiến thức cũ bằng những kiến thức mới. Đây là một cuộc cách mạng văn hoá to lớn và toàn diện, đòi hỏi những cấp lãnh đạo có văn hoá cao và tầm nhìn xa, những người mà đảng cộng sản hoàn toàn không có. Bộ máy khắc nghiệt của đảng đã loại bỏ khỏi vị trí lãnh đạo hầu hết những người lương thiện, có trí tuệ và nhân cách.

Mọi cuộc chuyển hoá văn hoá đều rất khó khăn, ngay cả nếu người ta ý thức được và thực hiện với tất cả quyết tâm. Nhưng mặt khác đảng cộng sản cũng không ý thức được tầm vóc và sự khó khăn của cuộc chuyển hoá này. Họ đã chỉ để cho thực tại xô đẩy và họ đã chỉ làm những thay đổi vụn vặt bất đắc dĩ khi không có chọn lựa nào khác. Những khuôn mặt lãnh đạo mới dù trẻ tuổi hơn cũng chỉ là những người già nua trong kiến thức, văn hoá và tâm lý. Điều duy nhất thực sự mới so với các đại hội trước là "đảng Lê Đức Thọ" đã chết già. Từ nay đảng cộng sản không còn dụng cụ để duy trì kỷ luật nội bộ nữa.

Thời gian sau cùng đã làm công việc của nó. Đảng cộng sản đã thay đổi, dù là một sự thay đổi không thành công. Tháng 4-1975 nó là một đảng khủng bố và tội ác xuất sắc, tháng 4-2001 nó là một đảng cầm quyền và quản trị tồi tệ. Không có gì đáng ngạc nhiên và cũng không thể khác. Các đảng cộng sản không được thành lập để quản lý tốt một đất nước và giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử, chúng chỉ được thành lập để tạo khủng hoảng và lợi dụng khủng hoảng để cướp chính quyền. Đảng Cộng sản Việt Nam không khác, nó còn cộng sản hơn đa số các đảng cộng sản. Không những thế nó còn thiếu quyết tâm tự cải thiện. Cuối cùng thì tên tướng cướp dữ tợn vẫn chưa thành người lương thiện, hắn mới chỉ thành một tên du đảng. Dở hơn, nhưng chưa đủ. Đảng cộng sản không còn ám sát, bỏ tù hàng chục năm không cần xét xử nữa, nhưng nó vẫn tạm giam, quản chế, cắt điện thoại và dùng báo chí độc quyền để vu cáo và bôi nhọ. Và nó vẫn sợ đa nguyên đa đảng.

Giê-Su Ki-Tô cũng đã không thay đổi được văn hoá của dân tộc ông và đành chịu lấy tính mạng để trả giá cho sự sáng suốt của mình. Gorbachev cũng đã không thích nghi được bộ máy đảng cộng sản của ông, sự thay đổi tại Nga đã chỉ đến một cách khó khăn với sự đào thải của Đảng Cộng Sản Liên Xô khỏi chính quyền. Alexis de Tocqueville đã nhận định rằng mối nguy của một chế độ bạo ngược thường đến vào lúc mà nó tìm cách cải tiến. Đó là trường hợp của đảng cộng sản. Mọi cuộc thay đổi văn hoá đều không thể đến từ bên trong một trật tự có sẵn. Nó chỉ có thể đến từ những con người ngoài hệ thống đã đóng góp vào thay đổi và đã biết chuẩn bị trước để đứng hện với thay đổi.

Chúng ta sẽ nhìn rõ hơn tương lai của chế độ và rút ra một kết luận cho đất nước mình nếu chúng ta suy nghĩ một cách bình tĩnh về giai đoạn cộng sản đang chấm dứt. Đất nước ta từ ngày thành lập vẫn chỉ đặt nền tảng trên một văn hoá duy nhất : văn hoá Khổng Giáo giáo điều và độc đoán. Sau thế chiến II chúng ta có một cơ hội để giành độc lập và thiết lập dân chủ. Nhưng chuyển hoá về dân chủ đòi hỏi một thay đổi văn hoá lớn và một đoạn tuyệt dứt khoát và toàn diện với văn hoá Khổng Giáo. Chúng ta đã không có nổi bước nhảy vọt đó bởi vì chúng ta không có những nhà tư tưởng để hướng dẫn. Các trí thức của chúng ta đã chỉ nghĩ đến cải thiện Khổng Giáo, đa số còn kêu gọi giữ gìn văn hoá truyền thống. Có thể chúng ta không ý thức được nhưng chủ nghĩa cộng sản đã đến đúng như chúng ta mong muốn. Dù nhiều người có thể không đồng ý, nhưng chủ nghĩa cộng sản đã là một cái tiến lớn theo chiều hướng tốt của Khổng Giáo. Nó đã đem vào những giá trị dân chủ và nhân quyền, dù ở một mức độ rất thấp so với yêu cầu của đất nước. Chế độ cộng sản như vậy là một giai đoạn chuyển tiếp tự nhiên từ Khổng Giáo sang dân chủ. Cộng sản không phải là một tai họa từ trên trời rơi xuống hay từ dưới đất mọc lên. Nó từ chúng ta mà đến và chúng ta đã xứng đáng với nó.

Một khi những đam mê và xúc động đã qua đi, các thế hệ mai sau sẽ nhìn giai đoạn cộng sản như một giai đoạn chuyển tiếp đáng tiếc mà trách nhiệm không phải chỉ thuộc về những người cộng sản. Trong chiều dài lịch sử, ngày 30-4 sẽ là một ngày để suy nghĩ.

Giai đoạn chuyển tiếp này đã kéo dài quá lâu và đã gây thiệt hại quá nhiều. Nó phải chấm dứt nhưng sự cáo chung của nó chỉ có ý nghĩa và cũng chỉ đáng mong muốn nếu để mở ra một kỷ nguyên dân chủ. Và muốn thế chúng ta cần một cố gắng tư tưởng vĩ đại để đạt tới một văn hoá dân chủ. Không có một cuộc vận động chính trị nào thành công nếu không được chuẩn bị trước bởi một cuộc vận động văn hoá. Chúng ta đã làm cố gắng này chưa và đã làm tới đâu rồi? Chúng ta đã có bao nhiêu người dân chủ chân chính? Dân tộc Việt Nam chắc chắn là muốn dân chủ và cũng xứng đáng để có dân chủ không kém nhiều dân tộc khác, nhưng chính trị ở nước nào và thời nào cũng chỉ là quan tâm và hoạt động của thiểu số tích cực. Vào thời điểm này chưa thể nói chúng ta đã có một văn hoá dân chủ và một đội ngũ dân chủ mà đất nước đòi hỏi.

Nhân kỷ niệm ngày 30-4-1975: Vẫn một bài học (Thông Luận 159 tháng 5-2002)

Biến cố ngày 30-4-1975 đã là một chấn động cực lớn. Nó đã phá tất cả mọi kỷ lục như là một đề tài thảo luận. Tuy vậy, có một sự hiểu lầm vẫn dai dẳng và hầu như còn nguyên vẹn.

Thắng lợi của phe cộng sản vẫn làm rất nhiều người tức tối vì cảm nhận nó như một sự vô lý. Bộ máy hành chính của Việt Nam Cộng Hòa hơn bộ máy hành chính cộng sản. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng hơn quân đội cộng sản về huấn luyện, tổ chức và trang bị.

Những sự kiện dần dần được phơi bày ngày càng cho thấy đa số nhân dân Việt Nam không ủng hộ đảng cộng sản. Những người chống cộng sản cũng không thiếu. Có lẽ họ còn đông đảo hơn những người cộng sản.

Nhưng thực tế là quân đội cộng sản đã chiến đấu gan dạ hơn và hiệu lực hơn quân đội quốc gia, tổ chức tuyên truyền và dịch vận của họ đã hơn hẳn, các cơ sở hậu phương và nằm vùng của họ đã tỏ ra kiên trì và sáng tạo hơn hẳn. Cuối cùng chiến thắng ngày 30-4-1975 đã là một trong những chiến thắng toàn vẹn nhất và vinh quang nhất.

Sau khi họ đã chiến thắng và phơi bày sự tồi dở, một lý thuyết khác được đưa ra như một lời giải thích : "người cộng sản giỏi trong chiến tranh nhưng dở trong hòa bình". Cách giải thích này có vẻ làm hài lòng mọi người vì không có giải thích khác, nhưng nó chỉ là một sự hiểu lầm.

Giải thích có thể chỉ giản dị là vì đảng cộng sản đã không có một đối thủ thực sự nào.

Phe quốc gia có một guồng máy hành chính tương đối tốt, một quân đội tương đối mạnh, một guồng máy an ninh trật tự không dở, nhưng thiếu lãnh đạo chính trị nên đã không thể đương đầu với đảng cộng sản, dù thực ra đảng cộng sản không thật sự tài giỏi.

Hành chính, quân đội, cảnh sát, công an chỉ là những bộ phận. Còn cần có một lực lượng chính trị để phối hợp và điều khiển các bộ phận đó. Mà lực lượng này thì phe quốc gia chưa bao giờ có. Cần chấm dứt một nhận định sai lầm là phe quốc gia có nhiều người giỏi. Thế nào là giỏi ? Ở đây ta đang nói về cuộc đụng độ giữa hai phe xung đột để tranh giành quyền làm chủ một đất nước. Điều cần thiết ở đây là sự dẫn

thân và sự dũng cảm, là khả năng động viên và tổ chức. Bằng cấp không đủ, có khi cũng không cần luôn. Cuộc đấu tranh này đòi hỏi một đội ngũ mạnh trước khi đòi hỏi những cá nhân có kiến thức. Không ý thức được sự thật hiển nhiên này hay có ý thức mà vẫn bất lực thì cũng là kém. Phải nói một cách dứt khoát : nhân sự chính trị của phe quốc gia nói chung rất tồi. Bản lĩnh chính trị của họ thua hẳn các cấp lãnh đạo cộng sản.

Các chính quyền quốc gia được hình thành từ năm 1948 và tồn tại tới 1975. Trong tất cả thời gian 27 năm tồn tại đó phe quốc gia chưa bao giờ có một đội ngũ cầm quyền. Các nhân vật không uy tín, không kinh nghiệm và không đội ngũ được thời cơ đưa đẩy lên "cầm quyền" chỉ dựa vào gia đình và bè bạn chung quanh để thành lập một bộ tham mưu gồm những người tập sự làm chính trị rồi thất bại nhường chỗ cho những người kế tiếp lập lại một kịch bản tương tự. Trong suốt thời gian tồn tại của nó, các chính quyền quốc gia chưa bao giờ có một tập đoàn lãnh đạo. Các bộ trưởng, thứ trưởng trong một nội các chỉ là những người tình cờ gặp nhau trong một thời gian ngắn. Và lại, trong suốt 27 năm chỉ có hai vị cầm đầu chính quyền quốc gia tốt nghiệp đại học, thời gian cầm quyền tổng cộng của cả hai vị này chưa tới một năm. Như vậy thì ngay cả về văn hóa, những người kế tiếp nhau cầm đầu phe quốc gia cũng không hơn gì những người lãnh đạo cộng sản. Kiến thức về tổ chức và kinh nghiệm hoạt động chính trị của họ thì rất ít, nếu không muốn nói là không có gì. Và không ai có một chính đảng nào cả (1). Với một lãnh đạo chính trị như thế thì guồng máy hành chính, quân đội và công an dù có tốt đi nữa cũng không sử dụng được và vẫn thất bại.

Đảng cộng sản không phải là tài giỏi trong thời kỳ chiến tranh rồi suy thoái và phân hóa sau chiến thắng 30-4-1975. Trái lại, họ chưa bao giờ là một đảng thông minh, và ngày trước họ còn kém hơn cả bây giờ. Những lỗi lầm, kể cả tội ác, nghiêm trọng nhất đã xảy ra khi ông Hồ Chí Minh còn cầm quyền. Họ đã chiến thắng chỉ vì trước mặt họ không có một lực lượng chính trị nào. Phe quốc gia tuy cũng có một số chính đảng, nhưng những chính đảng này đều quá yếu và đã không có vai trò gì trong chính quyền. Điều ngạc nhiên là cho tới nay ít ai nhấn mạnh đến nguyên nhân chính yếu này. Có lẽ phải tìm lời giải thích trong văn hóa và lịch sử của nước ta.

Khổng Tử dạy : "Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" (rèn luyện bản thân, ổn định gia đình, ổn định địa phương, sau đó lo cho cả nước). Tiến trình đào tạo kẻ sĩ này cho tới nay vẫn còn được nhiều trí thức cho là đúng, nhưng nó quá lỗi thời.

Trước hết là một ngộ nhận lớn về xã hội : nền tảng của một xã hội văn minh không phải là cá nhân, hay gia đình mà là các kết hợp chính trị, văn hóa, kinh tế trong xã hội dân sự. Ý niệm kết hợp hoàn toàn vắng mặt.

Sau đó là một ngộ nhận lớn khác về tâm lý. Từ cá nhân đến gia đình, rồi xã hội, không phải là một diễn tiến liên tục. Không phải chỉ có sự khác biệt về tầm vóc mà còn có sự khác biệt lớn về bản chất. Khi những con người kết hợp với nhau để tạo ra một tập thể dù là một gia đình, một nhóm, một hội, một đảng hay một nước, thì tập thể đó là một sinh vật mới, khác với những con người cấu tạo ra nó, với một lô gích riêng, một tâm lý riêng, một trí nhớ riêng, một đời sống riêng, những giá trị riêng và những đòi hỏi riêng. Điều này hình như vẫn còn là một bí mật đối với người Việt (2). Cũng nên lưu ý rằng mẫu người của tiến trình tề gia, trị quốc này là để phục vụ cho hệ thống quyền lực có sẵn chứ không phải để thay đổi xã hội. Chúng ta thường than phiền rằng đã hơn một phần tư thế kỷ dưới một chế độ độc tài tồi tệ mà vẫn chưa có được một đổi lập dân chủ có tầm vóc. Một cựu nghị sĩ khá nổi tiếng tại hải ngoại có lần viết thư riêng cho tôi : "Ba vấn đề của chúng ta là tổ chức, tổ chức và tổ chức". Vị này đã ra nước ngoài từ ngày 30-4-1975 và hoạt động rất nhiệt tình. Tuy vậy cho đến khi ông qua đời cách đây vài năm ông vẫn chưa có một tổ chức nào cả.

Những cố gắng kết hợp không thiếu. Đã có những giai đoạn có rất nhiều hội đoàn và cũng đã có nhiều cố gắng để liên kết các hội đoàn, nhưng kết quả vẫn thế. Lý do là vì chúng ta không hiểu bản chất của một tổ chức. Một cách giản dị, chúng ta vẫn chỉ hiểu tổ chức là nhiều người. Khi nói đến tổ chức, chúng ta nghĩ đến cơ chế, đến các ban chấp hành, chủ tịch đoàn, ban giám sát, phân bộ, xứ bộ, v.v. Chúng ta coi những người "giỏi tổ chức" là những người năng động, tháo vát, biết dàn xếp, ưa thực hành hơn là lý thuyết, v.v. Chúng ta không bận tâm tìm hiểu bản chất, sự sống và các nhu cầu của tổ chức như một thực thể riêng. Tất cả những vấn đề của tổ chức được coi là có thể giải quyết được mà không cần một kiến thức đặc biệt nào vì chúng cũng tương tự như những vấn đề đặt ra cho cá nhân và gia đình chỉ khác ở qui mô. Sai lầm lớn ! Một người có thể rất đứng đắn trong đời sống cá nhân và gia đình, rất lương thiện trong những giao dịch bằng hữu nhưng vẫn có thể cư xử một cách rất lưu manh trong xã hội. Một người cũng có thể tốt về mặt cá nhân mà lại cư xử một cách rất vô lý trong một tổ chức. Lý do là vì khi không có sự hiểu biết về tổ chức người ta bối rối trong một môi trường khác lạ, rồi mất phương hướng và không còn phân biệt được cái đúng và cái sai.

Chúng ta là một dân tộc 80 triệu người. Trong và ngoài nước có vài triệu người tốt nghiệp đại học, nhưng cho tới nay tôi chỉ gặp một vài người tốt nghiệp về tâm lý cá nhân và chưa gặp được một người nào tốt nghiệp hoặc đã tự nghiên cứu về môn tâm lý xã hội cả. Chúng ta coi hai môn học này là không cần học cũng biết. Kết quả là những kết hợp của chúng ta đều tan rã hoặc bế tắc vì những trục trặc đã được trình bày rõ rệt trong các tài liệu, chỉ cần biết đến chúng cũng đủ để chúng không xảy ra.

Có lẽ cũng nên dừng lại giây lát để chia sẻ một suy tư hơi có vẻ triết lý. Hiện tượng các cá nhân tự nguyện kết hợp thành đoàn thể mới chỉ có gần đây thôi, khi con người trở thành vừa tự do vừa trù tượng. Tự do vì có như thế mới có thể kết hợp. Trù tượng vì những nhu cầu như muốn được kính trọng, muốn giúp đỡ, muốn đóng góp, muốn một số ý kiến được thực hiện... đều không cụ thể. Chính con người trù tượng ấy, chứ không phải con người cụ thể, gia nhập một đoàn thể. Khi gia nhập một đoàn thể con người tự ý hy sinh một phần tự do và đóng góp một phần cuộc sống của mình để đổi lại với sự thực hiện những ước mong của con người trù tượng trong mình. Người Việt Nam chúng ta không có phản xạ kết hợp là vì, do di sản lịch sử, chúng ta không phải là một dân tộc tự do và không đủ trù tượng. Nói chung chúng ta thiếu một văn hóa tổ chức.

Kết hợp không phải là đặc tính của các dân tộc theo văn hóa Khổng Giáo như chúng ta. Vì thế các dân tộc này đều bất lực. Lịch sử và văn hóa của họ đã nhào nặn ra họ để phục tùng những người lãnh đạo, kể cả để bị dẫn vào chỗ chết. Họ không có chọn lựa nào khác. Đối với một dân tộc như vậy lãnh đạo là tất cả ; một nhóm nhỏ có đội ngũ có thể khống chế được cả một khối người đông đảo, áp đặt những hy sinh thực lớn, tạo ra cảm tưởng một đội ngũ rất đông đảo và quyết tâm. Đó đã là lý do thành công của Đảng Công Sản Việt Nam.

Để nói một cách công bằng, ông Hồ Chí Minh cũng không phải là một người thực sự xuất chúng, đã vượt lên thời đại của ông và văn hoá của dân tộc ông, đã nhìn thấy được vai trò của một chính đảng và đã thành lập được một đảng. Sự tìm kiếm một sự nghiệp cá nhân đã đưa đẩy ông tới nhiều thử nghiệm và sau cùng tới Đệ Tam Quốc Tế. Ông đã nhận chỉ thị về Việt Nam thành lập ra một phân bộ của Đệ Tam Quốc Tế. Đảng cộng sản của ông đã là chính đảng duy nhất có hậu thuẫn vững chắc từ bên ngoài. Mặt khác, thanh niên miền Nam đã không chiến đấu hiệu lực vì các chế độ quốc gia, do rập khuôn theo các chế độ dân chủ phương Tây, đã phần nào khiến họ tự do hơn và bớt phục tùng hơn trong một cuộc chiến mà họ không nhìn thấy sự chính đáng. Cần thuyết phục và động viên họ, nhưng điều này các chính quyền quốc gia đã không làm được. Di sản của văn hóa và tập quán còn thể hiện rõ rệt trong cách ứng xử của chúng ta.

Trước hết là từ chối tham gia các tổ chức vì không thấy cần thiết. Vấn đề như thế này : có thể có một triệu lý do chính đáng để không gia nhập một tổ chức tranh đấu chính trị nào, nhưng có một lý do để tham gia đó là nếu không có tổ chức chúng ta sẽ không thay đổi được chế độ độc tài này, lý do này phải đủ để một người thực sự muốn dân chủ hóa đất nước lấy quyết định.

Sau đó là không thấy rằng một tổ chức phải được chuẩn bị rất kỹ và rất lâu trước khi có thể hành động. Điệp khúc : "Bây giờ tôi có gia nhập tổ chức các ông, tôi cũng chẳng

giúp được gì, nhưng các ông cứ biết là tôi ủng hộ các ông, các ông cần tôi làm gì cứ nói, nhưng việc gia nhập thì chưa cần, khi nào cần sẽ có tôi" đã nhiều người nghe, nhưng nếu ai cũng lý luận như thế thì cái "khi nào cần" chắc sẽ không bao giờ đến cả, mà nếu vạn nhất nó có đến thì cũng không có thể nhờ được vì sẽ phải mất hết thì giờ để giải thích công việc và bối cảnh, mà cũng không thể nào giải thích hết được.

Tôi đã gặp khá nhiều trí thức quốc gia là đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp trong hàng ngũ Việt Minh trước khi chống cộng. Lý do thường vẫn là tiếng nói của mình chẳng có tác dụng gì, vẫn các đảng viên nắm hết và quyết định hết. Sau 1975 tôi cũng gặp khá đông trí thức đã từng ủng hộ cộng sản trong thời chiến, có người đã vào bưng và được đưa lên những địa vị rất cao, ít nhất là bề ngoài. Lý do bất mãn cũng vẫn thế : không được nghe, không được trọng dụng, phải chịu sự lãnh đạo của những đảng viên giáo điều, thiển cận, v.v. Họ không hiểu và trách không đúng. Đảng cộng sản là một đảng, phải thảo luận trong đảng và phải tin tưởng trước hết vào các đảng viên kỳ cựu, không thể khác. Trong đảng cũng có những vấn đề nội bộ mà, vì không phải là đảng viên kỳ cựu, họ không biết. Có một "bài học 1945" mà ít người để ý mặc dầu giai đoạn này đã được khảo sát khá nhiều. Thế chiến II chấm dứt mở ra một vận hội mới cho đất nước, nhân dân Việt Nam nô nức tham gia đấu tranh giành độc lập. Các lực lượng không cộng sản rất đông đảo nhưng phân tán trong nhiều tổ chức non trẻ mới thành lập được vài năm, chưa đủ thì giờ để chuẩn bị đường lối, chiến lược, chiến thuật và đội ngũ. Việt Nam Quốc Dân Đảng tuy đã thành lập từ lâu và đã có thành tích hy sinh oanh liệt được cả nước kính phục nhưng đã tê liệt và chỉ mới hồi sinh. Họ cũng muốn liên kết với nhau nhưng không được. Không ai hiểu ai, không ai phục ai, không ai có lỗi hay tất cả đều có lỗi. Đảng cộng sản chỉ có một đội ngũ tương đối nhỏ nhưng là một đội ngũ đã sẵn sàng, do đó đã nắm được thời cơ, đã giành được và tổ chức được sự hưởng ứng của quần chúng, đã tiêu diệt được các đảng phái quốc gia và đã thắng lợi vì trước mắt họ không có đối thủ nào đáng kể. Không thể khác.

Năm 1975, đảng cộng sản cũng đã thắng lợi sau một cuộc đấu tranh cam go bởi vì miền Nam tuy có một quân đội, một bộ máy hành chính và sự trợ giúp mạnh mẽ của Hoa Kỳ nhưng cũng vẫn không có một lực lượng chính trị cầm quyền. Tháng 8-1945 và tháng 4-1975, và cả bây giờ, cũng vẫn một bài học : đấu tranh chính trị bắt buộc phải có tổ chức và tổ chức đòi hỏi một chuẩn bị rất công phu trong rất nhiều năm.

Cho tới nay, 27 năm sau 1975, tâm lý người Việt, kể cả những người có nhiệt huyết, vẫn chưa thay đổi bao nhiêu. Vẫn dè dặt với tổ chức, vẫn hoạt động cá nhân hoặc hài lòng với một nhóm nhỏ mà hình như không cần biết hoạt động như thế có thể thành công hay không. Thiếu quyết tâm hay thiếu một văn hóa tổ chức ?

Nhiều người vẫn hy vọng thời cơ để dân chủ hóa đất nước sẽ đến. Nhưng dù thời cơ có đến chẳng nữa mà không có một đối lập dân chủ mạnh thì cũng sẽ không có gì thay đổi. Thực ra "thời cơ" đã từng đến nhiều lần, cuối thập niên 1970 khi chế độ cộng sản Việt Nam bị cả thế giới lên án, cuối thập niên 1980 khi phong trào cộng sản thế giới sụp đổ, và cũng đang đến trong lúc này với sự nổ bùng của các phương tiện truyền thông trong khi Việt Nam đang mở ra với thế giới và Đảng Cộng Sản Việt Nam đang phân hóa nội bộ. Một đứa bé sinh ra ngày 30-4-1975 giờ này đã có thể là sĩ quan, một kỹ sư, bác sĩ hay chủ tịch công ty. Một thế hệ đã thực sự đi qua. Chúng ta đã mất rất nhiều thời giờ, đã phải chịu đựng nhiều khổ và nhục, sự chậm trễ đáng xấu hổ của chúng ta đối với thế giới không giảm đi mà còn tăng thêm. Tuy vậy chúng ta vẫn chưa nhìn thấy một giải pháp cho đất nước vì giải pháp này phải có tên gọi, trong khi chúng ta vẫn chưa có một kết hợp dân chủ mạnh để đặt tên cho nó.

Một ngàn người nhiệt thành, quyết tâm và đồng thuận trên một dự án dân chủ đứng đắn, trong đó có một trăm người có bản lĩnh, có kiến thức, có khả năng động viên và phối hợp là một kết hợp đủ để làm tụ điểm cho những ước vọng dân chủ hóa và làm khởi điểm cho cuộc đấu tranh thắng lợi giành dân chủ. Nó sẽ rút ngắn thời gian chuyển tiếp về dân chủ, và cũng có khả năng tiết kiệm luôn cuộc đụng độ với đảng cộng sản bởi vì sự thành hình của nó có thể là một chất xúc tác đưa những người tiến bộ ngày càng đông đảo trong đảng cộng sản lên nắm quyền lãnh đạo, sau đó tất cả đều trở thành dễ dàng.

Kết hợp này hoàn toàn ở trong tầm tay, nhất là chúng ta không khởi hành từ số không. Nhưng vẫn đòi hỏi một thay đổi tư duy. Cấp bách.

Chú thích :

(1) Đảng Cần Lao của ông Ngô Đình Diệm chỉ là một huyền thoại. Nó đã chỉ được ông Ngô Đình Nhu giàn dựng ra một cách vội vã sau khi ông Diệm được thời cơ đưa đẩy lên nắm chính quyền. Nó chẳng có một thực chất nào cả. Ông Ngô Đình Luyện kể rằng khi ông Ngô Đình Diệm được bổ nhiệm làm thủ tướng (sắc lệnh được ông Bảo Đại ký và trao cho ông Luyện trong sòng bạc Palm Beach), ông Luyện phải đi tìm người làm bộ trưởng trong giới sinh viên công giáo mà ông giao du tại Paris và ngay cả trong giới bè bạn thường gặp nhau uống cà phê. Ông Trần Văn Lắm kể rằng nhóm chính trị đầu tiên do ông Nhu thành lập, trong đó có ông Lắm, chỉ có năm người lâu lâu mới họp lại để nghe ông Nhu giảng về những kiến thức chính trị rất thông thường. Dầu vậy, cho đến nay ông Ngô Đình Diệm vẫn được coi là người duy nhất cầm quyền với một đảng làm hậu thuẫn.

(2) Chính vì không ý thức được sự khác biệt về bản chất này mà xã hội Khổng Giáo đề cao vai trò của người cha để đồng hóa gia đình với người gia trưởng và độc tôn quân quyền để đồng hóa xã hội với vua. Bạo quyền cá nhân là hậu quả tự nhiên và hữu cơ của sự thiếu vắng ý thức về sự khác biệt này.

Nhìn lại chiến thắng cộng sản ngày 30-4-1975 (Thông Luận số 180, tháng 4-2004)

Ba ngày trước cuộc bầu cử quốc hội Espana, thắng lợi của Đảng Nhân Dân của thủ tướng José-Maria Aznar được coi là chắc chắn, tự nhiên và xứng đáng. Trong vòng tám năm họ đã phục hồi Espana một cách ngoạn mục, biến nó từ một nước trì trệ nhất châu Âu trở thành nước phát triển mạnh nhất.

Cuộc khủng bố rừng rợn của nhóm Hồi giáo quá khích thân Al Qaeda ngày 11-3-2004 ngay tại thủ đô Madrid đã thay đổi tất cả. Đảng của Aznar thảm bại, Đảng Xã Hội thắng lớn một cách không ngờ và tuyên bố sẽ rút quân Espana khỏi lực lượng đồng minh với Hoa Kỳ tại Iraq. Cánh hữu Espana thất bại, Hoa Kỳ bối rối vì mất một đồng minh trung kiên. Al Qaeda đã thắng lớn.

Nếu muốn đi vào chi tiết thì còn nhiều điều đáng nói. Nhưng điều chắc chắn là người Espana sẽ bỏ phiếu cho đảng của Aznar nếu không có biến cố này.

Vụ khủng bố tại Madrid cũng như những vụ khủng bố tại nhiều nơi khác, những khó khăn của Mỹ và đồng minh tại Iraq và Afghanistan, của Nga tại Chechnya, của Do Thái, của Nam Dương chứng tỏ một điều: ngay cả với một so sánh lực lượng một ngàn chống lại một cũng khó chống lại được khủng bố. Nếu tương quan lực lượng chỉ là mười chống một thì không làm gì được quân khủng bố. Với một tỷ lệ thấp hơn thất bại là chắc chắn. Khủng bố không phải chỉ là một chiến thuật, tự nó cũng là một vũ khí, một vũ khí có hiệu lực và sức tàn phá ghê gớm.

Nhận xét này cho phép chúng ta nhìn lại cuộc chiến thắng của quân cộng sản trong cuộc chiến kết thúc ngày 30-4-1975 một cách nghiêm chỉnh hơn. Trong cuộc chiến này, nếu tạm giới hạn trong thời gian 1960-1975, chế độ Việt Nam Cộng Hoà đã phải đương đầu với một lực lượng khủng bố đông đảo hơn và có kinh nghiệm hơn mình, trong hai năm cuối cùng nó còn thua cả về hoà lực.

Nhưng không phải chỉ có thế. Nếu ngày nay khủng bố bị cả thế giới văn minh lên án thì chúng ta cũng không được quên là vào các thập niên 1960 và 1970 nó không những không bị lên án mà còn được ngưỡng mộ như là một biểu hiện của sự dũng cảm cách mạng. Tâm lý của thời kỳ đó là một cứu cánh đẹp có thể biện minh cho mọi phương tiện, và chủ nghĩa Mác được coi là mà chủ nghĩa đẹp. Triết gia Jean-Paul Sartre cùng với triết gia Bertrand Russell và nhiều trí thức lỗi lạc bậc nhất thế giới lập "Toà án Bertrand Russell" để xét xử "tội ác đế quốc Mỹ tại Việt Nam" và hoàn toàn không thắc

mắc gì về những hành động khủng bố của cộng sản Việt Nam như cuộc thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế. Jean-Paul Sartre tuyên bố trên đài truyền hình Pháp như sau: "Tôi không chấp nhận và toàn bộ toà án cũng không chấp nhận việc đặt ngang hàng bạo lực cách mạng và bạo lực đế quốc". Che Guevara là một thần tượng của thanh niên lúc đó. Các tổ chức khủng bố của thanh niên và trí thức bị cám dỗ bởi tính lãng mạn của bạo lực mọc lên như nấm tại khắp nơi. Sinh viên và trí thức xuống đường rầm rộ hô tên của Che Guevara, Castro, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh.

Về bản chất thì mọi đảng cộng sản đều là những lực lượng khủng bố. Khủng bố toàn diện và trắng trợn khi giành chính quyền, khủng bố có phương pháp và có hệ thống khi đã nắm được chính quyền. Một huyền thoại cần được đánh đổ: mặc dầu những khẩu hiệu "xoá bỏ giàu nghèo", "chuyên chính vô sản" của nó, chủ nghĩa cộng sản chưa bao giờ lôi kéo được quần chúng. Chưa hề có một đảng cộng sản nào thắng một cuộc bầu cử lương thiện nào. Sức mạnh của các đảng cộng sản không phải là quần chúng. Bí quyết thành công của mọi đảng cộng sản là dùng một thiểu số có quyết tâm để khống chế và điều khiển quần chúng. Cũng cần lưu ý là chưa có một chính quyền cộng sản nào đem lại phồn vinh cho một dân tộc nào. Những tiến bộ gần đây tại Trung Quốc và Việt Nam không được làm người ta quên rằng đó là hậu quả của sự kiện chủ nghĩa cộng sản bị gác lại nhường chỗ cho một chính sách tư bản rùng rú. Các đảng cộng sản không được thành lập để giành thắng lợi trong một cuộc bầu cử và giữ được chính quyền nhờ quản trị đứng đắn. Họ cướp chính quyền bằng khủng bố và duy trì chính quyền bằng bạo lực. Sức mạnh của họ là ở chỗ họ bất chấp tất cả mọi qui luật và giá trị trói buộc các đối thủ của họ. Họ sử dụng tất cả mọi phương tiện cần thiết và xoá bỏ mọi thông tin khách quan để che đậy tội ác. Đó là sự khủng bố toàn diện và tinh vi, một vũ khí gần như vô địch. Lenin từng định nghĩa đạo đức một cách ghê rợn: "Những gì có lợi cho cách mạng là hợp đạo đức, những gì có hại cho cách mạng là vô đạo đức". Các chế độ cộng sản đã chỉ sụp đổ sau một thời gian dài cầm quyền, khi những qui luật tự nhiên của cuộc sống dần dần được phục hồi và lá bùa "cách mạng" đã trở thành nhảm chán.

Đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn nằm trong khuôn mẫu của một tổ chức khủng bố, như mọi đảng cộng sản khác. Ta có thể chia lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam làm ba giai đoạn khủng bố. Hãy tạm gác qua giai đoạn chót, giai đoạn của khủng bố nhà nước, để chỉ bàn về hai giai đoạn khủng bố đầu tiên dẫn đến chiến thắng 30-4-1975.

Giai đoạn Hồ Chí Minh, từ 1945 đến 1960, là giai đoạn khủng bố trắng trợn toàn diện và tuyệt đối, trong đó vô số người đã bị giết vì bị tình nghi một cách vớ vẩn. Các đảng phái quốc gia bị tàn sát, những vụ thủ tiêu người trong đêm tối xảy ra khắp nơi và mỗi ngày. Không khí kinh hoàng bao trùm.

Tôi còn nhớ rất rõ một cảnh hãi hùng vào lúc tôi mới khoảng 5 hoặc 6 tuổi. Một thanh niên đẹp trai, mặc quần áo mới, đi qua làng tôi bị bắt vì tình nghi là Việt gian, anh ta bỏ chạy, bị du kích đuổi theo bắt được tại sân nhà tôi và bị đánh chết tại chỗ. Chiều hôm đó người ta được biết anh ta là người làng bên cạnh, ngày hôm đó cưới vợ nên mặc quần áo đẹp, bất ngờ bà mẹ lâm bệnh, anh ta hăng hái đi mua thuốc cho mẹ. Cô vợ trở thành goá phụ ngay ngày cưới. Không có ai bị khiển trách sau vụ này cả vì nó chỉ là một trong những chuyện hàng ngày.

Chiếm được miền Bắc, ông Hồ Chí Minh, còn nắm tất cả thực quyền cho tới năm 1960, đã cho thi hành đợt cải cách ruộng đất tàn sát hàng chục ngàn người vô tội. Người ta cũng không thể quên vụ Nhân Văn - Giai Phẩm. Đó chỉ là những đợt khủng bố có tên gọi trong một xã hội tràn ngập khủng bố. Nguyễn Tuân còn để lại một câu làm chứng cho giai đoạn này: "Tớ còn sống được nhờ biết sợ". Đã có nhiều tài liệu về Hồ Chí Minh, nhưng theo tôi nét chính của ông chưa được nhấn mạnh: ông là một trong những lãnh tụ khủng bố man rợ nhất thế giới.

Giai đoạn 1960-1975, giai đoạn của cuộc chiến Nam-Bắc do Lê Duẩn và Lê Đức Thọ điều khiển, là giai đoạn chiến tranh khủng bố có đối tượng. Không còn những hành động khủng bố ngu xuẩn và xô bồ như thời đại Hồ Chí Minh nhưng cũng không kém hung bạo. Hàng chục ngàn xã trưởng, trưởng ấp, giáo viên các vùng nông thôn đã bị bắt cóc và thủ tiêu. Những vụ đánh bom, đặt mìn là một thông lệ. Các vụ ám sát sinh viên và giáo sư chống cộng đã gây kinh hoàng ngay tại Sài Gòn. Một người thân của tôi, có anh em giữ chức vụ lớn trong chính quyền miền Nam, mượn một người làm. Khi khám phá ra cô người làm này là cán bộ cộng sản, anh ta sợ mất vía, không dám báo cho ai cả, chỉ tìm cách khéo léo cho cô ta nghỉ việc.

Cũng không thể quên một yếu tố quan trọng là, như mọi đảng cộng sản, Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện khủng bố ngay trong nội bộ của họ và chính sự khủng bố nội bộ này đã giúp cho đội ngũ của họ luôn luôn vững chắc, đặc biệt là quân đội của họ có kỷ luật và khả năng chiến đấu. Sau ngày 30-4-1975 tôi đã gặp rất nhiều người lính cộng sản ở mọi cấp bậc. Họ không hề say chiến đấu như người ta có thể tưởng tượng. Họ cũng rất sợ, chỉ mong được về với gia đình. Nhưng họ không có chọn lựa. Họ bị đảng kiểm soát chặt chẽ và ở trong thế phải chọn lựa giữa sự liều lĩnh bắt buộc và tai họa chắc chắn.

Cuộc chiến 1960-1975 là một cuộc chiến tranh khủng bố trong đó phe khủng bố vừa mạnh hơn trong so sánh lực lượng khách quan vừa được hậu thuẫn của thế giới. Sự thất bại của Việt Nam Cộng Hoà không có gì đáng ngạc nhiên dưới ánh sáng của những gì người ta thấy hiện nay.

Nói như thế không có nghĩa mà muốn biện hộ cho chế độ Việt Nam Cộng Hoà mà chính tác giả bài này đã phục vụ. Đương đầu với một lực lượng khủng bố với tương quan lực lượng bất lợi như thế, và trong một bối cảnh tâm lý như thế, chế độ Việt Nam Cộng Hoà chỉ có thể sống sót nếu tìm được một cách tự vệ thông minh và độc đáo. Nhưng đây là điều mà những người lãnh đạo phía Việt Nam Cộng Hoà không có và cũng không bao giờ nghĩ tới. Hy vọng duy nhất của Sài Gòn là gương cao ngạo của dân chủ tự do đồng thời mở ra một cuộc tranh luận lớn về bản chất hèn nhát và man rợ của khủng bố. Có nhiều hy vọng là như thế Việt Nam Cộng Hoà sẽ được nhiều người và nhiều chính phủ dân chủ trên thế giới hỗ trợ, bởi vì nó là thử nghiệm dân chủ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và đã có thể là cuộc cách mạng lớn nhất từ ngày dựng nước. Nhưng những người lãnh đạo miền Nam do Hoa Kỳ áp đặt hoàn toàn không ý thức được điều này. Tất cả đều rất ghét dân chủ và luôn luôn coi nó như một gánh nặng. Nguyễn Cao Kỳ còn tuyên bố ái mộ Hitler. Miền Nam cũng cần có một đội ngũ cán bộ nòng cốt, được đào tạo, có kinh nghiệm và được duy trì. Trên thực tế, miền Nam đã chỉ có những người lãnh đạo kém cỏi, không viễn kiến, không bản lãnh, với một nhóm tay chân ô hợp và tạm bợ gồm gia đình và bè bạn.

Người Việt tàn sát lẫn nhau và tàn phá đất nước một cách mê muội, một bên nhân danh những khái niệm tự do dân chủ mà họ không hiểu và cũng không muốn, một bên nhân danh một chủ nghĩa mà họ coi là đỉnh cao trí tuệ nhưng thực ra chỉ là sự bịp bợm trí thức lớn nhất và đẫm máu nhất trong lịch sử thế giới. Ở giữa là đa số quần chúng bất lực bị lôi kéo vào thảm họa. Phe thua đã rất xứng đáng để thua, nhưng phe thắng thì hoàn toàn không xứng đáng để thắng. Dân tộc Việt Nam đã thua to, đã tổn thất nặng nề về nhân mạng, và bị chấn thương trong trí tuệ và tâm hồn. Chỉ có đảng cộng sản, bạo lực và khủng bố đã thắng. Cuộc chiến hổ nhục này không cho phép một người có liêm sỉ nào hãnh diện cả.

Và cũng đừng lầm lẫn chiến thắng với chính nghĩa và vinh quang. Nếu như thế thì nhân loại đã phải vinh danh Alexander, Attila, Tần Thủy Hoàng và Thành Cát Tư Hãn thay vì Socrates, Plato, Jesus Christ và Phật Thích Ca. Lịch sử thế giới không thiếu gì trường hợp những kẻ hung bạo đã thắng và cũng không thiếu những nền văn minh bị huỷ diệt bởi những đạo quân dã man.

Ngày hôm nay chúng ta đang theo đuổi cuộc đấu tranh cho tự do và dân chủ. Đây là cuộc chiến đấu rất mới và vinh quang nhất trong lịch sử nước ta. Từ trước đến nay Việt Nam đã chỉ có các cuộc nội chiến tranh giành quyền lực giữa các thế lực thống trị, hay những cuộc chiến chống ngoại xâm mà mục đích, xét cho cùng, cũng chỉ là để đổi một ách nô lệ của ngoại bang lấy một ách nô lệ của người bản xứ. Lần đầu tiên chúng ta có một cuộc chiến đấu thực sự xứng đáng để chiến đấu. Đó là *cuộc chiến đấu để thực sự* giải phóng mọi người Việt Nam, để tôn vinh quyền làm người, quyền được làm chủ đời

mình để xây dựng hạnh phúc cho mình và đóng góp cho hạnh phúc chung của dân tộc. Cuộc chiến đấu này không cần bạo lực. Nó không giết ai, không bách hại ai và cũng không tàn phá. Nó đưa người Việt Nam và đất nước Việt Nam từ bóng đêm của nô lệ và nghèo khổ sang ánh sáng của tự do và phồn vinh. Chiến thắng này mới thực sự vinh quang.

Cuộc chiến đấu thực sự (17/05/2005)

Ba mươi năm là thời gian của một thế hệ, và đối với Việt Nam, cũng dài bằng thời gian của cuộc nội chiến quốc-cộng 1945-1975. Một thế hệ đã sinh ra và lớn lên. Dân số Việt Nam đã tăng quá gấp đôi, từ 40 triệu lên 83 triệu. Những thanh niên sinh ra sau cuộc chiến chiếm quá 2/3 dân số. Điều này có nghĩa là cuộc chiến đã thuộc vào dĩ vãng và đã đến lúc ta có thể nghĩ đến nó như một biến cố lịch sử thay vì một đam mê.

Trước hết cần hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc xung đột kết thúc ngày 30-4-1975.

Cuộc chiến này diễn ra vào giữa lúc Việt Nam đang sống một cuộc chuyển hóa lớn từ văn hóa Khổng giáo sang văn hóa phương Tây. Khổng giáo đã bị đánh bại và bị lỗ bịch hóa (Cái học nhà Nho đã hỏng rồi !, Tú Xương) nhưng vẫn còn là văn hóa nền tảng của dân tộc ta. Người ta không thể đoạn tuyệt nhanh chóng với một nền văn hóa đã được độc tôn trong hai ngàn năm. Ngược lại, văn hóa phương Tây tuy toàn thắng về mặt chính trị và cũng hơn hẳn về mặt trí thức nhưng mới chỉ được tiếp thu một cách rất phiến diện. Lý do là vì nó được chuyên chở bởi một ngôn ngữ - tiếng Pháp - rất ít người hiểu, đồng thời nó cũng là một bước nhảy vọt trí tuệ quá lớn đối với người Việt Nam. Nước ta lâm vào một cuộc khủng hoảng căn cước lớn, nhận ra văn hóa truyền thống của mình là dở trong khi không dứt bỏ được nó, ái mộ văn hóa của những kẻ rất xa lạ tới chiếm đóng nước mình. Chúng ta không biết mình là ai và muốn gì.

Cần nhìn giai đoạn Pháp thuộc một cách khách quan. Đối với nhà nước Việt Nam, nghĩa là triều Nguyễn, nó là một cuộc xâm lược nhưng đối với nhân dân Việt Nam và mỗi người Việt Nam, nó lại có tác dụng khai phóng lớn cả về vật chất lẫn tinh thần. Mức sống, trình độ hiểu biết, và các quyền con người căn bản được nâng cao một cách ngoạn mục. Dù mất chủ quyền, nước ta phát triển rất nhanh và rất mạnh về mọi mặt dưới thời Pháp thuộc. Sự kiện kẻ thống trị nước ngoài đem lại phúc lợi hơn hẳn so với các chính quyền Việt Nam đã giáng một đòn chí tử lên ý niệm chủ quyền truyền thống. Sản phẩm của cuộc chuyển hóa áp đặt này trước hết là một bối rối tâm lý và một khủng hoảng căn cước mà ta vừa nói, nhưng đồng thời một tinh thần quốc gia mới cũng được khai sinh.

Trái với ngộ nhận của khá đông người, ý niệm quốc gia và lòng yêu nước chỉ mới xuất hiện trên thế giới gần đây thôi cùng với ý niệm con người tự do và hệ luận của nó là thể chế dân chủ. Trước đó chỉ có những vùng đất thuộc quyền sở hữu của những dòng vua trong đó người dân chỉ là nô lệ. Kẻ nô lệ có thể do bị điều kiện hóa quá lâu tưởng lầm rằng mình yêu sợi dây xích nhưng đó không phải là một tình yêu. Ý niệm quốc gia như là di sản và tài sản của mọi người chỉ xuất hiện tại châu Âu từ thế kỷ 18. Chỉ có

quốc gia được quan niệm như vậy mới cho phép nói tới lòng yêu nước. Tại Việt Nam, một cách ngược đời, ý thức về quốc gia đã thực sự ra đời dưới thời Pháp thuộc, vào lúc chúng ta không có chủ quyền. Nó là sản phẩm của một cộng đồng đã khá giả hơn, đã tự do hơn, đã cảm thấy mình có một số quyền và do đó một số trách nhiệm với đất nước, hơn nữa lại chia sẻ cùng một sự tủi nhục bị người Pháp thống trị. Ý thức quốc gia và lòng yêu nước sơ sinh này dầu vậy chỉ giới hạn trong một thiểu số. Sức mạnh của tinh thần quốc gia và lòng yêu nước là ở chỗ chúng là những giá trị đúng chứ không phải vì chúng đã có và đã mạnh từ lâu ; điều này cần đã ý thức rõ rệt nếu ta muốn hiểu cuộc chiến 1945-1975.

Một giai cấp trí thức Tây học mới xuất hiện và sẽ là nhân sự lãnh đạo của cái được gọi là "phe quốc gia" (Quốc Gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa) sau này. Đặc điểm đầu tiên của giai cấp trí thức này là họ có kiến thức vượt trội về mọi mặt so với lớp nho sĩ tiền bối của họ, nhưng hầu như hoàn toàn không có tư tưởng, nhất là tư tưởng chính trị. Họ là hậu thân của giai cấp sĩ mà đạo lập thân là học cặm cùi với hy vọng được làm những công cụ ngoan ngoãn cho kẻ cầm quyền. Một đặc điểm khác là trong đại bộ phận, cũng do hậu quả của di sản Khổng giáo, họ không có tinh thần dân tộc. Họ sống trong một buổi giao thời với đầy rẫy cơ hội, lại may mắn ở vào một vị trí thuận lợi để lợi dụng những cơ hội đó cho nên không mong ước gì hơn là chế độ thuộc địa cứ tiếp tục.

Chế độ Pháp thuộc không phải chỉ là một đảo lộn lớn và đột ngột mà còn có mâu thuẫn nội tại của chính nó : nó là một sự thống trị nhưng đồng thời cũng có tác dụng khai phóng vì tạo ra những con người sung túc hơn và tự do hơn. Những con người tự do chắc chắn sẽ đòi hỏi sự bình đẳng giữa các dân tộc, nghĩa là chống lại chế độ thuộc địa. Tâm lý háo hức học hỏi, bắt chước người phương Tây qua các phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du, Tây Du dần dần đã nhường chỗ cho các đòi hỏi chính trị từ cuối thập niên 1920 cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Cao điểm là cuộc khởi nghĩa 1930 của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Người Pháp, nhất là cánh tả, đã ý thức được rằng chế độ thuộc địa không thể tiếp tục. Cuối thập niên 1920, toàn quyền Varenne đã bắt đầu những cuộc đối thoại trong chiều hướng mở rộng các quyền chính trị cho người Việt, sang thập niên 1930 chính quyền Front Populaire còn đề nghị một bước quyết định khác là trở lại hiệp ước Patenôtre 1884, trao trả lại miền Bắc cho triều đình Huế. Đề nghị này bị chính trí thức Việt Nam đồng loạt bác bỏ. Sự kiện này thật đáng chú ý, nó chứng tỏ khoảng trống chính trị bị đất của nước ta lúc đó. Người Việt, kể cả những người đòi độc lập, coi triều đình Huế, chính quyền Việt Nam duy nhất, còn tệ hơn chính quyền thuộc địa Pháp. Như vậy, nếu người Pháp muốn trả độc lập cho Việt Nam họ phải bàn giao quyền lực cho ai ? Việt Nam đã hoàn toàn sụp đổ cả về định chế lẫn tinh thần. Sự sụp đổ này đã thể hiện rõ rệt sau cuộc khởi nghĩa dững cảm nhưng lãng mạn của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Những

hy sinh của các chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng, trong đó lẫm liệt nhất là 13 người lãnh đạo lên đoạn đầu đài ngày 17-6-1930, đã chỉ được tiếp nối bởi một phong trào tiểu thuyết ái tình, thơ lãng mạn, nhạc trữ tình, tranh ấn tượng, v.v. Tinh thần dân tộc hầu như không có, trí thức Việt Nam vẫn chỉ cặm cụi học để lấy bằng và làm quan.

Đối với quần chúng Việt Nam, giai đoạn Pháp thuộc đã có hai tác dụng. Một mặt đời sống của họ được cải thiện đem lại cho họ cùng một lúc một khả năng đề kháng lớn hơn và một ý thức rõ rệt hơn về thân phận đầy đọa mà họ cũng như ông cha họ đã phải chịu đựng qua các thế hệ ; mặt khác là sự ghen tức với giai cấp trí thức tiểu tư sản, giai cấp được hưởng lợi nhiều nhất trong giai đoạn Pháp thuộc.

Tóm lại, vào lúc thế chiến II bùng nổ, nước ta đang ở trong giai đoạn nghiêm trọng của một cuộc chuyển hóa lớn. Như một cơ thể ở tuổi dậy thì, xã hội Việt Nam đã thay đổi quá nhiều và quá mạnh nên đã mất thăng bằng và tích lũy ở mức độ cao những mâu thuẫn và căng thẳng. Một giai cấp trí thức mới xuất hiện, được đặc biệt ưu đãi và hãnh diện làm công cụ cai trị cho người Pháp, tương tự như giai cấp sĩ trước họ hãnh diện làm công cụ thống trị cho các vua chúa. Họ không thấy có một bổn phận nào đối với quần chúng Việt Nam cả. Họ quá thỏa mãn để đặt cho mình những vấn đề. Họ không cần quan tâm tới đất nước, và lại họ không biết suy nghĩ. Những người chống đối chế độ thuộc địa chỉ là một thiểu số và nhiều khi cũng chỉ chống đối vì không thành công trong lộ trình đi học và làm quan. Điển hình là trường hợp ông Hồ Chí Minh trở thành nhà cách mạng vì không được vào Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale). Trước mặt họ là một quần chúng thêm muốn và ghen tức, ngày càng ý thức được rằng mình đã bị chà đạp quá lâu. Nước Việt Nam truyền thống đã sụp đổ hoàn toàn trong khi một ý thức mới về quốc gia chỉ mới bắt đầu thai nghén. Sự thất bại của các đảng phái lấy tinh thần dân tộc làm nền tảng là điều hiển nhiên. Và lại chính các đảng phái này cũng chẳng có tư tưởng chính trị nào cả.

Trong bối cảnh đó, một lực lượng chính trị rất lạ lùng đã xuất hiện, đảng cộng sản.

Đây là chính đảng đầu tiên được thành lập tại Việt Nam dưới thời Pháp thuộc nhưng mục tiêu của nó không phải là để phục vụ cho Việt Nam mà là để phục vụ cho quốc tế vô sản. Nó không kêu gọi đoàn kết dân tộc mà kêu gọi hận thù giai cấp. Tổ quốc của nó không phải là Việt Nam mà là một nước rất xa lạ và chưa hề có một liên hệ nào với Việt Nam : nước Nga. Các tên gọi đầu tiên của nó không bày tỏ một tình cảm nào đối với Việt Nam : Đông Dương Cộng Sản Đảng, Xô Viết Nghệ Tĩnh. Nó chống Pháp không phải để giành độc lập cho Việt Nam mà vì chống chủ nghĩa thực dân là một trong những chủ trương của Đệ Tam Quốc Tế. Trong một quốc gia lành mạnh một đảng như vậy không có hy vọng nào được hưởng ứng cả. Nhưng đảng cộng sản đã là đảng được ủng hộ mạnh nhất. Nó cũng là đảng duy nhất có hậu thuẫn quốc tế. Khi thế chiến

II chấm dứt với khoảng trống chính quyền toàn diện, nó không mạnh nhưng là lực lượng có tổ chức duy nhất. Nó đã nắm được chính quyền và lần này dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giành độc lập. Đây chỉ là một thay đổi khẩu hiệu theo chủ trương "cách mạng vô sản trong một nước" của Stalin mà thôi, nhưng đã đem chính nghĩa lại cho đảng cộng sản. Các đảng phái quốc gia, hoặc mới tái lập hoặc mới thành lập, đã hoàn toàn bất lực và bị tiêu diệt. Cuộc chiến 1945-1975, trong cả hai giai đoạn mà đảng cộng sản gọi là chống Pháp và chống Mỹ, đã diễn ra với sự vắng mặt của các chính đảng không cộng sản. Các chính quyền quốc gia, trừ một vài nhân vật rất hiếm hoi xuất hiện một cách ngắn ngủi sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chỉ là sự nối tiếp của bộ máy thuộc địa Pháp cả về cơ chế lẫn nhân sự, điều khiển bởi những người thuộc lớp trí thức đào tạo trong thời Pháp thuộc, những người đã rất thỏa mãn dưới chế độ thuộc địa, không có kiến thức chính trị, không có tinh thần dân tộc và cũng không có đội ngũ.

Nếu nhìn cuộc chiến 1945-1975 như một cuộc nội chiến với sự tiếp tay của các thế lực quốc tế thì có thể nói đó là cuộc đụng độ giữa một bên là một tổ chức theo đuổi một cách cuồng tín một chủ nghĩa tồi tệ và một bên là một khối người không thành tổ chức, không có bản lĩnh chính trị, cũng không có lòng tinh thần dân tộc. Như vậy thì sự thất bại của các chính quyền quốc gia là điều không tránh khỏi, dù phương tiện dồi dào hơn hẳn và được sự tham chiến trực tiếp của đông đảo quân nước ngoài.

Khi một cuộc chiến đã kéo dài 30 năm, mọi phương tiện đã được sử dụng, đã từng là quan tâm hàng đầu của dư luận thế giới và đã được tranh cãi một cách sôi nổi trên qui mô toàn cầu thì kết thúc của nó không thể là một sự ngẫu nhiên mà là một kết thúc hợp lý, dù có thể là không tốt dưới mắt một số người.

Với cuộc chiến đi dần vào dĩ vãng một số nhận định có thể được đưa ra một cách khách quan. Trước hết là vấn đề chính đáng.

Dù các chính quyền quốc gia không phải là một kết hợp chính trị để có một lập trường chung, điểm nổi bật mà mọi người có thể nhìn thấy là thái độ thân phương Tây. Đây là một thái độ đúng, chúng ta có nhiều điều để học hỏi ở các nước phương Tây, cụ thể là Pháp và Mỹ. Chúng ta cũng cần sự dìu dắt và giúp đỡ của họ. Nhưng chọn lựa đúng này đòi hỏi một giải thích khó khăn. Nó cần được suy nghĩ và lý luận để được quần chúng chấp nhận. Vấn đề là những người kế tiếp nhau cầm đầu phe quốc gia không lý luận, họ chỉ theo Pháp để tranh giành ân sủng của kẻ thống trị nước ngoài, và sau đó theo Mỹ trong cùng một tinh thần. Các chính quyền quốc gia vì vậy không có sự chính đáng. Một điểm cần lưu ý là không một người lãnh đạo phe quốc gia nào hiểu rằng cuộc đấu tranh chống cộng chỉ có ý nghĩa nếu mục tiêu của nó là để xây dựng dân chủ.

Các chính quyền quốc gia, trong sự xô bồ của chúng cũng đã dần dần tạo điều kiện cho sự xuất hiện của một lớp người mới có ý thức dân tộc và trưởng thành trong một không khí tương đối dân chủ nhưng lớp người này chưa nắm được thể chủ động và cũng còn ở rất xa mức độ chuẩn bị cần thiết vào ngày 30-4-1975.

Sự chính đáng của đảng cộng sản là ở chỗ họ tranh đấu chống sự thống trị của nước ngoài. Nhưng chúng ta cũng cần xét lại chính điểm này. Giai đoạn Pháp thuộc không phải là tai hại đối với Việt Nam. Nó đã là giai đoạn mà nước ta phát triển nhanh nhất và trí tuệ Việt Nam được khai thông nhiều nhất. Người Pháp cũng đã qui định được biên giới trên đất liền và trên biển một cách thuận lợi cho Việt Nam, điều mà sau này chính quyền cộng sản không bảo vệ được. Cũng phải nhìn nhận rằng ngay dưới thời Pháp thuộc chỗ đứng và tầm quan trọng của người Việt Nam không ngừng được tăng cường. Nếu sự gia tăng về dân trí và dân số cứ tiếp tục thì độc lập chỉ là vấn đề thời gian. Như đã trình bày ở phần trên, chính người Pháp cũng đã nhìn thấy điều này và ngay từ các thập niên 1920 và 1930 họ đã bắt đầu tìm cách triệt thoái. Giành độc lập là điều bắt buộc nhưng chiến tranh có phải là giải pháp hay nhất không ? Chính nghĩa của cuộc chiến tranh chống Pháp 1945-1954 không hiển nhiên như đảng cộng sản muốn chúng ta hiểu, nhất là lúc đó Pháp đã thừa nhận sự độc lập của Việt Nam trên nguyên tắc.

Cuộc chiến tranh gọi là chống Mỹ hoàn toàn vô nghĩa. Chống Mỹ là lý cứ chứ không phải là lý do. Lúc đó miền Nam đã là một nước cộng hòa, không lệ thuộc Mỹ hơn là miền Bắc lệ thuộc Liên Xô và Trung Quốc. Đảng cộng sản quyết tâm thiết lập chế độ cộng sản trên toàn lãnh thổ vì thế họ phải đánh miền Nam, dù có Mỹ hay không có Mỹ. Khi cuộc chiến bắt đầu, số cố vấn Mỹ chỉ có vài ngàn, còn ít hơn cả số cố vấn Trung Quốc và Liên Xô ở miền Bắc. Khi quân Mỹ đã rút ra hết sau hiệp định Paris, họ vẫn tiến đánh miền Nam. Và tại sao phải chống Mỹ ? Mỹ hoàn toàn không có chính sách thực dân, họ giúp Việt Nam về tài chính, khoa học, kỹ thuật, phương pháp và tổ chức, tất cả đều là những điều chúng ta cần. Và lại, sau khi đã hy sinh hàng triệu sinh mệnh để đuổi Mỹ đi ngày nay chính quyền cộng sản đang làm tất cả để đem Mỹ trở lại. Cả hai cuộc chiến đều chỉ do tham vọng nắm độc quyền cai trị của đảng cộng sản cùng với vai trò mũi nhọn tiến công của phong trào cộng sản thế giới mà một cách mù quáng đảng cộng sản đã tự nguyện đảm nhiệm.

Nếu, như phải lý luận một cách lành mạnh, sự chính đáng của một chính quyền là phát triển đất nước và đem lại sự sung túc, bảo đảm tự do và dân chủ, bảo đảm công lý và trật tự an ninh, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ người dân thì chính quyền cộng sản không có một sự chính đáng nào cả. Và lại họ không do người dân chọn lựa.

Sự chính đáng của đảng cộng sản là ở chỗ nó đã chiến thắng. Nhưng chiến thắng không chứng tỏ là có chính nghĩa. Lịch sử nhân loại không thiếu những trường hợp những kẻ hung bạo và dã man đã khuất phục được những xã hội văn minh hơn chúng. Chiến thắng của đảng cộng sản chủ yếu dựa vào hai vũ khí : khủng bố và tuyên truyền dối trá. Họ sẵn sàng làm tất cả những gì mà đối thủ của họ không dám tự cho phép. Họ làm cho người dân miền Bắc tin rằng dân chúng miền Nam đói khổ cùng cực và bị đánh đập hàng ngày. Nếu hiểu giải phóng là đem lại tự do và no ấm thì giữa hai miền Nam và Bắc không phải miền Nam cần được giải phóng.

Dưới cả hai chế độ, đại khối dân tộc đã chỉ là nạn nhân. Những người có trí tuệ và tâm huyết rất đông đảo trong cả hai hàng ngũ nhưng họ không có tổ chức và hậu thuẫn nên đã không nắm được vai trò quyết định. Họ phải ý thức được điều này để đừng bị gấn bó với một quá khứ nào cả, dù là kinh nghiệm dân chủ bệnh hoạn giả dối của phe quốc gia, hay kinh nghiệm bạo ngược đẫm máu của phe cộng sản.

Đất nước đã được những gì và mất những gì trong 30 năm qua ?

Đã có tiến bộ về mặt kinh tế trong gần 20 năm qua nhờ mở cửa một phần về kinh tế thị trường sau hơn mười năm đập phá. Đời sống của nhân dân đã được cải thiện. Mức tăng trưởng được duy trì một cách đều đặn ở mức độ trên 7% mỗi năm. Tuy vậy tỷ lệ tăng trưởng này phải được coi là thấp đối với một nước đã quá chậm trễ so với thế giới, với một địa thế thuận lợi và một nguồn nhân lực phong phú. So với Trung Quốc, Việt Nam đã bắt đầu tăng trưởng sau Trung Quốc gần mười năm nhưng tỷ lệ tăng trưởng luôn luôn thấp hơn, khoảng cách so với Trung Quốc ngày càng mở rộng ra chứ không thu hẹp lại. So với các tỉnh bờ biển của Trung Quốc, mà mức độ tăng trưởng là trên 15% mỗi năm, thì sự thua kém lại càng bị đất.

Dầu sao, nhờ đời sống được cải thiện và nhờ lượng thông tin ngày càng gia tăng, và nhất là nhờ sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới, một xã hội dân sự đã hình thành và không ngừng tự cởi trói, buộc chính quyền cộng sản phải liên tục nhượng bộ. Một đồng thuận mới cũng đã thành hình. Đó là đồng thuận xây dựng dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động. Khi đã có đồng thuận này thì sớm hay muộn đất nước cũng sẽ chuyển hóa về dân chủ.

Một điểm tích cực lớn khác là sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại hơn ba triệu người hiện diện trên khắp thế giới, nhất là tại các nước tiên tiến. Cộng đồng này hiện nay đã là nguồn đóng góp lớn nhất cho đất nước với trên 3 tỷ USD mỗi năm, tương đương với thu nhập của mười triệu người trong nước. Nhưng tiềm năng đóng góp của nó còn to lớn hơn nhiều. Nó có thể là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật,

thương mại. Nó cũng có thể đóng vai trò con mắt của Việt Nam để quan sát và học hỏi thế giới. Tuy vậy cộng đồng người Việt hải ngoại cũng đặt ra một vấn nạn lớn cho đất nước. Nếu quan hệ giữa trong và ngoài nước không được bình thường hóa mau chóng thì thế hệ mới sẽ mất đi quan hệ với đất nước và bị đồng hóa vào nước định cư. Một dấu hiệu báo động là phần lớn các thanh niên trưởng thành tại nước ngoài không còn thông thạo tiếng Việt nữa, chưa nói đến sự hiểu biết về văn hóa và lịch sử Việt Nam. Phải bình thường hóa quan hệ trong thời gian mà thế hệ cha anh, thế hệ đã trưởng thành trước khi rời Việt Nam, còn có khả năng đóng vai trò gạch nối giữa con em mình và đất nước Việt Nam. Nhưng bình thường hóa quan hệ giữa trong và ngoài nước chỉ có thể thực hiện được nếu đất nước có dân chủ. Một thanh niên 30 tuổi, lớn lên tại các nước phương Tây không thể nào chấp nhận được chế độ độc đảng. Khẩu hiệu "xây dựng dân chủ với một đảng duy nhất" đối với họ chỉ là một sự khiêu khích.

Bên cạnh những điểm tích cực, nhiều nguy cơ lớn cũng đã xuất hiện. Nguy cơ lớn nhất là tệ tham nhũng đang tàn phá và làm tê liệt đất nước. Tham nhũng làm hỏng cơ chế thị trường, loại bỏ những giải pháp và những con người đứng đắn, đưa kẻ bất tài và lưu manh vào địa vị quyết định, đặt quan hệ giữa người và người trên sự gian trá. Không đẩy lùi được tham nhũng thì ngay cả đà tăng trưởng khiêm tốn hiện nay cũng sẽ không duy trì được. Chúng ta cần ý thức rằng chưa có một nước nào trở thành giàu mạnh với một mức độ tham nhũng cao. Từ nhiều năm nay nhà nước cộng sản không ngừng kêu gào chống tham nhũng, dùng những từ ngữ thống thiết như "nội xâm", "quốc nạn", nhưng tham nhũng vẫn tiếp tục tăng lên, và tăng nhanh, chứ không giảm đi. Vấn đề vẫn chưa có giải đáp.

Một nguy cơ khác, chủ yếu do hậu quả của tham nhũng và độc tài, là sự băng hoại của các giá trị đạo đức và sự lãnh đạm hoàn toàn với tương lai đất nước. Tuổi trẻ mất định hướng và niềm tin, sa ngã vào nghiện ngập và sự đồi trụy. Thất vọng kéo dài quá lâu với nhà nước đã biến thành thất vọng đối với chính đất nước. Cảm giác bất lực đã khiến mỗi người chỉ còn tìm cách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân, bất chấp sự lương thiện nếu cần. Nhưng đây chỉ là một trò chơi diên đại trong đó mỗi người chống tất cả và tất cả chống mỗi người với kết quả tất nhiên là mọi người đều thua.

Tăng trưởng kinh tế thực ra cũng chỉ làm giàu cho một số nhỏ. Cuộc sống của đại bộ phận dân chúng, nhất là tại nông thôn, vẫn còn cơ cực. Chênh lệch giàu nghèo thách thức hơn bao giờ hết và đang tăng lên thay vì giảm đi. Đất nước Việt Nam trở thành của riêng của một thiểu số. Gần đây khối lượng tiền bản quá lớn đã tạo ra một tệ nạn mới, nạn đầu cơ nhà đất. Đối với đại đa số thanh niên, một ngôi nhà đã trở thành một ước mơ ngoài tầm tay. Họ trở thành những kẻ bơ vơ ngay trên đất nước mình. Họ càng không có lý do để quan tâm tới đất nước.

Một đe dọa lớn khác là môi trường. Ý thức bảo vệ môi trường đã đến quá trễ và những cố gắng quá giới hạn. Sự hủy hoại môi trường đã khiến lụt lội và hạn hán kế tiếp nhau mỗi năm, ngay cả khí hậu cũng thay đổi. Năm nay chúng ta bị hạn hán nặng. Ô nhiễm đã khiến người ta phải bịt mặt trong các thành phố lớn. Nếu tình trạng này tiếp tục thì chẳng bao lâu người Việt Nam sẽ thành xa lạ với nhau vì không còn nhìn được mặt nhau. Chúng ta cũng đang bị cướp nước. Trung Quốc đã ngang ngược xây dựng các đập lớn trên thượng nguồn sông Mê Kông và sông Hồng làm cạn dần hai con sông này. Nước mặn đã tràn vào đồng bằng miền Nam. Chính quyền cộng sản Việt Nam không dám có phản ứng, như đã không dám phản ứng khi hải quân Trung Quốc tàn sát ngư dân mình trên biển cả.

Vấn đề nhức nhối nhất là chúng ta vẫn chưa có giải pháp cho bài toán dân chủ hóa, điều kiện cần dù không đủ, để giải quyết mọi vấn đề của đất nước. Chúng ta vẫn còn là một trong bốn nước cộng sản cuối cùng của thế giới, đề cao một chủ nghĩa đã hiện nguyên hình như là một sai lầm đẫm máu và đã bị ném vào sọt rác của lịch sử. Người Việt Nam nào không hổ thẹn ? Phải giải quyết nhanh chóng bài toán dân chủ hóa bởi vì chúng ta không có nhiều thì giờ. Trong vòng một thế hệ nữa, một ưu thế quyết định của chúng ta ngày nay sẽ trở thành một gánh nặng : tỷ lệ trẻ/già sẽ đảo ngược.

Ba mươi năm sau ngày 30-4-1975, Việt Nam đã là một nước độc lập và hòa bình, đã có quan hệ bình thường với mọi quốc gia trên thế giới nhưng vẫn là một nước nghèo và lạc hậu, đang chuyển hóa một cách khó khăn với một tương lai đầy dấu hỏi.

Giải pháp nào ?

Ba vấn đề chính của chúng ta hôm nay là xây dựng dân chủ, đẩy lùi tham nhũng và xây dựng một ý thức quốc gia mới.

Cả ba đòi hỏi một chính quyền mới.

Xây dựng dân chủ đòi hỏi những người có văn hóa dân chủ thực sự. Những con người được đào tạo ra bởi một hệ thống chuyên chính ngay cả nếu chấp nhận dân chủ cũng không thể có phản xạ dân chủ bởi vì trấn áp, tuyên truyền một chiều, bầu cử bịp bợm nằm trong giáo dục của họ. Cùng lắm họ chỉ tạo ra được một thứ dân chủ hình thức và bệnh hoạn. Dân chủ là một cơ chế phức tạp không những đòi hỏi sự hiểu biết mà còn đòi hỏi kinh nghiệm và phản xạ. Quyền lực bao giờ cũng cám dỗ. Muốn xây dựng và bảo vệ dân chủ cần có những người không thể ứng xử khác hơn là dân chủ, bởi vì đó là bản chất của họ.

Tham nhũng không giản dị là một vấn đề đạo đức, chống tham nhũng không phải chỉ đòi hỏi ý chí và sự lương thiện. Tham nhũng là những liên minh quyền lợi và quyền lực có tổ chức, có phương tiện, có kiến thức, có quyết tâm, và cả dã tâm. Đó cũng là quan hệ đan xen, có vay trả, có ân oán và có luật chơi riêng. Những người cầm quyền hiện nay đã chứng tỏ họ không thể chống tham nhũng. Nếu họ thực sự chống tham nhũng thì họ đã không được đặt để vào các chức vụ mà họ đang giữ. Họ đã trở thành những cấp lãnh đạo bởi vì đã thỏa hiệp với tham nhũng. Muốn chống tham nhũng thì trước hết phải không nợ nần gì ai cả, sau đó phải có lực lượng nếu không muốn bị tiêu diệt. Như vậy chống tham nhũng đòi hỏi một đội ngũ đông đảo những người gắn bó với nhau và coi cuộc chiến chống tham nhũng như cuộc chiến đấu của đời mình.

Đất nước sẽ không thể vươn lên được nếu người dân không quan tâm tới đất nước và gắn bó đời mình với tương lai đất nước. Muốn như thế phải xây dựng một ý thức quốc gia mới, quan niệm đất nước như một tình cảm, một không gian liên đới và một đồng thuận xây dựng và chia sẻ một tương lai chung, chứ không phải là một chủng tộc, càng không phải là vùng lộng hành tự do của tập đoàn cầm quyền. Đây là cả một bước nhảy vọt về triết lý chính trị. Nhưng còn có bao nhiêu người quan tâm tới đất nước và gắn bó đời mình với đất nước ? Chắc là không nhiều, nhưng chắc là không thiếu những người sẵn sàng liên kết với các thế lực bất chính. Xây dựng thành công một ý thức quốc gia mới như vậy vừa là một cuộc chiến đấu văn hóa đòi hỏi nhiều trí tuệ vừa là một cuộc chiến đấu chính trị đòi hỏi một đội ngũ gắn bó và kiên trì.

Cả ba cuộc chiến đấu xây dựng dân chủ, chống tham nhũng và xây dựng một ý thức dân tộc mới đều đòi hỏi một đội ngũ những người dân chủ lương thiện, có bản lĩnh và quyết tâm. Trước hết là nếu không có đội ngũ chúng ta sẽ không áp đặt được dân chủ. Tập đoàn cầm quyền hiện nay không mạnh, cũng không gắn bó và cũng không quyết tâm. Nó ngoan cố chỉ vì chúng ta bất lực, và chúng ta bất lực vì chúng ta thiếu tổ chức.

Nhưng tại sao chúng ta vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc ? Đó là câu hỏi gay gắt nhất phải được đặt ra trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày 30-4-1975.

Lý do là vì chúng ta thiếu văn hóa tổ chức. Chính vì thế mà chúng ta luôn luôn có hàng ngàn lý do chính đáng để không tham gia, hay tiếp tục tham gia, một tổ chức và quên đi lý do cơ bản là nếu không có tổ chức chúng ta không làm được gì cả. Chính quyền cộng sản không sợ những phản kháng cá nhân. Họ chỉ sợ những đấu tranh có tổ chức.

Nếu sau ba mươi năm chúng ta ý thức sự cần thiết của một tổ chức dân chủ là chúng ta đã làm một bước đột phá lớn và có quyền hy vọng.

Xin kết thúc bài này bằng một nhận định lịch sử. Không phải là chúng ta đã không có tiến bộ. Trái lại chúng ta đã tiến nhanh, có lẽ quá nhanh và vì thế đã mệt mỏi.

Vùng đất chung quanh biển Đông trong đó có nước ta vào thời tiền sử do điều kiện địa lý đã không thuận lợi cho sự phát triển của một nền văn minh. Chỉ một vài thế kỷ trước công nguyên chúng ta mới tiếp xúc với hai nền văn minh lớn từ Trung Hoa và Ấn Độ. Khi người Trung Hoa đến, chúng ta còn là một vùng đất bán khai ; mặc dầu có một số trống đồng mà chúng ta hãnh diện. Chúng ta chưa có chữ viết, chưa biết đến bánh xe, chưa có các thị trấn, cũng chưa biết cày bừa. Chúng ta vẫn chủ yếu ở thời đại đồ đá. Ngay cả những trống đồng cũng tố giác sự lạc hậu của chúng ta vì lúc đó thế giới đã vào thời đại đồ sắt từ lâu rồi. Chúng ta chậm trễ khoảng 4.000 năm so với thế giới văn minh lúc đó.

Đầu thế kỷ 16 khi người phương Tây đến, chúng ta ở một tình trạng tổ chức xã hội tương tự như châu Âu hồi đầu công nguyên dưới thời đế quốc La Mã. Trong khoảng 20 thế kỷ chúng ta đã rút ngắn khoảng cách với thế giới văn minh được hơn 20 thế kỷ.

Ngày nay, về mặt văn hóa tư tưởng và tổ chức xã hội chúng ta còn chậm hơn thế giới khoảng 50 năm (mức sống và sự giàu có là một vấn đề khác). Như thế có nghĩa là trong gần năm thế kỷ chúng ta lại rút ngắn được khoảng cách thêm hơn 15 thế kỷ nữa. Đó là một thành tích không nhỏ, chứng tỏ khả năng thích nghi và học hỏi của dân tộc ta. Nhưng có lẽ vì phải đi quá nhanh, quá vội mà chúng ta đã biết nhiều hơn là hiểu, đã học và làm mà không có thì giờ để suy nghĩ và sáng tạo.

Trong cả hai bước nhảy vọt lớn, khi tiếp xúc với người Trung Hoa và khi tiếp xúc với người phương Tây, chúng ta đều chịu số phận nô lệ. Số phận này đã tạo ra một khuôn mẫu, các chính quyền độc lập cũng chỉ là những chế độ nô lệ bản xứ không hơn không kém.

Truyền thống nô lệ tuy, một mặt, do những bắt buộc của nó, đem lại cho chúng ta một số đức tính - chịu đựng, nhẫn nại, siêng năng, học nhanh, thích nghi nhanh với những thay đổi đột ngột - nhưng đồng thời cũng tạo ra trong chúng ta những khuyết tật lớn cần phải mau chóng khắc phục. Không có tự do, chúng ta thiếu sáng tạo. Sự thiếu thốn và nghèo khổ khiến chúng ta trở thành ghen tức và nhỏ mọn. Quen chịu đựng sự ác độc của kẻ thống trị, chúng ta trở thành ác độc với nhau. Quen nhìn đồng loại bị khinh bỉ và chà đạp, chúng ta nhiễm tập quán coi thường lẫn nhau và chỉ biết nể sợ người nước ngoài. Không được quyền quyết định, chúng ta thiếu tinh thần trách nhiệm. Quen nhận những mệnh lệnh mâu thuẫn và tùy tiện của kẻ thống trị, chúng ta không quen phê phán và cũng không cảm thấy như cầu phải giải quyết những mâu thuẫn của chính mình, v.v. Nhưng khuyết tật lớn nhất là thiếu văn hóa tổ chức. Những kẻ nô lệ không

được quyền kết hợp với nhau vì kết hợp với nhau họ sẽ có sức mạnh để bẻ gãy ách nô lệ, điều mà kẻ thống trị không bao giờ dung túng, từ đó họ không biết kết hợp và dần dần không cảm thấy nhu cầu kết hợp, thay vào đó mỗi người tìm cách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân.

Cuộc chiến đấu của chúng ta hôm nay là làm thế nào để trong vòng 10 năm san bằng được khoảng cách 50 năm còn lại. Đây là cuộc chiến đấu khó khăn nhất. Cố gắng cuối cùng bao giờ cũng là cố gắng đau nhứt nhất, bởi vì lần này chúng ta trước hết phải chiến thắng chính mình, sau một cuộc xung đột dữ dội với chính mình, để vượt lên một tầng văn hóa mới để vứt bỏ tập tính của kẻ nô lệ và tiến tới văn hóa của con người tự do trong đó óc phê phán, óc sáng tạo và văn hóa tổ chức là những thành tố cơ bản. Đó là điều kiện sống còn của chúng ta, cũng như của mọi dân tộc, trong kỷ nguyên trí tuệ này.

Hãy xứng đáng với một tương lai khác! (Thông Luận 203)

Những con số tròn thường có một tác động kỳ ức đặc biệt. Vì thế mà tháng 4 năm ngoái, dịp kỷ niệm 30 năm ngày 30-4-1975 đã sôi nổi hơn hẳn năm nay dù chẳng có biến cố nào đáng chú ý.

Dịp kỷ niệm ngày 30-4-1975 năm nay quan trọng hơn nhiều. Nó trùng hợp với đại hội 10 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đánh dấu một cuộc chuyển giao thế hệ rõ rệt. Những người mới lên cầm quyền đều không có vai trò nào đáng kể trong cuộc chiến. Nếu tình cờ lớn lên ở miền Nam, giờ này họ cũng đang đòi tăng lương ở khu chế xuất Bình Dương hay chống cộng tại California. Một giai đoạn lịch sử đã thực sự khép lại.

Tháng 4 năm nay cũng đang chứng kiến những đợt đỉnh công lớn chưa từng thấy từ trước đến nay, song song với cuộc đấu tranh đòi dân chủ sôi nổi. Cùng lúc đó, chuyến công du của Hồ Cẩm Đào tại Mỹ đánh dấu một cuộc chạm trán không tránh khỏi giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đặt Việt Nam trước một chọn lựa chiến lược quyết định hướng đi và tương lai đất nước. Nhiều vấn đề nổi cộm khác chưa được giải quyết cũng đã đến lúc phải giải quyết.

*

Nhưng trước hết là một vài lời về ngày 30-4-1975. Một vài lời thôi vì biến cố này đã được đề cập đến khá nhiều rồi. Nhìn từ quyền lợi quốc gia thì đảng cộng sản đã sai lầm lớn khi phát động cuộc chiến tàn phá nặng nề đất nước cả về vật chất lẫn tình cảm và làm thiệt mạng gần bốn triệu người. Để tin như vậy, chỉ cần đặt một câu hỏi : nếu không có cuộc chiến này Việt Nam sẽ khá hơn hay sẽ tệ hơn ngày hôm nay ? Thống nhất đất nước là điều ai cũng muốn nhưng thống nhất có thể đạt tới một cách thông minh hơn. Hãy nhìn thí dụ nước Đức.

Và thực ra đã có thống nhất chưa? Cho tới nay, 31 năm sau, vẫn chưa có một người nào xuất phát từ gia đình viên chức miền Nam hiện diện trong bộ máy đảng và nhà nước tới cấp quận huyện. Thực tế miền Nam vẫn còn là một lãnh thổ bị chiếm đóng và thống trị. Đảng cộng sản cũng lầm lẫn lớn khi huênh hoang cao ngạo với chiến thắng 30-4-1975. Thực ra vào năm 1973, khi ký hiệp định Paris, miền Bắc đã hoàn toàn kiệt quệ. Họ đã chiến thắng vì một may mắn không ngờ mà họ không hiểu : Liên Xô đã quá suy yếu và còn bị vướng mắc vào cả ba cuộc xung đột lớn vào lúc đó, với Mỹ tại Trung Đông và Việt Nam, với Trung Quốc tại biên giới Nga-Trung Quốc nên đã phải nhượng bộ thỏa hiệp với Mỹ, đổi Trung Đông với giá trị chiến lược hơn nhiều lần lớn hơn để lấy Việt Nam. Không phải là một sự tình cờ là năm 1973, năm ký hiệp ước Paris, cũng là năm mà Liên Xô triệt thoái khỏi Trung Đông và chấm dứt mọi hiện diện ở vùng này, cũng không phải là một sự tình cờ mà Trung Quốc không muốn có chiến thắng 30-4. Đáng lẽ những người lãnh đạo đảng cộng sản phải khiêm tốn, họ đã tỏ ra đặc biệt ngớ ngẩn khi hô hét "chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm" trong khi nó sắp sụp đổ.

Nếu có một bài học cần rút ra thì đó là một dân tộc nhược tiểu như Việt Nam cần ý thức được số phận của mình, như một con cờ có thể bị hy sinh ngay cả khi bàn cờ đang thắng thế, và cần biết thương yêu nhau, gắn bó với nhau để thoát dần ra khỏi thân phận nhược tiểu.

Nhưng bối cảnh thế giới không phải là tất cả. Nếu về mặt đạo đức và trí tuệ đảng cộng sản xứng đáng bị thảm bại, thì về mặt một lực lượng đấu tranh thuần túy nó đã xứng đáng để thắng. Nó đã có một đội ngũ lãnh đạo quyết tâm và kiên trì, dù là quyết tâm và kiên trì trong sự tăm tối và do sự tăm tối. Trước mặt nó đã không có một đội ngũ chính trị nào. Những người kế tiếp nhau làm tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng, tướng lĩnh miền Nam không phải là những đồng chí gắn bó với nhau trong một cuộc chiến đấu chung, trong tuyệt đại đa số họ cũng không phải là những con người đấu tranh. Chính quyền miền Nam là một chính quyền không linh hồn. Đảng cộng sản hoàn toàn không xứng đáng để thắng nhưng chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã rất xứng đáng để thua.

*

Bây giờ hãy nhận diện những thử thách lớn đang đặt ra cho dân tộc.

Trước hết cần nhận định rõ **tình trạng tụt hậu bi đát** về mặt khoa học, kỹ thuật, và kiến thức nói chung, của đất nước. Chúng ta chỉ có những sản xuất kỹ thuật thấp : xuất khẩu gạo, cao su, cà phê, hải sản ; gia công quần áo, giày dép ; đóng bao bì, v.v. vào giữa lúc cuộc cách mạng tri thức, the knowledge revolution, đang sôi nổi trên thế giới. Cuộc cách mạng này - trong đó kiến thức, ý kiến và sáng kiến là tất cả và sẽ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc - đáng lẽ phải được coi như là một cơ may ngàn năm một thuở cho chúng ta. Muốn thành công trong cuộc tranh đua này không cần đầu tư vào những trang thiết bị nặng nề và tốn kém ; một máy vi tính PC bắt vào mạng Internet có thể lập tức cho phép học hỏi và sử dụng cả kho tàng kiến thức của nhân loại, đồng thời cũng cho phép làm việc tức khắc tại bất cứ nơi nào trên thế giới với lợi tức cao. Chỉ cần khả năng học hỏi mà người Việt chúng ta có thừa. Nhưng dưới chế độ này, Việt Nam không phải đã thua cuộc mà còn đã bỏ cuộc. Không phải là những người lãnh đạo cộng sản không thấy được hứa hẹn của cuộc cách mạng tri thức và tiềm năng của Việt Nam trong khoa học kỹ thuật, nhất là khoa học thông tin. Có lúc họ đã muốn phát triển ngành tin học, nhưng họ bỏ cuộc vì hoạt động này mâu thuẫn với bản chất của chế độ. Nó đòi hỏi thông tin nhanh chóng và đầy đủ, nó cũng đòi hỏi ý kiến và sáng kiến, những điều chỉ có thể có được trong một xã hội tự do và nơi những con người tự do. Như vậy, để tham gia cuộc cách mạng tri thức này chúng ta phải có dân chủ như là một điều kiện tiên quyết.

*

Tham nhũng đang tàn phá đất nước ở mức độ không thể chấp nhận được nữa. Phải đẩy lùi được tham nhũng nếu đất nước muốn có một tương lai, điều này thì chính những người lãnh đạo cộng sản cũng nhìn nhận. Nhưng làm thế nào để chống tham nhũng ? Cho đến nay trên thế giới chưa có trường hợp một chính quyền tham nhũng tự cải tiến để biến thành một chính quyền trong sạch. Người ta không thể thay đổi một đảng cầm quyền tham nhũng thành một đảng cầm quyền không tham nhũng mà chỉ có thể thay thế một đảng cầm quyền tham nhũng

bằng một đảng cầm quyền không tham nhũng. Chỉ có dân chủ, với những cuộc bầu cử tự do, mới cho phép thực hiện sự thay thế này.

Một vấn đề còn trầm trọng hơn nhưng vẫn chưa được lưu ý đúng mức là phải **phục hồi một nhà nước** đúng nghĩa. Hiện nay quân đội, công an và đảng cộng sản đều có những công ty riêng và có tài chính gần như độc lập ; trên thực tế là những nhà nước trong nhà nước. Đây là hậu quả tự nhiên của một chính quyền không có lý tưởng và hậu thuẫn quần chúng, phải thỏa hiệp để tồn tại bằng cách chia chác quyền lợi. Phục hồi một nhà nước đúng nghĩa là một bài toán nhứt nhối, nhưng điều kiện tiên quyết vẫn là một chính quyền mạnh vì được nhân dân ủng hộ, vì do chính nhân dân chỉ định, nghĩa là một chính quyền dân chủ.

Chúng ta còn vô số vấn đề nghiêm trọng khác đáng lẽ phải giải quyết từ lâu và vì không được giải quyết nên càng trở thành khó khăn hơn : **chuyển hóa đất nước** từ một nước nông nghiệp nhưng nhiều dân và thiếu đất sang một nước công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ ; phục hồi và nâng cao phẩm chất một nền giáo dục đã quá xuống cấp trong khi đấu trường giữa các dân tộc hiện nay là các trường học ; phục hồi và cải tiến môi trường ; giảm thiểu chênh lệch giàu nghèo quá lộ liễu, v.v. Và một chọn lựa có tầm quan trọng chiến lược : phải có thái độ nào và chính sách nào trong cuộc đụng độ không tránh khỏi giữa một Hoa Kỳ muốn **áp đặt trật tự dân chủ** vì coi đó là điều kiện để bảo đảm hòa bình thế giới và một Trung Quốc đang mạnh lên và thúc đẩy một liên minh các chế độ độc tài ? Chọn lựa này sẽ có những hậu quả vô cùng lớn. Nhưng quan trọng hơn hết vẫn là **phục hồi niềm tin của người Việt Nam vào đất nước**. Sự thực đau lòng là chúng ta hiện nay là một dân tộc đã rã hàng. Ít ai còn quan tâm tới đất nước nữa, mỗi người lo luồn lách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân, cả nước lao đầu vào một cuộc chơi đại dốt trong đó mỗi người chống tất cả, để cuối cùng tất cả đều thua. Đây cũng là hậu quả tất nhiên của chế độ độc tài toàn trị, đất nước bị chiếm đoạt làm của riêng của một nhóm người. Làm sao có thể đòi hỏi người dân tin tưởng vào đất nước và cảm thấy có trách nhiệm với đất nước khi đất nước không còn là của họ ?

Tất cả những thử thách đang đặt ra cho đất nước chỉ có giải đáp trong một thể chế dân chủ và để giành thắng lợi cho dân chủ phải có một tổ chức dân chủ mạnh, điều này ai cũng đồng ý. Ngay cả muốn chống tham nhũng cũng phải có đội ngũ. Tham nhũng là một hệ thống, một liên minh quyền lợi và quyền lực của nhiều thế lực với tất cả phương tiện, quyết tâm, và dã tâm nếu cần. Muốn chống tham nhũng phải có đội ngũ mạnh của những con người coi cuộc chiến đấu chống tham nhũng như cuộc chiến đấu của đời mình.

Thế nhưng tại sao sau 31 năm dưới chế độ cộng sản chúng ta vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc ?

*

Không thể đổ lỗi tất cả cho đảng cộng sản. Ở trong nước còn có thể nói là do sự cấm đoán và đàn áp của chế độ, nhưng còn ở nước ngoài thì tại sao ? Đúng là đảng cộng sản đã gửi hàng ngàn công an trá hình trà trộn vào các đợt vượt biên để làm tê liệt các hoạt động chống đối tại hải ngoại bằng những hành động phá đám, vu cáo, chụp mũ, bôi bẩn, nhưng họ không thể cấm

đoán và bỏ tù. Nếu người Việt ở nước ngoài không thành lập được một tổ chức dân chủ mạnh thì đó là lỗi tại chính mình chứ không phải vì chính quyền cộng sản.

Và ngay tại trong nước một mức độ tổ chức và phối hợp nào đó vẫn có thể thực hiện được nếu có bản lĩnh và quyết tâm, nhất là gần đây đảng cộng sản đã phải giảm bớt sự hung bạo, trong khi các phương tiện giao thông và truyền thông phát triển mạnh. Những lung củng đáng tiếc vừa xảy ra giữa những người dân chủ trong nước không phải chỉ do đảng cộng sản gây ra mà một phần đáng kể do chính những người dân chủ.

Lý do căn bản đưa đến lúng túng ở cả trong lẫn ngoài nước là, do di sản văn hóa và lịch sử, người Việt chúng ta thiếu văn hóa tổ chức. Chúng ta chưa cảm nhận được sự cần thiết của tổ chức một cách đầy đủ để có thể chấp nhận những hệ lụy tự nhiên của mọi tổ chức. Chúng ta chưa hiểu các vấn đề đặt ra cho một tổ chức chính trị nên thường hành động một cách tùy tiện ; chúng ta chưa quen với sinh hoạt tổ chức nên cái tôi của mỗi người đều rất kèngh càng.

Không ai phủ nhận những khó khăn của hoạt động dân chủ trong nước, nhưng những khó khăn ấy cần được nhận diện một cách thành thực để rút ra những kết luận đúng đắn. Không thể một mặt nói rằng người trong nước bị khống chế bởi bộ máy công an, có thể bị bắt bất cứ lúc nào, một mặt lại đòi họ phải giữ vai trò chủ động và hải ngoại chỉ làm vai trò yểm trợ. Phải nói một cách thẳng thắn là trong giai đoạn đầu, mà công việc chính là kiểm điểm lực lượng, động viên dư luận và vận động hậu thuẫn quốc tế, hải ngoại phải giữ vai trò phối hợp và chủ động ; chỉ một khi hoạt động trong nước đã có thể ra công khai vai trò lãnh đạo mới có thể chuyển về trong nước. Những người dân chủ hải ngoại không nên khiêm tốn một cách giả dối ; và lại những người dân chủ đứng đắn trong nước cũng không đòi ngay bây giờ một vai trò mà họ không thể đảm nhiệm. Trong một thời gian nữa, hải ngoại phải là đầu tàu.

*

Vậy tại sao hải ngoại vẫn chưa đảm nhiệm được vai trò đầu tàu ?

Phải chăng vì mặc cảm không có mặt ở trong nước để trực diện với hiểm nguy ? Đây không phải là lý do vì chỉ là một mặc cảm sai. Trong lịch sử thế giới, đa số các cuộc vận động cách mạng lớn đã được chuẩn bị từ nước ngoài, các đảng cộng sản Nga và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Hơn nữa trong thời đại này, khoảng cách không còn quan trọng nữa.

Lý do quan trọng hơn có lẽ nằm ngay trong giới hạn của chính cộng đồng người Việt hải ngoại.

Đại bộ phận khối người Việt ở Nga và Đông Âu đã ra nước ngoài với mục đích buôn bán và kinh doanh ; không thể đòi hỏi ở họ một thái độ đấu tranh tích cực ; và lại họ còn phải đi về Việt Nam thường xuyên và còn cần phải thận trọng với chính quyền không kém gì người trong nước. Họ có thể đóng góp một cách quan trọng trong tương lai, nhưng chưa phải ngay lúc này.

Cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ và các nước phương Tây khác đã rời quê hương trong những điều kiện cực kỳ bi đát. Phần lớn ra đi trong hận thù và sợ hãi sau nhiều mất mát và tủi nhục. Chính cuộc hành trình vượt biên cũng đã diễn ra trong tủi nhục và kinh hoàng. Rất nhiều

phụ nữ đã uống thuốc ngừa thai trước khi vượt biên, cũng rất nhiều người đã phải chứng kiến cảnh vợ hay con gái bị hài tặc hãm hiếp. Nhiều người mất thân nhân vì rất nhiều người ra đi nhưng không bao giờ tới. Tất cả những thảm kịch đó đủ để giết chết ý chí và tình cảm của một người bình thường. Ngay cả một cố gắng hòa giải chân thành nhất cùng với những lời xin lỗi và những giọt nước mắt thành thực ăn năn cũng khó hàn gắn được. Huống chi lại xét lý lịch mới cho về thăm nhà, hạch sách đủ điều nếu tình nghi có quan hệ với bọn phản động ? Huống chi lại đòi Nam Dương và Mã Lai đập đài tưởng niệm thuyền nhân bỏ mình trên biển cả ? Quê hương là một quá khứ nhục nhằn và thù hận cần quên đi. Đi là chết trong lòng một chút, nhưng người Việt tị nạn chết trong lòng nhiều lắm. Và đó là giới hạn lớn nhất của họ.

Một tổ chức chính trị bao giờ cũng phải được xây dựng trên một dự án tương lai. Khi đã bị quá khứ đã thương một cách quá trầm trọng đến nỗi không còn nghĩ đến tương lai được nữa thì khó mà xây dựng được một tổ chức chính trị lớn. Nhưng đây cũng là một vấn nạn lớn cho sự tồn tại của chính cộng đồng người Việt hải ngoại. Nền tảng của cộng đồng hải ngoại là sự gắn bó với đất nước và người ta không thể gắn bó với đất nước Việt Nam mà lại không quan tâm đến vấn đề bức xúc nhất của nó, nghĩa là cuộc vận động dân chủ. Những tổ chức hướng về quá khứ như các hội ái hữu cựu học sinh trường này, binh chủng kia, cựu công chức ngành nọ, chỉ có thể giới hạn trong hoạt động hiếu hỉ và cũng sẽ không được tiếp nối. Các tổ chức tôn giáo cũng không đủ để gắn bó người Việt với nhau để cộng đồng người Việt hải ngoại có thể tiếp tục tồn tại vì người ta vẫn có thể là một người Công giáo hay Phật tử mà không cần là người Việt.

Lý do thứ hai là cộng đồng người Việt tị nạn, do di sản văn hóa chính trị của miền Nam trước 1975, đã thiếu những người có viễn kiến chính trị để dẫn dắt nên đã lạc hướng ngay từ lúc đầu. Khi mới ra nước ngoài, sự gắn bó với quê hương còn mạnh, người ta ngơ ngác tự hỏi "ta làm gì cho hết nửa đời sau ?" (thơ Cao Tần) thì đã có ngay những người và tổ chức trả lời : ta cứ phát cao cờ vàng ba sọc đỏ, cứ ca vang quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, cứ tưởng tượng rằng cuộc chiến chưa tàn và Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn, ta vẫn có những chiến khu quốc nội, ta cứ làm như ta đang chiến đấu... Nói một cách khác, ta lên đồng. Cuộc lên đồng này nay đã chấm dứt, nhưng giai đoạn thuận lợi nhất để đặt những viên đá đầu tiên cho một cộng đồng lành mạnh đóng góp thay đổi vận mệnh đất nước cũng qua đi rồi.

Lý do thứ ba và sau cùng, để chỉ đề cập tới những lý do chính, là khối người Việt hải ngoại đông đảo nhất với nhiều phương tiện nhất định cư tại Mỹ, một nước không thuận lợi cho sinh hoạt chính đảng và cách mạng. Nước Mỹ thực ra không có sinh hoạt chính đảng. Hoạt động chính trị tại Mỹ chủ yếu theo công thức nhân sĩ và đột xuất. Một nhân vật do uy tín hay thành công cá nhân qui tụ được một bộ tham mưu cá nhân, tranh thủ được sự ủng hộ của một số nhóm áp lực, rồi ra ứng cử tổng thống, thống đốc, nghị sĩ, dân biểu ; nếu đắc cử thì tham chính, nếu thất cử thì quay về làm business. Nước Mỹ cũng chưa bao giờ có nhu cầu thay đổi chế độ. Các vấn đề quốc gia của họ, các issues, chỉ là những vấn đề xã hội như phá thai, độc kinh tại các trường học, án tử hình, quyền mua súng, v.v. Người Việt tại Mỹ vì vậy không có cơ hội để học hỏi những kinh nghiệm hoạt động chính đảng và đấu tranh thay đổi chế độ. Một sự thực là cho tới nay chưa có tổ chức chính trị Việt Nam nghiêm chỉnh nào thành công tại Mỹ.

Cộng đồng người Việt tại Mỹ không thiếu những người lỗi lạc, họ cần vượt lên trên giới hạn tâm lý này.

*

G. W. Friedrich Hegel được coi là triết gia nhiều ảnh hưởng nhất trong thế kỷ 19. Ngày nay phần lớn tư tưởng của Hegel được coi là sai, tuy vậy không ai phủ nhận Hegel đã có những nhận xét rất độc đáo, diễn tả bằng một ngòi bút thiên tài. Một trong những đoạn kiệt xuất nhất của Hegel là trong tác phẩm "Hiện tượng quan của trí tuệ" (*Phénoménologie de l'Esprit*), trong đó ông coi cuộc chiến đấu vì tự do là cuộc chiến đấu cao cả nhất vì là cuộc chiến đấu sống chết của con người để được nhìn nhận một chỗ đứng xứng đáng. Kẻ sợ chết không dám liều mạng sẽ thua và làm nô lệ. Kẻ dám chấp nhận chết chứ không chịu cúi đầu sẽ thắng, sẽ là con người tự do và sẽ làm chủ.

Chúng ta sẽ không phải trả cái giá nặng đến như thế vì đảng cộng sản đã rất yếu và chia rẽ nội bộ, vừa bị nhân dân thù ghét, vừa bị tham nhũng đục khoét. Nó thiếu cả sức mạnh lẫn ý chí. Nó sẽ nhượng bộ nếu phong trào dân chủ đủ mạnh. Điều chúng ta cần nhất là sự sáng suốt, đủ sáng suốt để hy sinh tự ái và tham vọng cá nhân cho một tham vọng lớn hơn là thay đổi lịch sử của dân tộc, trong một tổ chức.

Chúng ta không thể chấp nhận chế độ cộng sản và số phận đen tối mà nó hứa hẹn cho dân tộc. Như vậy chúng ta cần tỏ ra xứng đáng với một tương lai khác.

Nhìn lại một thử nghiệm thất bại (Thông Luận số 181, tháng 5-2004)

Trước hiệp định Genève, Việt Nam có hai trường trung học lớn dạy chương trình Pháp bằng tiếng Pháp, trường Albert Sarraut ở Hà Nội và trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Khi chế độ Việt Nam Cộng Hòa được thành lập tại miền Nam, trường Chasseloup Laubat, thống nhất hai trường này, qui tụ hầu hết các thanh niên Việt Nam theo học chương trình Pháp. Nó cũng mang một tên mới: Jean - Jacques Rousseau. Lý do là Việt Nam đã độc lập cho nên không thể duy trì tên ông Chasseloup Laubat, một người đã có công giúp nước Pháp chinh phục Việt Nam, vì thế phải đổi tên, và Jean-Jacques Rousseau là một nhà tư tưởng dân chủ tiến bộ.

Cho đến ngày miền Nam sụp đổ, 30-4-1975, trường này vẫn là trường học của phần lớn con em các cấp lãnh đạo và giới thượng lưu miền Nam. Từ năm 1966 trở đi, vì có xung đột giữa Paris và Sài Gòn, trường này được đổi tên là trường Lê Quý Đôn, nhưng các cựu học sinh trường này vẫn thích tên Jean-Jacques Rousseau, tên Lê Quý Đôn hầu như không bao giờ được nhắc tới. Tôi nói đến trường Jean-Jacques Rousseau bởi vì có ít nhất hai điều không bình thường đóng góp giải thích tại sao chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã thất bại.

Thứ nhất là các cấp lãnh đạo của phe quốc gia là một lớp người riêng, cách biệt với xã hội Việt Nam nền tảng. Họ học văn hóa Pháp, đại đa số đã từng phục vụ cho chế độ thuộc địa Pháp và không muốn con cái trở thành giống như những thanh niên Việt Nam khác. Chương trình Việt dành cho quần chúng chứ không cho con cái các cấp lãnh đạo, kể cả con cái các ông bộ trưởng giáo dục. Các bộ trưởng, thứ trưởng hầu hết là các tri phủ, tri huyện, đốc phủ sứ của chính quyền thuộc địa cũ, các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp nhất thường là những đại úy, trung úy hoặc trung sĩ trước đây của quân đội Pháp. Miền Nam còn duy trì cả chiếc máy chém đã được người Pháp dùng để hành quyết những nhà cách mạng Việt Nam, cùng với viên đao phủ là Đội Phuróc. Ngay cả cụm từ "phe quốc gia" tự nó cũng không chính xác. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa chỉ là sự tiếp nối của chính quyền thuộc địa cũ. Khi ông Bảo Đại được người Pháp đưa về để đứng đầu một chính quyền chống cộng, ông thành lập ra "Quốc Gia Việt Nam" (Etat du Vietnam hay State of Vietnam), chữ "quốc gia" do đó mà có chứ không có nghĩa là một liên minh các đảng phái quốc gia như trong thời gian 1945-1946. Những người kế tiếp nhau đứng đầu các chính quyền quốc gia đều xuất phát từ guồng máy thuộc địa và cũng chỉ sử dụng những cộng sự viên thuộc guồng máy này. Tóm lại, phe gọi là quốc gia không có sự chính đáng và cũng không quan tâm tạo ra cho mình một sự chính

đáng nào. Vì thế không có gì ngạc nhiên nếu nhiều người không kính trọng họ, dù thù ghét đảng cộng sản.

Điều không bình thường thứ hai nói lên sự thiếu văn hóa của những người lãnh đạo phe quốc gia là việc chọn Jean-Jacques Rousseau (1712-1778) để đặt tên cho trường học của họ và con em họ, cũng là trường đã đào tạo ra một số đông đảo các cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa. Trước hết không gì biện minh cho việc đặt tên Jean-Jacques Rousseau cho một trường học cả vì lý do giản dị là ông này chống lại mọi hình thức giáo dục và văn minh. Ông cho rằng văn minh làm hư hỏng con người, giáo dục làm cho con người trở thành mù quáng và gian trá. Ông đòi xóa bỏ mọi bộ môn khoa học và nghệ thuật vì theo ông mẫu người lý tưởng cần phải đạt tới là "*con người hoang dại*" (*l'homme sauvage*). Ông đã trình bày quan điểm này trong nhiều bài viết, đặc biệt trong cuốn "*Tham luận về bất bình đẳng*" (*Discours sur les inégalités*). Khi ông gửi tặng Voltaire, một nhà tư tưởng đương thời, Voltaire trả lời như sau: "*Tôi đã đọc cuốn sách chống loài người của ông, ít khi mà nhiều tài năng được vận dụng cho mục đích biến con người thành ngu độn như vậy. Đọc xong tôi cũng muốn bò trên bốn cẳng như thú vật nhưng rất tiếc tôi đã ngoài 60 rồi*". Rousseau đã viết lại một cách chi tiết cuộc đời của ông qua cả một bộ sách mang tên "*Thú tội*" (*Les Confessions*). Ông hoàn toàn không có một đạo đức cá nhân nào, đối xử tồi hèn với tất cả mọi người, hầu như trong mọi trường hợp. Rousseau có năm đứa con, ông lần lượt đem cả năm đứa bỏ vào cô nhi viện rồi không cần biết chúng ra sao, dù ông không đến nỗi thiếu thốn. Không thể kể hết những chuyện xằng bậy trong cuộc đời ông. Một nhân vật như thế chắc chắn không thể là một mẫu mực cho thanh thiếu niên.

Nhưng chuyện động trời nhất là tên ông đã được chọn vào giữa lúc mà chế độ Việt Nam Cộng Hòa mới được chính thức thành lập và một chiến dịch "tổ cộng" qui mô được phát động. Jean - Jacques Rousseau là thủy tổ đích thực của chủ nghĩa cộng sản, ông chủ trương một chế độ tập thể tuyệt đối và toàn diện. Các chế độ cộng sản trên thế giới, kể cả tại Nga và Trung Quốc, thực ra theo Rousseau nhiều hơn Karl Marx. Ông phát minh ra lối lý luận bất lương: một vấn đề dù hệ trọng đến đâu cũng được coi là đã giải quyết xong nếu đã tìm được một cách biện luận qua loa, thậm chí gian trá. Một thí dụ là chủ thuyết của ông ta về tự do được đưa ra trong cuốn "*Khế Ước Xã Hội*" (*Du Contrat Social*). Khởi điểm là làm thế nào để con người có tự do; kết luận của Rousseau là muốn có tự do con người phải bị tước đoạt tất cả, về vật chất cũng như tinh thần, phải bị tha hóa một cách tuyệt đối, phải hoàn toàn thuộc quyền định đoạt của nhà nước, kể cả quyền được cho sống hay bắt phải chết. Biện luận của Rousseau là nhà nước, mà ông gọi là "*Ý Chí Chung*" (*Volonté Générale, General Will*) không là ai cả, vậy không ai chiếm đoạt cả và do đó không ai mất mát gì cả. Ông thừa biết cách lý luận này là bất lương, vì ở một chỗ khác trong cùng tác phẩm, để bảo vệ một ý kiến khác,

ông lại nhìn nhận là nhà nước phải có những người cầm quyền và họ có tham vọng quyền lực. Sự lương thiện trí thức không bao giờ là một quan tâm của Rousseau cả.

Một độc hại khác của tư tưởng Rousseau là "*con người hoang dại*" hoàn toàn vô học, sống và hành động theo bản năng, mà ông đề cao là đỉnh cao của sự trong sáng. Rousseau không chứng minh điều này, nhưng khẳng định nó như một chân lý. Cái ảo tưởng đẫm máu theo đó những người vô học vẫn có thể lãnh đạo và định đoạt cuộc sống và tính mạng của nhiều người khác, như ta đã thấy tại Nga dưới thời Stalin, tại Trung Quốc dưới thời Mao và tại Việt Nam trong cuộc cải cách ruộng đất không phải là sản phẩm của Marx mà là di sản của Rousseau.

Không thể kể hết những khẳng định độc hại của Rousseau được. Cá nhân tôi chưa thấy trong lịch sử nhân loại một người nào đã đầu độc trí tuệ con người và tạo ra những thảm kịch đẫm máu hơn Rousseau. Ông ta đã là cha tinh thần của Robespierre tại Pháp, Hitler tại Đức và các chế độ cộng sản tại khắp nơi. Sở dĩ ông ta được tôn vinh trong đền Panthéon của Pháp là vì ảnh hưởng rất mạnh của khuynh hướng cộng sản sau cách mạng 1789 mà thôi. Việc chế độ Việt Nam Cộng Hòa vừa tung ra "quốc sách chống cộng" vừa tôn vinh ông tổ cộng sản là một điều không thể tưởng tượng nổi.

Câu chuyện về trường Jean-Jacques Rousseau minh họa một sự thực phũ phàng: phe quốc gia không có một nhân sự chính trị. Nói rằng những người lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa mất gốc là không đúng. Họ không mất gốc, điều mà họ thực sự thiếu chính là văn hóa phương Tây và vì thế họ không có văn hóa chính trị, chưa nói đến văn hóa dân chủ. Họ cũng không phải là một đội ngũ.

Nước ta hình thành như một phần đất nô lệ thuộc Trung Quốc. Chúng ta tự hào là có hơn hai ngàn năm lịch sử, nhưng chúng ta đừng nên quên là trong hơn một ngàn năm đầu chúng ta là dân nô lệ. Cái di sản nô lệ đó tự nó đã rất nặng, hơn nữa nó còn khiến các chế độ tự chủ sau này mà chúng ta hãnh diện như Đinh, Lê, Lý, Trần... cũng chỉ là những chế độ nô lệ bán xứ. Tinh thần quốc gia, tư tưởng chính trị, tâm lý dân tộc và văn hóa tổ chức của chúng ta đã không có điều kiện để phát triển.

Giai đoạn Pháp thuộc đã là giai đoạn phát triển mạnh nhất của nước ta cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhưng phải nói là chúng ta không may mắn đã lọt vào tay người Pháp thay vì người Anh. Cũng là những đế quốc thực dân nhưng hai nước này theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Người Anh muốn bành trướng về thương mại, do đó họ cần người đối tác. Họ tôn trọng các quốc gia sẵn có và khi làm chủ những vùng đất chưa có chính quyền thì họ tạo ra những nhà nước, như tại Mã Lai, Ấn Độ. Người Pháp, trái lại, đặt mục tiêu thống trị lên hàng đầu nên cần phá tan những quốc gia sẵn có và thi hành chính sách ngu dân để dễ thống trị. Kết quả là những thuộc địa cũ của

Pháp đều tan nát và hỗn loạn khi họ bị bắt buộc phải rút ra. Không ngạc nhiên nếu họ không huấn luyện người Việt về văn hóa chính trị.

Trong thời gian gần một thế kỷ Pháp thuộc, đã có rất nhiều người Việt đậu những bằng cấp rất cao, có khi ngay tại Pháp, nhưng họ vẫn chỉ là những chuyên gia và học giả. Họ mới chỉ có những kiến thức phương Tây chứ chưa có được khả năng phê phán và sáng tạo của những phần tử ưu tú phương Tây. Cái di sản vong thân của hơn hai ngàn năm nô lệ ngoại bang và nô lệ bản xứ vẫn chưa cho phép họ suy nghĩ như những người con người tự do. Trần Đức Thảo là một thí dụ điển hình. Ông tốt nghiệp ở trường ưu tú nhất nước Pháp, và có lẽ cũng ưu tú nhất thế giới, là trường Normale Sup, về môn triết, và ông làm luận án về hiện tượng luận, một bộ môn của tri thức luận lấy sự nghi hoặc trí thức (le doute intellectuel) làm nòng cốt. Tuy nhiên ông lại theo chủ nghĩa cộng sản, một chủ nghĩa gồm toàn những xác quyết hàm hồ.

Sự thống trị của người Pháp chỉ thực sự chấm dứt vào năm 1955, nghĩa là 7 năm sau khi "Quốc Gia Việt Nam" ra đời. Phe "quốc gia" hoàn toàn không được chuẩn bị về mặt tinh thần, sự lúng túng có thể hiểu được. Điều không hiểu nổi là trí thức phe quốc gia đã kém cỏi đến độ trong gần 30 năm họ không sản xuất ra được một nhà tư tưởng chính trị nào và một tác phẩm chính trị có tầm vóc tư tưởng nào. Không ngạc nhiên nếu miền Nam không có một tổ chức chính trị đúng nghĩa nào. Khối viện trợ khổng lồ của Hoa Kỳ cùng với sự hy sinh của hàng trăm ngàn thanh niên ngã gục trong hàng ngũ quốc gia đã không đủ để bù đắp khoảng trống tư tưởng chính trị này.

Dù chúng ta nghĩ gì về đảng cộng sản, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng họ là trường hợp đầu tiên mà người Việt Nam đã kết hợp được với nhau trong một tổ chức lớn với một dự án thay đổi xã hội và đã thành công, dù rằng nền tảng kết hợp của họ là một chủ nghĩa mị dân. Cuộc chiến 1945-1975 đã là cuộc chiến giữa một lực lượng chuyên chính lấy bạo lực và khủng bố làm sức mạnh và cuộc thử nghiệm dân chủ đầu tiên tại Việt Nam. Bạo lực và khủng bố đã được vận dụng đến nơi đến chốn trong khi thử nghiệm dân chủ đã chỉ là một hài kịch do Hoa Kỳ áp đặt với những diễn viên chính gượng gạo và không thuộc bài. Chỉ có những diễn viên phụ đã đóng vai nạn nhân một cách xuất sắc. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa trước hết là một cơ hội lớn đã uống phí.

29 năm đã qua kể từ ngày 30-4-1975, một trong những kết luận mà chúng ta có thể rút ra từ cuộc xung đột thảm khốc này, khi nghĩ đến những đổ vỡ ghê rợn cho đất nước và những nạn nhân ở cả hai bên, là một cơ hội chỉ thực sự là cơ hội cho những ai đã chuẩn bị để chờ đợi nó. Thế giới đang tiếp tục biến chuyển một cách thuận lợi cho những nguyện vọng dân chủ. Dù chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội lớn khi bức tường Bá Linh sụp đổ nhưng chắc chắn chúng ta sẽ còn cơ hội khác. Những người dân chủ sẵn sàng chưa? Nếu chưa thì còn thiếu những gì và phải làm gì? Nếu chúng ta hiểu rằng thắng

lợi của dân chủ chỉ có thể đến qua một tổ chức dân chủ có trí tuệ và có tầm vóc là chúng ta đã đi được một bước đáng kể.

Một bài học từ biến cố 30-4-1975 (ngày 14/05/2008)

Ông chủ nhiệm báo *Việt Luận* hỏi tôi chúng ta có thể rút bài học nào từ biến cố 30-4-1975 ? Câu hỏi thực là khó. Có rất nhiều bài học lịch sử mà chúng ta có thể rút từ cuộc chiến tranh kết thúc ngày 30 tháng 4-1975. Tất cả đều là những bài học lớn cho cuộc vận động dân chủ hiện nay.

Nhưng trước hết xin có vài lời về những bài học lịch sử: phải rất thận trọng và khiêm tốn vì chúng thường sai. Tại sao ? Lịch sử rất quan trọng bởi vì cuộc sống của một quốc gia, cũng như cuộc sống của một người, chủ yếu là thực nghiệm. Tuy vậy chúng ta lại không thể thí nghiệm. Chúng ta không thể thử nghiệm sự sụp đổ hay sự phá sản của một quốc gia. Chúng ta không thể thử nghiệm trên đời sống của một dân tộc để xem cái gì sẽ xảy ra nếu thực hiện chủ nghĩa này hay chính sách nọ, như thế là vô trách nhiệm và cũng có thể là tội ác. Đó là sai lầm to lớn của các chế độ cộng sản. Họ đã đem số phận của các dân tộc để thử nghiệm một chủ nghĩa mà sau này thực tế chứng minh là rất sai. Lịch sử giúp chúng ta bù lại phần nào sự kiện không thể làm thí nghiệm, một thiếu sót nghiệt ngã trong cố gắng rút ra những kết luận cho tương lai. Cần nhấn mạnh là một phần nào thôi vì các biến cố lịch sử chỉ xảy ra một lần trong khi chúng ta không thể kết luận sau chỉ một lần quan sát. Và lại các biến cố lịch sử cũng được nhìn và cảm nhận một cách khác nhau ở từng con người tùy góc độ quan sát và kinh nghiệm cá nhân. Như vậy muốn rút ra một bài học lịch sử thì phải cố gắng vượt ra khỏi chính mình để nhìn các biến cố lịch sử dưới nhiều góc khác nhau, so sánh với những biến cố tương tự đã xảy ra trong những điều kiện tương tự tại các nước khác. Và cũng phải phối hợp với những kiến thức mà sự chính xác đã được chứng minh qua thời gian. Rút ra những bài học lịch sử là điều không giản dị chút nào.

Sau sự dè dặt đó và trở lại với câu hỏi được đặt ra, bài học mà tôi chọn để rút ra là một bài học mà đáng lẽ ra chúng ta phải biết mà không cần có biến cố 30 tháng 4-1975 bởi vì nó là một kết luận của tất cả mọi khảo cứu chính trị học, xã hội học và tâm lý học và cũng đã được kinh nghiệm của mọi dân tộc chứng minh. Chúng ta chỉ đã không biết một điều bắt buộc phải biết. Một lý do khác khiến tôi chọn bài học lịch sử này trong rất nhiều bài học lịch sử quan trọng khác là vì, theo nhận xét của tôi, đó là bài học lịch sử mà sau 33 năm chúng ta vẫn chưa hiểu. Đó là *đấu tranh chính trị bắt buộc phải có một tư tưởng chính trị và một đội ngũ chính trị*. Cuộc chiến vừa qua trước hết là một cuộc đấu tranh chính trị. Nó cũng là lần đầu tiên mà người Việt Nam tàn sát nhau không phải chỉ để tranh giành quyền lực mà còn vì ý thức hệ. Tuyên truyền đã quan trọng hơn các trận đánh, lời nói đã có tác dụng hơn súng đạn.

*

Những năm cuối cùng của tôi ở Paris trước khi về nước cũng là những năm diễn ra hội đàm Paris để giải quyết chiến tranh Việt Nam. Lúc đó tôi lãnh đạo phong trào sinh viên và trí thức Việt Nam ủng hộ chính thể Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Ở cương vị này tôi đã được tiếp xúc thường xuyên và một cách thân mật với các yếu nhân VNCH sang tham gia hoặc quan sát hòa đàm Paris. Nói chung họ là những người hiểu biết nhất về chính trị của chế độ này. Khi về Việt Nam phục vụ, ít lâu sau hiệp định Paris, tôi cũng có điều kiện thuận lợi để tiếp xúc và tìm hiểu môi trường chính trị VNCH. Nhận xét rất rõ rệt của tôi là những người cầm vận mệnh miền Nam lúc đó không biết ngay cả những kiến thức cơ bản nhất của đấu tranh chính trị và cũng không thấy cần phải học hỏi gì cả. Họ không phải là một đội ngũ và trong tuyệt đại đa số không phải là những người đấu tranh chính trị dù họ có thể giữ những vai trò chính trị rất quan trọng. Họ sống co cụm trong một môi trường nhỏ hẹp cách biệt với quần chúng, đa số chỉ có một hiểu biết rất sơ sài về lịch sử và văn hóa Việt Nam, thậm chí ngôn ngữ Việt Nam. (Điều này không có nghĩa là họ nắm vững văn hóa và ngôn ngữ Pháp hoặc Mỹ). Tất cả đều là những người mà sự may mắn hoặc hoàn cảnh tình cờ đặt vào địa vị lãnh đạo trong một thời gian ngắn, tương tự như những nhân viên tạm thời, và không ý thức được rằng mình không thể là một người lãnh đạo. Làm chính trị đối với họ chỉ là quen biết và giao tế. Họ hãnh diện, có khi huênh hoang, tuyên bố là không thuộc đảng nào và không làm chính trị. Kiến thức chính trị của họ, khi có, chỉ là những kiến thức rất đại cương và một vài bài báo. Không một ai có suy tư chiến lược về sự sống còn của chế độ. Tôi cũng không gặp một người nào thực sự tin tưởng vào dân chủ. Chính quyền VNCH là một chính quyền không có nhân sự chính trị, trong khi đó là lý do hiện hữu và điều kiện tồn tại của mọi quốc gia. Tình trạng này đưa tới những yếu kém khó tưởng tượng.

Hãy thử lấy một thí dụ. Tất cả mọi cấp lãnh đạo, dân sự cũng như quân sự, mà tôi có dịp trao đổi đều phục sát đất phe cộng sản là tổ chức tiếp vận giỏi. Họ nói Mỹ dội bom B52 như thế mà "nó" vẫn vận chuyển được đầy đủ vũ khí và lương thực từ hàng ngàn cây số cho một đạo quân đông tới mấy trăm ngàn người. Sự thực thì đảng cộng sản chỉ tiếp vận vũ khí cho lực lượng của họ ở phía Nam mà thôi; còn lương thực, khó vận chuyển gấp nhiều lần so với vũ khí, thì họ mua ngay tại chỗ và bằng vàng. Miền Nam không có mỏ vàng, cũng không ai đem vàng vào Việt Nam mà chỉ có những người đem vàng ra nước ngoài. Vậy mà miền Nam vẫn có rất nhiều vàng và giá vàng thấp hẳn so với thế giới. Vậy ai đem vàng vào Việt Nam nếu không phải lực lượng cộng sản? Đó là một cách tiếp liệu rất thoải mái. Một kilô vàng có thể nuôi một tiểu đoàn đầy đủ quân số trong một tháng. Liên Xô, nước đỡ đầu cho quân đội cộng sản cũng là nước sản xuất vàng số 1 trên thế giới vượt rất xa các nước khác. Khi tôi lý luận như vậy thì mọi người, hành chính cũng như quân sự, đều thấy là rất có lý. Nhưng họ nghe để biết rồi thôi. Đó không phải là việc của họ, dù họ có thể là tướng lãnh hay bộ trưởng. Họ chỉ

như những công chức và chỉ lo công việc của họ. Nếu các chính quyền miền Nam ý thức được điều này và có biện pháp đối phó thì chắc chắn quân đội cộng sản đã rất khốn khổ.

Một thí dụ khác là cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân. Quân cộng sản đồng loạt tấn công trên khắp lãnh thổ nhưng chính quyền Sài Gòn bị bất ngờ hoàn toàn, tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng, các bộ trưởng và các tướng tá đang vui tết. Thế giới có lý do để khinh thường chế độ VNCH. Chính tôi lúc đó chỉ là một du học sinh tại Paris mà cũng thấy rất xấu hổ.

Đó chỉ là hai thí dụ trong hàng ngàn thí dụ khác. Sở dĩ có những sơ hở kinh khủng như vậy là vì những kết luận chiến lược, và những biện pháp cụ thể để thực hiện chúng, chỉ có thể có được nếu có một đội ngũ lãnh đạo ổn định, gắn bó và quyết tâm để cùng nhau theo dõi các chuyển động, thu thập và phân tích những dữ kiện và rút ra những kết luận. Nhưng VNCH đã chỉ có một lãnh đạo ô hợp không được sàng lọc, không thành đội ngũ, không gắn bó với nhau và do đó không có quyết tâm chung. Trái với một huyền thoại phe cộng sản tuyên truyền rất dở và tổ chức rất luộm thuộm, tình báo của họ cũng rất kém. Nhưng họ là một đội ngũ chính trị và trước mặt họ không có một đội ngũ chính trị nào.

Không phải là những người lãnh đạo VNCH kém. Nếu xét từng cá nhân thì có rất nhiều người giỏi. Trình độ văn hóa nói chung của họ cao hơn hẳn các cấp lãnh đạo cộng sản. Đại đa số trong đời thường cũng là những người lương thiện. Vấn đề là họ chỉ là những cá nhân, không gắn bó trong một tổ chức. Hậu quả là mỗi người lo lấy mình, là chủ nghĩa luôn lách trong đó mỗi người, hay mỗi nhóm bè bạn nhỏ, cố gắng để không hơn những người khác, mỗi người chống tất cả, tất cả chống mỗi người. Trong trò chơi không ai có thể tin ai này người tốt cũng thành gian. Và thực tế đã như thế. Nếu miền Nam có một đảng cầm quyền thì tình thế sẽ rất khác. Những người "không làm chính trị" sẽ chỉ có những trách nhiệm chuyên môn, quyền lực chính trị sẽ ở trong tay một đội ngũ của những người gắn bó với nhau trong một số phận và một quyết tâm chung, lấy dân tộc và đất nước làm lý tưởng, coi sự sống còn của VNCH như cuộc chiến đấu của đời mình. Và họ sẽ có bản lĩnh chính trị cao. Tổ chức là môi trường hội nhập và là sức mạnh, nhưng cũng là một môi trường học hỏi và đào tạo, là nơi sản xuất và sàng lọc ý kiến. Nó cũng tạo điều kiện cho những quyết định và hành động mạnh bạo. Miền Nam không thiếu những người có thể và muốn là thành phần của một đội ngũ như thế, trong đó có những người đã có thể trở thành những cấp lãnh đạo xuất chúng, nhưng họ không có điều kiện để kết hợp với nhau. Kết quả là mặc dù có một khối lượng khổng lồ những người có tiềm năng, kể cả vô số bằng cấp đại học, với những kinh nghiệm để học hỏi hằng ngày, miền Nam vẫn thiếu nhân tài. Các cấp lãnh đạo tài giỏi chỉ có thể đào tạo được trong sinh hoạt tổ chức.

*

Một đặc điểm của các chính quyền quốc gia là không có đảng cầm quyền. Tình trạng này rất không bình thường vì phản ứng tự nhiên trong sinh hoạt chính trị là phải có chính đảng. Ngay trong những thập niên đầu thế kỷ 20 việc đầu tiên của những người muốn đấu tranh giành độc lập là thành lập các đảng. Tại sao lại có tình trạng này? Đó là do một đặc tính bẩm sinh của chính quyền Quốc Gia Việt Nam, sau đổi thành Việt Nam Cộng Hòa. Chính quyền này không do đấu tranh mà có mà chỉ là một bộ máy thuộc địa do người Pháp để lại, và khi để lại họ chuyển giao quyền hành cho những cộng sự viên thân tín và đặc lực nhất của họ, nghĩa là những người không những không quan tâm tới chính trị mà còn thiếu cả ý thức quốc gia dân tộc. Họ không hề biết đến những vấn đề đặt ra cho một quốc gia và cứ tiếp tục làm việc như thường lệ, kể cả coi những người yêu nước như kẻ thù hay ít nhất như những phần tử phải phòng ngừa. Kết quả là họ ngăn cản sự ra đời và phát triển của các chính đảng. Mẫu người tốt trong các chính quyền quốc gia là mẫu người không có đảng phái và không quan tâm tới chính trị, có bằng cấp cao là tốt, có cha ông làm quan thời Pháp thuộc lại càng đáng tin cậy hơn. Dần dần hình thành một văn hóa chính quyền kỳ lạ trong đó lớp người cầm quyền không bận tâm tới đất nước. Họ cầm quyền như những quan chức ngoại quốc. Một thí dụ: tất cả các bộ trưởng giáo dục đều cho con cái đi học các trường tiểu học và trung học Pháp thay vì trường Việt mà không hề thấy ngượng. Ngô Đình Diệm không hề thay đổi tình trạng này. Ông là người do Pháp đưa lên cầm quyền để tiếp tục một chính quyền do Pháp để lại. Thái độ chống Pháp bề ngoài của ông chỉ là một sự dàn cảnh. Việc đầu tiên ông làm là truy lùng các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Sau khi người Mỹ lật đổ ông Diệm, họ đưa lên chính quyền những tướng tá chẳng có một văn hóa nào, chưa nói văn hóa chính trị, phần lớn xuất phát từ quân đội Pháp. Trong một chế độ dân chủ, sinh hoạt chính đảng là cốt lõi. VNCH được tổ chức như một nước dân chủ nhưng lại không có sinh hoạt chính đảng.

Không phải là miền Nam không có đảng phái, ít ra trong mười năm cuối hoạt động đảng phái không bị cấm, nhưng mười năm là một thời gian quá ngắn và bối cảnh cũng không thuận lợi. Hơn nữa các đảng phái cũ đều đã quá suy yếu và lỗi thời vì không đổi mới tư tưởng chính trị, trong khi các chính đảng mới cũng không phát triển được vì cùng một lý do: không có tư tưởng chính trị. Một ngộ nhận vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay trong phe đối lập là người ta cứ đinh ninh rằng có thể thành lập được một chính đảng mà không cần phải có một chủ thuyết chính trị, nghĩa là những định hướng lớn cho đất nước và các chiến lược để thực hiện chúng trong bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử của mỗi quốc gia. Một chủ thuyết như vậy chỉ có thể là thành quả của một công trình nghiên cứu và suy tư tập thể lâu dài và nhứt nhối. Người ta thấy chỉ cần một "chương trình hành động", và trong hầu hết mọi trường hợp chương trình hành động không khác bao nhiêu so với một bản danh mục rao hàng.

Những người cầm quyền trong phe quốc gia là những người được đưa lên cầm quyền chứ không phải đã giành được chính quyền. Họ đều không có tổ chức. Sau khi đã cầm quyền họ mới khám phá ra sự cần thiết của một đảng cầm quyền. Ông Nhu lập ra đảng Cần Lao, ông Thiệu lập ra đảng Dân Chủ, nhưng đều thất bại. Các chính đảng đúng nghĩa chỉ có thể thành lập được trong đấu tranh khó khăn cho một lý tưởng. Không ai có thể thành lập được một chính đảng đúng nghĩa sau khi đã có chính quyền. Cả ông Nhu lẫn ông Thiệu đã bỏ rơi các đảng vô tích sự mà họ lập ra - để cầm quyền với anh em, họ hàng và bè bạn - trước khi bị đánh đổ. Trước sau các chính quyền quốc gia vẫn có chung một đặc điểm ít được nhấn mạnh dù có thể là độc nhất trên thế giới: đó là những chính quyền không có đảng cầm quyền.

*

Sự kiện những người không thuộc một chính đảng nào được đưa lên cầm quyền và chọn những người không đáng phải làm bộ trưởng là một điều quái đản xuất phát từ một tật nguyên bẩm sinh của các chính quyền quốc gia. Nó gây tai họa cho đất nước mà họ cai trị và đem lại thất bại cho chính họ, có khi thất bại bi thảm như trường hợp hai ông Diệm và Nhu. Nhưng với thời gian nó đã tạo ra cả một triết lý và một tập quán hoạt động chính trị: chủ nghĩa nhân sĩ. Đó là cách làm chính trị mà không tham gia một chính đảng nào, chỉ cố tạo uy tín cho mình để được biết đến, kể cả cầu cạnh các thế lực ngoại bang, và hy vọng sẽ có lúc thời vận đưa mình lên nắm chính quyền hoặc sẽ có ngày được mời tham chính. Các nhân sĩ cũng có thể không có bất cứ một hoạt động chính trị và một kiến thức chính trị nào nhưng vẫn mong có ngày được làm bộ trưởng, dân biểu, nghị sĩ. Nếu có một di sản của chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà ta phải vứt bỏ một cách không nề nang thì chính là cái chủ nghĩa nhân sĩ này. Tiếc rằng chủ nghĩa nhân sĩ đã ăn rễ quá sâu. Có những người theo chủ nghĩa nhân sĩ mà không ý thức được. Rất nhiều người, trong cũng như ngoài nước, có học thức, có lòng với đất nước, có thiện chí, suy nghĩ lành mạnh và cũng rất muốn dẫn thân nhưng không hề thấy nhu cầu phải tham gia một tổ chức chính trị nào cả.

Chủ nghĩa nhân sĩ vẫn còn tiếp tục cho đến nay trong môi trường Việt Nam hải ngoại và là lý do chính giải thích tại sao sau 33 năm chúng ta vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ mạnh. Ngoài di sản VNCH cũng còn một lý do quan trọng khác. Đó là sự thiếu văn hóa tổ chức mà những người dân chủ trong nước cũng chia sẻ do hậu quả của một chế độ chuyên chính trong đó mọi kết hợp bị cấm đoán. Nhiều người cũng đã cố gắng thành lập tổ chức (đã có lúc người ta than phiền là có quá nhiều tổ chức chính trị) nhưng rồi đều khám phá ra những khó khăn không ngờ nên hầu như tất cả đều bỏ cuộc và triệt thoái trở lại tập quán nhân sĩ. Thực ra những khó khăn này chỉ không ngờ bởi vì chúng ta thiếu văn hóa chính trị và văn hóa tổ chức mà thôi, chúng chỉ là những vấn đề cổ điển của mọi tổ chức chính trị, hay chính đảng, đã được nghiên cứu kỹ và

được trình bày trong nhiều tác phẩm. Thành lập một tổ chức chính trị có bao giờ dễ dàng đâu !

Hãy thử lấy một thí dụ. Tất cả mọi cấp lãnh đạo, dân sự cũng như quân sự, mà tôi có dịp trao đổi đều phục sát đất phe cộng sản là tổ chức tiếp vận giỏi. Họ nói Mỹ dội bom B52 như thế mà "nó" vẫn vận chuyển được đầy đủ vũ khí và lương thực từ hàng ngàn cây số cho một đạo quân đông tới mấy trăm ngàn người. Sự thực thì đảng cộng sản chỉ tiếp vận vũ khí cho lực lượng của họ ở phía Nam mà thôi; còn lương thực, khó vận chuyển gấp nhiều lần so với vũ khí, thì họ mua ngay tại chỗ và bằng vàng. Miền Nam không có mỏ vàng, cũng không ai đem vàng vào Việt Nam mà chỉ có những người đem vàng ra nước ngoài. Vậy mà miền Nam vẫn có rất nhiều vàng và giá vàng thấp hẳn so với thế giới. Vậy ai đem vàng vào Việt Nam nếu không phải lực lượng cộng sản? Đó là một cách tiếp liệu rất thoải mái. Một kilô vàng có thể nuôi một tiểu đoàn đầy đủ quân số trong một tháng. Liên Xô, nước đỡ đầu cho quân đội cộng sản cũng là nước sản xuất vàng số 1 trên thế giới vượt rất xa các nước khác. Khi tôi lý luận như vậy thì mọi người, hành chính cũng như quân sự, đều thấy là rất có lý. Nhưng họ nghe để biết rồi thôi. Đó không phải là việc của họ, dù họ có thể là tướng lãnh hay bộ trưởng. Họ chỉ như những công chức và chỉ lo công việc của họ. Nếu các chính quyền miền Nam ý thức được điều này và có biện pháp đối phó thì chắc chắn quân đội cộng sản đã rất khốn khổ.

Một thí dụ khác là cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân. Quân cộng sản đồng loạt tấn công trên khắp lãnh thổ nhưng chính quyền Sài Gòn bị bất ngờ hoàn toàn, tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng, các bộ trưởng và các tướng tá đang vui tết. Thế giới có lý do để khinh thường chế độ VNCH. Chính tôi lúc đó chỉ là một du học sinh tại Paris mà cũng thấy rất xấu hổ.

Đó chỉ là hai thí dụ trong hàng ngàn thí dụ khác. Sở dĩ có những sơ hở kinh khủng như vậy là vì những kết luận chiến lược, và những biện pháp cụ thể để thực hiện chúng, chỉ có thể có được nếu có một đội ngũ lãnh đạo ổn định, gắn bó và quyết tâm để cùng nhau theo dõi các chuyển động, thu thập và phân tích những dữ kiện và rút ra những kết luận. Nhưng VNCH đã chỉ có một lãnh đạo ô hợp không được sàng lọc, không thành đội ngũ, không gắn bó với nhau và do đó không có quyết tâm chung. Trái với một huyền thoại phe cộng sản tuyên truyền rất dở và tổ chức rất luộm thuộm, tình báo của họ cũng rất kém. Nhưng họ là một đội ngũ chính trị và trước mặt họ không có một đội ngũ chính trị nào.

Không phải là những người lãnh đạo VNCH kém. Nếu xét từng cá nhân thì có rất nhiều người giỏi. Trình độ văn hóa nói chung của họ cao hơn hẳn các cấp lãnh đạo cộng sản. Đại đa số trong đời thường cũng là những người lương thiện. Vấn đề là họ chỉ là

những cá nhân, không gắn bó trong một tổ chức. Hậu quả là mỗi người lo lấy mình, là chủ nghĩa luồn lách trong đó mỗi người, hay mỗi nhóm bè bạn nhỏ, cố gắng để không hơn những người khác, mỗi người chống tất cả, tất cả chống mỗi người. Trong trò chơi không ai có thể tin ai này người tốt cũng thành gian. Và thực tế đã như thế. Nếu miền Nam có một đảng cầm quyền thì tình thế sẽ rất khác. Những người "không làm chính trị" sẽ chỉ có những trách nhiệm chuyên môn, quyền lực chính trị sẽ ở trong tay một đội ngũ của những người gắn bó với nhau trong một số phận và một quyết tâm chung, lấy dân tộc và đất nước làm lý tưởng, coi sự sống còn của VNCH như cuộc chiến đấu của đời mình. Và họ sẽ có bản lĩnh chính trị cao. Tổ chức là môi trường hội nhập và là sức mạnh, nhưng cũng là một môi trường học hỏi và đào tạo, là nơi sản xuất và sàng lọc ý kiến. Nó cũng tạo điều kiện cho những quyết định và hành động mạnh bạo. Miền Nam không thiếu những người có thể và muốn là thành phần của một đội ngũ như thế, trong đó có những người đã có thể trở thành những cấp lãnh đạo xuất chúng, nhưng họ không có điều kiện để kết hợp với nhau. Kết quả là mặc dù có một khối lượng khổng lồ những người có tiềm năng, kể cả vô số bằng cấp đại học, với những kinh nghiệm để học hỏi hằng ngày, miền Nam vẫn thiếu nhân tài. Các cấp lãnh đạo tài giỏi chỉ có thể đào tạo được trong sinh hoạt tổ chức.

*

Một đặc điểm của các chính quyền quốc gia là không có đảng cầm quyền. Tình trạng này rất không bình thường vì phản ứng tự nhiên trong sinh hoạt chính trị là phải có chính đảng. Ngay trong những thập niên đầu thế kỷ 20 việc đầu tiên của những người muốn đấu tranh giành độc lập là thành lập các đảng. Tại sao lại có tình trạng này? Đó là do một đặc tính bẩm sinh của chính quyền Quốc Gia Việt Nam, sau đổi thành Việt Nam Cộng Hòa. Chính quyền này không do đấu tranh mà có mà chỉ là một bộ máy thuộc địa do người Pháp để lại, và khi để lại họ chuyển giao quyền hành cho những cộng sự viên thân tín và đặc lực nhất của họ, nghĩa là những người không những không quan tâm tới chính trị mà còn thiếu cả ý thức quốc gia dân tộc. Họ không hề biết đến những vấn đề đặt ra cho một quốc gia và cứ tiếp tục làm việc như thường lệ, kể cả coi những người yêu nước như kẻ thù hay ít nhất như những phần tử phải phòng ngừa. Kết quả là họ ngăn cản sự ra đời và phát triển của các chính đảng. Mẫu người tốt trong các chính quyền quốc gia là mẫu người không có đảng phái và không quan tâm tới chính trị, có bằng cấp cao là tốt, có cha ông làm quan thời Pháp thuộc lại càng đáng tin cậy hơn. Dần dần hình thành một văn hóa chính quyền kỳ lạ trong đó lớp người cầm quyền không bận tâm tới đất nước. Họ cầm quyền như những quan chức ngoại quốc. Một thí dụ: tất cả các bộ trưởng giáo dục đều cho con cái đi học các trường tiểu học và trung học Pháp thay vì trường Việt mà không hề thấy ngượng. Ngô Đình Diệm không hề thay đổi tình trạng này. Ông là người do Pháp đưa lên cầm quyền để tiếp tục một chính quyền do Pháp để lại. Thái độ chống Pháp bề ngoài của ông chỉ là một sự dàn cảnh. Việc đầu tiên ông làm là truy lùng các đảng phái quốc gia như Việt

Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Sau khi người Mỹ lật đổ ông Diệm, họ đưa lên chính quyền những tướng tá chẳng có một văn hóa nào, chưa nói văn hóa chính trị, phần lớn xuất phát từ quân đội Pháp. Trong một chế độ dân chủ, sinh hoạt chính đảng là cốt lõi. VNCH được tổ chức như một nước dân chủ nhưng lại không có sinh hoạt chính đảng.

Không phải là miền Nam không có đảng phái, ít ra trong mười năm cuối hoạt động đảng phái không bị cấm, nhưng mười năm là một thời gian quá ngắn và bối cảnh cũng không thuận lợi. Hơn nữa các đảng phái cũ đều đã quá suy yếu và lỗi thời vì không đổi mới tư tưởng chính trị, trong khi các chính đảng mới cũng không phát triển được vì cùng một lý do: không có tư tưởng chính trị. Một ngộ nhận vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay trong phe đối lập là người ta cứ đinh ninh rằng có thể thành lập được một chính đảng mà không cần phải có một chủ thuyết chính trị, nghĩa là những định hướng lớn cho đất nước và các chiến lược để thực hiện chúng trong bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử của mỗi quốc gia. Một chủ thuyết như vậy chỉ có thể là thành quả của một công trình nghiên cứu và suy tư tập thể lâu dài và nhúc nhối. Người ta thấy chỉ cần một "chương trình hành động", và trong hầu hết mọi trường hợp chương trình hành động không khác bao nhiêu so với một bản danh mục rao hàng.

Những người cầm quyền trong phe quốc gia là những người được đưa lên cầm quyền chứ không phải đã giành được chính quyền. Họ đều không có tổ chức. Sau khi đã cầm quyền họ mới khám phá ra sự cần thiết của một đảng cầm quyền. Ông Nhu lập ra đảng Cần Lao, ông Thiệu lập ra đảng Dân Chủ, nhưng đều thất bại. Các chính đảng đúng nghĩa chỉ có thể thành lập được trong đấu tranh khó khăn cho một lý tưởng. Không ai có thể thành lập được một chính đảng đúng nghĩa sau khi đã có chính quyền. Cả ông Nhu lẫn ông Thiệu đã bỏ rơi các đảng vô tích sự mà họ lập ra - để cầm quyền với anh em, họ hàng và bè bạn - trước khi bị đánh đổ. Trước sau các chính quyền quốc gia vẫn có chung một đặc điểm ít được nhấn mạnh dù có thể là độc nhất trên thế giới: đó là những chính quyền không có đảng cầm quyền.

*

Sự kiện những người không thuộc một chính đảng nào được đưa lên cầm quyền và chọn những người không đảng phái làm bộ trưởng là một điều quái đản xuất phát từ một tật nguyên bẩm sinh của các chính quyền quốc gia. Nó gây tai họa cho đất nước mà họ cai trị và đem lại thất bại cho chính họ, có khi thất bại bi thảm như trường hợp hai ông Diệm và Nhu. Nhưng với thời gian nó đã tạo ra cả một triết lý và một tập quán hoạt động chính trị: chủ nghĩa nhân sĩ. Đó là cách làm chính trị mà không tham gia một chính đảng nào, chỉ cố tạo uy tín cho mình để được biết đến, kể cả cầu cạnh các thế lực ngoại bang, và hy vọng sẽ có lúc thời vận đưa mình lên nắm chính quyền hoặc sẽ có ngày được mời tham chính. Các nhân sĩ cũng có thể không có bất cứ một hoạt động chính trị và một kiến thức chính trị nào nhưng vẫn mong có ngày được làm bộ

trường, dân biểu, nghị sĩ. Nếu có một di sản của chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà ta phải vứt bỏ một cách không nề nang thì chính là cái chủ nghĩa nhân sĩ này. Tiếc rằng chủ nghĩa nhân sĩ đã ăn rễ quá sâu. Có những người theo chủ nghĩa nhân sĩ mà không ý thức được. Rất nhiều người, trong cũng như ngoài nước, có học thức, có lòng với đất nước, có thiện chí, suy nghĩ lành mạnh và cũng rất muốn dần thân nhưng không hề thấy nhu cầu phải tham gia một tổ chức chính trị nào cả.

Chủ nghĩa nhân sĩ vẫn còn tiếp tục cho đến nay trong môi trường Việt Nam hải ngoại và là lý do chính giải thích tại sao sau 33 năm chúng ta vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ mạnh. Ngoài di sản VNCH cũng còn một lý do quan trọng khác. Đó là sự thiếu văn hóa tổ chức mà những người dân chủ trong nước cũng chia sẻ do hậu quả của một chế độ chuyên chính trong đó mọi kết hợp bị cấm đoán. Nhiều người cũng đã cố gắng thành lập tổ chức (đã có lúc người ta than phiền là có quá nhiều tổ chức chính trị) nhưng rồi đều khám phá ra những khó khăn không ngờ nên hầu như tất cả đều bỏ cuộc và triệt thoái trở lại tập quán nhân sĩ. Thực ra những khó khăn này chỉ không ngờ bởi vì chúng ta thiếu văn hóa chính trị và văn hóa tổ chức mà thôi, chúng chỉ là những vấn đề cổ điển của mọi tổ chức chính trị, hay chính đảng, đã được nghiên cứu kỹ và được trình bày trong nhiều tác phẩm. Thành lập một tổ chức chính trị có bao giờ dễ dàng đâu !

Phân tích các chính đảng không phải là mục đích của bài này. Chỉ xin tóm lược: *đấu tranh chính trị bắt buộc phải có một tổ chức mạnh mới có hy vọng thành công; một chính đảng bắt buộc phải được xây dựng trên một tư tưởng chính trị và phải bắt đầu bằng một đội ngũ nòng cốt gắn bó và có bản lĩnh; trong những điều kiện lý tưởng nhất xây dựng một chính đảng cũng đòi hỏi ít nhất một hai thập niên. Xây dựng một chính đảng rất khó nhưng là điều kiện bắt buộc, nếu không thì hoạt động chính trị chỉ là vô ích, có thể còn có hại.*

Theo tôi đó là bài học quan trọng nhất cần được rút ra từ biến cố 30 tháng 4-1975, một bài học mà đáng lẽ chúng ta đã phải biết mà không cần có biến cố này vì đó chỉ là một kiến thức cơ bản phải có ngay trong phản xạ của những người hoạt động chính trị. Ngày 30 tháng 4 đã chỉ nhắc lại sự thực hiện nhiên này, một cách rất tàn nhẫn. Những nạn nhân oan ức nhất chính là những quân nhân, công chức và cán bộ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Trong đại đa số họ là những người yêu nước, dũng cảm và đầy khả năng, một số đông đảo có tiềm năng lớn. Nỗi oan nghiệt của họ là đã không có được một lãnh đạo đúng nghĩa. Họ không đáng phải chịu số phận mà ngày 30-4-1975 đã dành cho họ.

*

Cũng xin được chia sẻ một bài học cá nhân bởi vì nó cũng là một bài học nhỏ trong bài học lớn này. Cho tới ngày 30-4-1975 tôi là một viên chức khá cao cấp của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Tôi đã chứng kiến đoàn quân cộng sản chiến thắng tràn vào Sài Gòn. Sự hân hoan và hãnh diện của họ chỉ có thể so sánh được với thất vọng và tủi nhục của tôi. Tôi nghe như có tiếng nói từ trong lòng mình: "thà làm lính trong một đạo quân chiến thắng còn hơn làm tướng trong một đạo quân chiến bại". Tôi vẫn hiểu và hành động như thế, nhưng lúc đó tôi hiểu một cách thấm thía lạ lùng. Hình như vẫn còn rất nhiều người chưa hiểu như thế, thậm chí còn nghĩ ngược lại.

*

Chế độ Việt Nam Cộng Hòa, nếu kể cả tiền thân của nó là Quốc Gia Việt Nam của Bảo Đại, cũng đã chỉ tồn tại được 27 năm và đã sụp đổ từ 33 năm rồi. Trong suốt cuộc sống ngắn ngủi đó, dù đã có rất nhiều người yêu nước và dũng cảm bỏ mình dưới lá cờ của nó, nó chưa bao giờ là một nhà nước Việt Nam đúng nghĩa. Nó do Pháp lập ra và cáo chung khi bị Mỹ bỏ rơi. Nó chưa bao giờ kiểm soát được cả lãnh thổ Việt Nam và cũng chưa bao giờ có được một lãnh đạo đúng nghĩa. Nó cũng là một chế độ rất tham nhũng, dù không tham nhũng bằng chế độ cộng sản hiện nay. Những người dân chủ và yêu nước không có lý do gì để thương tiếc chế độ này, càng không có lý do để lấy nó làm biểu tượng của cuộc đấu tranh vì dân chủ. Trong một giai đoạn, từ 1948 đến 1975, nó đã là một chọn lựa bất đắc dĩ để ngăn chặn sự thiết lập một chế độ cộng sản tại Việt Nam. Đó là một hợp đồng. Hợp đồng đó là tạm thời chịu đựng cái tồi dở để ngăn chặn cái độc hại. Nhưng cái tồi dở đã quá tồi dở và chúng ta đã không ngăn chặn được cái độc hại. Như vậy hợp đồng VNCH đã hoàn toàn chấm dứt. Cuộc vận động dân chủ hiện nay là một cuộc đấu tranh hoàn toàn khác. Rút ra những bài học từ kinh nghiệm VNCH chỉ có ý nghĩa nếu có ích cho cuộc đấu tranh mới này. Bài học mà tôi đã chọn vẫn còn rất thời sự. Đáng buồn.

Vài điều cần được nói rõ (30/4/2014)

Nhân kỷ niệm 39 năm ngày 30 tháng 4

Thảm kịch của Việt Nam có một tên gọi và một nguyên nhân. Tên gọi đó là chế độ cộng sản, nguyên nhân đó là vì Đảng Cộng sản Việt Nam đã thắng. Ngày nay không còn một người Việt Nam lương thiện nào có thể chối cãi rằng nếu không có ĐCSVN thì ngày nay đất nước đã khá hơn nhiều rồi. Không mất Bản Giốc, Nam Quan, Trường Sa, Hoàng Sa và cũng không làm hơn năm triệu người thiệt mạng. Đảng cộng sản là một tai họa

Một lần nữa, lần thứ 39, chúng ta kỷ niệm ngày 30/4/1975, ngày đất nước chấm dứt nội chiến và thống nhất.

Rất nhiều điều đã được nói và viết ra về cuộc chiến này, tuy vậy người ta sẽ không bao giờ nói hết được những điều cần nói. Cuộc chiến này quá phức tạp. Nó là cuộc chiến tranh lớn nhất và gây nhiều đổ vỡ nhất trong lịch sử nước ta. Người ta sẽ còn phải nói nhiều về nó. Bài này chỉ có tham vọng nói lên một vài điều mà theo nhận định chủ quan của tác giả đáng được lưu ý nhất vào thời điểm này.

1. Trước hết cần khẳng định rằng đây là một cuộc nội chiến. Trong suốt cuộc chiến và sau đó Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn rêu rao rằng đây là cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, hay "chống Mỹ", và luận điệu này, do được lặp đi lặp lại quá nhiều lần, vẫn còn tiềm ẩn trong đầu óc nhiều người. Một thí dụ là người ta đôi khi vẫn còn nhắc lại câu nói được coi "ân tình" và "sáng suốt" của các cấp lãnh đạo cộng sản tiếp thu miền Nam năm 1975: "*Không có người Việt Nam nào thua trận cả, mọi người Việt Nam đều thắng, chỉ có đế quốc Mỹ thua*". Người ta nhắc lại để tôn vinh những con người như các ông Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà v.v... Thực ra đây là câu nói đã được học tập và được nói ra bởi mọi cán bộ cao cấp, đã được nghe nhiều lần từ nhiều người. Một câu nói sai và thóa mạ. Nó chỉ nhắc lại lập luận ngạo mạn của ĐCSVN rằng họ là toàn dân trong khi trước mặt họ chỉ có những tay sai của Mỹ. Cần dứt khoát: khi người trong một nước giết nhau trên một qui mô lớn và trong một thời gian dài thì đó là nội chiến, dù có hay không có sự can thiệp từ bên ngoài. Và lại, không phải chỉ có miền Nam dựa vào Mỹ mà miền Bắc cũng đã nhận một khối lượng viện trợ khổng lồ từ các nước cộng sản anh em, nhất là Liên Xô và Trung Quốc; viện trợ này còn đều đặn và bền bỉ hơn hẳn

viện trợ của Mỹ cho miền Nam và đó đã là lý do chính của chiến thắng cộng sản. Sau này người ta cũng được biết là cũng đã có hàng trăm ngàn quân Trung Quốc và cố vấn Liên Xô tại miền Bắc. Miền Bắc thực ra còn lệ thuộc nước ngoài hơn hẳn miền Nam; họ phải ca tụng Liên Xô và Trung Quốc là anh cả, anh hai, là vĩ đại, phải khóc Stalin hơn cả khóc cha. Chính ông Hồ Chí Minh cũng không ngăn nổi vụ xử bắn bà Nguyễn Thị Năm - một người mẹ chiến sĩ rất có công - chỉ vì cố vấn Trung Quốc đã lỡ quyết định như thế, v.v... Và cũng không phải là toàn dân ủng hộ họ bởi vì những người bỏ trốn chế độ cộng sản bao giờ cũng đông đảo hơn hẳn những người tìm đến với nó. Câu nói: *"Nếu bỏ đi được thì cái cột đèn cũng đi"* không phải của các thế lực thù địch mà là của dân gian. Cần khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát bản chất nội chiến của cuộc chiến này.

Trừ ra trong đầu óc của những người quá tầm tối không có cuộc nội chiến nào vinh quang cả. Tất cả mọi cuộc nội chiến đều ô nhục và độc hại. Chúng đều có thể tóm lược như nhau: một dân tộc không đồng ý với nhau và thay vì cố gắng thỏa hiệp đã giết nhau. Chọn nội chiến là thú nhận không thể thuyết phục, vì thiếu lý luận hoặc vì thiếu lý do chính đáng. Đó là chọn thái độ thù địch và xóa bỏ tình đồng bào. Trong một bài trước tôi đã trình bày sức tàn phá ghê gớm của các cuộc nội chiến, nhất là những cuộc nội chiến do các đảng cộng sản phát động (1). Ở đây chỉ xin nhắc lại rằng ít có quốc gia nào gượng dậy nổi sau một cuộc nội chiến. Những người chủ trương nội chiến có tội lớn và phải bị lên án.

2. Điểm thứ hai là sức mạnh của các đảng cộng sản, kể cả ĐCSVN, không phải là hậu thuẫn quần chúng mà là vì chúng có tổ chức chặt chẽ và hơn thế nữa chúng là những tổ chức khủng bố.

Không nên để cho những khẩu hiệu sống sượng kiểu *"Đảng ta là người đại diện trung thành của nhân dân..."* làm quên đi một sự kiện căn bản là trong lịch sử thế giới chưa hề có một đảng cộng sản nào giành được thắng lợi trong một cuộc bầu cử lương thiện nào. Tất cả mọi đảng cộng sản đều đã chỉ cướp và giữ chính quyền bằng bạo lực. Tất cả những ai đọc Lênin đều thấy rằng đối với ông ta bí quyết thành công để cướp chính quyền là một đội ngũ nhỏ nhưng có kỷ luật và quyết tâm. Phương châm của các đảng cộng sản là "cứu cánh biện minh cho *mọi* phương tiện", phương pháp của chúng là khủng bố. Khủng bố có hiệu lực ghê gớm là nó không từ một thủ đoạn hay một tội ác nào và vì thế cho phép một lực lượng nhỏ đánh bại hoặc cầm chân một lực lượng nhiều lần mạnh hơn. Nó cũng gây kinh hoàng tới độ biến mọi người trở thành những đồng lõa thụ động và sự im lặng này được bộ máy tuyên truyền tô vẽ như một sự đồng tình. Nhưng những đám đông của những cuộc hành quyết trong đợt Cải Cách Ruộng Đất 1955 đã đến vì sợ hãi và vì bị bắt buộc phải đến chứ không phải vì căm thù các nạn nhân. Sau năm 1975 tôi đã gặp nhiều trí thức miền Bắc trong đó có những người

có tên tuổi. Trong câu chuyện riêng họ kể những chuyện khó tưởng tượng. Tại sao họ không phản đối? Câu trả lời luôn luôn ngắn gọn: "Phản đối là chết ngay, chỉ tỏ ra không tán thành cũng đủ mắc họa rồi". Thế nhưng sau đó Đảng cũng đã nhìn nhận sai lầm cơ mà? "Đó là cái bẫy, ngậy thơ tưởng thực là chết, các ông bà Nhân Văn – Giai Phẩm đã là nạn nhân của cái bẫy này". Chỉ gần đây thôi thế giới mới nhận diện được và lên án bản chất tội ác của khủng bố; cho tới thập niên 1970 nó còn sức quyến rũ với rất nhiều trí thức và họ đã tiếp tay cổ vũ cho nó. Khủng bố đã là lý do khiến ĐCSVN dù đã phạm nhiều tội ác và sai lầm vẫn trụ được và sau cùng chiến thắng khi đối thủ mệt mỏi và bỏ cuộc.

3. Điểm thứ ba, đặc biệt quan trọng, là đảng cộng sản đã thành công vì Việt Nam thiếu một lớp trí thức chính trị.

Một nghịch lý lớn vẫn còn cần được nhìn rõ là tại sao vào thời điểm 1945 và nhiều năm sau đó tổ chức được trí thức ủng hộ nhiều nhất -nhiều nhất so với các tổ chức khác chứ không phải là đa số trí thức- lại là đảng cộng sản, một đảng theo đuổi một chủ nghĩa mà mục tiêu sau cùng là xóa bỏ quốc gia? Giải thích chỉ có thể là vì ý thức quốc gia của chúng ta không mạnh, và ý thức quốc gia của chúng ta không mạnh vì chúng ta thiếu một lớp trí thức chính trị.

Một thắc mắc vẫn còn kéo dài cho đến nay là phe quốc gia -hiếu theo nghĩa rộng là tập thể những người không cộng sản- đáng lẽ không thể thua vì nhận sự có trình độ văn hóa cao hơn hẳn các cấp lãnh đạo cộng sản. Thắc mắc này chỉ là một ngộ nhận. Sự thực là các cấp lãnh đạo cộng sản hơn hẳn những người chống lại họ. Lý do là vì hơn hay kém trong một cuộc đấu tranh chính trị phải được xét trên khả năng chính trị mà trí thức Việt Nam không có. Các ông bộ trưởng, giám đốc của các chính quyền quốc gia và các trí thức bị ngược đãi tại miền Bắc có thể có nhiều bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ nhưng họ chỉ là những nhà khoa bảng chứ không phải là những trí thức chính trị, cùng lắm họ có những hiểu biết chuyên môn chứ không có kiến thức chính trị. Họ có thể biết một chế độ dân chủ phải có ba quyền phân lập, Washington là tổng thống đầu tiên của nước Mỹ, Galilée đã khám phá ra rằng trái đất xoay quanh mặt trời v.v. nhưng đó không phải là những kiến thức chính trị. Kiến thức chính trị là thành quả của một cố gắng nghiên cứu và suy nghĩ nghiêm túc để trả lời những câu hỏi như bộ máy chính quyền có mục đích gì, có thể và nên được tổ chức như thế nào, là sự hiểu biết sâu sắc về những giá trị nền tảng của xã hội, về những gì làm cho một quốc gia phát triển hoặc suy thoái, đoàn kết hay xung đột, về cách tổ chức các hoạt động quốc gia trong mọi ngành một cách hiệu quả và đồng bộ, về cách chia sẻ đúng đắn những hy sinh và những thành quả v.v. Quan trọng hơn nữa, ở mỗi thời điểm nó đòi hỏi sự hiểu biết chính xác hiện tình đất nước và bối cảnh thế giới, những vấn đề đang hoặc sắp đặt ra và những giải pháp có thể có. Kiến thức chính trị bao gồm mọi loại kiến thức cộng với

những kiến thức được coi là thuần túy chính trị, hơn nữa nó lại phải luôn luôn được kiểm chứng bởi thực tế vì thế một cá nhân dù trải qua bao nhiêu năm nghiên cứu, suy tư và hành động cũng không thể nào có đủ, nó luôn luôn phải là kiến thức của một khối người: những trí thức chính trị.

Chúng ta đang sống một thảm kịch lớn. Nước ta tụt hậu một cách bi đát về mọi mặt so với thế giới. GDP (sản lượng nội địa) của chúng ta (1500 USD dù ước lượng rộng rãi) chỉ bằng 15% mức trung bình thế giới. Nếu giả thử chúng ta tăng trưởng nhanh hơn các nước đang trỗi dậy 2% mỗi năm -một điều không có gì bảo đảm vì thực tế là các nước này đang tiến lên và chúng ta đang đi vào khủng hoảng- thì cũng phải một trăm năm nữa chúng ta mới bắt kịp mức trung bình thế giới. Chúng ta là nước đông dân thứ 13 trên thế giới nhưng không có bất cứ một thành tích nào đáng kể trên bất cứ địa hạt nào dù là công nghiệp, khoa học, văn hóa, nghệ thuật hay thể thao. Chúng ta là một nước không đáng kể. Tội nhục nhất là chúng ta vẫn chưa có dân chủ, nghĩa là vẫn chưa có đủ quyền con người. Thảm kịch đó có một tên gọi và một nguyên nhân. Tên gọi đó là chế độ cộng sản, nguyên nhân đó là vì Đảng Cộng sản Việt Nam đã thắng. Ngày nay không còn một người Việt Nam lương thiện nào có thể chối cãi rằng nếu không có ĐCSVN thì ngày nay đất nước đã khá hơn nhiều rồi, tệ lắm cũng phải bằng năm hay sáu lần hiện nay. Không mất Bản Giốc, Nam Quan, Trường Sa, Hoàng Sa và cũng không làm hơn năm triệu người thiệt mạng. Đảng cộng sản là một tai họa.

Nhưng tại sao nó đã thắng? Chiến thắng của đảng cộng sản rất không bình thường. Nó đã liên tục phạm những tội ác kinh khủng và sai lầm nghiêm trọng về mọi mặt mà vẫn trụ được và sau cùng toàn thắng. Trong bất cứ một quốc gia bình thường nào một lực lượng như vậy đã thất bại thê thảm rồi. Nhưng nó đã thắng chỉ vì trước mặt nó không có một tổ chức chính trị đúng nghĩa nào mà chỉ có một guồng máy chính quyền được điều khiển bởi những người vừa không có khả năng vừa không có đội ngũ kế tiếp nhau cầm quyền trong một thời gian. Đảng cộng sản đã thắng chỉ vì không có ai để đánh bại nó.

Thảm kịch của đất nước thường được giải thích là vì dân trí ta kém. Đó là một giải thích vừa sai vừa không lương thiện. Đó là đổ cho quần chúng một tội lớn của trí thức. Dân tộc nào nói chung cũng vậy thôi, họ chủ yếu quan tâm tới bản thân, gia đình và cuộc sống hàng ngày. Nghĩ về đất nước, lo lắng cho đất nước, hiểu và giải quyết những vấn đề của đất nước là công việc của tầng lớp trí thức chính trị. Người dân Việt Nam cũng thế và trình độ hiểu biết của dân ta còn hơn hẳn nhiều dân tộc khác vào lúc mà họ xây dựng thành công dân chủ. Thảm kịch của chúng ta là chúng ta đã thiếu những trí thức chính trị, những người có kiến thức chính trị, dám suy nghĩ và quyết định, có quyết tâm và sẵn sàng phấn đấu để đất nước được quản trị một cách hợp lý.

Chúng ta đã không có những trí thức chính trị, những người mà vai trò và trách nhiệm là hướng dẫn quần chúng và lãnh đạo xã hội.

Trí thức của ta là hậu duệ của giai cấp sĩ, những người mà mộng đời chỉ là được làm quan, nghĩa là làm công cụ cho các vua chúa để thống trị dân chúng. Và tâm lý kẻ sĩ vẫn còn rất mạnh, với đa số trí thức ngày nay làm chính trị vẫn còn đồng nghĩa với cố gắng để được làm quan. Cũng cần lưu ý rằng ý thức chính trị của kẻ sĩ ngày xưa không cao hơn mà còn thấp hơn ý thức chính trị của quần chúng. Trong xã hội ta trước đây có hai loại người có ý thức chính trị, những người lấy những quyết định chính trị – các vua chúa - và những người chịu đựng những quyết định đó, nghĩa là quần chúng. Kẻ sĩ chỉ là công cụ, và những công cụ không có ý thức. Giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi có một khoảng cách lớn. Lê Lợi là một con người tự do và lấy quyết định, Nguyễn Trãi chỉ là một bày tôi và một dụng cụ. Di sản kẻ sĩ đã khiến trí thức Việt Nam cho đến nay dù đã học được nhiều kiến thức mới vẫn chỉ có khả năng làm những công cụ. Họ cần một minh chủ, nhưng thời đại của các minh chủ đã qua rồi, vì thế họ bơ vơ và lạc lõng.

Chính sự thiếu vắng một lớp trí thức chính trị đã cho phép đảng cộng sản thắng và đưa đất nước vào tai họa. Cũng chính sự thiếu vắng một lớp trí thức chính trị đã khiến chế độ này sau đó vẫn còn tồn tại được trong 39 năm qua.

4. Điểm thứ tư là đừng nên tiếc rằng ngày 30/4/1975 đã là một cơ hội lớn bị bỏ lỡ. Đúng là trong bối cảnh tồi tệ của một cuộc nội chiến dài và đẫm máu, ngày 30/4/1975 đã là một cơ hội. Nội chiến đã không chấm dứt trong biển máu. Hai đạo quân trên một triệu người đã không tàn sát nhau lần cuối, một bên đã buông súng. Đó đã là cơ hội lý tưởng để thực hiện hòa giải dân tộc để đất nước gượng dậy và vươn tới. Cơ hội này đã lỡ uổng vì những người cầm đầu phe chiến thắng –cũng là những người chủ trương nội chiến đến cùng- đã coi nội chiến là vinh quang và thần thánh thay vì ô nhục và độc hại. Họ đã đặt chủ nghĩa lên trên đất nước và đã đối xử với miền Nam như một lực lượng chiếm đóng.

Đúng, nhưng không thể khác. Đảng cộng sản là một tổ chức khủng bố và chỉ có thể hành động theo logic của một tổ chức khủng bố, nghĩa là làm những gì họ đã làm. Thực hiện hòa giải dân tộc và xây dựng dân chủ không nằm trong tâm lý của họ. Dĩ nhiên cũng có những người có thiện chí nhưng họ chỉ là những cấp lãnh đạo cỡ trung bình không có vai trò quyết định. Các cấp lãnh đạo cộng sản cao nhất đều là những lãnh tụ khủng bố. Một thí dụ là ông Võ Văn Kiệt mà nhiều người thường nhắc đến như một con người cởi mở và bao dung. Đừng quên rằng chính ông Kiệt trong thời gian cầm đầu công an miền Nam –trong chức vụ chính thức là giám đốc sở công an Thành Phố Hồ Chí Minh- đã lập ra Đảng Việt Nam Phục Quốc để làm bầy bắt và tiêu diệt những thành phần, đa số là thanh niên, có ý đồ chống đối. Nhiều người đã bị xử bắn.

Cũng chính ông Kiệt trong thời gian làm bí thư thành ủy đã cho đập phá nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, nghĩa trang của gia đình nhiều chức sắc Việt Nam Cộng Hòa.

Những sự kiện sau ngày 30/4/1975 đã xảy ra như chúng phải xảy ra.

5. Điểm thứ năm là chiến thắng cộng sản, và ngày 30/4/1975, đã hoàn toàn thuộc vào lịch sử. Thuộc vào lịch sử không có nghĩa là không còn ảnh hưởng tới thực tại và không còn đáng quan tâm. Các biến cố lịch sử có ảnh hưởng lâu dài trên một dân tộc và cần được liên tục nhìn lại và xét lại. Khi tôi còn là sinh viên trong thập niên 1960 đa số người Pháp còn ngưỡng mộ Napoléon như một anh hùng làm vẻ vang cho nước Pháp, ngày nay mọi trí thức Pháp đều đồng ý rằng ông đã là một tai họa. Chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng của giai đoạn Trịnh - Nguyễn, Tây Sơn và chính sách của triều Nguyễn. Chúng ta cũng như mọi dân tộc đều là sản phẩm của lịch sử. Thuộc vào lịch sử chỉ có nghĩa là những tác nhân của biến cố không còn tác động lên thực tại nữa. Ngày 30-4-1975 đã thuộc hẳn vào lịch sử vì những người đã tạo ra nó, những người đã đóng góp cho đảng cộng sản và những người đã không ngăn chặn được nó, đã ra đi. Chỉ còn lại những con người thừa hưởng di sản bi đát của đảng cộng sản. Quá khứ có thể khác nhau, cương vị có thể khác nhau nhưng tất cả đều phải đối mặt với cùng một thử thách: làm thế nào để đưa đất nước và dân tộc ra khỏi bế tắc.

6. Điểm thứ sáu là đã đến lúc phải thành thực và sòng phẳng với quá khứ. Điều này có vẻ hiển nhiên, có nhìn lịch sử một cách công bình và chính xác chúng ta chúng ta mới rút ra được những quyết định đúng cho tương lai. Tuy vậy vẫn còn vài lần cần. Một người bạn nói với tôi rằng đừng nên đả kích ông Hồ Chí Minh và giai đoạn Cách Mạng Tháng 8 để đừng đụng chạm đến những vị lão thành cách mạng. Anh nói thêm: "Tôi biết là có nhiều phê phán rất đúng, nhưng các vị lão thành đều rất nhạy cảm với những đề tài này. Họ cũng rất bất mãn và có thể tiếp tay cho cuộc vận động dân chủ nhưng nếu muốn tranh thủ họ thì đừng đụng đến những điều mà họ tôn sùng". Bạn tôi không phải là người duy nhất đưa ra quan điểm này, nhiều người đã nói như thế, nhất là các trí thức trong nước.

Tôi chưa bao giờ tán thành quan điểm này dù nhìn nhận nó xuất phát từ thiện chí. Đối với tôi sự kính trọng trước hết đòi hỏi sự thành thực. Nói dối, hay không dám nói sự thực, để tranh thủ một người là đánh giá thấp và đánh lừa người đó. Tôi quý trọng các vị lão thành cách mạng dù họ đã tiếp tay cho những người lãnh đạo cộng sản đưa đất nước vào thảm kịch. Tôi không trách họ vì những người khác cũng không hơn gì họ. Khi một đất nước không có một giai cấp trí thức chính trị để hướng dẫn thì mỗi người làm lẫn một cách và họ đã làm theo cách của họ. Tôi kính trọng họ nhưng bốn phận trước hết của chúng ta là bốn phận đối với sự thực và những nạn nhân của cuộc chiến này và chế độ mà nó đã để lại.

Đảng nào thì vấn đề cũng không đặt ra nữa. Những vị lão thành cách mạng phần lớn đã ra đi, phần còn lại sắp ra đi và khả năng đóng góp đang suy giảm nhanh chóng. Chúng ta vẫn trân trọng những đóng góp sắp tới của họ nhưng không nên chờ đợi nhiều nữa. Chúng ta cần bộc trực nhận diện mọi sự kiện để rút ra những bài học đúng.

7. Điều quan trọng nhất trong lúc này là ý thức rằng chúng ta đang sống một khúc quanh lịch sử lớn. Đất nước đã thay đổi nhiều, chủ yếu do được lôi kéo bởi một thế giới thay đổi dồn dập hàng ngày, và đã chín muồi cho một thay đổi chế độ. Nhân sự chính trị của đất nước đang đổi mới. Một thể hệ mới đang nhập cuộc. Một lớp trí thức chính trị, mà chúng ta chưa hề có trong suốt dòng lịch sử, đang hình thành. Các tiến bộ về truyền thông đã mở ra cả một không gian tự do cho thông tin, ý kiến và thảo luận trên mạng toàn cầu Internet. Không gian tự do này ngày càng bao trùm và đang tiêu hóa nhanh chóng không gian vật chất mà những người cầm quyền -vì tầm tối- vẫn còn cố gắng duy trì.

Cố gắng tuyệt vọng vì làm thời đại. Hơn nữa chế độ đang trả giá cho sự bất tài và tham nhũng của nó. Bối cảnh kinh tế xã hội đang rất khó khăn và sẽ còn khó khăn hơn trong những ngày sắp tới, phần nộ xã hội sẽ lên cao nhanh chóng. Nội bộ đảng cộng sản cũng đã tích lũy quá nhiều mâu thuẫn. Chỗ dựa Trung Quốc của họ đang lung lay. Bối rối đã thấy rõ. Chế độ đã phải chấp nhận những nhượng bộ chưa từng thấy. Họ đã phải trả tự do cho những người dân chủ, như Vi Đức Hồi, không những không nhận tội và xin khoan hồng mà còn đồng ý tuyên bố tiếp tục đấu tranh. Họ đã phải chấp nhận sự hiện diện ngày càng đông đảo và sắp thành áp đảo của những người -chủ yếu là những thanh niên nghĩa là tương lai tức khắc của đất nước- công khai phản bác chế độ và khẳng định lập trường dân chủ. Dân chủ không chỉ tất yếu mà còn đang đến. Chế độ độc tài toàn trị đang sống những ngày lúng túng cuối cùng. Tất cả vấn đề chỉ là dân chủ sẽ đến như thế nào, đến nhanh hay chậm, đến trong sự hỗn loạn của căm thù bùng nổ hay trong hòa bình và trật tự của tình anh em tìm lại.

Vận hội lịch sử này đòi hỏi quyết tâm, sáng suốt và trách nhiệm. Để hiểu rằng đấu tranh chính trị không bao giờ là đấu tranh cá nhân cả mà luôn luôn là đấu tranh có tổ chức. Điều mà chúng ta cũng cần hiểu rất rõ là xây dựng một tổ chức chính trị đòi hỏi, ngoài một tư tưởng chính trị và một dự án chính trị đúng đắn, những cố gắng kiên trì trong nhiều năm trong đó mỗi người phải vừa có quyết tâm và sự khiêm tốn cần thiết để hy sinh cái riêng cho cái chung. Một tổ chức chính trị không thể thành lập một sớm một chiều và không phải ai cũng có thể thành lập một tổ chức chính trị. Những manh động chỉ có tác dụng đánh lạc hướng sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm túc và gây hỗn loạn thay vì đóng góp cho cuộc vận động dân chủ, chúng không nên được khuyến khích.

Lời cuối: Từ trước đến nay trong lịch sử nước ta đã chỉ có những chế độ nô lệ. Những cuộc chiến tranh chống xâm lăng mà chúng ta tự hào trong chiều sâu cũng chỉ có mục đích thay thế một chế độ nô lệ ngoại bang bằng một chế độ nô lệ bản xứ. Chúng ta chưa bao giờ là một dân tộc tự do. Ngày nay chúng ta đang đứng trước hy vọng bước vào giai đoạn thứ hai của lịch sử, giai đoạn của một nước Việt Nam dân chủ và của những con người Việt Nam tự do. Chúng ta vẫn có quyền lạc quan. Đất nước dù rất thua kém nhưng không tuyệt vọng. Tiềm năng dân tộc, con người cũng như tài nguyên thiên nhiên, còn rất lớn và chỉ chờ đợi để được vận dụng một cách hợp lý. Chúng ta sẽ vươn lên mạnh mẽ một khi rũ bỏ được ách độc tài này.

Kỷ niệm ngày 30/4/1975 là dịp để chúng ta nhân diện cơ hội đang đến và quyết tâm đúng hẹn với lịch sử.

Biến cố 30/4/1975 : nhớ lại và suy ngẫm

Lời giới thiệu: Kỷ niệm 41 năm biến cố 30/4/1975, từ Paris ông Nguyễn Gia Kiểng, thường trực ban lãnh đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một nhân chứng của biến cố đó và cũng là người đã viết nhiều bài gây chú ý về biến cố lịch sử này đã có cuộc trò chuyện với nhà báo Trần Quang Thành.

Nội dung buổi nói chuyện được thực hiện năm 2016, nhân dịp kỷ niệm biến cố 30/4/1975, tính thời sự và nhận định của ông Nguyễn Gia Kiểng vẫn còn nguyên vẹn. Mời quý độc giả cùng theo dõi.

Ông Nguyễn Gia Kiểng trả lời phỏng vấn của nhà báo Trần Quang Thành

Trần Quang Thành : Xin chào ông Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Gia Kiểng : Chào ông Trần Quang Thành.

TQT : Biến cố 30/4/1975 diễn ra đến nay đã được 41 năm. 41 năm qua cộng sản đã đặt ách thống trị lên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam sau khi đã xâm chiếm được Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày đó ông Nguyễn Gia Kiểng mới ở tuổi ngoài 30. Ông từng làm phụ tá tổng trưởng kinh tế tức là chức thứ trưởng.

Ngày 30/4/1975 đó ông quan sát thấy điều gì, cảm nghĩ ra sao và hiện nay trong đầu óc ông còn điều gì đáng suy tư thừa ông ?

NGK : Những ngày trước và sau 30/4, nhất là ngày 30/4/1975, phải nói là những kỷ niệm "sống để bụng, chết mang theo". Đó là những ngày cực kỳ đen tối mà không một ngôn từ nào có thể diễn tả nổi. Lúc đó chúng tôi bồn chồn, hốt hoảng, thất vọng, tuyệt vọng. Mỗi ngày thêm một tin khủng khiếp sau khi Buôn Mê Thuột bị thất thủ vào tay quân cộng sản, nhất là sau cuộc tháo chạy hỗn loạn của quân và dân miền Nam trên quốc lộ 7B ; sau đó là Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang... lần lượt theo nhau rơi vào tay quân đội cộng sản hầu như không có một sự kháng cự nào, bởi vì quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã rã hàng và không còn sức kháng cự nữa. Ở miền Nam nói chung và nhất là ở Sài Gòn những người có khả năng, có phương tiện thì tìm cách chạy trốn ra nước ngoài. Cả nước sống trong một không khí tháo chạy hỗn loạn. Không có ngôn ngữ nào có thể tả được.

Cũng như nhiều anh em khác, tôi không ngủ được trong hơn một tháng. Khi nào mệt quá thì thiếp đi, rồi lại thức dậy và bồn chồn, lo lắng. Ngày 30/4/1975 Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Quân cộng sản tràn vào Sài Gòn trong những tiếng reo hò vui mừng cộng với những tiếng súng chào mừng chiến thắng. Phải nói rằng lúc đó sự hân hoan của họ chỉ có thể so sánh được với sự buồn tủi của anh em chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều không biết những gì sẽ xảy ra cho mình trong những ngày sắp tới. Bởi vì không nên quên rằng trước đó hai tuần lễ, chiến thắng của quân Khmer Đỏ tại Campuchia đã khởi đầu cho một cuộc tàn sát rất dã man các viên chức của chế độ cũ. Riêng cá nhân tôi còn có một lý do đặc biệt để lo sợ hơn người khác bởi vì khi còn ở Paris, trước khi trở về Việt Nam, tôi là một người lãnh đạo phong trào chống cộng tại Pháp và Âu châu ; tôi đã từng tranh luận với nhiều người cộng sản, kể cả những người sau này trở thành những viên chức cao cấp của chế độ. Nhưng có một điều rất lạ là sau 30/4/1975 tôi thấy mình ngủ được. Tôi thấy mình bình tĩnh trở lại. Có lẽ vì nghĩ rằng đã mất tất cả rồi, không còn gì để mất nữa, cái gì đến cứ đến. Tôi tự nghĩ mình đã làm tất cả những gì mình có thể làm và cũng không làm điều gì sai trái, không có gì để tự trách mình cả.

Kỷ niệm sinh động nhất mà tôi còn nhớ rất rõ là vào sáng ngày 30/4/1975, lúc Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, tôi đã lấy lá cờ vàng ba sọc đỏ úp vào mặt khóc rất lâu. Tôi không khóc cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa mà tôi chưa bao giờ đánh giá cao. Tôi đã chỉ muốn dựa vào nó để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản mà tôi cho là rất độc hại cho dân tộc Việt Nam, để rồi sau đó xây dựng một nước Việt Nam khác. Thế nhưng vào ngày 30/4/1975 tôi thấy hy vọng đó đã hoàn toàn tiêu tan. Tôi khóc cho lý tưởng của đời mình. Tôi cũng khóc cho đất nước Việt Nam vì tôi ý thức rất rõ ràng vào lúc đó rằng đất nước Việt Nam bắt đầu đi vào một thảm kịch rất lớn.

Hôm nay nhân dịp nhắc lại những kỷ niệm của ngày 30/4, tôi cũng xin nói lên một điều mà một cách kỳ lạ chưa thấy người Việt Nam nào nói đến. Đó là chế độ Việt Nam Cộng Hòa trong thất bại thê thảm của nó cũng đã làm được một điều rất phi thường. Lúc đó tôi đang là chủ tịch ủy ban vật giá và tiếp tế ở bộ kinh tế. Anh em chúng tôi đã cố gắng hết sức giữ cho vật giá được ổn định và chúng tôi đã thành công. Cho đến ngày 30/4/1975 sinh hoạt kinh tế vẫn gần như bình thường, vật giá vẫn ổn định. Có thể nói đây là một điều chưa từng có trong lịch sử thế giới. Bởi vì nếu chúng ta nhìn các chế độ sắp sửa bị đánh gục vì chiến tranh trên thế giới, thì luôn luôn trước đó vật giá tăng lên gấp trăm lần, thậm chí gấp ngàn lần. Thế nhưng đồng tiền Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn ổn định, ổn định đến nỗi chế độ cộng sản không thay thế nó và họ còn giữ nó trong gần năm tháng nữa, đến cuối tháng 9/1975 họ mới thay thế nó bằng một đồng tiền mới. Có thể nói tuy mặt trận quân sự tan rã nhưng mặt trận kinh tế vẫn ổn vững. Sau này tôi có gặp lại một số bạn bè người ngoại quốc có mặt ở Sài Gòn lúc đó, họ cũng nói với tôi rằng đó là một điều không thể tưởng tượng được và làm cho họ rất ngạc nhiên.

TQT : Thừa ông Nguyễn Gia Kiểng. Ông vừa nói kinh tế miền Nam trong cuộc chiến khá ổn định và vật giá không bị leo thang một cách bất thường. Điều đó cũng làm cho ông rất tự hào. Bây giờ nhìn lại cuộc chiến 1945 – 1975, trong cuộc chiến 30 năm đó mỗi người có một nhận thức khác nhau. Người cộng sản họ bảo đó là cuộc kháng chiến cứu nước. Lúc thì là chống thực dân Pháp, lúc thì là chống Mỹ xâm lược. Nói chung đây là cuộc kháng chiến cứu nước. Họ tự hào đã giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bây giờ họ đặt ách thống trị cộng sản lên toàn cõi Việt Nam. Nhưng nhiều người Việt Nam lại cho đây là một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, một cuộc chiến tranh mà những người cộng sản làm tay sai cho Quốc tế cộng sản, như chính ông Lê Duẩn đã thừa nhận là "đánh cho Liên Xô và đánh cho Trung Quốc".

Ông Nguyễn Gia Kiểng có bình luận gì về cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm, 1945 – 1975, ở Việt Nam ta ?

NGK : Lập luận của Đảng cộng sản là một lập luận tự đắc và tuyên truyền trắng trợn mà ta phải bác bỏ. Phải trả lời một cách rất dứt khoát đây là một cuộc nội chiến. Cả hai giai đoạn mà họ gọi là "chống Pháp" và "chống Mỹ" đều chỉ là hai giai đoạn trong một cuộc nội chiến kéo dài 30 năm, bởi vì khi người trong một nước bắn giết nhau trên một qui mô lớn và trong một thời gian dài thì đó là nội chiến dù có hay không có sự can thiệp từ bên ngoài. Và lại trong thế kỷ 20, nhất là sau Thế chiến thứ hai, làm gì có cuộc nội chiến nào không có sự tiếp tay từ bên ngoài đâu. Nếu ta nhìn lại số người Pháp và số người Mỹ thiệt mạng trong hai giai đoạn của cuộc chiến này thì chúng ta thấy đó là một tỷ lệ không đáng kể so với số tử vong của người Việt Nam. Người Pháp đã thiệt hại 33.000 người, trong đó một phần đáng kể là những người lính châu Phi và Ả Rập, người Mỹ thiệt hại 58.000 người, trong khi đó số tử vong của người Việt ở cả hai phía là trên ba triệu. Nói chung tổng số quân đội nước ngoài thiệt mạng tại Việt Nam trong cuộc nội chiến này chưa bằng 3% của phía Việt Nam.

Tôi còn nhớ trong một bài báo đăng trên tờ Học Tập chính ông Trường Chinh cũng đã nhìn nhận đây là một cuộc nội chiến. Còn ông Lê Duẩn thì đã từng tuyên bố, như ông Thành vừa nhắc lại, cuộc chiến là để phục vụ nước ngoài. Thế thì đâu có gì là chính nghĩa giải phóng dân tộc ?

Khi nói về cuộc chiến này chúng ta cũng cần nhấn mạnh một điều, đó là nội chiến nằm ngay trong chính nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chính Lênin đã nói rằng nội chiến và đấu tranh giai cấp chỉ là một, nội chiến chỉ là sự tăng cường và tiếp nối của đấu tranh giai cấp, đấu tranh giai cấp chắc chắn phải đưa đến nội chiến.

Còn một lý do nữa khiến những người cộng sản chủ trương nội chiến. Đó là nội chiến gây tác hại ghê gớm cho mọi dân tộc. Nó không chỉ gây ra những tổn thất về vật chất, về sinh mạng mà nó còn phá hủy tinh thần dân tộc. Khi người ta giết nhau là người ta

không còn coi nhau là đồng bào nữa. Nội chiến có tác dụng phá hủy các quốc gia và việc xóa bỏ các quốc gia nằm trong nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta phải nhấn mạnh rằng không tội nào nặng hơn là tội gây ra nội chiến. Các quốc gia đều rất khó gượng dậy sau một cuộc nội chiến.

Bây giờ nếu bàn về khía cạnh chính trị và lịch sử của cuộc nội chiến này thì chúng ta cũng phải dứt khoát vứt bỏ chiêu bài giải phóng của cộng sản. Bởi vì cả hai giai đoạn của cuộc nội chiến này đều là những cuộc chiến tranh không cần thiết, chỉ nhằm thiết lập chế độ cộng sản mà thôi. Nếu chỉ có nhu cầu và nguyện vọng giải phóng dân tộc và giành lại độc lập thì cuộc chiến đó không cần có.

Chúng ta nên biết là sau Thế chiến II khi nhân quyền -tức là sự bình quyền giữa những con người thuộc mọi chủng tộc- đã trở thành một mẫu số chung trong bang giao quốc tế thì sự phân biệt chủng tộc không còn được đặt ra nữa. Bởi thế cho nên các nước Pháp, Anh và nói chung các đế quốc thực dân phải tìm cách tháo chạy nhanh chóng khỏi các thuộc địa nếu không muốn bị chiếm đóng ngược lại. Hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra vào giờ này nếu Việt Nam và Pháp vẫn là một ? Nếu như thế thì trong các cuộc bầu cử tự do 100 triệu người Việt Nam sẽ có tiếng nói áp đảo so với 65 triệu người Pháp và như thế chính nước Pháp bị chiếm đóng chứ không phải Việt Nam ! Dĩ nhiên người Pháp phải trả độc lập cho Việt Nam, họ phải tìm cách rút khỏi Việt Nam vì chính an ninh của họ. Điều đó không có nghĩa là tất cả đều tốt đẹp, chúng ta vẫn phải cố gắng để việc chuyển giao chủ quyền diễn ra trong những điều kiện thuận lợi nhất cho Việt Nam. Thế nhưng mà chúng ta không cần có một cuộc chiến tranh.

Giai đoạn chống Mỹ lại càng lố bịch. Tôi xin nhắc lại là ngày 30/4 cũng là một ngày lịch sử rất lớn đối với nước Philippines ở gần chúng ta. Ngày 30/4/1898 quân đội Mỹ đã tiêu diệt toàn bộ quân đội Tây Ban Nha tại Philippines nhưng ngay sau đó Mỹ lại trả độc lập cho Philippines, bởi vì Mỹ là một cường quốc thương mại chứ không phải là một cường quốc thực dân, họ tìm đối tác chứ không tìm thuộc địa. Nói chung đây là một cuộc chiến do Đảng Cộng sản Việt Nam phát động để áp đặt chủ nghĩa Mác-Lênin lên toàn cõi Việt Nam và mở rộng thế lực của phong trào cộng sản thế giới, như lời ông Lê Duẩn mà ông vừa nhắc lại.

TQT : Cuộc chiến đã kết thúc hơn 40 năm, gần một nửa thế kỷ qua bên thắng cuộc, nghĩa là phe cộng sản, tự hào rằng họ đã đánh bại hai đế quốc to và thống nhất non sông Nam Bắc về một dải. Bên những người bị thôn tính là Việt Nam Cộng Hòa cũng đưa ra nhiều lý lẽ để cho rằng đây chỉ là một cuộc xâm lăng đối với một đất nước có chủ quyền. Ông đánh giá sao về việc Đảng cộng sản cho rằng họ có chính nghĩa ?

NGK : Như tôi vừa nói không có cuộc nội chiến nào là có chính nghĩa cả. Không có bất cứ lý do gì có thể biện minh cho sự kiện đẩy người dân cùng một nước vào cảnh chém

giết lẫn nhau. Không nên đặt vấn đề chính nghĩa ở đây.

Như tôi đã nói mục tiêu của Đảng cộng sản là áp đặt chủ nghĩa cộng sản trên cả nước và mở rộng thêm thế lực của phong trào cộng sản. Những người lãnh đạo cộng sản đã lý luận như là những người cộng sản chứ không phải như là những người Việt Nam. Nếu quyền lợi của đất nước Việt Nam được coi là trên hết thì đã không có cuộc chiến này. Cho nên chúng ta cũng không cần phải mất thì giờ để bàn cãi thêm nữa. Ngày nay tất cả người Việt đều đã thấy cuộc chiến này là một cuộc nội chiến tai hại, và là một cuộc nội chiến mà Đảng cộng sản phải chịu trách nhiệm. Chúng ta không có nhu cầu phải bàn cãi thêm nữa.

TQT : Cuộc chiến đã kết thúc với biến cố 30/4/1975 và cộng sản là người đã gây nên cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn đó. Nhìn lại 41 năm qua ông thấy Việt Nam ta dưới sự cai trị độc tài của cộng sản đã được gì, mất gì. Ông bình luận gì sau biến cố đó ?

NGK : Nếu nói về những cái được thì chúng ta phải nói đây là ngày mà nội chiến chấm dứt, người Việt Nam không còn chém giết nhau nữa. Điều này rất quan trọng. Và đất nước đã thống nhất. Dù đã không thống nhất trong những điều kiện chúng ta mong muốn, trái lại đã thống nhất trong những điều kiện tang tóc, nhưng dù sao đất nước đã thống nhất. Đó là điều chúng ta có thể ghi nhận là tích cực.

Nhưng theo tôi yếu tố tích cực nhất là điều không ai chờ đợi, không ai dự đoán. Đó là sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại, những người đã chạy trốn chế độ cộng sản đi tìm tự do ở các nước khác. Hiện nay chúng ta, với sự sinh sản nhanh chóng của người Việt, đã có được hơn năm triệu người, phần lớn định cư ở các nước tiến tiến. Nhờ đó đã có những người Việt Nam thử nghiệm mọi nếp sống, mọi văn hóa, và mọi thể chế chính trị. Đã có những người Việt Nam làm việc ở mức độ cao trong tất cả mọi địa hạt văn hóa, chính trị, luật pháp, khoa học, kỹ thuật. Khối người Việt đó trong tương lai sẽ là những đầu cầu văn hóa, thương mại, khoa học, kỹ thuật rất quý báu cho đất nước, cho cố gắng phát triển của Việt Nam. Nhưng trước hết nó là con mắt của người Việt để nhìn thế giới. Một trong những nguyên nhân sâu xa khiến chúng ta rơi vào thảm kịch 30/4/1975 và kéo dài cho tới ngày hôm nay là vì chúng ta đã không hiểu biết về thế giới. Hiện nay với cộng đồng người Việt hải ngoại này chúng ta vọng có một con mắt để quan sát những gì xảy ra trên thế giới. Tôi nghĩ đó là một bảo đảm để chúng ta không bao giờ rơi trở lại vào cái bẫy của cố chấp và thiển cận nữa. Chúng ta sẽ trở thành một dân tộc bình thường. Chúng ta cũng có điều kiện để trở thành một dân tộc lớn. Cộng đồng người Việt hải ngoại cũng đã chứng tỏ khả năng của người Việt. Trong một thời gian rất ngắn người Việt đã hội nhập và nói chung ở các nước tiên tiến đã đạt được mức sống trung bình và có khi hơn cả mức trung bình. Điều đó chứng tỏ khả năng của người Việt Nam và cho chúng ta một lý do để hy vọng.

Thế nhưng cái mất mát cũng rất nhiều, nhiều hơn những cái chúng ta đã được. Cách mà cuộc chiến đã chấm dứt đã mở đầu cho một giai đoạn lịch sử đen tối. Đảng Cộng sản Việt Nam sau chiến thắng thay vì thực hiện hòa giải dân tộc họ đã thực hiện một chính sách chiếm đóng, cướp bóc, bỏ tù và hạ nhục tập thể đối với miền Nam và gây ra thù oán, khiến cho miền Nam sụp đổ hoàn toàn và khiến hận thù không bớt đi, không tiêu tan mà còn tích lũy nhiều hơn nữa.

Tôi xin kể hai trường hợp cụ thể :

Trường hợp thứ nhất là một người anh rể tôi. Anh là một kỹ sư, tổng giám đốc một công ty. Sau 30/4 công ty đó bị cái mà người ta gọi là "tiếp thu" tức là bị tịch thu. Công ty đó chẳng có gì là quân sự cả, chỉ là một công ty xây cất thôi. Công ty đó còn nợ một ngân hàng một triệu đồng và người ta bắt anh phải thanh toán với tư cách giám đốc công ty mặc dầu công ty ấy đã bị tịch thu rồi. Mặt khác anh ấy còn một tài khoản tiết kiệm gần mười triệu đồng ở trong công ty đó thì người ta nói là để giải quyết sau nhưng không bao giờ giải quyết cả. Thật phi lý, phải nói là một sự cướp bóc trắng trợn.

Trường hợp thứ hai là của một người mà tôi đặc biệt thân phục. Phải nói tôi chưa bao giờ thân phục ai hơn cụ Vũ Đình Mai. Cụ là một thanh niên nghèo ở miền Bắc một mình đi vào Nam năm 1940 ở tuổi 16 để chạy trốn sự nghèo khổ. Cụ đã phấn đấu, đã làm việc và học hỏi thêm. Năm 1975 cụ đang là chủ một công ty sản xuất đồ điện với trên 200 công nhân. Đó là một thành công hoàn toàn do mồ hôi, nước mắt, cố gắng và trí thông minh. Cụ Mai là một người mà dân tộc Việt Nam phải tự hào. Thế nhưng sau 30/4/1975 họ đã "tiếp thu" công ty của cụ Vũ Đình Mai và sau vài tháng công ty đó sụp đổ vì họ không biết quản trị, không biết phải làm gì. Sau này khi tôi gặp lại cụ Mai, cụ vẫn không hiểu cái gì đã xảy ra. Cụ là người rất thông minh và một thiên tài về kinh doanh, một người rất lương thiện nhưng cụ không thể hiểu nổi. Cụ cứ hỏi tôi "ông thử giải thích cho tôi xem cái gì đã xảy ra". Thật đau lòng.

Sau này cụ Mai đã vượt biên và qua được Canada. Năm nay cụ cao tuổi lắm rồi, đã 92 tuổi. Nhưng tôi hy vọng cụ vẫn còn nghe được buổi nói chuyện này để một lần nữa tôi bày tỏ sự kính trọng đối với cụ.

Ngày hôm nay tôi có một điều muốn nhấn mạnh đó là chính sách tập trung cải tạo của đảng cộng sản sau ngày 30/4/1975. Như chúng ta đã biết tất cả thanh niên miền Nam có trình độ đại học đều bị động viên trong thời gian vài năm. Họ trở thành sĩ quan và sau đó họ giải ngũ trở về đời sống dân sự nhưng mang qui chế lý thuyết là "sĩ quan biệt phái". Sau ngày 30/4/1975 tất cả đã bị bắt đưa vào những trại tập trung. Thí dụ như ông anh ruột tôi, sau khi tốt nghiệp đại học đã bị đi quân dịch trong vòng ba năm và giải ngũ với cấp bậc trung úy rồi trở về làm giảng viên trường Đại học Khoa học Sài Gòn. Thế nhưng sau ngày 30/4/1975 anh tôi vẫn bị bắt đi tập trung cải tạo trong vòng 5

năm. Có nhiều người nói rằng Đảng cộng sản ngây thơ không biết những người đó là dân sự, họ đã giải ngũ rồi và không còn liên quan gì đến quân đội cả.

Tôi muốn nói chắc chắn là cộng sản biết rất rõ những người đó là dân sự không có liên quan gì đến quân đội cả. Họ không có làm lẩn đâu bởi vì họ đã cài cắm một lớp điệp viên, một lớp cán bộ nằm vùng trong tất cả các cơ quan của Việt Nam Cộng Hòa. Ngay cả một phụ tá của ông Nguyễn Văn Thiệu sau này cũng được phát giác là một cán bộ nằm vùng. Ông tướng Nguyễn Hữu Hạnh mà tôi có gặp sau khi ở tù ra năm 1980 là phó tổng tham mưu trưởng quân đội Việt Nam Cộng Hòa trong những ngày cuối cùng. Ông ấy cũng là một trong những cán bộ nằm vùng của cộng sản.

Người cộng sản biết rất rõ rằng những người gọi là "sĩ quan biệt phái" không có liên quan gì đến quân đội cả. Nhưng họ vẫn tập trung cải tạo những người đó. Chúng ta phải hiểu cho rõ : đó là vì họ muốn đánh gục khả năng và ý chí của thành phần tinh nhuệ nhất của miền Nam. Bởi vì sau ngày 30/4/1975 sự thực rõ ràng là khả năng, trình độ văn hóa và kiến thức của miền Nam hơn hẳn miền Bắc, cho nên họ thấy cần phải đánh gục miền Nam, đánh gục những thành phần tinh nhuệ của miền Nam bằng chính sách đầy đọa, hạ nhục trong một thời gian dài.

Trong một bài viết cách đây 17 năm, năm 1999 - bài "Vết thương ngày 30/4" - tôi có nói đây là đổ vỡ lớn nhất, vết thương lớn nhất của đất nước Việt Nam và đây là một hành động có chủ ý của Đảng cộng sản. Chúng ta phải nói đảng cộng sản hoàn toàn không có quan tâm nào tới quyền lợi của đất nước cả, họ chỉ quan tâm bảo vệ quyền lực của đảng cộng sản, họ chỉ quan tâm đến thắng lợi của phong trào cộng sản. Tôi xin nhắc lại một lần nữa rằng những người lãnh đạo cộng sản đã hành động như những người cộng sản chứ không phải như những công dân Việt Nam.

TQT : Ông vừa đề cập đến những tội ác của cộng sản đối với những người dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Những điều đó là rõ ràng và khẳng định. Không chỉ thế những người dân miền Bắc, những người đã sống nhiều năm dưới chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do cộng sản cai trị cũng ngày càng bừng tỉnh thấy rằng chế độ cộng sản là một chế độ độc tài toàn trị mang lại tội ác đau thương cho cả dân tộc Việt Nam. Từ Nam chí Bắc đều chung quốc hận là cộng sản. Vậy tại sao Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên lại đề ra chủ trương bao dung hòa hợp, hòa giải và người ta nói đường hướng đó sẽ thất bại, tại sao ông vẫn kiên trì ?

NGK : Tôi phải nói dứt khoát như thế này : Hòa giải là một bắt buộc đối với các dân tộc sau một cuộc nội chiến. Chúng ta đã thấy tại Hoa Kỳ sau một cuộc nội chiến chỉ kéo dài bốn năm cách đây một thế kỷ rưỡi chính quyền Mỹ đã làm tất cả để hòa giải hai miền Nam – Bắc. Tại Tây Ban Nha sau cuộc nội chiến cũng chỉ kéo dài có mấy năm thôi mà chính quyền hiện nay cũng vẫn còn phải cố gắng hết sức để hòa giải dân tộc. Bởi vì

hòa giải là bắt buộc nếu chúng ta muốn động viên mọi khối óc và mọi bàn tay trong một cố gắng chung.

Tôi đã đi khá nhiều nước để tìm câu trả lời cho một câu hỏi : "Tại sao theo các nhà khoa học mọi giống người sinh ra trên thế giới này đều tương đương với nhau về khả năng vậy mà có những quốc gia tiến bộ và phồn vinh trong khi đó các nước khác tụt hậu và nghèo khổ" ?

Câu trả lời mà tôi tìm được cũng chỉ xác nhận kết quả của những nghiên cứu chính trị mà thôi. Đó là một quốc gia chỉ tiến lên được nếu có hòa hợp dân tộc, nếu những người trong cùng một nước chấp nhận lẫn nhau và cùng cố gắng xây dựng và chia sẻ một tương lai chung. Hòa hợp dân tộc là một yếu tố không có không được để một quốc gia có thể phát triển được. Thế nhưng làm thế nào để có hòa hợp ? Đối với các dân tộc đã trải qua nội chiến như Việt Nam thì trước đó phải có hòa giải dân tộc.

Ngày hôm nay chúng ta lại có một vấn đề khác. Chúng ta đang sống trong một thế giới toàn cầu hóa. Phong trào toàn cầu hóa này đe dọa tất cả các quốc gia, nó chất vấn từ nền tảng khái niệm quốc gia, nó đặt câu hỏi "các quốc gia có cần cho con người hay không ?" bởi vì phải nói rằng ngày nay con người là giá trị cao nhất, tất cả những gì không đạt được mục tiêu phục vụ con người đều không có lý do để tồn tại. Hiện nay chính đất nước Việt Nam đang bị chất vấn. Không chỉ riêng Việt Nam mà tất cả các quốc gia không thành công - nghĩa là không đem lại tự do, phồn vinh và tự hào cho người dân - sẽ không có lý do tồn tại và sớm muộn gì cuối cùng sẽ tan vỡ mà thôi. Vậy thì hòa giải và hòa hợp dân tộc là điều kiện phải có để đất nước Việt Nam còn tồn tại. Hòa giải dân tộc để có thể hòa hợp dân tộc. Hòa hợp dân tộc để có thể tồn tại được. Cho nên yêu cầu hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là một yêu cầu giữ nước.

Một lý do nữa là hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là điều kiện để đánh bại được chế độ cộng sản, buộc chế độ cộng sản nhượng bộ và chấp nhận tiến trình dân chủ. Vì sao ? Chúng ta đừng quên là các chế độ độc tài hung bạo không cần người dân yêu chúng, chúng chỉ cần người dân đừng thương yêu nhau để cho chúng dễ thống trị một xã hội bất lực vì chia rẽ. Cho nên hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng là một điều kiện phải có để giành thắng lợi cho dân chủ.

Nói chung hòa giải, hòa hợp dân tộc là một điều kiện bắt buộc trong hoàn cảnh Việt Nam. Vấn đề là nhiều người nói là người cộng sản không muốn hòa giải. Điều đó đúng. Nhưng chúng ta đâu có bắt buộc phải chỉ làm những gì người cộng sản muốn đâu. Chúng ta làm rất nhiều điều mà đảng cộng sản không muốn. Nói chung phần lớn những điều chúng ta làm là những điều Đảng cộng sản không muốn. Hòa giải và hòa hợp dân tộc là một bắt buộc cho tương lai đất nước. Nếu Đảng cộng sản không muốn hòa giải như nhiều người nghĩ thì họ sẽ bị đào thải. Vấn đề chỉ giản dị như vậy thôi.

TQT : Kinh nghiệm trong cuộc sống cho thấy là người cộng sản luôn trá trở trong vấn đề gọi là hòa hợp, hòa giải. Năm 1945 khi giành được chính quyền họ đã bày ra trò hòa hợp, hòa giải. Năm 1975 họ cũng đã từng đưa ra cái bánh vẽ hòa hợp, hòa giải. Những người mắc lừa họ đã phải trả bằng xương máu cả cuộc đời. Ông đã từng chứng kiến như vậy, nhưng tại sao ông vẫn giữ ý nghĩ có thể hòa hợp, hòa giải với cộng sản ?

NGK : Sự gian trá, sự phản trắc nằm ngay trong bản chất của chế độ cộng sản. Tôi không cần ai dạy tôi điều đó cả. Ông Thành đã từng sống dưới chế độ cộng sản. Vào ngày 30/4/1975 hai vị trí của ông và tôi rất khác nhau. Ông thuộc phe chiến thắng, tôi thuộc phe chiến bại. Tôi không biết ngày hôm đó ông Thành có hân hoan hay không nhưng ngày hôm đó là tủi nhục đối với tôi. Chúng ta khác biệt nhau lắm. Thế mà hôm nay chúng ta vẫn có thể nói chuyện với nhau thân mật như thế này. Điều đó chứng tỏ thời gian đã làm nhiệm vụ của nó và hòa giải dân tộc giữa những người biết điều và yêu nước là lẽ tự nhiên.

Nhưng trở lại vấn đề day dứt là nhiều người sợ là Đảng cộng sản vẫn cứ trá trở. Chúng ta phải biết sự trá trở đó nằm trong bản chất của chế độ cộng sản. Ông Thành lớn lên trong chế độ cộng sản chắc phải biết Lenin định nghĩa đạo đức là như thế nào chứ gì ? Lenin định nghĩa đạo đức là những gì có lợi cho đảng cộng sản. Nghĩa là nếu sự phản trắc, lật lọng, giết người mà có lợi cho đảng cộng sản thì họ vẫn làm. Như vậy không có ai làm, không có ai ngại thơ cả. Vấn đề là đảng cộng sản có khả năng để mà lật lọng hay không. Chúng ta đều nghĩ rằng sự lật lọng của Đảng cộng sản là có thật, nhưng cái lỗi của những người chống cộng - nghĩa là chế độ Việt Nam Cộng Hòa và những người dân chủ nói chung - là chúng ta quá yếu nên chúng ta đã để cho đảng cộng sản có thể lật lọng. Tôi nghĩ nếu chúng ta mạnh hơn họ thì Đảng cộng sản sẽ không mong gì hơn là tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc được thực hiện một cách thành thực. Thí dụ như tại sao họ không lật lọng tại Ba Lan như họ đã từng lật lọng ? Tại sao ở Hungary trước đây họ đã từng lật lọng nhưng bây giờ lại không lật lọng ? Tại Romania ngày trước họ gian xảo bao nhiêu bây giờ họ ngoan ngoãn bấy nhiêu ? Đó là vì họ ở trong thế yếu. Chúng ta bị phản bội vì chúng ta yếu.

Trách nhiệm ở đâu ? Nếu chúng ta nhìn lại thì sau Thế Chiến II có hai quốc gia ở châu Á - Cao Ly và Việt Nam - có một nền văn hóa giống nhau, có mức độ phát triển tương đương với nhau và cùng bị chia cắt bởi cùng một làn ranh ý thức hệ. Trong cả hai nước chế độ cộng sản miền Bắc đã gây chiến để thôn tính nền dân chủ non trẻ ở phía Nam. Trong cả hai trường hợp Hoa Kỳ và thế giới đã can thiệp rất mạnh mẽ để ủng hộ miền Nam. Thế nhưng kết quả đã rất khác, hai cuộc chiến đã kết thúc rất khác ở Cao Ly và ở Việt Nam, và Hàn Quốc đã có tương lai khác hẳn với Việt Nam. Vì sao ? Bởi vì trí thức Việt Nam không bằng trí thức Đại Hàn, trí thức Việt Nam thua xa trí thức Đại Hàn. Như vậy thay vì lý luận quanh co là Đảng cộng sản lật lọng, điều ai cũng biết,

chúng ta nên nhìn vào cái lý do căn bản hơn là vì chúng ta yếu cho nên Đảng cộng sản mới có khả năng và dám phản bội.

Đây là dịp để nhìn lại lý do tại sao chúng ta yếu. Đó là vì trí thức Việt Nam ảnh hưởng của văn hóa Khổng giáo quá nặng nề nên không có kiến thức chính trị. Chế độ Khổng giáo xét cho cùng cũng tương tự như chế độ cộng sản, nó cũng bất dung và toàn trị như chế độ cộng sản thôi. Trí thức Việt Nam lớn lên theo văn hóa làm quan. Người trí thức Việt Nam có thể có bằng cấp cao, có kiến thức chuyên môn cao nhưng về chính trị cũng gần như những người vô học, cũng không khác gì người dân. Trí thức Việt Nam quan niệm chính trị như một trò chơi để tranh giành công danh chứ không phải là một trách nhiệm đối với xã hội. Đó mới là nguyên nhân đưa đến sự yếu kém của sức đề kháng của nhân dân Việt Nam. Xét cho cùng thì Wilson Churchill đã có một câu nói đúng là dân tộc nào cũng xứng đáng với chế độ mà họ có. Dân tộc nào cũng cần có một đội ngũ trí thức chính trị để lãnh đạo họ. Nhưng Việt Nam đã thiếu tầng lớp trí thức chính trị đó. Trí thức Việt Nam do đó không làm được bốn phận của mọi trí thức là lãnh đạo dân tộc. Đó là nguyên nhân của thảm kịch dân tộc chứ không phải là vì đảng cộng sản gian trá, phản trắc, điều đó ai cũng biết không cần phải nhắc lại nữa.

Điều mà chúng ta phải nhắc lại nhiều lần là chúng ta phải có một sức bật mới ; phải có một cuộc cách mạng văn hóa để cho những người trí thức Việt Nam hiểu rằng chính trị không phải cứ tự nhiên là có thể làm được. Chính trị là một bộ môn rất khó, đòi hỏi những cố gắng học hỏi và trải nghiệm rất lớn. Nếu chúng ta ý thức được điều đó thì không có gì đáng lo sợ cả. Tôi nghĩ rằng ngày nay chúng ta có hy vọng. Chúng ta cần tổ chức lại thành một đội ngũ những người trí thức hiểu biết những vấn đề của đất nước ; hiểu thế nào là một quốc gia, một dân tộc ; làm thế nào đưa đất nước đi lên ; những yếu tố nào khiến một quốc gia suy vong hoặc hưng thịnh ; chúng ta đang sống trong bối cảnh thế giới nào, đang đứng trước những thử thách nào và đang có những hy vọng nào v.v. Nếu có một tầng lớp trí thức như thế – mà tôi thấy đang có – thì chúng ta không sợ sự lật lọng của đảng cộng sản. Họ không còn khả năng để lật lọng nữa.

Vấn đề là giữa người Việt Nam với nhau là trước hết chúng ta phải hòa giải với nhau, phải nhận ra những khuyết điểm của mình, chúng ta phải tha thứ cho nhau, nhận nhau là anh em trong một cố gắng chung để xây dựng một tương lai chung. Điều đó mới là điều căn bản.

TQT : Sau một giai đoạn chiến tranh khốc liệt 1945 – 1975, những người cộng sản họ tự hào rằng họ đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ để đưa non sông về một dải. Họ cũng tự hào là đánh cho cả Liên Xô và Trung Quốc, cho Quốc tế cộng sản.

Còn những người Việt Nam yêu nước, những người đã từng sống dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa bị cộng sản xâm chiếm, tước đi quyền tự do họ đang có, và hiện nay

kể cả những người ở miền Bắc đã từng sống dưới chế độ cộng sản cũng thấy mình là nạn nhân của chế độ cộng sản, thì nghĩ đến ngày quốc hận.

Còn ông Nguyễn Gia Kiểng nghĩ sao, nên đặt tên cho ngày 30/4/1975 là ngày gì ?

NGK : Đây chắc chắn không phải là ngày chiến thắng như Đảng cộng sản đã rêu rao đâu. Phải tìm tối như ông Nguyễn Tấn Dũng trong ngày 30/4 năm ngoái mới có thể huênh hoang mà nói đó là ngày đại thắng, ngày "đánh cho Mỹ cút - đánh cho ngụy nhào" ?! Tôi nghĩ ngày nay đa số đảng viên cộng sản cũng không còn coi ngày 30/4 như một ngày chiến thắng để mà khoe khoang nữa đâu. Cùng lắm nó đã là một ngày chiến thắng cho Đảng cộng sản, nhưng đối với dân tộc Việt Nam nó đã là một ngày khởi đầu cho một giai đoạn đen tối, đầy những mất mát và đổ vỡ. Đối với dân tộc Việt Nam, đối với đất nước Việt Nam đó là một ngày buồn.

Nó có phải là một ngày thống nhất như họ nói hay không ? Theo nghĩa đen thì nó đúng là một ngày thống nhất. Nhưng tôi không nghĩ là ngày 30/4 xứng đáng với tên gọi này vì mới chỉ có thống nhất về mặt địa lý và hành chính thôi chứ không có thống nhất trong lòng người, trong ý chí xây dựng một tương lai chung.

Nhiều người, và nhất là ở hải ngoại, nói đó là một ngày quốc hận. Tôi nghĩ không nên gọi 30/4 là ngày quốc hận. Đúng là chúng ta có rất nhiều điều để ân hận. Chúng ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội và đã để đất nước rơi vào thảm kịch. Nhưng trong tiếng Việt chữ "hận" cũng có nghĩa là hận thù, mà hận thù là điều chúng ta phải xóa bỏ một cách dứt khoát và vĩnh viễn nếu muốn quốc gia Việt Nam còn có thể tồn tại và vươn lên

Dẫu sao thì ngày 30/4/1975 cũng vẫn là ngày của một biến cố lịch sử rất lớn. Theo tôi nên coi đó là một ngày để cả nước suy nghĩ về đất nước mình và để rút ra những bài học cho tương lai.

Tôi hình dung ngày 30/4 sau này là một ngày nghỉ. Cả nước sẽ cùng hồi tưởng lại cuộc nội chiến. Sẽ có những cuộc hội thảo tại các trường đại học. Tại đảo Côn Sơn sẽ có một ngày lễ lớn dưới chân một tượng lớn của bà mẹ Việt Nam nhìn ra biển cả để tưởng nhớ những đứa con đã bỏ mình trên biển cả trong lúc đi tìm tự do. Trên khắp mọi miền đất nước người ta sẽ thắp hương, đặt hoa trên mộ các nạn nhân thuộc cả hai phía trong cuộc chiến này. Ở ngoài phố người ta chào hỏi nhau, bắt tay nhau trong tình anh em và bạn bè để biểu lộ một ý chí chung là xây dựng một đất nước Việt Nam có chỗ đứng, có tiếng nói và có niềm tự hào cho tất cả mọi người.

Theo tôi nên gọi ngày 30/4 là ngày hòa giải và hòa hợp dân tộc.

TQT : Xin cảm ơn ông Nguyễn Gia Kiểng

30/4/1975, ngày quốc hận ? Ai thắng, ai bại, vì sao ?

Lời giới thiệu : 42 năm đã qua kể từ ngày 30/4/1975. Năm nay chính quyền cộng sản Việt Nam có vẻ không còn chuẩn bị để kỷ niệm tung bừng "chiến thắng lịch sử 30/4/1975" như mọi năm nữa. Họ đang lúng túng đối phó với những khó khăn chồng chất, hơn nữa cái hào quang chiến thắng mà Đảng cộng sản Việt Nam thường khoe khoang trong mỗi dịp kỷ niệm ngày 30/4 cũng đã trở thành quá nhàm chán khi mà sự lệ thuộc Trung Quốc đã quá lộ liễu và hơn thế nữa còn đang gây phần nộ sau thảm họa Formosa.

Sự lúng túng này sẽ đưa đảng và chế độ cộng sản tới đâu ? Sau 42 năm cầm quyền Đảng cộng sản đã phơi bày rõ ràng bản chất đạo tặc và tham nhũng, nhưng tại sao họ đã toàn thắng vào ngày 30/4/1975 và vẫn còn giữ được chính quyền ?

Kỷ niệm 42 năm biến cố 30/4/1975, từ Paris ông Nguyễn Gia Kiểng, thường trực ban lãnh đạo Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, cựu thứ trưởng kinh tế và một nhân chứng của biến cố 30/4/1975 và cũng là người đã viết nhiều bài gây chú ý về biến cố lịch sử này đã có cuộc trò chuyện với nhà báo Trần Quang Thành.

Nội dung như sau - Mời quý vị cùng theo dõi.

Ông Nguyễn Gia Kiểng trả lời phỏng vấn của nhà báo Trần Quang Thành

Trần Quang Thành : Xin chào ông Nguyễn Gia Kiểng !

Nguyễn Gia Kiểng : Xin chào ông Trần Quang Thành !

TQT : Thưa ông Nguyễn Gia Kiểng, biến cố 30/4/1975 diễn ra đã tròn 42 năm. Gần nửa thế kỷ nhìn lại, ngày đó ông đang ở đâu và ký ức gì vẫn còn sâu đậm trong trí nhớ của ông đến ngày hôm nay ?

NGK : Vào ngày 30/4/1975 tôi đang ở Sài Gòn. Trước đó tôi đã có nhiều cơ hội để ra khỏi Việt Nam. Nhưng vì nhiều lý do vẫn phải ở lại không thể đi được. Một trong những lý do quan trọng là trước đó vài ngày miền Nam đã có thay đổi chính phủ và ông Phan Bá Cầm được chỉ định làm bộ trưởng kinh tế. Chúng tôi phải đợi ông Phan Bá Cầm đến để bàn giao thì mới hết trách nhiệm. Nhưng ông Phan Bá Cầm không bao giờ đến cả. Đêm 29/4 tôi và một số bạn có đến một điểm hẹn với một chuyên gia kinh tế của

Mỹ. Ông này cho biết có phương tiện đưa chúng tôi ra khỏi Việt Nam. Chúng tôi chờ đến tận nửa đêm vẫn không thấy ông ấy nên phải ra về. Sau này chúng tôi được biết là ông ấy bị sứ quán Mỹ bắt di tản khẩn cấp. Lúc đó Sài Gòn đã hoàn toàn hỗn loạn. Sáng 30/4 theo sự chỉ dẫn của một người thân tôi ra bến tàu định lên tàu Đại Hải để ra đi. Đến bến tàu thấy không khí hết sức hỗn loạn và nhốn nhào không thể nào lên tàu được. Trong khi đang hoang mang không biết phải làm gì thì nghe trên đài phát thanh có tuyên bố của ông đại tướng Dương Văn Minh vừa lên làm tổng thống mời quân cộng sản vào để bàn giao quyền hành. Chúng tôi đi về và trên đường đã thấy cảnh hôi của. Về đến nhà chưa được bao lâu thì nghe lời tuyên bố đầu hàng không điều kiện của ông Dương Văn Minh. Thế rồi tiếng xe tăng của quân đội cộng sản từ khắp các nẻo đường tiến vào trung tâm Sài Gòn cùng với những tiếng súng và tiếng reo mừng chiến thắng. Bất lực, bối rối, tuyệt vọng là những từ không đủ để mô tả tâm trạng của những người như chúng tôi lúc đó. Sáng hôm sau chúng tôi đến tiệm cà phê Givral ở góc đường Lê Lợi - Tự Do nay là Đồng Khởi để gặp các bạn chuyên viên cùng ở Pháp về. Trước đó chúng tôi có hẹn nhau khi cộng sản vào thì những người nào còn kẹt lại đến đó gặp nhau. Phải nói là tâm trạng chúng tôi lúc đó rất tuyệt vọng. Ngày hôm sau một người bạn của tôi là anh Nguyễn Trọng Huân, cựu chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, tự tử. Như thế đủ hiểu tâm trạng chúng tôi tuyệt vọng đến mức nào.

Chiều 1/5 tôi vào bệnh viện Grall. Tại đó chúng tôi gặp rất nhiều viên chức thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa trong đó có cả ông cựu bộ trưởng Trần Chánh Thành và ông cựu thủ tướng Phan Huy Quát. Tất cả những anh em đó họ vào bệnh viện Grall vì họ tin rằng bệnh viện Grall là một bệnh viện của Pháp nên có thể được coi như là lãnh thổ của Pháp vì thế họ có thể an toàn và sau đó có thể được chính quyền Pháp di tản. Thế nhưng điều này không đúng. Do một sự tình cờ tôi có quen với ông thiếu tướng quân y giám đốc bệnh viện Grall là ông bác sĩ Rainbault. Qua ông này tôi biết bệnh viện Grall đã được chuyển giao cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa trước đó khá lâu rồi nên lúc đó nó là một bệnh viện Việt Nam, các bác sĩ người Pháp ở lại trong bệnh viện đó là do một thỏa hiệp giữa hai chính phủ mà thôi. Các bạn tôi rất thất vọng khi nghe tôi nói như vậy. Ngày hôm sau ông Trần Chánh Thành tự tử. Cựu Phan Huy Quát, cựu thủ tướng, bị bắt đi học tập cải tạo và sau này cụ chết trong tù.

Phải nói những kỷ niệm về ngày 30/4 nhiều lắm. Tất cả đều không thể mô tả bằng ngôn ngữ bình thường. Có thể nói đó là những kỷ niệm "sống để bụng, chết mang theo".

TQT : Vâng, sống để bụng chết mang theo là những kỷ niệm mà ông Nguyễn Gia Kiểng vẫn còn nhớ được tại Pháp. Những gì đã xảy ra sau ngày 30/4 trên đất nước mình ?

NGK : Xin nói thêm là vào những ngày kế tiếp tôi có tới gặp ông Nguyễn Văn Diệp là bộ trưởng kinh tế cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa. Tôi là phụ tá của ông ấy. Thực ra

ông Nguyễn Văn Diệp không phải là một bộ trưởng kinh tế bình thường. Trước đó ông Diệp là một đảng viên cộng sản và là một thành viên của Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Ông ấy bị bắt, bị tù và sau đó ra làm ngân hàng. Ông ấy được bổ nhiệm làm bộ trưởng thực ra chỉ để làm bình phong thôi. Vai trò thực sự của ông là giúp chính quyền Nguyễn Văn Thiệu tìm cách liên lạc với bên cộng sản và tìm một hình thức thỏa hiệp nào đó, vì lúc đó rõ ràng là Hoa Kỳ đã quyết định bỏ rơi Việt Nam và rút đi rồi. Ông Nguyễn Văn Diệp không phải là một cán bộ nằm vùng như ông Vũ Ngọc Nhạ, ông Phạm Ngọc Thảo hay ông Phạm Xuân Ẩn. Khi đến gặp ông Diệp tôi cũng được gặp nhiều cấp lãnh đạo cộng sản.

Hai tuần sau tôi được gặp ông La Văn Liếm, tức là ông La Văn Lâm, tên thường gọi là Tám Lâm. Ông này mời tôi đến văn phòng của ông ở ngân hàng Việt Nam Thương Tín. Ông La Văn Liếm là một nhân vật rất đặc biệt mà tôi chắc ông Thành cũng phải biết. Ông ấy là một huyền thoại. Trong thời gian Cách Mạng Tháng Tám, ông là trưởng ban ám sát của cộng sản ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Rất nhiều người quốc gia đã bị ông ấy hạ sát. Có người còn nói rằng vào thời điểm đó trẻ con nghe tên ông La Văn Liếm không dám khóc đêm. Cho nên khi tôi được ông ấy mời các bạn tôi rất lo âu. Họ nghĩ đó là một điềm không lành và có lẽ vì công an cộng sản đã khám phá ra tôi là một người lãnh đạo phong trào chống cộng ở hải ngoại khi tôi còn ở nước ngoài. Nhưng khi tôi đến thì câu chuyện khác hẳn. Tôi nhận ra bà vợ ông La Văn Liếm là một nhân viên ở bộ kinh tế. Bà rất tươi cười và nói với tôi rằng bà đã quan sát tôi và rất có cảm tình với tôi. Thực ra tôi chỉ đối xử với bà như đối với mọi nhân viên khác. Ông bà Liếm mời tôi ở lại ăn cơm. Họ nói rằng họ sẽ bảo đảm an ninh cho tôi và họ có đủ khả năng để bảo đảm hoàn toàn an ninh cho tôi, tôi sẽ không phải đi học tập gì cả. Qua câu chuyện tôi cũng được biết là sau khi ra tập kết ở Hà Nội ông đã chuyển ngành đi làm kinh tế và giờ ông là một trong những người vào để tiếp thu kinh tế miền Nam.

Qua ông Nguyễn Văn Diệp và ông La Văn Liếm tôi cũng được nói chuyện với nhiều cán bộ cộng sản khác. Và dĩ nhiên cũng được nghe rất nhiều bản diễn văn, tuyên bố, phát biểu dồn dập của các cấp lãnh đạo cộng sản.

Phải nói về mặt an ninh, tôi gần như được hai ông Nguyễn Văn Diệp và La Văn Liếm bảo đảm hoàn toàn. Thế nhưng điều làm tôi kinh hoàng là trình độ hiểu biết của đa số các cấp lãnh đạo cộng sản mà tôi tiếp xúc lúc đó. Họ không biết ngay cả những kiến thức rất sơ đẳng. Họ nói những điều không thể tưởng tượng được. Thí dụ như là về khoa học kỹ thuật Liên Xô vượt hẳn Mỹ, Việt Nam trong vòng mười năm nữa sẽ bắt kịp các nước tiên tiến. Và rất nhiều điều rất hoang đường khác. Đặc tính của những người dốt họ không biết mình dốt và nói những điều ngây ngô một cách đầy tự tin. Cảm tưởng của tôi lúc đó là cảm tưởng chua chát như nhìn thấy một đạo quân man rợ tràn ngập lên một nền văn minh.

Cuối tháng 5 thì được thông cáo các viên chức, công chức, quân nhân của chế độ Việt Nam Cộng Hòa phải ra trình diện để đi học tập cải tạo. Cũng qua ông Diệp, ông Liếm và qua các tiếp xúc, tôi hiểu rằng những người đi học tập cải tạo đó sẽ không phải chỉ đi trong vài ngày, vài tuần mà thời gian sẽ rất là dài. Tôi nói với hai ông Nguyễn Văn Diệp và La Văn Liếm rằng tôi rất cảm ơn họ nhưng không thể chấp nhận sự bảo vệ của họ được. Tôi nói với họ là tôi sẽ đi học tập cải tạo như bao nhiêu người khác hoặc là tôi sẽ trốn đi. Tôi không thể để bạn bè nhìn mình như một kẻ phản bội. Sau đó tôi trốn về miền Tây để dự định trốn ra nước ngoài nhưng bị bắt. Cũng nhờ hai ông Nguyễn Văn Diệp và La Văn Liếm tôi không bị đi cải tạo nhiều năm mà chỉ trong vòng ba năm rưỡi mà thôi.

TQT : Thừa ông Nguyễn Gia Kiểng. Ông vừa kể lại một vài nét về biến cố 30/4 mà ông đã chứng kiến. Ông cũng đã kể lại về những người cộng sản đầu tiên mà ông đã tiếp cận ngay những ngày đầu đó và đã để lại cho ông nỗi thất vọng.

Chúng tôi muốn hỏi ông một điều. Như ông vừa nói so với trình độ khoa học kỹ thuật, về nhiều nhận thức, kiến thức những người đó rất tầm thường. So về nhiều khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam Cộng Hòa lúc đó đang được coi là hòn ngọc của Viễn Đông, mạnh mẽ về nhiều mặt, tự do tư tưởng bắt đầu manh nha, lại được Mỹ giúp sức nữa. Một chế độ như vậy tại sao lại không đánh thắng được chế độ cộng sản què quặt, lạc hậu, để nó xâm chiếm được miền Nam thừa ông ?

NGK : Bây giờ bình tĩnh nghĩ lại thì lý do đầu tiên phải nói là Đảng cộng sản là một lực lượng khủng bố.

Muốn chống lại được một lực lượng khủng bố với những phương tiện cổ điển có lẽ phải có tương quan lực lượng 100 hay 1.000 chống lại 1. Trong nhiều năm qua chúng ta đã chứng kiến thế giới chật vật mà cũng không dẹp hẳn được lực lượng khủng bố Hồi giáo toàn nguyên chỉ có vào khoảng 10.000 người thôi. Cho nên chống khủng bố là một điều rất khó khăn. Hơn nữa phong trào cộng sản lúc đó lại được một bối cảnh thế giới rất thuận lợi. Tôi ở bên Pháp được chứng kiến tận mắt hàng ngày. Lúc đó khủng bố không bị coi là hành động hèn nhát và thô bỉ như bây giờ đâu, trái lại nó được xưng tụng như một hành động anh hùng. Che Guevara, Fidel Castro, Hồ Chí Minh được coi là những thần tượng trong các cuộc biểu tình xảy ra hàng ngày tại Mỹ và Âu Châu.

Cho nên muốn thắng được khủng bố phải dứt khoát tranh thủ được lòng dân. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa không làm được điều đó và cũng không ý thức được điều đó.

Và cũng không chỉ có thế. Chúng ta nên biết rằng khi một chính quyền phải đương đầu

với một cuộc chiến đấu sống còn thì lực lượng chỉ đạo phải là lực lượng chính trị và lực lượng này phải chỉ huy, phải điều khiển các lực lượng vũ trang. Tuy vậy phe chống cộng - Quốc Gia Việt Nam từ năm 1948 đến năm 1955, Việt Nam Cộng Hòa từ 1955 đến 1975 - hoàn toàn không có lực lượng chính trị đó. Họ chỉ là một bộ máy quân sự và hành chính, một bộ máy được tiếp liệu chủ yếu nhờ viện trợ của Hoa Kỳ. Cho nên khi Hoa Kỳ quyết định rút khỏi Việt Nam và cắt viện trợ thì chế độ bị kiệt quệ rất nhanh chóng. Lúc đó tôi ở trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa nên có thể làm chứng cho sự kiệt quệ toàn bộ này. Đó chính là lý do khiến chế độ Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ nhanh chóng sau khi bị Hoa Kỳ bỏ rơi một thời gian và cộng sản mở đợt tổng tấn công. Cần nhấn mạnh Việt Nam Cộng Hòa không có một lực lượng chính trị. Nó chỉ là một bộ máy hành chính và quân sự thôi. Nó giống như một bộ máy không có người điều khiển.

Chúng ta cũng không nên đổ lỗi cho Hoa Kỳ đã bỏ rơi Việt Nam. Điều đó không đúng. Sự thật là Hoa Kỳ đã can thiệp vào Việt Nam 15 năm. Trong suốt lịch sử của Hoa Kỳ chưa bao giờ họ kiên nhẫn trong một cuộc can thiệp vào nước ngoài như ở Việt Nam. Phải nói chế độ Việt Nam Cộng Hòa không tồn tại được vì không có sức sống chứ không phải vì bị Hoa Kỳ bỏ rơi.

TQT : Vâng, Việt Nam Cộng Hòa lúc đó không còn sức sống nên bị cộng sản thừa cơ xâm chiếm và lấy được miền Nam.

42 năm qua, người Việt sau khi di tản đã lấy ngày 30/4/1975 làm ngày quốc hận. Hàng năm cứ đến ngày 30/4, người Việt hải ngoại tụ nọn cộng sản đều tổ chức ngày quốc hận.

Nhưng tôi nghĩ hình như Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, mà ông Nguyễn Gia Kiểng là một trong những người lãnh đạo chủ chốt, lại xem ngày 30/4/1975 không phải là ngày quốc hận. Tại sao như vậy thưa ông ?

NGK : Quả thực anh em chúng tôi không gọi ngày 30/4 là một ngày quốc hận. Trước hết chữ "hận" thường đi đôi với hận thù, đó là điều chúng ta nên tránh. Nhưng lý do chính là "quốc hận" có nghĩa là một tai họa cho quốc gia đáng lẽ có thể tránh được nhưng đã xảy ra vì một lý do đáng tiếc nào đó. Điều này không đúng. Chiến thắng của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều không thể tránh được trong bối cảnh quốc tế và quốc gia vào lúc đó, nhất là bối cảnh quốc gia.

Ngày 30/4/1975 đã chính thức hóa một thất bại thê thảm nhưng không thể tránh được của toàn dân tộc Việt Nam. Không phải chỉ nhân dân miền Nam thất bại mà chính người miền Bắc cũng thất bại. Điều này tôi đã có thể nhận thấy ngay trước khi đi ở tù, chỉ sau một vài tuần tiếp xúc với những anh em từ miền Bắc tới tiếp thu, khi những cái

mặt nạ đã rớt xuống và người ta có thể nói thực nhau. Họ không vui, nhiều người còn rất buồn vì Việt Nam Cộng Hòa đã không đủ quyết tâm chiến đấu để đến nỗi thất bại.

Sau này khi đọc những hồi ký của những cán bộ lão thành mà tôi chắc ông Thành cũng có đọc, tôi cũng thấy là trong đa số họ đã hiểu bản chất độc hại của đảng cộng sản ngay từ đầu nhưng không thể chống lại và do đó không dám chống lại. Tôi cũng đã tiếp xúc với nhiều quân nhân miền Bắc. Tuyệt đại đa số các bộ đội cũng chỉ vào Nam chiến đấu vì bị bắt buộc.

Những người thực sự chiến thắng chỉ là một vài ngàn người, có khi chỉ vài trăm người, chung quanh hai ông Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Họ khống chế Đảng cộng sản và dùng Đảng cộng sản để khuất phục và khống chế dân tộc Việt Nam. Đó là một thảm kịch quốc gia mà chúng ta vẫn chưa thoát khỏi.

Nguyên nhân của thảm kịch đó là di sản văn hóa Khổng giáo, trong đó những người có học thức chỉ có mộng ước được phục vụ một chính quyền dù là bạo ngược chứ không nghĩ là mình có trách nhiệm lãnh đạo xã hội và phục vụ dân tộc.

Sau năm 1975 đã có hàng ngàn cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa, dân sự cũng như quân sự, ra được nước ngoài trong lứa tuổi cường tráng 30, 40, 50. Họ có đầy đủ phương tiện và kiến thức nhưng thử hỏi đã có bao nhiêu người tiếp tục tranh đấu cho những giá trị tự do dân chủ đã là lý do ra đời và tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng Hòa ? Chỉ một vài người thôi.

Điều này chứng tỏ chế độ Việt Nam Cộng Hòa không có ý chí và sức sống. Và nó không có ý chí và sức sống bởi vì nó chỉ là một guồng máy hành chính và quân sự chứ không phải là một lực lượng chính trị có tổ chức. Những người lãnh đạo các chính quyền quốc gia chống cộng - từ chính quyền Bảo Đại tới chính quyền Nguyễn Văn Thiệu qua chính quyền Ngô Đình Diệm và Hội Đồng Quân Nhân sau ông Diệm - không ý thức được rằng sứ mệnh của họ là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và độc lập sau một thời gian dài mất chủ quyền và trước đe dọa của một phong trào cộng sản đang gặp thời cơ thuận lợi. Họ không có một tư tưởng chính trị và một dự án chính trị nào cho Việt Nam. Họ cũng không có một chiến lược để đấu tranh với Đảng cộng sản. Đối với họ chính trị chỉ là tranh nhau cầm quyền, tranh nhau làm quan.

Đại bộ phận những cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa là những viên chức của thời Pháp thuộc. Vào ngày 30/4/1975 ông tổng thống Dương Văn Minh và ông bộ trưởng quốc phòng Trần Văn Đôn là hai cựu sĩ quan quân đội Pháp mặc dù người Pháp đã rút đi từ 20 năm rồi. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã sụp đổ vì nó đã không biết đổi mới để thích nghi với những đòi hỏi mới của đất nước. Các đảng đã từng chiến đấu và hy sinh

cho độc lập dân tộc như Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt đều đã bị đàn áp và loại ra ngoài chính quyền.

Nói chung, chế độ Việt Nam Cộng Hòa không chỉ không có bản lĩnh chính trị mà còn không có cả điều mà ta có thể gọi là sự chính đáng lịch sử, cho nên đã không tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân và sự thất bại là không tránh khỏi. Nếu không hiểu được điều này, và tôi cảm tưởng rằng một số người vẫn chưa hiểu, thì chúng ta không thể tranh đấu có hiệu quả để đánh bại được Đảng cộng sản và giành thắng lợi cho dân chủ.

Cũng cần phải nói là trong sự xô bồ của nó chế độ Việt Nam Cộng Hòa trong 27 năm tồn tại đã tạo ra được một không gian tự do tương đối, và nhờ đó dần dần đã tạo ra được một lớp người trẻ có tinh thần dân tộc và kiến thức chính trị, nhưng lớp trẻ này vào thời điểm 1975 chưa nắm được những vai trò lãnh đạo quyết định thì cuộc chơi đã chấm dứt. Thảm kịch là ở chỗ đó.

TQT : 42 năm đã trôi qua. Cộng sản đã chiếm được và đặt ách thống trị trên toàn thể đất nước Việt Nam. Theo ông Nguyễn Gia Kiểng trong 42 năm qua những gì đã thay đổi nhiều nhất, những gì gây ấn tượng nhất mà ông thấy trên đất nước ? Và tương lai sẽ đi về đâu ?

NGK : Rất nhiều điều đã thay đổi. Sự cáo chung của chế độ cộng sản là điều hoàn toàn chắc chắn và không còn xa nữa.

Đảng cộng sản không còn bất cứ một sự chính đáng nào cả. Cái hào quang giả tạo của cuộc đấu tranh giành độc lập đã hoàn toàn tan biến. Đại bộ phận nhân dân Việt Nam ngày hôm nay nhìn hai cuộc chiến được gọi là "chống Pháp" và "chống Mỹ" như một cuộc nội chiến tội lỗi do Đảng cộng sản cố tình gây ra.

Phải nhấn mạnh không có tội nào lớn hơn tội gây ra nội chiến làm đồng bào bắn giết lẫn nhau và làm tan vỡ tinh thần dân tộc. Hào quang giả tạo giải phóng dân tộc đã hoàn toàn tiêu tan. Trái lại Đảng cộng sản đang được nhân dân nhìn như là một đảng đã đưa đất nước vào vòng lệ thuộc Trung Quốc, một quan thầy có bản năng lấn chiếm. Đảng cộng sản đã nhường cho Trung Quốc hơn 700 km vuông đất ở biên giới phía Bắc, đã cho Trung Quốc thuê dài hạn nhiều khu rừng đầu nguồn, đã dâng cho Trung Quốc một số đảo tại Trường Sa, để Trung Quốc dựa vào đó mà vẽ ra cái đườn lưởi bò quái đản làm cả thế giới phẫn nộ, đã cho Trung Quốc lập những khu của riêng người Trung Quốc khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam và lập những công ty hủy hoại môi trường. Formosa là hậu quả kinh hoàng nhất nhưng cũng chỉ là một trong những thí dụ mà thôi. Họ còn đàn áp thô bạo và cho công an và côn đồ đánh đập dã man những người dân

chủ. Dưới mắt nhân dân Việt Nam, chế độ cộng sản là một lực lượng chiếm đóng tham lam thô bạo chứ không phải là một chính quyền Việt Nam.

Huyền thoại Hồ Chí Minh cũng đã hoàn toàn bị lộ bích hóa, đã trở thành một trò cười.

Còn chủ nghĩa Mac - Lênin ? Nó đã bị thế giới lên án như là một tội ác đối với nhân loại. Không còn một đảng viên cộng sản nào tin chủ nghĩa này cả, đại đa số còn không biết nó là gì. Ngay cả ông Nguyễn Phú Trọng và ông Đinh Thế Huynh cũng đã phải thấy nó sai và độc hại. Nền tảng ý thức hệ đã hoàn toàn sụp đổ.

Và cũng đừng quên rằng chế độ này đã bị tham nhũng và bất tài tàn phá đến độ kiệt quệ mất hết ý chí, tự trọng, đoàn kết nội bộ và cạn cả ngân quỹ. Nó đang khủng hoảng nặng cả về kinh tế lẫn đạo đức và chính trị vào giữa lúc mà một là sóng dân chủ mới, làn sóng dân chủ thứ tư trong lịch sử thế giới, đang dâng lên.

Mặt khác xã hội Việt Nam đã thay đổi. Lớp trí thức lão thành hụt hẫng về tư tưởng và lúng túng với quá khứ của mình đã qua đi.

42 năm đã trôi qua, ba phần tư người Việt chưa sinh ra hoặc còn quá nhỏ vào thời điểm 30/4/1975. Ngày 30/4/1975 đã hoàn toàn thuộc vào lịch sử. Xã hội Việt Nam đã hoàn toàn đổi mới.

Lớp trí thức mới, trưởng thành sau 1975, vừa dứt khoát với chủ nghĩa Mác - Lênin vừa nhìn rõ bản chất của chế độ cộng sản. Họ có kiến thức chính trị rộng hơn, vững hơn và chính xác hơn. Họ được thông tin nhanh chóng, đều đặn, đầy đủ. Họ biết thực trạng Việt Nam và những gì đang xảy ra trên thế giới. Và họ ngày càng phẫn nộ với chế độ hiện tại, càng ngày càng thêm ý chí muốn thay đổi số phận của đất nước. Có thể nói, chúng ta đang chứng kiến sự ra đời của một lớp trí thức chính trị, một lớp người mà Việt Nam chưa bao giờ có và đang mong đợi. Một cuộc đổi đời nhất định phải đến.

Ngay trong lúc này, nhiều người cho rằng phong trào dân chủ đang rệu rã và khựng lại. Tôi không chia sẻ cái nhìn bi quan đó. Phong trào dân chủ Việt Nam đang tạm thời khựng lại vì một lớp trí thức chính trị đang thành hình và ngày càng đông đảo. Lớp trí thức chính trị này đang ý thức rằng phải xét lại phương thức đấu tranh, phải từ bỏ lối đấu tranh nhân sĩ, lối đấu tranh cá nhân và phải đấu tranh có tổ chức, bởi vì đấu tranh chính trị không bao giờ là đấu tranh cá nhân cả mà luôn luôn phải là đấu tranh có tổ chức. Và tổ chức phải được xây dựng một cách có bài bản trên một tư tưởng chính trị, một dự án chính trị và một đội ngũ nòng cốt. Tôi tin chắc rằng phong trào dân chủ sẽ khởi sắc sau cuộc xét lại rất cần thiết này. Đất nước nhất định sẽ thay đổi vì trên thực tế nó đã thay da đổi thịt.

TQT : Đất nước đã thay da đổi thịt. Đó là niềm tin vững chắc của người Việt Nam chúng ta khi nhìn về tương lai. Xin chia sẻ với ông Nguyễn Gia Kiểng niềm tin đó và xin cảm ơn ông.

Mậu Thân 1968, giải mã một nghịch lý lịch sử (15/02/2018, Giao thừa Mậu Tuất)

50 năm sau cuộc tổng tấn công đẫm máu của quân đội công sản vào các thành phố và thị xã miền Nam Việt Nam một câu hỏi dần dần lấn át tất cả những câu hỏi khác: *tại sao một thảm bại quân sự cho Đảng Cộng Sản Việt Nam đã có thể biến thành một thắng lợi chính trị quyết định cho họ?* Câu hỏi này chứng tỏ rằng ngày nay người ta đã biết khá rõ nhiều sự thực về biến cố lịch sử này và càng biết nhiều hơn càng thấy nó khó hiểu.

Một thảm bại quân sự

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968 nhiều khi được mô tả là gồm ba đợt: đợt 1 vào dịp Tết Mậu Thân, đợt 2 vào tháng 5 và đợt 3 vào tháng 8. Tuy vậy người dân miền Nam vẫn gọi chung biến cố này là "cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân" bởi vì nó đã chủ yếu diễn ra trong dịp Tết. Đợt 2 yếu hơn hẳn và đợt 3 không đáng kể.

Ngày nay ít ai còn ngờ vực rằng nó đã là một thất bại quân sự thê thảm cho phe cộng sản. Các số liệu mà chính quyền cộng sản đưa ra chẳng có gì đáng tin khi có hại cho họ. Thí dụ như cuộc Cải Cách Ruộng Đất năm 1955 tại miền Bắc. Chính quyền cộng sản, khi nhìn nhận sai lầm, đã đưa ra những con số nạn nhân 10.000 hay 15.000 để rồi hơn một nửa thế kỷ sau cố giáo sư Đặng Phong sau một khảo cứu công phu đã tìm ra con số nạn nhân chính xác 172.008 người. Trong trận Mậu Thân 1968 Đảng Cộng Sản, một năm sau, đưa ra con số "43.000 chiến sĩ hy sinh", một con số vớ vẩn vì quân đội Việt Nam Cộng Hòa cho biết đã thu lượm được 75.000 xác chết cộng quân bị bỏ lại trên chiến trường, còn quân đội Mỹ cũng cho biết đã đếm được 58.000 xác.

Vào khoảng năm 1970 (hay 1971?) tôi có gặp ông Mai Văn Sở một cán bộ hậu cần của quân đội cộng sản trong trận chiến này. Ông là em song thai của ông Mai Văn Bộ đại sứ của chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Pháp vào lúc đó. Hình như ông mang quân hàm thượng tá lúc ra đầu thú và được chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đưa sang Paris trong mục đích giải độc tuyên truyền của phe cộng sản. Ông Mai Văn Sở đã gây tiếng vang lớn trong làng báo Pháp giữa lúc hội nghị Paris đang diễn ra và người anh song thai của ông đang vừa là đại sứ vừa là thành viên phái đoàn Hà Nội. Trong trao đổi riêng tư với anh em chúng tôi ông Sở nói một cách vắn tắt: "*quân đội cộng sản đã tan tành*". Ông cho biết hầu hết các tiểu đoàn hay trung đoàn chỉ còn lại vài người. Ông cũng nói thêm rằng số người thiệt mạng trên chiến trường chỉ là thiếu số, đa số đã chết vì thương tích sau đó. Cũng lớn không kém là số người ra đầu thú

mà chính quyền miền Nam gọi là "hồi chính" (trở về với chính nghĩa), nhiều đến nỗi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa phải lập một bộ mang tên Bộ Dân Vận và Chiêu Hồi.

Năm 1995 chính quyền cộng sản đã điều chỉnh lại con số thương vong của họ trong dịp Tết Mậu Thân: 111.306 người. Con số này coi có vẻ chính xác như là kết quả của một nghiên cứu nghiêm chỉnh nhưng nó cũng vẫn rất xa sự thực. Các tài liệu của đảng cộng sản cũng như của Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ cho thấy là Hà Nội đã gửi vào miền Nam cho chiến dịch này hơn 200.000 quân chính quy và gần 300.000 tấn vũ khí và đạn dược, chủ yếu bằng đường biển, qua cảng Sihanoukville của Campuchia. Phối hợp với quân có sẵn tại miền Nam, lực lượng cộng sản vào thời điểm Tết Mậu Thân là trên 500.000 người. Một tài liệu của cơ quan tình báo CIA Mỹ ước lượng tổng số quân cộng sản lúc đó là khoảng 600.000 người. Cuối năm 1968 lực lượng này sau những thương vong và hồi chính chỉ còn lại khoảng 200.000 với hàng ngũ rã rượi và tinh thần suy sụp.

Sau này, từ năm 1979 đến cuối năm 1982, sau khi đi tù về và trước khi đi Pháp, tôi đã có dịp trao đổi với nhiều người cộng sản có vai trò chỉ huy trong chiến dịch này, tất cả đều nói là thiệt hại rất nặng, một số còn nói thẳng rằng lực lượng cộng sản "*không còn gì*". Thiệt hại về phía Việt Nam Cộng Hòa trong trận đánh vào vào dịp Tết là gần 5000 người (con số chính xác là 4954) và gần 16.000 người bị thương. Phía quân đội Mỹ có 3895 người thiệt mạng và khoảng 19.000 người bị thương. Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa hình như chỉ coi trận Tết Mậu Thân là vào dịp Tết nên không có những con số cho đợt 2 và đợt 3, chỉ có thống kê thiệt hại cho cả năm 1968 theo đó quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã có 28.800 người thiệt mạng, quân đội Mỹ và đồng minh 16.000 người.

So sánh những thiệt hại của đôi bên và nhìn vào tình trạng kiệt quệ của quân cộng sản sau năm 1968 thì phải nói Trận Tết Mậu Thân đã là một thảm bại cho phe cộng sản. Mặc dù phía Việt Nam Cộng Hòa và đồng minh hoàn toàn bị bất ngờ nhưng lực lượng hai bên quá chênh lệch. 500.000 quân cộng sản phải đương đầu với gần 800.000 quân Việt Nam Cộng Hòa, 500.000 quân Mỹ và 50.000 quân Hàn Quốc. Hơn nữa các đội quân cộng sản đến từ miền Bắc lại không biết địa hình, nhiều khi đi lạc rồi bị tiêu diệt. Bộ chỉ huy cộng sản hy vọng rất nhiều ở hai vũ khí mới: khẩu pháo cầm tay B40 và nhất là khẩu trung liên cá nhân AK47. Quả nhiên hai vũ khí này đã gây bất ngờ rất lớn nhưng sau phút bỡ ngỡ ban đầu chúng đã bất lực trước các trực thăng và xe bọc thép. Hy vọng nhân dân sẽ nổi dậy ủng hộ lực lượng cộng sản lại càng nảo nề. Nhân dân miền Nam đã không hưởng ứng mà còn thù ghét, nhất là khi họ được biết những vụ tàn sát dã man người dân vô tội, đặc biệt là vụ thảm sát tại Huế trong đó khoảng 6.000 người, kể cả phụ nữ và trẻ em, đã bị giết, nhiều khi bằng cách chôn sống. Ngày nay khi nhìn lại biến cố Tết Mậu Thân không ai có thể chối cãi rằng đó đã là một thảm bại cho

phe cộng sản cả về quân sự lẫn nhân tâm. Khách quan mà nói đây là một hành động tự sát.

Lý do của một liều lĩnh tự sát

Tại sao ban lãnh đạo cộng sản lại lấy quyết định tự sát này?

Từ sau hội nghị Geneve chia cắt đất nước Đảng Cộng Sản vì nhiều lý do vẫn cho rằng họ đương nhiên phải thôn tính miền Nam. Họ hy vọng ở cuộc tổng tuyển cử được lập lời dự trù năm 1956 trong bản tuyên bố chung cùng với hiệp định Genève. Nhưng khi chính quyền Ngô Đình Diệm đưa ra sáu điều kiện để đảm bảo cuộc tuyển cử sẽ được thực hiện một cách lương thiện và được đa số các quốc gia trên thế giới ủng hộ thì họ thất vọng. Thất vọng trở thành tuyệt vọng khi, năm 1957, chính Liên Xô đề nghị hoãn vô hạn định cuộc tổng tuyển cử này và cho cả hai nhà nước Nam và Bắc Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc. Hy vọng ở cuộc tổng tuyển cử tiêu tan, chỉ còn lại giải pháp chiến tranh. Không phải cấp lãnh đạo cộng sản nào cũng nhiệt tình với giải pháp này nhưng không ai dám công khai chống lại bởi vì đồng thuận chính thức trong Đảng Cộng Sản lúc đó là phải thống nhất đất nước bằng mọi giá.

Hậu quả của chọn lựa chiến tranh là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ nắm được thế áp đảo vì là hai người hiểu biết nhất về miền Nam và từng chỉ huy lực lượng cộng sản tại đây trong cuộc chiến 1945 – 1954. Cặp bài trùng này kết nạp được Nguyễn Chí Thanh và dần dần gạt ra ngoài lẽ Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan và một phần nào đó cả Hồ Chí Minh. Chiến tranh càng khốc liệt thì thế lực của họ càng mạnh và sau cuộc thanh trừng nhóm bị gọi là "bọn xét lại chống đảng" thì quyền lực của họ trở thành tuyệt đối. Lê Duẩn trở thành bí thư thứ nhất và cùng với Lê Đức Thọ, trường ban tổ chức và xây dựng đảng, kiểm soát quyền lực trung ương trong khi Nguyễn Chí Thanh chỉ huy cuộc chiến trong Nam.

Tuy nhiên sau khi Mỹ ào ạt đổ quân vào miền Nam, oanh tạc miền Bắc và gây thiệt hại nặng nề cho quân cộng sản trong nhiều trận đánh lớn thì hy vọng chiến thắng tiêu tan và quyền lực của bộ ba Duẩn, Thọ, Thanh bị đe dọa. Xuống thang trong chiến tranh đồng nghĩa với sự đào thải của họ. Bộ ba này vì vậy phải tìm một giải pháp để tự cứu. Giải pháp đó chính là cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân. Mục đích của chiến dịch này là đổ toàn lực để đánh một trận liều lĩnh, chấp nhận những thiệt hại lớn hầu gây một chấn động thật lớn buộc Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa phải chấp nhận thương thuyết rồi từ đó chuyển sang chiến lược "vừa đánh vừa đàm" dựa vào dư luận thế giới đang khá thuận lợi lúc đó để hy vọng một lối thoát ít nhất không quá bế bång. Nói chung chiến dịch này trước hết nhằm cứu nguy quyền lực đang bị đe dọa của bộ ba Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Nguyễn Chí Thanh. Tháng 6-1967 Nguyễn Chí Thanh ra Bắc họp để bàn

kế hoạch nhưng đến nơi không bao lâu thì bất ngờ bị đột quy và chết. Cuộc họp vẫn tiếp tục, kế hoạch tổng tấn công trong dịp Tết Mậu Thân vẫn được duy trì với Khe Sanh, một huyện lỵ thuộc Quảng Trị nằm sát biên giới Lào, được chọn làm điểm tấn công đầu tiên với mục đích đánh lạc sự chú ý, làm cho phía Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa tưởng rằng Hà Nội chỉ tập trung đánh Khe Sanh và muốn biến Khe Sanh thành một trận Điện Biên Phủ mới. Về điểm này thì Hà Nội đã thành công, Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa quả nhiên đã tin là Hà Nội đã tập trung toàn lực vào Khe Sanh và vì thế càng tin tưởng phần còn lại của miền Nam, nhất là các tỉnh phía Nam có thể yên tâm đón Tết Mậu Thân, và lại hai bên lại đã có thỏa thuận hưu chiến trong dịp Tết.

Đối với Việt Nam Cộng Hòa bất ngờ đã hoàn toàn. Cũng bất ngờ không kém là số quân cộng sản được tung vào trận đánh, gần như toàn bộ lực lượng hơn 500.000 người với hai vũ khí lần đầu tiên xuất hiện B40 và AK47. Tuy vậy Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cũng phải biết trước rằng cuộc tổng tấn công này sẽ thất bại bởi vì muốn tấn công, dù là tấn công bất ngờ, phải có lực lượng mạnh hơn hẳn đối phương, trong khi lực lượng hai bên quá chênh lệch theo thế bất lợi cho họ. Điều cũng làm họ hoàn toàn thất vọng là nhân dân miền Nam đã không hề hưởng ứng lời kêu gọi nổi dậy của họ. Sau một tháng lực lượng cộng sản không chỉ bị đẩy lui mà còn bị đánh tan tành, với những tổn thất kinh khủng. Sau khi thu thập tàn quân họ đã cố gắng mở một đợt tấn công thứ hai vào tháng 5 nhưng chỉ chịu thêm những thiệt hại vì lần này yếu tố bất ngờ không còn nữa.

Tóm lại vụ tổng tấn công Tết Mậu Thân chỉ là một hành động tuyệt vọng của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ trong thế nguy ngập. Họ chấp nhận để quân cộng sản trả giá rất đắt với hy vọng là nhờ đó có thể giữ được quyền lực. Chính họ cũng không ngờ tình hình lại diễn biến một cách khác hẳn.

Giữa lúc chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đang tan nát

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đã là một khúc quanh lịch sử đưa đến sự sụp đổ của chế độ Việt Nam Cộng Hòa và thắng lợi của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Câu hỏi vẫn còn nhức nhối cho nhiều người là *"tại sao đối với Đảng Cộng Sản một thảm bại về quân sự lại có thể biến thành một thắng lợi quyết định về chính trị?"* Hay *"tại sao chế độ Việt Nam Cộng Hòa lại có thể để một thảm bại của đối phương biến thành một đòn chí mạng cho chính mình?"*

Phải nói rằng chế độ Việt Nam Cộng Hòa vào lúc đó đang ở trong một tình trạng cực kỳ tồi tệ. Sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm, tháng 11-1963, đã mở ra một giai đoạn hỗn loạn trong đó các tướng tá bất tài, vô học và vô trách nhiệm thi nhau tranh giành quyền lực trong lúc các sư sãi, mà thành phần chủ động là những cán bộ cộng sản trá hình, xuống đường hàng ngày gây rối loạn. Một nhân vật nói lên tình trạng của

chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lúc đó: Nguyễn Khánh. Ông này là một sĩ quan của quân đội Pháp để lại –như tất cả các tướng lãnh Việt Nam Cộng Hòa- đã đảo chính lật đổ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của nhóm Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính ba tháng sau khi họ lật đổ Ngô Đình Diệm. Ông Khánh hành động như một kịch sĩ, liên tục đưa ra những lời tuyên bố và sáng kiến nhằm nhí chỉ có tác dụng là làm cho tình hình rối loạn thêm. Sau này vào tuổi gần 80, tại Mỹ, ông còn nhận lời làm "quốc trưởng" cho trò hề chính phủ lưu vong của Nguyễn Hữu Chánh. Sự kiện một con người như vậy mà đã có thể thao túng chính trường miền Nam trong hơn một năm chứng tỏ chính quyền miền Nam lúc đó tan nát đến mức nào.

Từ tháng 6-1965 tình hình tương đối ổn định hơn với Hội Đồng Quân Lực cầm quyền trong đó tướng Nguyễn Văn Thiệu làm chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (quốc trưởng) và Nguyễn Cao Kỳ làm chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (thủ tướng) nhưng vì cả hai người này đều không có uy tín nên bộ máy chính quyền vẫn chao đảo, miền Trung gần như bất phục tùng trung ương trong gần nửa năm trời. Ngay sau đó lại xảy ra sự đấu đá ngay giữa Thiệu và Kỳ để tranh nhau ứng cử tổng thống cuối năm 1967. Kết quả là Nguyễn Cao Kỳ, màu mè và phô trương, dù nhiều quyền hơn và phe đảng đông hơn phải nhượng bộ nhận ứng cử phó tổng thống cho Nguyễn Văn Thiệu, mờ nhạt và thiếu cận nhưng ít tai tiếng và được lòng Mỹ hơn. Tuy vậy vào thời điểm Tết Mậu Thân quyền hành của Kỳ vẫn còn mạnh hơn Thiệu, hai người chia đôi Dinh Độc Lập với mỗi người một bờ tham mưu riêng.

Một hậu quả của sự tan nát của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là bộ máy an ninh tình báo bị tê liệt. Sự kiện chính quyền Việt Nam Cộng Hòa không hề biết tới cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân chỉ giản dị là không tưởng tượng nổi. Nó đã được chuẩn bị từ hơn nửa năm trước, Hà Nội đã gửi vào Nam hơn 200.000 quân chính quy và hơn 300.000 tấn vũ khí, hơn nữa còn dàn quân chung quanh, thậm chí xâm nhập, gần như tất cả các thành phố và thị xã trên khắp lãnh thổ. Vào lúc súng bắt đầu nổ Nguyễn Văn Thiệu đang về quê ăn Tết, còn Nguyễn Cao Kỳ đang đánh bài. Tất cả những điều này đều khó tưởng tượng, nhưng điều còn khó tưởng tượng hơn là những gì xảy ra sau đó. Nha Trang và sau đó Đà Nẵng bị tấn công đầu tiên. Sài Gòn chỉ bị tấn công một ngày sau nhưng vẫn không chuẩn bị gì cả. Huế còn chỉ bị tấn công sau Sài Gòn 4 giờ nhưng cũng không đề phòng và quân cộng sản đã chiếm được thành phố mà không gặp một chống cự nào.

Trong lịch sử cận đại không có trận chiến nào diễn ra một cách kỳ cục như vậy. Càng khó tưởng tượng khi chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lúc đó là một chính quyền quân đội đặt an ninh lên trên hết và có đầy đủ phương tiện truyền thông hiện đại. Nếu có một chút danh dự của một người làm tướng thì cả Thiệu lẫn Kỳ đều phải tự xử sau sự kiện ô nhục này, nhưng họ chỉ biết tự mãn chứ không có danh dự. Các cấp lãnh đạo và

tướng lãnh của Việt Nam Cộng Hòa cũng không khác họ bao nhiêu, không thấy ai tỏ ra xấu hổ. Không phải là phe cộng sản đã hành quân khéo và giữ bí mật giỏi, họ hành quân rất luộm thuộm, sai cả giờ phát động vì lẫn lộn lịch tàu và lịch ta. Vấn đề chỉ là chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lúc đó quá tồi dở. Bộ máy hành chính cũng như quân sự có nhiều người rất tốt, rất dũng cảm và rất giỏi nhưng lãnh đạo quá tồi nên cũng giống như một cơ thể cường tráng nhưng cái đầu không hoạt động.

Điều cũng tai hại không kém sự kiện để bị đánh bất ngờ là không khai thác được sự thảm bại về mặt quân sự cũng như dân vận và nhất là những tội ác của quân cộng sản như cuộc thảm sát tại Huế. Lúc đó mọi đèn chiếu và mọi con mắt của thế giới hướng về Sài Gòn chính quyền Việt Nam Cộng Hòa được một dịp ngàn năm một thuở để chinh phục cảm tình và hậu thuẫn của thế giới nhưng lại không có gì để nói, không những thế còn nói ngu, như Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố coi Hitler là thần tượng.

Lý do chính là Lyndon Johnson

Sự tồi dở của chính quyền Thiệu Kỳ quả là đã vượt mọi tường tượng, nhưng nếu chỉ có thế thì biến cố Tết Mậu Thân cũng sẽ chỉ là một tai họa cho cặp Lê Duẩn - Lê Đức Thọ và chính quyền Hà Nội. Người đã góp phần quyết định chuyển bại thành thắng cho ĐCSVN là Lyndon Johnson. Ông này là một tay hoạt đầu chính trị địa phương với kiến thức hạn hẹp, hoàn toàn không có một tư tưởng chính trị và một tầm vóc chính trị nào. Ông thăng tiến nhờ tính thực thà tận tụy và nhờ may mắn, sau cùng trở thành tổng thống vì một sự tình cờ: tổng thống Kennedy bị ám sát. Do bản chất của chế độ tổng thống trong đó các chính đảng không đủ mạnh để đảm nhiệm vai trò của một lò sản xuất ý kiến và đào tạo nhân tài, sau những tổng thống kiệt xuất đầu tiên, các tổng thống Mỹ thường không phải là những người có bản lãnh chính trị, nhưng Lyndon Johnson là một trong những tổng thống kém nhất.

Sau vụ Tết Mậu Thân thái độ của ông là thái độ của một người hoảng hốt bỏ chạy. Ngày 31/3, ngay khi cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của quân cộng sản còn đang gây sôi nổi trên khắp thế giới, ông tuyên bố chấp nhận thương tuyệt song phương với Hà Nội và chỉ cho Việt Nam Cộng Hòa tham dự với tư cách quan sát viên đúng như đòi hỏi của Hà Nội. Ông cũng tuyên bố sẽ không ra ứng cử tổng thống nữa. Quyết định này tương đương với một lời thú nhận đã sai lầm và thất bại bởi vì mới một năm trước tại Hội Nghị Quân Sự Tối Cao tại Guam với hai tướng Thiệu và Kỳ ông đã đồng ý tuyên bố cương quyết giúp Việt Nam Cộng Hòa đánh bại cuộc xâm lược của cộng sản và ông không ngừng nhắc lại cam kết này cho đến ngay trước Tết Mậu Thân. Chính Hà Nội cũng không thể ngờ tổng thống Mỹ có thể hốt hoảng như thế ngay cả nếu cuộc tổng tấn công không thất bại thảm như nó đã thực sự diễn ra. Thái độ hoảng hốt bỏ chạy của Johnson đã có ảnh hưởng tức khắc trên quần chúng Mỹ. Ngay sau đó các

cuộc thăm dò dư luận cho thấy 80% người Mỹ muốn rút khỏi Việt Nam. Các nghị sĩ và dân biểu Mỹ trong tuyệt đại đa số là những người chạy theo chứ không thách thức dư luận. Họ còn một lý do khác để không thách thức dư luận. Quan tâm hàng đầu của Mỹ khi can thiệp vào Việt Nam là bảo vệ lưu thông qua eo biển Malacca giữa Malaysia, Singapore và Indonesia nơi quá phân nửa hàng hóa của thương mại quốc tế được chuyển qua nhưng từ năm 1965 Indonesia đã tiêu diệt hết lực lượng cộng sản trong khi an ninh của Malaysia và Singapore cũng không còn bị đe dọa nữa. Như thế số phận của Việt Nam Cộng Hòa đã được quyết định.

Westmoreland đã làm Johnson hoảng hốt

Nhưng tại sao Johnson lại hốt hoảng đến như thế?

Lý do đầu tiên là cách ứng xử của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa. Johnson không phải là một chính trị gia có bản lãnh và hiểu biết rất ít về thế giới nói chung và Châu Á nói riêng, ông chỉ phán đoán như một người Mỹ bình thường qua những sự kiện khách quan, và sự kiện khách quan không thể tưởng tượng được là chính quyền Thiệu Kỳ lại có thể không biết gì về một cuộc tổng tấn công lớn như vậy. Trong thâm tâm ông phải nghĩ rằng chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là một bọn vô dụng không đáng giúp đỡ và có giúp cũng vô ích. Cũng đừng nên quên rằng từ sau khi lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm các tướng tá Việt Nam Cộng Hòa đã làm tất cả để dư luận thế giới khinh thường.

Tuy vậy Việt Nam Cộng Hòa không phải là lý do chính khiến. Lý do chính là Westmoreland, tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam. Westmoreland đã tỏ ra rất dờ trong biến cố Tết Mậu Thân. Trước hết ông mắc lừa trận đánh hỏa mù Khe Sanh. Ông thực sự tin là Hà Nội chỉ muốn đánh lớn ở Khe Sanh. Sau khi cuộc tổng tấn công nổ ra ông vẫn tuyên bố rằng đó chỉ là một cố gắng để lôi kéo sự chú ý của Mỹ và Đồng Minh khỏi Khe Sanh. Đây là một sai lầm rất nghiêm trọng nơi một vị tướng chỉ huy 500.000 quân. Nhưng sai lầm lớn hơn nhiều của Westmoreland là đã xin tổng thống Johnson viện trợ thêm 206.000 quân sau đó. Ông không thấy rằng quân cộng sản đã thảm bại. Đối với Johnson việc Westmoreland xin viện binh là bằng chứng rằng Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã thất bại. Và ông hốt hoảng bỏ chạy.

Thử tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu thay vì xin tiếp viện thêm 206.000 quân Westmoreland báo cáo với tổng thống Mỹ rằng quân cộng sản vừa làm hành động tự sát, lực lượng của họ đã tan tành và Mỹ có thể rút bớt 200.000 quân, lực lượng còn lại cũng thừa sức giúp Việt Nam Cộng Hòa đánh bại cộng sản. Đây không phải là chính trị giả tưởng mà là sự thực bởi vì ngay sau đó Nixon liên tục rút quân nhưng vào tháng 01/1973 khi hiệp định Paris được ký kết quân cộng sản chỉ giữ được một huyện Sa Huỳnh trên tổng số 245 quận huyện của miền Nam, dù lúc đó quân Mỹ đã rút gần hết.

Nhưng lúc đó quyết định bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa không đảo ngược được nữa, như cựu ngoại trưởng John Kerry sau này từng tuyên bố.

Cũng thử tưởng tượng nếu thay vì về quê ăn Tết như ông Thiệu hay đánh bài như ông Kỳ, các cấp lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa lập tức có mặt chỉ huy cuộc phản công và đến hiện trường thăm hỏi dân chúng và khích lệ quân lính. Hay ngay cả có lỡ để bị bắt ngờ -điều cần nhắc lại là không thể tha thứ được- nhưng sau đó có thái độ xứng đáng, có lập luận thuyết phục để khẳng định lòng tin và lên án những tội ác của quân cộng sản tại Huế và nhiều nơi khác. Nếu như thế thì Lyndon Johnson đã không quá hốt hoảng. Nhưng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ và những người cầm đầu chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã chỉ là chính họ. Đã chỉ có Nguyễn Ngọc Loan làm cử chỉ côn đồ tự tay bắn chết một du kích vừa bị bắt ngay trước ống kính của một ký giả nước ngoài. Hình này được trưng ra trước cả thế giới và làm xấu thêm hình ảnh vốn đã xấu của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Cũng cần nói thêm là Nguyễn Văn Thiệu chắc chắn không ý thức được sự nguy ngập của chế độ sau biến cố Mậu Thân vì sau đó ông còn giờ trò độc diễn trong cuộc bầu cử tổng thống 1971 làm danh nghĩa dân chủ của Việt Nam Cộng Hòa mất hết nội dung. Không những thế năm 1973, hai năm trước khi bỏ chạy, ông còn sửa đổi hiến pháp để có thể ứng cử thêm một nhiệm kỳ nữa.

Hậu quả đã có thể rất khác

Nếu những người cầm đầu chế độ Việt Nam Cộng Hòa vào thời điểm Mậu Thân không quá tồi, nếu Westmoreland không kém như vậy, nếu Lyndon Johnson không hoảng hốt? Chỉ cần một trong ba lý do đó vắng mặt thì hậu quả của cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đã khác hẳn và lịch sử Việt Nam cũng sẽ khác hẳn. Thực tế là, về phía Hà Nội, một chọn lựa liều lĩnh ngu xuẩn đã đưa đến một thảm bại quân sự làm hàng trăm ngàn người chết nhưng rồi lại biến thành một thắng lợi chính trị và sau cùng một thắng lợi toàn diện. Ngược lại, về phía Sài Gòn, một thắng lợi quân sự lớn đã biến thành một thảm bại chính trị và sau cùng một thất bại hoàn toàn. Kẻ thắng không xứng đáng để thắng nhưng kẻ thua lại rất xứng đáng để thua. Và Việt Nam đã là Việt Nam hiện nay. Số phận nước ta thật hăm hiu.

Bài học nào?

Người Việt Nam không chọn được Johnson và Westmoreland, nhưng còn hai chế độ cộng sản và Việt Nam Cộng Hòa? Những người miền Bắc đã để cho Đảng Cộng Sản thống trị và Đảng Cộng Sản đã để cho một nhóm người thiện cận và độc hại chung quanh Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thống trị, trong khi những người miền Nam đã để cho những người chẳng ra gì như Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ dẫn vào vực

thảm. Khi một dân tộc không có một lớp trí thức chính trị thì tất cả đều có thể xảy ra. Đó là bài học lớn nhất của biến cố Mậu Thân 1968 và của giai đoạn lịch sử gần đây.

Một lời sau cùng cho bên thắng cuộc.

Chiến thắng 30/4/1975, hậu quả của biến cố Mậu Thân 1968, đã làm cho nhóm Lê Duẩn – Lê Đức Thọ say sưa đến mất trí. Họ tưởng họ là thiên tài và anh hùng dân tộc. Họ nghĩ họ đã rất may mắn. Nhưng lịch sử có logic của nó. Họ đã chỉ được một cơ hội để chứng tỏ sự tồi dở và sẽ mãi mãi được các thế hệ mai sau nhớ đến như những tai họa. Sau cùng chính họ mới là những người không may nhất.

